

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÙI THỊ PHƯƠNG MAI

CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN
LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH
BIÊN GIỚI PHÍA BẮC GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÙI THỊ PHƯƠNG MAI

**CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN
LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH
BIÊN GIỚI PHÍA BẮC GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Mã số: 9310202

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC



PGS.TS. Hoàng Phúc Lâm

TS. Nguyễn Văn Tuấn



TS. Chăm Thị Lai

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, công trình, nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả, đánh giá, phân tích nêu trong luận án là trung thực, trích nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'P' followed by a flourish.

Bùi Thị Phương Mai

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	8
1.1. Các công trình khoa học ở nước ngoài liên quan đến đề tài luận án.....	8
1.2. Các công trình khoa học ở trong nước liên quan đến đề tài luận án	18
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu.....	28
Chương 2: CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	32
2.1. Các tỉnh biên giới phía Bắc và công tác kết nạp đảng viên người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc	32
2.2. Khái niệm, yếu tố ảnh hưởng và tiêu chí đánh giá chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc.....	61
Chương 3: CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	76
3.1. Thực trạng chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc hiện nay	76
3.2. Nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra	126
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC ĐẾN NĂM 2035 TẦM NHÌN 2045	137
4.1. Dự báo những yếu tố tác động và phương hướng nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc đến năm 2035 tầm nhìn 2045.....	137
4.2. Giải pháp nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc đến năm 2035 tầm nhìn 2045	144
KẾT LUẬN	167
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	169
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	170
PHỤ LỤC	190

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
CNH,HDH	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
CT-XH	Chính trị - xã hội
DTTS	Dân tộc thiểu số
ĐTNCS	Đoàn Thanh niên cộng sản
HTCT	Hệ thống chính trị
KT-XH	Kinh tế - xã hội
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
QP-AN	Quốc phòng - an ninh
TCCSĐ	Tổ chức cơ sở đảng
UBKT	Ủy ban kiểm tra
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Số lượng đảng viên của 8 tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025	77
Biểu đồ 3.2. Cơ cấu đội ngũ đảng viên các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025	78
Biểu đồ 3.3. Số liệu kết nạp đảng viên người dân tộc thiểu số tại các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025	84
Biểu đồ 3.4. Số lượng các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng ở các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025	88
Biểu đồ 3.5. Số lượng các đợt kiểm tra, giám sát đảng viên tại các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025	97
Biểu đồ 3.6. Số lượng đảng viên trẻ người DTTS (dưới 35 tuổi) được kết nạp tại các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025	105
Biểu đồ 3.7. Số lượng đảng viên người DTTS được đào tạo trung cấp LLCT tại các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025	110
Biểu đồ 3.8. Số lượng đảng viên người DTTS vi phạm kỷ luật tại các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025	116

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt coi trọng chất lượng đội ngũ đảng viên và khẳng định: “Đảng không phải chỉ cần con số cho nhiều, tuy nhiều là tốt, nhưng phải có cái chất của người đảng viên” [135, tr.292]. Tư tưởng đó không chỉ thể hiện quan điểm nhất quán về xây dựng Đảng mà còn là nguyên tắc có ý nghĩa chiến lược đối với sự tồn vong và phát triển của Đảng cầm quyền. Đảng viên là tế bào của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở; chất lượng đội ngũ đảng viên quyết định trực tiếp năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng cũng như hiệu quả tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên không đơn thuần nhằm bổ sung lực lượng cho Đảng về số lượng mà quan trọng hơn là bảo đảm chất lượng chính trị, phẩm chất, năng lực và cơ cấu hợp lý của đội ngũ đảng viên, tạo nền tảng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Nhận thức rõ yêu cầu đó, Hội nghị Trung ương 5 (khóa XIII) xác định: “Coi trọng chất lượng phát triển đảng viên, quan tâm phát triển đảng viên trong đoàn viên thanh niên và công đoàn, hội viên ưu tú, quần chúng tiêu biểu, nhất là ở địa bàn khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo, khu vực kinh tế ngoài nhà nước, vùng dân tộc thiểu số” [62, tr.160-161].

Sau 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử, tạo tiền đề để bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH,HDH), chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong bối cảnh đó, xây dựng đội ngũ đảng viên, đặc biệt là đảng viên là người dân tộc thiểu số (DTTS), trở thành yêu cầu vừa mang tính chiến lược lâu dài, vừa có ý nghĩa cấp thiết nhằm củng cố nền tảng chính trị ở cơ sở, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát huy sức mạnh nội sinh phục vụ phát triển

bền vững đất nước. Các tỉnh biên giới phía Bắc gồm 08 tỉnh: Tuyên Quang, Cao Bằng, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Lạng Sơn, Sơn La và Quảng Ninh giữ vị trí địa chính trị, địa kinh tế và quốc phòng - an ninh (QP-AN) đặc biệt quan trọng, là tuyến đầu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia và là không gian chiến lược trong phát triển kinh tế đối ngoại. Nhận thức sâu sắc vị trí đặc biệt của địa bàn biên giới, các cấp ủy, chính quyền đã ban hành nhiều chủ trương, giải pháp phát triển toàn diện, nâng cao dân trí, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, tăng cường khả năng nhận diện, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị (HTCT) nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

Các tỉnh biên giới phía Bắc, địa bàn cư trú của hơn 40 dân tộc, trong đó có 20 dân tộc với quy mô dân số trên 500 người, thuộc 7 nhóm ngôn ngữ khác nhau; đồng bào DTTS chiếm đa số (Sơn La 82% [196], Lạng Sơn 83,91% [198], Cao Bằng 94,88% [197]). Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của đồng bào DTTS trong sự nghiệp phát triển KT-XH ở vùng biên giới, cấp ủy các cấp luôn quan tâm, chú trọng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, góp phần trực tiếp thúc đẩy phát triển KT-XH, củng cố QP-AN, đồng thời tăng cường xây dựng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở. Quán triệt sâu sắc chủ trương, nghị quyết của Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về “Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị”, cấp ủy ở các đảng bộ các tỉnh biên giới phía Bắc đã chú trọng xây dựng đội ngũ đảng viên là người dân tộc thiểu số, từng bước nâng lên cả về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu. Nhiều đảng viên là người DTTS sau khi được kết nạp Đảng đã phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo, cầu nối giữa Đảng với Nhân dân, tích

cực tham gia phát triển KT-XH, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của thời kỳ phát triển mới, chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập. Trình độ dân trí chưa đồng đều, điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn, phong tục tập quán lạc hậu, những tác động từ yếu tố dân tộc, tôn giáo cùng với tình trạng thiếu hụt nguồn phát triển Đảng đã ảnh hưởng đến chất lượng tạo nguồn, bồi dưỡng và kết nạp đảng viên. Ở một số nơi vẫn còn biểu hiện coi trọng số lượng hơn chất lượng; việc cụ thể hóa chủ trương của Trung ương còn lúng túng, thiếu những giải pháp phù hợp với đặc điểm từng dân tộc, từng địa bàn. Một bộ phận đảng viên là người DTTS sau khi được kết nạp chưa phát huy đầy đủ vai trò tiên phong, gương mẫu, năng lực tuyên truyền, vận động và sức lan tỏa trong cộng đồng còn hạn chế. Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp cùng yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy đặt ra nhiều thách thức mới đối với công tác phát triển Đảng ở vùng đồng bào DTTS và miền núi như địa bàn quản lý rộng, dân cư phân tán, nguồn kết nạp tại chỗ ngày càng khan hiếm, cán bộ cơ sở kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, trong khi tác động của chuyển đổi số, mạng xã hội, thông tin xấu độc, các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá ngày càng tinh vi, phức tạp. Những vấn đề đó đòi hỏi phải nghiên cứu một cách toàn diện, có cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên phát triển mới.

Việc nghiên cứu hoàn thiện lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất phương hướng, giải pháp nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, đồng thời là nhiệm vụ chính trị mang tính cấp bách, thời sự, nhằm thực hiện vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên, hiện thực hoá việc nâng cao nhận thức và chất lượng cuộc sống giữa các

vùng miền trên toàn quốc. Vì vậy, nghiên cứu sinh đã lựa chọn vấn đề: “***Chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay***” làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025, luận án đề xuất phương hướng và các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc đến năm 2035, tầm nhìn 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; khái quát kết quả giá trị lý luận và thực tiễn của các công trình tổng quan đối với đề tài luận án và xác định những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu.

Hai là, luận giải rõ khái niệm, các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Ba là, nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, chỉ ra nguyên nhân ưu điểm và hạn chế, xác định những vấn đề đặt ra từ thực tiễn chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025.

Bốn là, dự báo những yếu tố tác động, phương hướng và đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc đến năm 2035 tầm nhìn 2045.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Đề tài nghiên cứu chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc

Về thời gian: Từ năm 2015 đến tháng 6/2025.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

**** Cơ sở lý luận***

Cơ sở của luận án là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng, chỉnh đốn đảng, đảng viên và công tác xây dựng đội ngũ đảng viên.

**** Cơ sở thực tiễn***

Hiện thực công tác kết nạp đảng viên và chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc; các công trình nghiên cứu tổng kết thực tiễn, báo cáo sơ kết, tổng kết và tài liệu thu thập được của tác giả về công tác xây dựng đảng và chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

**** Phương pháp luận***

Luận án dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm, các chủ trương, chính sách của Đảng về công tác xây dựng Đảng, xây dựng HTCT, công tác kết nạp đảng viên và chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS của các tỉnh biên giới phía Bắc.

**** Phương pháp cụ thể***

Luận án vận dụng kết hợp với các phương pháp nghiên cứu khoa học liên ngành, trong đó chú trọng đến việc kết hợp các phương pháp như: diễn dịch và quy nạp; lịch sử và logic; diễn dịch và quy nạp; tổng kết thực tiễn; thống kê và so sánh; điều tra xã hội học và phương pháp chuyên gia.

Phương pháp lịch sử và lôgic được luận án sử dụng chủ yếu ở chương 2, nghiên cứu về chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Ngoài ra, phương pháp này luận án còn sử dụng ở các chương.

Phương pháp tổng hợp, phân tích và so sánh sử dụng trong các chương để tổng hợp số liệu, tài liệu tham khảo các kết quả nghiên cứu các tác giả, các nhà khoa học đã được công bố, khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án; chỉ ra những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu.

Phương pháp tổng kết thực tiễn được sử dụng chủ yếu ở chương 3, nghiên cứu một số nhận định, đánh giá, báo cáo sơ kết, tổng kết, các bài viết có liên quan đến đội ngũ đảng viên người DTTS và chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Phương pháp điều tra, khảo sát được sử dụng chủ yếu trong chương 3, chương 4 để đánh giá kết quả đạt, hạn chế, nguyên nhân chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc đến năm 2035 tầm nhìn 2045.

Khảo sát bằng phiếu hỏi: gồm 15 câu cho cả 3 đối tượng là cấp uỷ, đảng viên là người DTTS và quần chúng Nhân dân đối với 50 người. Cách thức triển khai: khảo sát, điều tra xã hội học, dữ liệu thu thập được tác giả sử dụng phần mềm Google Forms và Microsoft Excel để xử lý kết quả, kết hợp các phương pháp phân tích mô tả và đánh giá độ tin cậy để luận chứng và đưa ra nhận định.

5. Những đóng góp mới của luận án

Luận án có một số đóng góp mới như sau:

Một là, làm rõ một số khái niệm: kết nạp đảng viên là người DTTS; công tác kết nạp đảng viên là người DTTS; chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Hai là, luận án làm rõ tiêu chí đánh giá chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc gồm:

Tiêu chí 1: Mức độ nhận thức, tinh thần trách nhiệm và sự tham gia của cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên và quần chúng Nhân dân đối với công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số

Tiêu chí 2: Thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, đúng quy trình và hiệu quả các nội dung công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số

Tiêu chí 3: Kết quả công tác kết nạp đảng viên gắn với năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, sự phát triển KT-XH ở địa phương.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm rõ những vấn đề lý luận về chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án cung cấp thêm luận cứ khoa học để cấp uỷ các cấp ở các tỉnh biên giới phía Bắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức đảng nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên, nhất là chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu có thể phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập trong hệ thống các trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các trung tâm chính trị cấp xã.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể là tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu trong lĩnh vực Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần, mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phục lục, luận án bao gồm 4 chương (9 tiết).

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC Ở NƯỚC NGOÀI LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến công tác xây dựng Đảng

Trương Vệ Bình (2001), *Toàn thư công tác Đảng vụ của Đảng Cộng sản Trung Quốc* [75] (đã dịch sang tiếng Việt) gồm ba quyển, trong đó, Quyển 2: Công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, xây dựng cơ sở. Tài liệu tổng hợp về cơ cấu, nguyên tắc tổ chức của Đảng; các vấn đề về công tác cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Cuốn sách là cẩm nang về công tác đảng như hệ thống tổ chức đảng, sinh hoạt đảng, công tác tổ chức (bao gồm phát triển đảng viên), công tác tư tưởng, công tác kỷ luật, công tác đoàn thể,... Toàn thư đã hệ thống hoá các tiêu chuẩn đảng viên theo tinh thần: năng lực chính trị, phẩm chất tư tưởng, đạo đức, năng lực công tác trong đó tiêu chuẩn chính trị được đặt lên trên hết khi xét kết nạp vào Đảng. Cuốn sách cung cấp một khung thủ tục, kiểm soát và đào tạo có giá trị về mặt hành chính; nhiều công cụ (mẫu biểu, bước thủ tục, nhấn mạnh bồi dưỡng, người giới thiệu, thời gian dự bị).

Thẩm Vinh Hoa, Ngô Quốc Diệu (2008), (Nguyễn Như Diễm dịch), *Tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài, kể lớn trăm năm chấn hưng đất nước* [94], nhóm tác giả đã phân tích rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng đội ngũ đảng viên ở Trung Quốc trong thời kỳ mới, trong đó tri thức được đề cao, đi đôi với đòi hỏi “tài, đức song toàn”. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của cách mạng Trung Quốc, nhóm tác giả khẳng định để xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) thì Đảng phải tìm cho ra, đào tạo được đội ngũ cán bộ, đảng viên có đức, có tài, hết lòng với sự nghiệp cách mạng. Nhóm tác giả đã khẳng định Đặng Tiểu Bình đã có những đóng góp quan trọng để phát triển

nhân tài, trẻ hoá đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ đức, tài là “then chốt” của sự nghiệp xây dựng CNXH mang màu sắc Trung Quốc. Vận dụng tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo phương châm “bốn hoá”. Mặc dù cuốn sách không yêu cầu cụ thể đối với việc xây dựng đội ngũ đảng viên là người DTTS, nhưng đây cũng là yêu cầu, gợi mở đối với các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam nơi mà tỷ lệ đồng bào DTTS chiếm đa số cần chú trọng về chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS trong kỷ nguyên mới.

Xôm Nức - Xôm Vi Chít (2008), *Đổi mới phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước ở Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào hiện nay* [193], tác giả trình bày sự cần thiết phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào như: tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước; khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong hoạt động lãnh đạo của Đảng; phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của Nhân dân. Luận án đã đề cập tới việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đối với quốc gia đa dân tộc như Việt Nam, việc chú trọng nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS cũng là hướng đi nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Lưu Chấn Hoa (2010), *Bàn về công tác xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng* [95]. Theo tác giả, xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng là một chủ đề mang tính trường tồn, là công trình có tính hệ thống và là một thử thách lớn, tác giả nhấn mạnh vai trò hạt nhân của tổ chức đảng và đảng viên. Tác giả nêu yêu cầu phải thay đổi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền một cách khoa học, dân chủ và theo hiến pháp, pháp luật, nâng cao nhận thức về quy luật cầm quyền của Đảng.

Liên Tường Đồng (2010), *Cải cách xã hội Trung Quốc và những sáng tạo, đổi mới trong xây dựng đảng cơ sở* [88]. Cuốn sách được kết cấu gồm tám chương đã cung cấp những luận cứ lý luận và kinh nghiệm thực tiễn có giá trị

tham khảo, góp phần định hướng trong công tác xây dựng đảng ở Việt Nam. Thực hiện và vận dụng phù hợp sẽ giúp công tác xây dựng đảng trong đó xây dựng đội ngũ đảng viên chuyển mạnh từ “đủ về số lượng” sang “vững về chất lượng”, đáp ứng yêu cầu xây dựng đảng vững mạnh ở vùng chiến lược, nhạy cảm về CT-XH và QP-AN.

Lý Lương Đồng (2020), *Nghiên cứu vấn đề cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc* [89]. Đây là công trình nghiên cứu khoa học ưu tú, có giá trị học thuật, xã hội cao. Cuốn sách nhằm mục đích tham khảo, nghiên cứu, tiếp thu, học hỏi những yếu tố hợp lý trong xây dựng, quản lý đất nước. Nội dung cuốn sách được kết cấu thành 9 chương, nội dung cuốn sách có tác động định hướng quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS, thông qua việc thúc đẩy đổi mới tư duy lãnh đạo, bảo đảm dân chủ, kỷ cương, pháp luật và kiểm soát quyền lực. Việc vận dụng phù hợp sẽ góp phần xây dựng đội ngũ đảng viên DTTS vững vàng về bản lĩnh chính trị, trong sáng về động cơ, gắn bó với Nhân dân, đủ năng lực thực hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu xây dựng đảng trong tình hình mới.

Trần Ánh Tuyết (2023), “Công tác xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc và một số gợi mở đối với Việt Nam” [185]. Bài viết đã khẳng định việc Tổng Bí thư Tập Cận Bình không ngừng nâng cao, đề cập đến nhận thức, quy luật về xây dựng và phát triển đảng cầm quyền trong tình hình mới và chủ động đề ra tư tưởng, quan điểm, đường lối cũng như chủ trương và biện pháp mới để đẩy mạnh toàn diện công tác xây dựng đảng từ sau Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Những nội dung phân tích về công tác xây dựng đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc có ý nghĩa gợi mở trực tiếp đối với việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Việc nhấn mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng đặt ra yêu cầu phải siết chặt tiêu chuẩn, quy

trình kết nạp đảng viên, bảo đảm coi trọng chất lượng chính trị, đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, khắc phục tư tưởng chạy theo số lượng hoặc cơ cấu.

Nguyễn Sĩ Dũng (2024), “Kinh nghiệm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc - Bài học cho Việt Nam” [84]. Tác giả đã chỉ rõ thành công của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong việc cầm quyền và đưa đất nước phát triển vượt bậc là di sản lý luận vô cùng quan trọng. Trên cơ sở nâng cao năng lực cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục dẫn dắt sự tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị, đồng thời duy trì vai trò lãnh đạo. Đảng cũng cần xem xét kỹ lưỡng bối cảnh của Việt Nam, điều chỉnh những bài học và vượt qua những thách thức, bảo đảm phù hợp với điều kiện của đất nước và tính chất của thời đại.

Trần Tuấn (2025), “Đất nước Lào phát triển vững mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào” [184]. Bài viết đã khẳng định trải qua 70 năm xây dựng và phát triển dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tài tình, sáng suốt và linh hoạt của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đã đưa đất nước Lào liên tục phát triển lớn mạnh, kinh tế tăng trưởng bền vững. Đại hội Đảng Nhân dân cách mạng Lào lần thứ V, VI, VII, VIII, IX, X và XI, Đảng tiếp tục lãnh đạo tổ chức triển khai đường lối đổi mới, thông qua việc giám sát, tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm từ thực tiễn trong từng thời kỳ, có được kết quả đó cho thấy sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào trong tiến trình phát triển của đất nước. Công trình đã gợi mở để làm rõ hơn vai trò, chất lượng của đội ngũ đảng viên người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam nhằm thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới mà Đảng ta đã lựa chọn.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến đảng viên và chất lượng công tác phát triển đảng viên

Luận án *Công tác phát triển đảng viên ở nông thôn đồng bằng các tỉnh miền Trung nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay* [118] của tác giả Lít Thi Đệt Xây Nhà Chắc (2009) đã đưa ra lý luận về công

tác phát triển đảng viên ở nông thôn đồng bằng các tỉnh miền Trung nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào, trên cơ sở phân tích đặc điểm các tỉnh Trung Lào, đặc điểm của người dân, các TCCSD ở nông thôn tác động đến công tác phát triển đảng viên, tác giả đã đưa ra quan niệm về công tác phát triển đảng viên ở nông thôn đồng bằng các tỉnh miền Trung Lào. Luận án phân tích vai trò, ý nghĩa và tiêu chí đánh giá công tác phát triển đảng viên ở nông thôn các tỉnh Trung nước Lào. Đây là công trình có tính tương đồng với Việt Nam trong quá trình nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên, trong đó khoảng trống mà công trình chưa đề cập đó là việc kết nạp đảng viên là người DTTS.

Về chức năng, vai trò, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng (2015) [96], Học viện Chính trị và Hành chính quốc gia Lào. Đã làm rõ hai nội dung chính; về chức năng, vai trò; nhiệm vụ của tổ chức đảng. Trong đó đã làm rõ nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng (TCCSD): Tuyệt đối chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề ra phương hướng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở các tổ chức đảng các cấp có hiệu quả, chất lượng; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng; không ngừng nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức.

Trong công trình tham khảo của Hội đồng lý luận Trung ương (2015), *Vai trò của Đảng trong cập nhật hóa mô hình kinh tế - xã hội tại Cu Ba và đổi mới tại Việt Nam* [101, tr.72-95], Đảng Cộng sản Cu Ba là Đảng duy nhất cầm quyền ở Cu Ba, số lượng đảng viên có khoảng gần 700.000 người. Đảng Cộng sản Cu Ba chú trọng công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng, thực hiện thắng lợi các chủ trương được thông qua các đại hội Đảng. Vai trò lãnh đạo quyết định của Đảng trong bối cảnh cập nhật hóa mô hình KT-XH mới tại Cu Ba. Ý thức được sự cần thiết phải thay đổi tư duy, bắt đầu từ hàng ngũ lãnh đạo đến đảng viên, là nhiệm vụ thường xuyên; khuyến khích trọng nội bộ Đảng. Công

trình nghiên cứu đã có sự tương đồng trong quá trình nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, tuy nhiên nâng cao chất lượng trong công tác kết nạp đảng viên là khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu.

Tổng tập văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIX, Đảng Cộng sản Trung Quốc (2018), [169, tr.93-94] đã chỉ rõ yêu cầu về xây dựng Đảng trong thời đại mới là kiên trì, tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Tăng cường xây dựng năng lực cầm quyền lâu dài, xây dựng tính tiên tiến, tính trong sạch của Đảng làm trục chính, coi xây dựng chính trị của Đảng là vấn đề hàng đầu, kiên định niềm tin, lý tưởng, tôn chỉ làm nền tảng, huy động tính tích cực, tính chủ động, tính sáng tạo của Đảng làm xuất phát điểm, thúc đẩy toàn diện việc xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tác phong, kỷ luật. Không ngừng nâng cao chất lượng xây dựng đảng, đảng cầm quyền theo chủ nghĩa Mác luôn luôn dẫn đầu thời đại, Nhân dân ủng hộ chân thành, mạnh dạn tự đổi mới, vượt qua mọi thử thách sóng gió, bùng lên sức sống. TCCSD là nền tảng đảm bảo chắc chắn trong việc quán triệt và thực hiện các đường lối, phương châm, chính sách và triển khai bố trí quyết sách của Đảng. Chi bộ đảng phải làm tốt việc giáo dục, quản lý, giám sát đảng viên. Kiên trì thường xuyên chỉnh đốn tác phong và thực hiện nghiêm túc kỷ luật của Đảng. Đảng từ Nhân dân mà ra, do vậy một khi rời quần chúng sẽ mất đi sức sống.

Nguyễn Xuân Thắng (2021), với bài viết “100 năm Đảng Cộng sản Trung Quốc - Trao đổi kinh nghiệm xây dựng đảng và lãnh đạo phát triển đất nước giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc” [97] đã nhấn mạnh một trăm năm trước, khi mới thành lập, Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ có hơn 50 đảng viên, ngày nay đã phát triển trở thành một chính đảng cầm quyền lớn nhất thế giới với hơn 95 triệu đảng viên, lãnh đạo một quốc gia có dân số hơn 1,4 tỷ người với nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, có tầm ảnh hưởng sâu rộng toàn cầu, điều đó đã nhấn mạnh vai trò tầm quan trọng trong công tác phát triển đảng viên. Tác giả cũng nhấn mạnh về sự phát triển nhận

thức luận sâu sắc, luôn vững vàng, kiên định trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để Đảng Cộng sản Việt Nam vượt qua những chặng đường đấu tranh gian khổ, luôn thể hiện bản lĩnh, trí tuệ và sức sáng tạo to lớn, những kỳ tích vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Tác giả khẳng định tính tất yếu, quy luật của công tác xây dựng đảng, coi phát triển đảng viên là “mạch máu” để Đảng không ngừng trẻ hóa, kế tục sự nghiệp. Đây là định hướng quan trọng để các tỉnh biên giới nhận thức rõ: kết nạp đảng viên không chỉ là bổ sung lực lượng mà còn là nâng cao chất lượng, kiên định bản chất GCCN của Đảng. Từ kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc, tác giả nhấn mạnh yêu cầu phải chú trọng chất lượng, không chạy theo số lượng, coi trọng cả phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực thực tiễn của đảng viên. Đây là nguyên tắc cần vận dụng trực tiếp trong các tỉnh biên giới, nơi còn có tư tưởng “coi trọng chỉ tiêu số lượng” trong phát triển đảng viên. Bài viết gợi mở kinh nghiệm quốc tế trong chăm lo xây dựng TCCSD, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới. Các tỉnh biên giới phía Bắc phải phát triển tổ chức đảng trong đồng bào DTTS, tại các thôn bản, vùng giáp biên; từ đó tạo nền tảng để phát hiện, bồi dưỡng nguồn kết nạp đảng viên. Đề cao nguyên tắc “gắn xây dựng, phát triển đảng viên với nhiệm vụ phát triển KT-XH, giữ vững QP-AN, bảo vệ biên cương”. Điều này có ý nghĩa trực tiếp với các tỉnh biên giới phía Bắc, nơi đảng viên mới không chỉ tham gia công tác chính trị mà còn phải góp phần giữ vững ổn định CT-XH và xây dựng vùng biên giàu mạnh.

Khămchăn Vôngsenbun (2021), “Rèn luyện đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên là sự cần thiết khách quan” [113]. Tác giả đã trình bày về sự cần thiết khách quan phải rèn luyện đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và tầm quan trọng của đạo đức cách mạng, từ đó đưa ra một số nội dung về rèn luyện đạo đức cách mạng. Tác giả đã nhấn mạnh đạo đức cách mạng là gốc của người cán bộ, đảng viên. Nếu không thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, cán bộ, đảng viên sẽ suy thoái, tha hóa, dẫn đến mất niềm tin của

Nhân dân, có tác động định hướng rõ ràng cho công tác kết nạp đảng viên ở vùng biên giới phía Bắc. Không chỉ chú trọng lý lịch, năng lực, trình độ mà phải đặc biệt coi trọng phẩm chất đạo đức, sự gương mẫu và uy tín trong cộng đồng dân cư. Yếu tố quyết định đến uy tín, sức lan tỏa của đảng viên mới trong đồng bào DTTS. Để bảo đảm sự phát triển bền vững của Đảng, việc kết nạp đảng viên mới không chỉ nhằm tăng số lượng, phải chú trọng chọn những người có phẩm chất đạo đức, gắn bó, được Nhân dân tin yêu, từ đó tạo nền tảng xây dựng chi bộ và TCCSĐ vững mạnh nơi biên cương Tổ quốc.

Vănsay Saynhavông (2022), “Quan tâm xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào” [187]. Tác giả đã trình bày những truyền thống tốt đẹp về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng của đội ngũ đảng viên từ thời kỳ đấu tranh cứu nước; sang thời kỳ bảo vệ và phát triển đất nước, phần lớn đảng viên còn giữ vững phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có tinh thần yêu nước sâu sắc, sẵn sàng hy sinh vì đất nước và phục vụ Nhân dân. Trong giai đoạn đất nước đang trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế càng cần thiết nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Việc nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên thông qua nhiều hình thức, trong đó họp chi bộ cũng là một hình thức bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho đội ngũ đảng viên. Tính tích cực của cán bộ, đảng viên đang đặt đề ra nhiều vấn đề: *Một là*, một bộ phận cán bộ, đảng viên còn chạy theo lợi ích kinh tế, sử dụng chức quyền để tham nhũng, tham ô, vi phạm pháp luật; *Hai là*, một số cấp ủy chưa thật sự làm tốt công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên mình quản lý; *Ba là*, quan điểm giai cấp, tinh thần cách mạng và lý tưởng của một số cán bộ, đảng viên chưa vững vàng, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng bị suy thoái, thiếu ý thức tổ chức; *Bốn là*, việc vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng của một số cán bộ, đảng viên còn hạn chế, tư tưởng bảo thủ còn nặng nề; *Năm là*, sự gương mẫu, đi đầu của cán bộ, đảng viên trước quần chúng chưa cao, tinh thần hy sinh vì lợi ích chung của đất nước bị giảm sút, tinh thần trung

thành với Đảng, Nhà nước có biểu hiện suy thoái, gây ảnh hưởng không tốt đối với vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Thavisít Vănnahường (2022), “Nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên là sự cần thiết khách quan” [158]. Tác giả đã nêu quan điểm của Chủ tịch Cayxôn Phômvihản về cán bộ, đảng viên: Cán bộ, đảng viên là vốn quý báu của Đảng; vừa là người lãnh đạo Nhân dân, vừa là người phục vụ Nhân dân, là cầu nối giữa Đảng và Nhân dân; sau khi Đảng có chủ trương, đường lối đúng đắn, mọi việc thành công hay thất bại đều do cán bộ quyết định. Tác giả đề xuất phát từ yêu cầu xây dựng Cộng hoà dân chủ Nhân dân Lào trở thành nước giàu mạnh, Nhân dân giàu có, hạnh phúc, xã hội đoàn kết, dân chủ, công bằng, văn minh, cán bộ, đảng viên phải thực hiện các vấn đề: *Một là*, phải rèn luyện mình về bản lĩnh chính trị cho vững vàng, có lập trường GCCN sâu sắc; *hai là*, có tinh thần yêu nước, yêu chế độ mới, nhất trí với chủ trương, đường lối của Đảng, kiên trì lý tưởng đi lên CNXH của đất nước; *ba là*, có tinh thần đoàn kết vững chắc, trước hết đoàn kết trong các tổ chức đảng, đoàn kết toàn dân các bộ tộc và đoàn kết quốc tế, đặc biệt là các nước bạn bè chiến lược; *bốn là*, có tinh thần phấn đấu học tập, nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ lý luận; *năm là*, rèn luyện tấm lòng trong sạch, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng trong điều kiện mới.

Thoong-Xạ-Lít Măng-No-Mặc (2025), “Xây dựng Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong sạch, vững mạnh” [161]. Tác giả đã nhấn mạnh về thành tựu trong công tác xây dựng đảng trên các phương diện: chính trị, tư tưởng, tổ chức, về phương thức lãnh đạo và lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, tăng cường xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu với vai trò, vị thế của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, là Đảng cầm quyền, là nòng cốt trong HTCT của chế độ dân chủ nhân dân. Định hướng việc tăng cường công tác xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh, tác giả đã đề cập đến cần thực hiện một số

giải pháp như: nâng cao trách nhiệm của cấp ủy trong công tác xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh; củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức đảng, nâng cao chất lượng quản lý đảng viên và tiến hành sinh hoạt đảng của cơ sở; chủ động phòng, chống các hiện tượng tiêu cực trong tổ chức và đảng viên; tiếp tục truyền thống đoàn kết, thống nhất trong nội bộ đảng; kiểm tra, giám sát và thường xuyên tổng kết thực tiễn về hoạt động xây dựng đảng. Bài viết đã nhấn mạnh, trong điều kiện và môi trường mới, Đảng Nhân dân cách mạng Lào cần phải xây dựng đội ngũ cấp ủy các cấp, đội ngũ đảng viên đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị và tăng cường phát triển KT-XH của Nhà nước đề ra trong thời gian tới.

Bên cạnh các nghiên cứu đề cập xu thế phát triển các đảng phái chính trị, đặc biệt trong bầu cử, trong đó có đề cập đến số lượng đảng viên trong Quốc hội (Nghị viện), số lượng đảng viên đóng vai trò quan trọng đến thành bại của đảng phái chính trị,... Vì vậy, khi tìm hiểu về tài liệu, các công trình nghiên cứu ở nước ngoài, vấn đề nghiên cứu thường gắn với đảng phái chính trị. Một số nghiên cứu điển hình như: *“Hệ thống lý luận cầm quyền của Đảng cộng sản Trung Quốc”*, Nxb Thượng Hải, 2006; *“Quốc gia siêu quản lý - Singapore, của Điện Thôn Khánh Tử (Nhật Bản), 1993; “Con đường trị quốc của Singapore của Trịnh Duy Xuyên, Nxb Khoa học Xã hội Trung quốc, 1996; “Chính trị học” của Michiel. Parkin (Mỹ), Nxb Hoa Hạ, 2020; “Sơ lược về các chính đảng nước ngoài” của Duy Thúy, Nxb Nhân dân Giang Tô, 2001; “Chính đảng các nước phương Tây cầm quyền như thế nào” của Lâm Huân Kiện, Nxb Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung quốc, 2001; Wolfgang Merkel, Alexander Petring, Christian HanKs and Christoph Egle: Social Democracy in Power: The Capacity to Reform, New York, Routledge; Klaus von Beyme: Parteien im Wandel (các Chính đảng đang biến đổi), Darmstadt, 2000; K.Schortenheimer & W.Bleek: Các cơ sở của HTCT Đức, Munich, 1999; Socialdemokraterna: Var ideologi (Đảng Dân chủ xã hội Thụy*

Diễn: Hệ tư tưởng của chúng tôi), 2007,... Các công trình nghiên cứu đã đặt ra nhiều vấn đề tham chiếu cho việc nghiên cứu về xây dựng đảng ở Việt Nam.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC Ở TRONG NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến công tác xây dựng Đảng

Nguyễn Ngọc Thịnh (2007), Đề tài khoa học cấp bộ *Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên* [159] đã chỉ ra muốn nâng cao chất lượng đảng viên thì trước hết phải củng cố TCCSĐ; ngược lại, muốn TCCSĐ vững mạnh thì cần có đội ngũ đảng viên đủ tiêu chuẩn, có chất lượng. Hai yếu tố này tác động qua lại, tạo thành nền tảng then chốt để công tác phát triển đảng bền vững. Đề tài đã làm rõ những nội dung về mặt cơ sở lý luận về đảng viên như khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, vị trí, vai trò. Từ quá trình nghiên cứu, đề tài đã nêu những ưu điểm, hạn chế liên quan đến đảng viên, trong đó chủ yếu do nhận thức chất lượng đội ngũ đảng viên. Đề tài khẳng định vai trò hạt nhân của TCCSĐ, TCCSĐ mạnh thì công tác phát triển đảng mới bài bản, chọn lọc kỹ, không chạy theo số lượng. Đề tài cũng đặt ra tiêu chí chất lượng đảng viên về phẩm chất chính trị, năng lực thực tiễn, uy tín trong cộng đồng. Đây là điểm rất quan trọng với kết nạp đảng viên là người DTTS, vì ở biên giới nơi nhiều đồng bào DTTS sinh sống, uy tín xã hội và khả năng vận động quần chúng là tiêu chuẩn sống còn. Đề tài đã đưa ra những giải pháp về chất lượng đội ngũ đảng viên, những nội dung nêu trên có giá trị tham khảo để đề ra một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Tài liệu nghiên cứu khoa học của tác giả Nguyễn Việt Phương (2011), *Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng cấp xã ở các tỉnh miền núi Tây Bắc nước ta - Thực trạng và giải pháp* [147] đã chỉ rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở các đảng bộ cấp xã ở các tỉnh miền núi Tây Bắc nước ta, từ đó thấy rõ năng lực lãnh đạo

của đội ngũ đảng viên ở cơ sở. TCCSĐ cấp xã ở các tỉnh miền núi Tây Bắc - nơi tập trung đông đồng bào DTTS, có nhiều xã giáp biên giới với Lào, Trung Quốc, đánh giá năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ ở cấp xã; phân tích thực trạng, nguyên nhân hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, coi cấp xã là “tế bào chính trị quan trọng nhất ở nông thôn miền núi”, nơi trực tiếp thực hiện công tác phát triển đảng, nhất kết nạp đảng viên người DTTS. Đề tài góp phần củng cố nhận thức rằng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ cấp xã là yếu tố quyết định chất lượng phát triển đảng viên, cùng với đó đặt nền tảng cho việc kết nạp đảng viên người DTTS phải gắn với xây dựng TCCSĐ mạnh, gắn bó với cộng đồng dân tộc và giúp nâng cao chất lượng, cơ cấu, tính bền vững của đội ngũ đảng viên người DTTS ở vùng biên giới, tạo nguồn cán bộ tại chỗ, giữ vững an ninh chính trị. Việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên ở các chi bộ trực thuộc là nội dung có giá trị tham khảo đối với Luận án.

Hội đồng lý luận Trung ương (2014), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền* [137] đã nhấn mạnh đến đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ. Những luận điểm, gợi mở trong cuốn sách có giá trị trực tiếp đối với việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, đây là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược về chính trị, QP-AN và phát triển bền vững vùng biên. Cuốn sách đã cung cấp hệ thống lý luận và gợi mở thực tiễn quan trọng cho việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Vận dụng những nội dung sẽ giúp cấp ủy bảo đảm công tác kết nạp đảng viên đúng nguyên tắc, phù hợp đặc thù địa bàn, góp phần xây dựng tổ chức đảng ở vùng biên ngày càng vững mạnh, xứng đáng là hạt nhân chính trị của HTCT ở cơ sở, là chỗ dựa tin cậy của đồng bào các dân tộc và là lực lượng tiên phong trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở khu vực biên giới phía Bắc.

Cao Anh Đô (2016), *Lý luận và thực tiễn về chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số nhằm phát triển bền vững vùng Tây Bắc* [87]. Công trình đã làm rõ vấn đề lý luận và thực tiễn về chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người DTTS ở các tỉnh miền núi Tây Bắc. Tài liệu đã cung cấp khung lý luận khoa học về mối quan hệ giữa đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng HTCT vững mạnh ở cơ sở. Là cơ sở để nhìn nhận công tác kết nạp đảng viên DTTS không phải nhiệm vụ riêng lẻ, gắn liền với chiến lược phát triển nguồn cán bộ của Đảng. Công trình khẳng định, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa tốt thì công tác kết nạp đảng viên DTTS sẽ thiếu tính bền vững, vì nguồn kết nạp phụ thuộc trực tiếp vào đội ngũ cán bộ cơ sở. Kết nạp đảng viên DTTS có chất lượng, phải có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ DTTS toàn diện; cán bộ DTTS vững mạnh chính là “nguồn tạo nguồn”; kết nạp đảng viên DTTS ở vùng biên không thể tách rời chiến lược phát triển nguồn nhân lực DTTS, gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ phát triển KT-XH và bảo vệ an ninh biên giới.

Bùi Đình Phong (2017), Cuốn sách *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh* [144] đã luận giải rõ về tư tưởng Hồ Chí Minh và làm rõ một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng. Nhấn mạnh vai trò then chốt của tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Đảng. Tư tưởng có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở vùng biên, nơi đặc thù dân cư sống quần tụ, có phong tục tập quán riêng, chịu nhiều tác động từ bên ngoài. Ý nghĩa đối với công tác kết nạp đảng viên DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc như xác định đúng tiêu chuẩn lựa chọn đúng, người được kết nạp phải là người có uy tín, gương mẫu trong lao động sản xuất, giữ gìn phong tục văn hóa, am hiểu tiếng nói và đời sống đồng bào. Điều này phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh muốn vận động người khác nghe theo mình, trước hết mình phải làm gương; đổi mới phương pháp dân vận trong quy trình kết nạp, cuốn sách nhấn mạnh dân vận phải khéo, dựa trên niềm

tin và sự đồng thuận của quần chúng. Đảng viên là người DTTS ở vùng biên, sau kết nạp cần được phân công nhiệm vụ rõ ràng (giữ gìn đường biên, phát triển kinh tế, xóa hủ tục, vận động đồng bào), thường xuyên được bồi dưỡng chính trị, rèn luyện trong thực tiễn; tăng cường tự phê bình và phê bình, đây là “vũ khí sắc bén” để giữ Đảng trong sạch. Với đảng viên mới kết nạp, việc sinh hoạt chi bộ nghiêm túc, duy trì tự phê bình và phê bình giúp họ trưởng thành, tránh sa sút, đồng thời củng cố sức chiến đấu của chi bộ nơi biên giới.

Nguyễn Văn Tuấn, Dương Quang Điện (2018) (đồng chủ biên), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam* [177]. Cuốn sách đã đưa ra nội dung đi sâu phân tích quan điểm, chủ trương, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trên một số lĩnh vực kinh tế, văn hoá, an ninh, quốc phòng,..., nhằm làm sáng tỏ hơn đường lối đúng đắn của Đảng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình, Đảng phải thường xuyên làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng, trong đó việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên nhằm đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới là yêu cầu và là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, vì vậy, trong giai đoạn phát triển mới yêu cầu về chất lượng trong công tác kết nạp đảng viên ngày càng được nâng lên.

Vũ Thanh Sơn - Nguyễn Văn Tuấn (2023) (đồng chủ biên), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - Thực tiễn và một số giải pháp, kiến nghị* [150]. Nhóm tác giả đã khái quát những nội dung trọng tâm trong phương thức lãnh đạo của Đảng, chủ trương đổi mới về phương thức lãnh đạo của Đảng qua các kỳ đại hội, Đảng từng bước chuyển từ lãnh đạo trực tiếp, can thiệp sâu sang lãnh đạo bằng chủ trương, pháp luật, nêu gương, phân cấp, kiểm soát quyền lực và phát huy vai trò Nhân dân. Nghị quyết số 28-NQ/TW (17/11/2022) tiếp tục khẳng định yêu cầu đổi mới toàn diện phương thức lãnh đạo, gắn với xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh và củng cố HTCT ở cơ sở. Đối với công tác kết nạp đảng viên đây là cơ sở thúc đẩy nâng cao chất lượng nguồn, tăng

tính chủ động của cấp ủy cơ sở, gắn kết nạp với xây dựng “hạt nhân chính trị” tại thôn, bản, góp phần củng cố thể trận lòng dân và bảo vệ chủ quyền biên giới.

Nguyễn Văn Tuân - Phan Văn Thành (2025) (đồng chủ biên), *Cuốn sách Xây dựng Đảng trong lực lượng Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, [178], nhóm tác giả đã chỉ rõ lực lượng công an Nhân dân cần tiếp tục nỗ lực xây dựng đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, gắn với nhiệm vụ “tự soi”, “tự sửa” để xứng đáng là “thanh bảo kiếm” sắc bén, “lá chắn thép” vững chắc của Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu mới của thời đại. Cuốn sách đánh giá, phân tích thực trạng công tác xây dựng đảng trong Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Việc kết nạp phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn, quy trình, coi trọng chất lượng hơn số lượng, gắn chặt với yêu cầu chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực thực tiễn của quần chúng ưu tú. Đồng thời, cần chủ động tạo nguồn, bồi dưỡng, rèn luyện đối tượng kết nạp, nhất là ở cơ sở, vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS. Thực hiện tốt nhiệm vụ này góp phần bổ sung lực lượng kế cận, củng cố niềm tin của Nhân dân và nâng cao vai trò cầm quyền của Đảng.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến đảng viên và công tác phát triển đảng viên

Mạch Quang Thắng (2006) (chủ biên), *Vấn đề đảng viên và phát triển đảng viên trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* [155]. Cuốn sách phân tích mối liên hệ chặt chẽ giữa bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc vùng cao với nâng cao năng lực khẳng định chủ quyền, bảo đảm an ninh biên giới, đồng thời chỉ ra thách thức của toàn cầu hóa (xâm thực văn hóa, di cư, trao đổi xuyên biên giới) và đề xuất giải pháp chính sách, trong đó văn hóa là một trụ cột mềm để xây “thể trận lòng dân” tại biên cương. Mặc dù cuốn sách không đi sâu nghiên cứu cụ thể về công tác kết nạp đảng viên là người DTTS nhưng tác giả đã đi sâu nghiên cứu nhiều vấn đề cơ bản như: đảng viên và công tác phát triển đảng viên; tác giả đã đưa ra đề xuất những đổi mới cần

thiết trong công tác xây dựng đội ngũ đảng viên và phát triển đảng viên cho phù hợp với tình hình mới. Phạm vi nghiên cứu gồm công tác xây dựng đội ngũ đảng viên; vấn đề chất lượng đảng viên; mối quan hệ giữa số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn với chất lượng đội ngũ đảng viên; những nhân tố tác động đến chất lượng đội ngũ đảng viên,..., là cơ sở để phục vụ cho việc nghiên cứu luận án.

Nguyễn Xuân Phương (2008), *Công tác phát triển đảng viên ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta. Thực trạng và giải pháp* [146]. Tác giả đã nghiên cứu thực trạng và giải pháp công tác phát triển đảng viên ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta, đề tài không đi sâu nghiên cứu chủ thể công tác kết nạp đảng viên là người DTTS nhưng những cơ sở lý luận, thực tiễn về công tác phát triển đảng viên ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta sẽ trở thành những căn cứ khoa học để phục vụ cho việc nghiên cứu luận án. Đề tài có giá trị thực tiễn và học thuật như hệ thống hoá vấn đề, chẩn đoán các rào cản điển hình và đưa ra các giải pháp mang tính thực tiễn. Những kết luận, khuyến nghị của đề tài đã được trích dẫn, làm nền tảng cho nhiều nghiên cứu và có sự tương đồng rõ nét với các biện pháp mà các tỉnh biên giới (Cao Bằng, Lào Cai, Trùng Khánh) triển khai sau này, là nguồn luận cứ, khung phân tích, còn việc áp dụng cần điều chỉnh theo thay đổi bối cảnh (di cư, phát triển biên mậu, nghị quyết mới).

Dương Trung Ý (2012), *Nâng cao chất lượng đảng bộ xã trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn* [194]. Trên cơ sở xem xét toàn diện, cuốn sách đã luận giải làm rõ yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra đối với các đảng bộ xã trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Cuốn sách đã đánh giá thực trạng chất lượng các đảng bộ xã, từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao chất lượng các đảng bộ xã trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn hiện nay.

Quang Tuấn (2019), “Tạo nguồn phát triển đảng viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số” [183]. Tác giả đã đánh giá thực trạng công tác tạo nguồn phát triển đảng viên ở vùng đồng bào DTTS. Trên cơ sở đánh giá những kết

quả đạt được và hạn chế, yếu kém, các tác giả phân tích các nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên về nhận thức, về ảnh hưởng của kinh tế thị trường, sự thiếu quan tâm chỉ đạo của cấp ủy ở cơ sở, chỉ ra các vấn đề cần quan tâm. Từ đó, tác giả đã đề xuất những giải pháp để tháo gỡ khó khăn, những giải pháp của bài viết sẽ cung cấp thêm cơ sở thực tiễn bổ sung cho luận án.

Nguyễn Xuân Thắng (2020), “Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đẩy mạnh xây dựng đảng về đạo đức trong tình hình mới” [156]. Tác giả phân tích và khẳng định xây dựng đảng về đạo đức là truyền thống quý báu và phẩm chất cao đẹp của Đảng ta, là nhiệm vụ thường xuyên trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Từ đó đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên để Đảng ta luôn “là đạo đức, là văn minh” qua thực hiện các trách nhiệm về nêu gương đối với cán bộ, đảng viên. Mặc dù bài viết không đi vào cụ thể làm thế nào để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là người DTTS nhưng đây cũng chính là gợi mở để xây dựng hệ thống các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Thu Dung (2020), “Tam Đường: Chú trọng phát triển đảng viên người dân tộc thiểu số” [83]. Bài viết đã chỉ rõ một số đặc thù ở các tỉnh miền núi với nhiều đồng bào DTTS sinh sống, một số cách làm hay trong công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở huyện Tam Đường (tỉnh Lai Châu) và trong thời gian tiếp theo để làm tốt công tác phát triển đảng viên là người DTTS cần chú trọng thực hiện các giải pháp để phát triển đảng viên tăng cả về số lượng và chất lượng, quan tâm đến việc tạo nguồn đảng viên, đảm bảo chi bộ không thiếu hụt đảng viên. Bài viết đã xác định công tác phát triển đảng là nhiệm vụ then chốt, thời gian qua, cấp ủy ở địa phương đã tập trung triển khai nhiều giải pháp nhằm phát triển đảng viên, nhất là đảng viên là người DTTS. Mặc dù công trình chưa đi vào nghiên cứu cụ thể việc chú trọng phát triển đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới nhưng đây chính là cơ sở lý luận để hoàn thiện vấn đề nghiên cứu.

Lâm Quốc Tuấn (2020), “Xây dựng Đảng về đạo đức - Yêu cầu sống còn của Đảng cầm quyền” [179]. Bài viết nhấn mạnh: Xây dựng đảng về đạo đức là nhằm thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới để tiếp tục giành được những thắng lợi trong sự nghiệp đổi mới hiện nay của dân tộc ta, thực hiện mục tiêu mà Đảng ta xác định. Bài viết khẳng định: xây dựng đảng về đạo đức thực chất là xây dựng văn hóa đảng, công việc khó khăn, lâu dài, rất đòi công phu đòi hỏi phải kiên trì và phát huy tất cả các nguồn lực tự giác trong Đảng và trong toàn xã hội. Tác giả đã nhấn mạnh phải đặc biệt chú ý đến các giải pháp để tăng cường xây dựng đảng về đạo đức, trong điều kiện đặc thù của vùng DTTS, biên giới, nơi trình độ dân trí, điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn, việc coi trọng đạo đức, lối sống, uy tín trong cộng đồng giúp khắc phục tư tưởng chạy theo số lượng trong công tác kết nạp đảng viên, bảo đảm lựa chọn được những quần chúng ưu tú, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, gắn bó mật thiết với đồng bào.

Thanh Thủy, Khắc Kiên (2022), “Thấp lửa” nơi đại ngàn: Phát triển đảng viên dân tộc thiểu ở nơi đặc biệt khó khăn [165], bài viết được nhóm tác giả nghiên cứu, đi tới thực địa để nắm bắt tình hình thực tế tại Mường Tè - Lai Châu trong công tác phát triển đảng viên là người DTTS, những khó khăn hạn chế, trên cơ sở đó nhóm tác giả cũng đã chỉ ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS như tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền, phát huy vai trò của các tổ CT-XH. Tiếp tục nhân rộng các hạt nhân tích cực ở cơ sở; lấy vai trò của đảng viên trẻ để lan tỏa, khích lệ đồng bào DTTS thi đua lao động, sản xuất, học tập nâng cao trình độ, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, phấn đấu trở thành đảng viên.

Lê Thu Hường (2023), “Đẩy mạnh phát triển đảng viên nữ dân tộc thiểu số” [110], bài viết tập trung nghiên cứu công tác kết nạp đảng viên nữ là người DTTS ở các tỉnh miền núi, chỉ ra những khó khăn, nguyên nhân trong việc phát triển đảng viên nữ là người DTTS. Vấn đề được đặt ra là làm công tác tạo

nguồn, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên nữ người DTTS, giải pháp cơ bản phát triển đảng viên nữ là cán bộ, công chức, lao động, chú trọng đối tượng nữ DTTS khu vực nông thôn, miền núi.

Thái Nam (2023), “Gỡ khó trong phát triển đảng ở vùng sâu, vùng xa tỉnh Hà Giang” [138], bài viết chỉ rõ những trở ngại nguồn kết nạp đảng viên ở Mèo Vạc, Hà Giang, với Nghị quyết số 21-NQ/TW về tăng cường củng cố, xây dựng TCCSĐ và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới đã nêu rõ, mục tiêu đến năm 2025, hằng năm có trên 90% TCCSĐ, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; phấn đấu 100% thôn, bản có đảng viên. Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm trong giai đoạn 2020 - 2025 đạt từ 3-4% tổng số đảng viên. Là nhiệm vụ khó đối với Mèo Vạc, cần linh hoạt trong tạo nguồn và mở các lớp bồi dưỡng, cảm tình Đảng, quan tâm đến các chi bộ vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là các chi bộ ít đảng viên và đảng viên lớn tuổi, tập trung đào tạo bồi dưỡng nguồn, lựa chọn đầu vào, đảm bảo chất lượng, góp phần xây dựng các chi bộ ngày càng vững mạnh, phát huy tính gương mẫu, tích cực tham gia xây dựng đảng đối với từng đảng viên trong các buổi sinh hoạt chi bộ, nâng cao chất lượng điều hành chi bộ cho người chủ trì cuộc họp, chi ủy, chi bộ; tập trung rà soát, kết nạp đối tượng là cán bộ bán chuyên trách cấp xã, cấp thôn, đội ngũ viên chức giáo dục, y tế, quân nhân xuất ngũ, công an xuất ngũ.

Ngô Văn Hùng (2024), “Công tác phát triển đảng viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Nho Quan, giai đoạn 2020 - 2025” [107], bài viết khẳng định vai trò của các cấp ủy, chính quyền huyện Nho Quan luôn quan tâm, chú trọng công tác phát triển đảng viên vùng đồng bào DTTS; qua đó, góp phần xây dựng TCCSĐ trong sạch, vững mạnh, thúc đẩy phát triển KT-XH của địa phương và giảm nghèo nhanh, bền vững. Tác giả đã đưa ra 5 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ tiếp tục phân công cấp ủy viên, đảng viên trong việc phát hiện, tạo nguồn phát triển đảng viên;

phân công các đồng chí phụ trách địa bàn thường xuyên dự sinh hoạt với các chi bộ, công trình đã có tính gợi mở đối với vấn đề nghiên cứu, tuy công trình chưa cụ thể trong việc tạo nguồn kết nạp đảng viên là người DTTS nhưng đây cũng chính là khoảng gợi mở của vấn đề nghiên cứu.

Phan Thị Lê Hà (2024), “Bình Liêu chú trọng phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số” [91], tác giả đã nêu bật được tầm quan trọng của công tác phát triển đảng viên ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS trên địa bàn huyện Bình Liêu (tỉnh Quảng Ninh), những kết quả tích cực, bảo đảm cả về số lượng và chất lượng đội ngũ đảng viên; qua đó, góp phần củng cố HTCT ở cơ sở, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kết nạp đảng viên là người DTTS vẫn còn nhiều khó khăn. Trong đó, nguồn kết nạp đảng viên tại các xã chủ yếu dựa vào lực lượng đoàn viên, thanh niên, dân quân tự vệ và giáo viên các trường học trên địa bàn, trong khi nguồn quần chúng trong lực lượng này ngày càng hạn chế do sự chuyển dịch cơ cấu lao động, số thanh niên đi học, đi làm tại các khu công nghiệp chiếm tỷ lệ cao nên khó lựa chọn quần chúng ưu tú để bồi dưỡng, giới thiệu cho Đảng; nhiều quần chúng trình độ học vấn chưa hoàn thành chương trình bậc trung học cơ sở.

Nguyễn Phú Trọng (2024), “Tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng” [176]. Nội dung bài viết nhấn mạnh niềm tự hào, lòng tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng, quyết tâm xây dựng nước Việt Nam “ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng”. Bài viết có tác dụng quan trọng về mặt tư tưởng tạo động lực chính trị, củng cố định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Để nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc cần chuyển từ khẩu hiệu sang chính sách, chương trình hành động: chuẩn hóa nhưng linh hoạt tiêu chí, đầu tư bồi

đưỡng chuyên biệt, minh bạch trong xét duyệt, kiểm tra, giám sát. Những biện pháp này cần căn cứ trên quy định, hướng dẫn hiện hành (về tiêu chuẩn, thi hành Điều lệ Đảng) và kinh nghiệm thực tế của các địa phương đã làm tốt.

Các công trình đã tiếp cận, phân tích làm sáng tỏ cơ sở lý luận về công tác phát triển đảng viên ở miền núi, vùng DTTS, đi sâu vào các đối tượng nữ thanh niên DTTS, thanh niên nông thôn miền núi; thực trạng của công tác phát triển đảng viên là người DTTS ở các đảng bộ xã biên giới,... và đề xuất những giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên là người DTTS. Đây là những nội dung bổ ích cho việc triển khai nghiên cứu đề tài luận văn này. Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách cụ thể về chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án

Các nghiên cứu về công tác xây dựng đảng, công tác xây dựng đảng viên ở các góc tiếp cận của xã hội học, tâm lý học, dân tộc học đã làm rõ nhiều luận cứ khoa học và thực tiễn về công tác kết nạp đảng viên là người DTTS, vận dụng sáng tạo lý luận để đánh giá thực tiễn, giải quyết những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện công tác này và đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc; khẳng định vị trí, vai trò tầm quan trọng của việc kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Thứ nhất, về mặt lý luận, đóng góp quan trọng nhất của các nghiên cứu là góp phần đưa ra cơ sở lý luận cho việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên. Cơ sở đó bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản như khái niệm, mục đích, chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp cách thức tiến hành,

yếu tố quy định, tiêu chí đánh giá, phương hướng. Đây là những công trình, nguồn tài liệu phong phú nhằm mục đích nghiên cứu, vận dụng để phục vụ quá trình nghiên cứu của luận án.

Thứ hai, về mặt thực tiễn, các nghiên cứu gắn với đảng viên, công tác kết nạp đảng viên, chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS, các tỉnh biên giới phía Bắc. Phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở biên giới phía Bắc; những biện pháp đã thực hiện nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS và các văn bản hướng dẫn thực hiện cũng như các nghị quyết, nghị quyết chuyên đề ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu đã vận dụng khá nhuần nhuyễn các vấn đề lý luận chung về công tác kết nạp đảng viên vào nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cụ thể, gắn với đặc điểm của từng địa bàn, khu vực (từng khu vực, từng tỉnh, địa bàn cấp xã, phường), nhóm đối tượng (DTTS), lĩnh vực hoạt động cụ thể với những phạm vi cấp độ khác nhau, cả về lý luận và thực tiễn.

Nghiên cứu tổng quan về chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS tác giả nhận thấy mặc dù công tác kết nạp đảng viên đã được các nhà khoa học xây dựng gần như hoàn thiện, nhưng thực tiễn về công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc cho thấy nếu áp dụng mô hình lý luận chung về công tác kết nạp đảng viên trong cả nước là chưa đáp ứng được nhu cầu. Cần có khung lý luận về chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc nhằm bảo đảm cơ sở khoa học và chính trị cho công tác xây dựng Đảng. Khung lý luận giúp làm rõ khái niệm, tiêu chí, nội dung và các yếu tố cấu thành chất lượng kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, qua đó thống nhất nhận thức, tránh cách hiểu phiến diện, cảm tính trong thực tiễn triển khai.

1.3.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Trên cơ sở khảo sát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan, luận án tập trung nghiên cứu một số vấn đề chính sau:

Một là, về lý luận, luận án phải tiếp tục nghiên cứu, làm cơ sở lý luận về chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Trong đó khái quát về đặc điểm, tình hình KT-XH, khái quát về đặc điểm của các tỉnh biên giới phía Bắc; xây dựng khái niệm về chất lượng công tác kết nạp đảng viên, vai trò và các yếu tố khách quan và chủ quan tác động tới công tác kết nạp đảng viên người DTTS, từ đó đưa ra các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc,... Đây là những vấn đề chưa có công trình nào trong nước và ngoài nước ngoài nghiên cứu cụ thể với đối tượng là đảng viên người DTTS.

Hai là, về thực tiễn, luận án cần tập trung phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện và có hệ thống về thực trạng chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, bám sát các vấn đề lý luận được làm rõ trong luận án quá trình các tiêu chí đã được xác định.

Ba là, từ lý luận và thực tiễn về chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, luận án chỉ ra những kết quả đạt được và những khó khăn, hạn chế trong công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Bốn là, dự báo những yếu tố tác động đến công tác kết nạp đảng viên là người DTTS và chất lượng, hiệu quả hoạt động công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Từ đó xác định phương hướng nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Năm là, luận án đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện, đồng bộ, có tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc từ nay đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2045.

Tiểu kết chương 1

Luận án đã sử dụng dụng phương pháp nghiên cứu của khoa học liên ngành và chuyên ngành tổng quát để làm rõ cơ sở lý luận, đồng thời luận án đã tổng hợp các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã công bố có liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài. Luận án rút ra những vấn đề có thể kế thừa hoặc tiếp tục nghiên cứu và những trọng tâm cần phải đi vào nghiên cứu, cụ thể hoá. Dưới nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau, trên từng phạm vi cụ thể khác nhau, các nhà lý luận trong nước và ngoài nước đã đánh giá, luận giải, phân tích và làm sáng tỏ nhiều vấn đề nghiên cứu, từ những vấn đề cơ bản trong lý luận, đến thực tiễn đội ngũ đảng viên, công tác kết nạp đảng viên, chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, từ đó phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm và hệ thống các giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng công tác trong vấn đề nghiên cứu. Nhiều giải pháp mang tính đồng bộ, khả thi và có tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

Qua sự tổng hợp có thể thấy sự quan tâm của các nhà khoa học đối với công tác xây dựng đảng, đảng viên và công tác đảng đảng viên, tuy nhiên luận án cũng chỉ ra các khoảng trống trong quá trình nghiên cứu như công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, về chất lượng công tác kết nạp đảng viên, đảng viên người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, qua tổng quan các công trình khoa học đã công bố ở ngoài nước và trong nước có liên quan có thể thấy, chưa có một công trình, đề tài khoa học nào nghiên cứu về vấn đề này hoặc có liên quan đến phạm vi về nội dung mà luận án nghiên cứu. Luận án là một vấn đề mới, có giá trị lý luận và thực tiễn đối với công tác xây dựng đảng và sẽ mở ra hướng giải quyết về nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS đối với các tỉnh biên giới phía Bắc, những địa phương có tỷ lệ đồng bào DTTS chiếm đa số.

Chương 2

CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC VÀ CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC

2.1.1. Các tỉnh biên giới phía Bắc, các đảng bộ tỉnh biên giới phía Bắc

2.1.1.1. *Khái quát về các tỉnh biên giới phía Bắc*

* *Điều kiện địa lý*, các tỉnh biên giới phía Bắc gồm các tỉnh (sau khi sáp nhập) Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh nằm ở vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng của đất nước, vừa là “phên dậu” bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, vừa là cầu nối giao lưu kinh tế, văn hóa và đối ngoại của Việt Nam với khu vực và thế giới. Các tỉnh này tiếp giáp trực tiếp với Trung Quốc và Lào, có đường biên giới dài, địa hình chủ yếu là miền núi, biên giới, hải đảo (đối với tỉnh Quảng Ninh), giữ vai trò trọng yếu trong bảo đảm QP-AN, phát triển KT-XH, tăng cường hội nhập quốc tế và giữ vững ổn định CT-XH ở khu vực phía Bắc của Tổ quốc. Là khu vực vừa mang đặc trưng của vùng núi cao, đa dân tộc với hơn 40 dân tộc sinh sống, trong đó có 20 dân tộc có trên 500 người, thuộc 7 nhóm ngôn ngữ khác nhau, vừa gắn liền với tuyến biên giới đất liền Việt - Trung dài nhất, Việt Nam - Lào có nhiều tiềm năng phát triển nhưng cũng đối mặt với không ít thách thức.

Với diện tích trên 80.000 km², nằm trải dài từ Đông Bắc sang Tây Bắc, tiếp giáp trực tiếp với Lào và Trung Quốc, Trung Quốc là quốc gia có đường biên giới dài nhất với Việt Nam, tuyến biên giới trên đất liền giữa hai nước kéo dài hơn 1.400 km. Từ góc độ địa chính trị, khu vực biên giới phía Bắc là “phên dậu” của quốc gia với đặc điểm là tuyến đầu biên giới, khu vực này không chỉ có ý nghĩa trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia còn là vùng đệm

chiến lược trong thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Bao gồm các cửa khẩu quốc tế quan trọng như Hữu Nghị (tỉnh Lạng Sơn), Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh), Lào Cai, Tà Lùng (tỉnh Cao Bằng), Thanh Thủy (tỉnh Tuyên Quang), Tây Trang (tỉnh Điện Biên),..., đóng vai trò then chốt trong hợp tác đối ngoại, giao thương và kiểm soát biên giới. Việc xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với phát triển KT-XH vùng biên giới luôn được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ chiến lược lâu dài.

* *Về kinh tế*, trong những năm gần đây, bức tranh toàn cảnh về kinh tế các tỉnh biên giới phía Bắc đã có nhiều khởi sắc, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm tăng dần, hạ tầng có sự thay đổi nhất là về điện, đường, trường, trạm được đầu tư, nâng cấp, mở rộng. Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm đầu tư của Trung ương và nỗ lực của địa phương, khu vực này đã có những chuyển biến tích cực. Một số tỉnh như Quảng Ninh, Lào Cai, Lạng Sơn đã từng bước khai thác hiệu quả lợi thế cửa khẩu để phát triển thương mại biên giới, xuất nhập khẩu, logistic và du lịch. Các khu kinh tế cửa khẩu như Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh), cửa khẩu Lào Cai, cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn trở thành đầu mối giao thương quan trọng trong hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, góp phần tăng trưởng kinh tế và mở rộng hợp tác khu vực. Một số địa phương như tỉnh Sơn La, Hà Giang (nay là Tuyên Quang), Lai Châu, Điện Biên đã và đang phát triển mạnh các vùng chuyên canh cây dược liệu, cây công nghiệp, nông nghiệp sạch và lâm sản ngoài gỗ, hình thành vùng kinh tế nông nghiệp mang bản sắc vùng cao, xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP giúp nâng cao thu nhập cho người dân địa phương (tỉnh Sơn La đã nhanh chóng vươn lên trở thành trung tâm xuất khẩu trái cây của miền núi phía Bắc, nhiều loại quả như nhãn, vú sữa, na, xoài, đã trở thành đặc sản của địa phương, xuất khẩu ra nước ngoài), phát triển các sản phẩm đặc sản của địa phương, vùng; phát triển du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, đời sống của đồng bào các DTTS còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, tỷ lệ nghèo đa chiều (gồm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo) năm 2024 chung toàn quốc chiếm 4,06%. Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều là 1.258.997 hộ. Tỷ lệ nghèo đa chiều chung toàn quốc năm 2024 là chiếm 4,06%, giảm 1,65% so với năm 2023. Cả nước còn hơn 1,2 triệu hộ nghèo và hộ cận nghèo. Các vùng, Trung du và miền núi phía Bắc vẫn là khu vực có tỷ lệ nghèo đa chiều cao nhất cả nước với 14,98%; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều là 486.623 hộ [170].

Để phát triển khu vực các tỉnh biên giới phía Bắc bền vững, cần triển khai đồng bộ các giải pháp chiến lược, mang tính đột phá. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối vùng, kết nối nội vùng và liên kết với đồng bằng Bắc Bộ. Đẩy mạnh phát triển kinh tế biên mậu, xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu hiện đại, tạo hành lang phát triển liên thông với thị trường Trung Quốc và khu vực ASEAN. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với chuỗi giá trị; khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản đi đôi với bảo vệ môi trường. Đồng thời, cần quan tâm đầu tư vào giáo dục, đào tạo, y tế, nâng cao chất lượng cuộc sống cho Nhân dân, trong đó chú trọng tới người đồng bào DTTS. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, kết hợp phát triển du lịch xanh, bền vững. Về kinh tế, hầu hết các tỉnh trong khu vực này đều nằm trong nhóm còn nhiều khó khăn, xuất phát điểm thấp, năng suất lao động thấp và phụ thuộc lớn vào nông - lâm nghiệp.

* *Về chính trị*, với tổng chiều dài biên giới của các tỉnh biên giới phía Bắc với Trung Quốc khoảng 1.450 km, khu vực biên giới có cửa khẩu lớn như: Cửa khẩu quốc tế: Lào Cai, Hữu Nghị, Móng Cái. Vị trí địa chính trị đã thể hiện rõ tính chiến lược, đặc thù và nhạy cảm cao, được quy định bởi vị trí địa lý, cơ cấu xã hội và yêu cầu bảo vệ lợi ích quốc gia.

Là khu vực có vị trí chính trị an ninh đặc biệt quan trọng, vừa là không gian sinh tồn, phát triển của các cộng đồng dân cư, vừa là tuyến đầu bảo vệ chủ

quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gắn trực tiếp với nhiệm vụ QP-AN và đối ngoại của đất nước. Việc ổn định chính trị ở các tỉnh biên giới phía Bắc không chỉ mang ý nghĩa địa phương mà còn có tầm ảnh hưởng quốc gia và khu vực.

Với đặc điểm nổi bật của đời sống chính trị ở khu vực này là tính đa dạng dân tộc gắn với yêu cầu quản trị xã hội đặc thù. Đồng bào DTTS chiếm tỷ lệ lớn, trình độ phát triển không đồng đều, đời sống còn khó khăn, phong tục, tập quán đa dạng, tạo nên những yêu cầu riêng trong hoạch định và thực thi chính sách. Điều này đặt ra nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện nhất quán chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, bảo đảm quyền lợi chính đáng của đồng bào, tăng cường sự tham gia của người DTTS vào HTCT, nhất là thông qua công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ đảng viên ở cơ sở, nhằm củng cố niềm tin chính trị và sự đồng thuận xã hội.

Hệ thống chính trị ở cơ sở giữ vai trò then chốt trong việc duy trì ổn định chính trị ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Trong điều kiện địa bàn rộng, giao thông khó khăn, dân cư phân tán, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH ở cơ sở chính là lực lượng trực tiếp tuyên truyền, vận động, tổ chức và dẫn dắt Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chất lượng lãnh đạo của tổ chức đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở có ý nghĩa quyết định đối với khả năng phòng ngừa, xử lý kịp thời các vấn đề phức tạp nảy sinh liên quan đến an ninh chính trị, trật tự xã hội, dân tộc, tôn giáo và di cư tự do. Sau khi sáp nhập tỉnh và xóa bỏ cấp huyện, HTCT ở cơ sở đối mặt nhiều khó khăn trong công tác kết nạp đảng viên. *Trước hết*, địa bàn quản lý rộng hơn, dân cư phân tán, gây trở ngại cho việc phát hiện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú; *thứ hai*, việc tinh gọn bộ máy làm giảm số lượng cán bộ chuyên trách công tác đảng, dẫn đến quá tải và thiếu sâu sát cơ sở; *thứ ba*, sự thay đổi mô hình tổ chức có thể làm gián đoạn quy trình theo dõi, thẩm tra và quản lý nguồn kết nạp. Ngoài ra, tâm lý dao động của cán bộ, đảng viên sau sắp xếp hành chính cũng ảnh hưởng đến động lực và chất lượng công tác kết nạp đảng viên.

Ở các tỉnh biên giới phía Bắc luôn đan xen chặt chẽ giữa nội trị và đối ngoại, giữa quản lý xã hội trong nước với hoạt động hợp tác và quản lý biên giới. Các địa phương này vừa thực hiện chức năng quản lý lãnh thổ, dân cư, vừa là chủ thể trực tiếp triển khai đường lối đối ngoại của Đảng thông qua ngoại giao biên giới, hợp tác kinh tế, văn hóa, thương mại với các địa phương nước láng giềng. Ổn định chính trị nội bộ, kỷ cương quản lý nhà nước và sự đồng thuận xã hội là điều kiện tiên quyết để bảo đảm hiệu quả đối ngoại, giữ vững môi trường hòa bình, hữu nghị và phát triển.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và những biến động phức tạp của tình hình khu vực, chính trị ở các tỉnh biên giới phía Bắc đang đứng trước nhiều thách thức mới. Các yếu tố bất bình đẳng phát triển, tác động của kinh tế thị trường, sự xâm nhập của các luồng tư tưởng tiêu cực, cùng với âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền của các thế lực thù địch có thể ảnh hưởng trực tiếp đến ổn định chính trị. Trước yêu cầu đó, việc không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền vững mạnh, phát huy vai trò của HTCT ở cơ sở và khối đại đoàn kết toàn dân tộc có ý nghĩa quyết định đối với việc giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm phát triển bền vững các tỉnh biên giới phía Bắc trong dài hạn.

* *Về văn hoá - xã hội*, tính đến thời điểm sau khi thực hiện sáp nhập, dân số của các tỉnh biên giới phía Bắc có trên 9 triệu người, trong đó đồng bào DTTS chiếm gần 70%, nơi sinh sống của hơn 40 thành phần dân tộc như Mông, Dao, Tày, Nùng, Thái, Hà Nhì, Lự, Lô Lô, Phù Lá, La Hủ, Pà Thẻn, Giáy,..., với không gian văn hóa phong phú, rộng lớn, không gian xã hội đặc thù, nơi hội tụ sâu sắc giữa truyền thống văn hoá dân tộc và những biến động mạnh mẽ của quá trình phát triển, hội nhập. Địa bàn cư trú lâu đời của nhiều DTTS với hệ giá trị văn hoá đa dạng, phong phú, thể hiện qua ngôn ngữ, tín ngưỡng, phong tục, lễ hội và tri thức bản địa, góp phần hình thành bản sắc

riêng của vùng biên giới phía Bắc và làm giàu thêm nền văn hoá thống nhất trong đa dạng của quốc gia. Những giá trị văn hoá bản sắc của mỗi dân tộc tạo thành bức tranh đa dạng, phong phú về văn hóa bản địa. Bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc còn nguyên vẹn trong tập quán, phong tục, các điệu múa, chợ tình Khâu Vai, hát then, khèn môi, các lễ hội tiêu biểu như Lễ hội Gầu Tào (dân tộc Mông), Lễ Cấp Sắc (dân tộc Dao), Lễ Lồng Tồng (dân tộc Tày, Nùng),..., cùng với đó là ẩm thực của các tỉnh biên giới phía Bắc mang đậm nét đặc trưng riêng của vùng miền, đây chính là lợi thế và tiềm năng để phát triển kinh tế du lịch của địa phương. Với sự đa dạng về thành phần dân tộc góp phần tạo nên bản sắc văn hóa phong phú cho khu vực, mật độ dân cư thưa thớt, chủ yếu là đồng bào DTTS. Nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể đã được gìn giữ, phát huy và trở thành tài sản văn hóa của quốc gia, đồng thời là tiềm năng to lớn cho phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng.

Văn hóa, xã hội có chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được đảm bảo, tỷ lệ hộ nghèo giảm dần, đời sống của người dân được cải thiện dần qua các năm. Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần lao động nông nghiệp, tăng dần lao động trong công nghiệp và xây dựng, thương mại và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng lao động ở đô thị.

Tuy nhiên, trình độ phát triển giữa các địa phương, giữa các nhóm dân cư trong khu vực còn chênh lệch đáng kể; đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận Nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS và khu vực biên giới vẫn gặp nhiều khó khăn. Khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, việc làm, thông tin và phúc lợi xã hội còn hạn chế, tác động trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực, mức hưởng thụ văn hoá và sự tham gia của người dân vào các hoạt động xã hội. Thực trạng này không được giải quyết căn cơ thì không chỉ kìm hãm phát triển con người mà còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các vấn đề xã hội phức tạp, ảnh hưởng đến ổn định lâu dài của khu vực. Sự đa dạng trong văn hoá, xã hội cũng đặt ra yêu cầu khách quan phải có cách tiếp

cận quản lý văn hoá, xã hội phù hợp, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn bản sắc truyền thống với xây dựng đời sống văn hoá mới theo định hướng tiến bộ.

* *Quốc phòng, an ninh*, các tỉnh biên giới phía Bắc có đường biên giới dài tiếp giáp với Trung Quốc và Lào, nhiều cửa khẩu quốc tế, quốc gia và lối mở. Đây là địa bàn trọng yếu về bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới và giữ vững ổn định chính trị vùng biên. Công tác quản lý, bảo vệ biên giới, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được triển khai đồng bộ, có chiều sâu, phát huy vai trò của lực lượng vũ trang, chính quyền và Nhân dân các dân tộc. Đồng thời, công tác đối ngoại biên giới được đẩy mạnh, với nhiều hoạt động kết nghĩa thôn với thôn, xã với xã hai bên biên giới, tạo dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển. Tuy nhiên, tình hình an ninh trật tự vẫn tiềm ẩn nguy cơ phức tạp do hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, tội phạm ma túy, di cư trái phép và các hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật từ ngoài biên giới xâm nhập vào, tệ nạn xã hội và các yếu tố bên ngoài tác động, với vị trí chiến lược, khu vực này không chỉ có vai trò quan trọng về KT-XH mà còn về QP-AN và đối ngoại, phát triển bền vững khu vực này đòi hỏi các chính sách ưu tiên về cơ sở hạ tầng, kinh tế và đời sống xã hội. Các thế lực thù địch coi đây là một trọng điểm tập trung chống phá, tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, nguy cơ gây mất ổn định không thể xem nhẹ, ảnh hưởng xấu đến phát triển KT-XH, QP-AN. Đáng chú ý là, các thế lực thù địch lợi dụng đói nghèo, lòng tin, vấn đề dân tộc, tôn giáo, những bức xúc trong Nhân dân chưa được giải quyết thấu đáo để xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, kích động biểu tình, bạo loạn, đòi ly khai thành lập cái gọi là “Nhà nước Mông tự trị”. Các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, di cư tự do, các loại tội phạm, tệ nạn ma túy trên địa bàn còn diễn biến phức tạp. Từ thực tế đó, việc tăng cường vai trò của cả HTCT đối với việc kết hợp, tuyên truyền phát triển KT-XH với tăng cường QP-AN là vấn đề đặt ra cấp thiết.

** Đặc điểm của người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc*

Sinh sống tại khu vực địa hình hiểm trở và phân tán, người DTTS vùng biên giới phía Bắc thường cư trú ở các khu vực núi cao, địa hình chia cắt phức tạp, thung lũng hẹp hoặc các bản làng cách xa trung tâm. Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, giao thông khó khăn khiến cho cuộc sống của họ phụ thuộc nhiều vào tự nhiên như người dân tộc Mông, Dao sống tại cao nguyên đá Đồi Văn (Hà Giang), hoặc các vùng núi cao ở tỉnh Lào Cai và tỉnh Lai Châu. Môi trường tự nhiên ảnh hưởng mạnh đến phương thức sản xuất nông - lâm nghiệp kết hợp, tự cung tự cấp và tập quán sinh hoạt tạo ra sự đa dạng về văn hoá, xã hội giữa các nhóm dân tộc. Cư trú xen kẽ, nhưng vẫn có tính cộng đồng làng bản cao tạo nên bản sắc riêng biệt và bền bỉ trong tổ chức xã hội truyền thống.

Tôn giáo, tín ngưỡng, tín ngưỡng dân gian là yếu tố chi phối mạnh mẽ đời sống tinh thần, thể hiện qua tục thờ tổ tiên, thờ thần núi, thần nước, thần rừng và các nghi lễ nông nghiệp. Một số tôn giáo du nhập và phát triển như tin lành, công giáo, phật giáo trong đó tin lành phát triển nhanh ở dân tộc Mông, Dao, vừa là biểu hiện của tự do tín ngưỡng, vừa là tiềm ẩn yếu tố phức tạp nếu bị lợi dụng. Quản lý về tôn giáo có vai trò đặc biệt quan trọng, gắn liền với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và củng cố QP-AN vùng biên giới.

Bản sắc văn hóa truyền thống, DTTS tại đây có bản sắc văn hóa đặc sắc, riêng biệt, thể hiện qua ngôn ngữ, trang phục, lễ hội, phong tục, tập quán như trang phục người dân tộc Mông với chất liệu thổ cẩm rực rỡ, người Dao với áo dài thêu họa tiết tinh xảo, lễ hội Gầu Tào (dân tộc Mông), lễ Cấp Sắc (dân tộc Dao), lễ Lồng Tồng (dân tộc Tày, Nùng), hát then - đàn tính (dân tộc Tày, Nùng), tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ thần núi, thần rừng. Mỗi dân tộc có ngôn ngữ, trang phục, kiến trúc, phong tục, lễ hội riêng biệt tạo nên bức tranh văn hoá đa sắc màu. Tinh thần cố kết cộng đồng cao, lòng yêu quê hương, tinh thần đoàn kết dân tộc, hiếu khách, thật thà, cần cù là những giá trị nổi bật, nhiều văn hoá vật thể và phi vật thể.

Kinh tế phụ thuộc vào tự cung tự cấp, phần lớn người DTTS sống dựa vào nông nghiệp truyền thống, chăn nuôi và lâm nghiệp, canh tác nương rẫy như trồng ngô, lúa nương, săn ở các sườn đồi dốc, chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn), gia cầm, khai thác tự nhiên. Đời sống kinh tế còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, thiếu cơ hội tiếp cận dịch vụ giáo dục và y tế.

Tinh thần cộng đồng và tính tự quản cao, các cộng đồng DTTS tại đây thường có tính đoàn kết cao, duy trì lối sống gắn bó và hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động sản xuất, nghi lễ và đời sống thường nhật, nhiều dân tộc có hệ thống tự quản truyền thống, già làng, trưởng bản đóng vai trò lãnh đạo và hòa giải trong cộng đồng. Đời sống cộng đồng mạnh mẽ thể hiện qua việc cùng nhau lao động, xây dựng các công trình công cộng, tổ chức lễ hội.

Gắn bó với biên giới quốc gia và vai trò bảo vệ chủ quyền, người DTTS vùng biên giới phía Bắc sinh sống tại khu vực có đường biên giới với Trung Quốc, Lào đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, họ là lực lượng trực tiếp tham gia các hoạt động bảo vệ lãnh thổ, phối hợp với các lực lượng chức năng như biên phòng. Đồng thời, các cộng đồng DTTS còn thúc đẩy mối quan hệ hòa bình, hợp tác thông qua giao lưu kinh tế và văn hóa với dân cư vùng biên giới phía bên kia.

Về quan hệ giao lưu biên giới, cộng đồng các dân tộc hai bên biên giới Việt - Trung có mối quan hệ họ hàng, thân tộc, giao lưu lâu đời nên tác động qua lại mạnh mẽ về nền văn hoá, kinh tế, tín ngưỡng, hôn nhân. Hoạt động giao thương biên mậu phát triển điều này cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ, di cư tự do, truyền đạo trái phép. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội cho công tác dân tộc và phát triển kinh tế biên giới nếu được quản lý và định hướng tốt.

Người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc không chỉ giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì bản sắc văn hóa dân tộc mà còn góp phần bảo vệ an ninh biên giới quốc gia. Tuy nhiên, trình độ dân trí còn hạn chế, tỷ lệ mù chữ, tái mù chữ ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn vẫn còn, mặc khác vẫn

hoá truyền thống bị pha tạp, mai một do tác động của kinh tế thị trường và di cư lao động. Đời sống của đồng bào DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc còn nhiều khó khăn, cần có sự hỗ trợ và đầu tư từ Nhà nước để phát triển bền vững, nâng cao chất lượng sống và bảo tồn giá trị truyền thống.

2.1.1.2. Khái quát về các đảng bộ tỉnh biên giới phía Bắc

Đảng bộ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là tổ chức đảng ở cấp tỉnh và tương đương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gọi tắt là cấp ủy cấp tỉnh, là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, thành phố giữa hai kỳ Đại hội, có chức năng lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố; các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương. Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy, thành ủy, có chức năng lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu tỉnh, thành phố, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy tỉnh và Trung ương; quyết định chủ trương về công tác tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy tỉnh; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy cấp tỉnh những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương và của cấp ủy cấp tỉnh đối với địa phương; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao [76].

Chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy của các đảng bộ ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng như các đảng bộ tỉnh biên giới phía Bắc, được quy định tại Điều lệ Đảng và thực hiện theo quy định của Trung ương [78]. Với vị trí chiến lược quan trọng các Đảng bộ ở các tỉnh biên giới phía Bắc có vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KT-XH, bảo đảm QPAN, xây dựng HTCT, xây dựng môi quan hệ đối ngoại tốt đẹp với các tỉnh giáp biên, phát triển kinh tế biên mậu và quản lý chặt chẽ các cửa khẩu.

** Chức năng*

Chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện ở cấp tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc HTCT ở cấp tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương; lãnh đạo đảng bộ thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh; đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với địa phương.

** Nhiệm vụ*

Lãnh đạo toàn diện tại địa phương, các đảng bộ ở các tỉnh biên giới phía Bắc là hạt nhân chính trị lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực tại địa phương, từ phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, đến bảo vệ QP-AN. Chỉ đạo HTCT từ tỉnh, thành phố đến cơ sở, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, chỉ đạo hoạt động hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH.

Tổ chức và phát triển kinh tế, xã hội, các cấp ủy, chính quyền ở các tỉnh biên giới chỉ đạo phát triển KT-XH bền vững dựa trên tiềm năng của địa phương như nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch và thương mại biên giới. Khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường. Xóa đói giảm nghèo, triển khai các chương trình giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống cho người dân, đặc biệt là đồng bào DTTS. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, cải thiện chất lượng dịch vụ y tế, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa. Xây dựng, củng cố quốc phòng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chỉ đạo xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, phối hợp với lực lượng biên phòng bảo vệ an ninh biên giới. Trong công tác đối ngoại, tăng cường quan hệ đối ngoại với các tỉnh biên giới phía Trung Quốc nhằm xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển.

Xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác xây dựng đảng, trong đó việc lãnh đạo, chỉ đạo công phát triển đảng viên, chú trọng kết nạp đảng viên là người DTTS, xây dựng TCCSD vững mạnh là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục. Giám sát và kỷ luật Đảng, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm, nâng cao kỷ luật và kỷ cương của Đảng. Đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ DTTS, đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương. Lãnh đạo, chỉ đạo việc bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS. Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ bản sắc văn hóa trong quá trình hội nhập và phát triển. Triển khai các chính sách dân tộc và tôn giáo, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào DTTS, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, vận động đồng bào dân tộc, tín đồ tôn giáo tham gia phát triển KT-XH và bảo vệ Tổ quốc. Định hướng phát triển bền vững, xây dựng chiến lược dài hạn cho từng giai đoạn, gắn kết phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa. Huy động các nguồn lực từ Trung ương và quốc tế, các nhà đầu tư để mở rộng và phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân ở địa phương.

Các đảng bộ tỉnh biên giới phía Bắc vừa thực hiện chức năng lãnh đạo phát triển, vừa giữ vai trò “tuyến đầu” về AN-QP và đối ngoại. Địa bàn rộng, địa hình phức tạp, dân cư phân tán, tỷ lệ đồng bào DTTS cao đòi hỏi phương thức lãnh đạo linh hoạt, sát cơ sở. Nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn chặt với giảm nghèo bền vững, bảo tồn văn hóa và ổn định xã hội. Đồng thời, các đảng bộ phải xử lý hài hòa quan hệ hợp tác và đấu tranh trong quản lý biên giới, xây dựng khu vực biên giới hòa bình, ổn định, phát triển. Đóng vai trò nòng cốt trong việc lãnh đạo toàn diện, đảm bảo sự phát triển bền vững của địa phương, trong bối cảnh đẩy mạnh CNH,HDH, hội nhập quốc tế, bảo vệ chủ quyền quốc gia, nhất là khi Việt Nam đang tăng cường việc thực hiện nhất quán, đồng bộ mô hình tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp. Việc

nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các đảng bộ được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của các tỉnh biên giới phía Bắc trong thời gian tới.

2.1.1.3. Hệ thống tổ chức cơ sở đảng ở các tỉnh biên giới phía Bắc

Theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước. Trước khi thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, hệ thống tổ chức của Đảng được chia thành bốn cấp gồm: Cấp Trung ương; cấp tỉnh và tương đương; cấp huyện và tương đương; TCCSĐ. Từ ngày 01/7/2025 khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, hệ thống tổ chức của Đảng cũng có sự thay đổi theo hệ thống tổ chức hành chính Nhà nước gồm cấp Trung ương; cấp tỉnh và tương đương; cấp xã, phường và đặc khu. TCCSĐ là tổ chức đảng trực thuộc cấp uỷ cấp trên cơ sở, TCCSĐ gồm chi bộ cơ sở và đảng bộ cơ sở, là tổ chức đảng trực thuộc đảng uỷ xã, phường, đặc khu và cấp uỷ cấp trên cơ sở (đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, đảng uỷ công an tỉnh, đảng uỷ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh). Hệ thống TCCSĐ của các đảng bộ ở các tỉnh biên giới phía Bắc cũng có chức năng, nhiệm vụ, vai trò giống như hệ thống TCCSĐ ở các đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**** Chức năng***

Có nhiều loại hình TCCSĐ như TCCSĐ được lập ở các đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, lượng vũ trang, loại hình doanh nghiệp, Mỗi loại hình TCCSĐ có những điểm khác nhau nhất định nhưng nhìn chung, các TCCSĐ đều có chức năng chung là *lãnh đạo và xây dựng nội bộ đảng*.

**** Nhiệm vụ***

Nhiệm vụ của TCCSĐ được quy định tại Điều lệ Đảng (được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI) như sau:

Thứ nhất, chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Thứ hai, xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ, kiến thức, năng lực, công tác; làm công tác phát triển đảng viên.

Thứ ba, lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, QP-AN và các tổ chức CT-XH trong sạch, vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Thứ tư, liên hệ mật thiết với Nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhân dân; lãnh đạo Nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Thứ năm, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Đảng uỷ cơ sở nếu được cấp uỷ cấp trên trực tiếp uỷ quyền thì được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên [54, tr.39-41].

** Vai trò của tổ chức cơ sở đảng ở các tỉnh biên giới phía Bắc*

Theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, chi bộ trong công xưởng, nhà máy, trong các hiệp hội công nhân là mắt xích quan trọng, chỗ dựa vững chắc của Đảng; nơi thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nội bộ đảng: kết nạp, quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên; là hạt nhân chính trị trong công xưởng, nhà máy và các hiệp hội công nhân, trực tiếp tuyên truyền, lãnh đạo công nhân thực hiện lý tưởng cộng sản. V.I.Lênin chỉ rõ TCCSĐ là nơi giáo dục, rèn luyện, phân công công việc, kiểm tra, quản lý đảng viên, kết nạp, sàng lọc đảng

viên; nơi thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng: điểm tựa để đảng làm chủ trong mọi tình huống; là nơi Đảng liên hệ chặt chẽ với quần chúng, tập hợp, giáo dục, lãnh đạo quần chúng thực hiện cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng, giành chính quyền, xây dựng CNXH. Khi trở thành Đảng cầm quyền, TCCSD là nền tảng của Đảng ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong các tổ chức, các hội và hiệp hội quần chúng, lãnh đạo xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. TCCSD kiểm nghiệm, khẳng định sự đúng đắn của đường lối chính trị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đóng góp cho Đảng những kinh nghiệm có giá trị để Đảng sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh đường lối, các chủ trương, chính sách đã ban hành, xây dựng và ban hành chủ trương, chính sách mới đúng đắn, phù hợp hơn đưa cách mạng đến thắng lợi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt”; “Thực tế cho thấy, chỗ nào chi bộ tốt công việc trôi chảy, chỗ nào chi bộ kém, công việc xộc xệch” [132, tr.266]. Người nhấn mạnh: “Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh, Đảng mạnh là do chi bộ tốt” [134, tr.92]. TCCSD là “dây chuyền” để Đảng liên hệ mật thiết với Nhân dân, đưa đường lối của Đảng vào cuộc sống, nâng cao nhận thức chính trị của Nhân dân; định hướng suy nghĩ, hành động của Nhân dân theo đường lối, quan điểm của Đảng. Chi bộ còn là “gốc rễ” của Đảng trong Nhân dân đối với mọi hoạt động của Đảng, làm tăng uy tín chính trị, vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đảng ta luôn nhất quán về việc xác định vai trò của TCCSD: “TCCSD (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở” [54, tr.35]. Trong công cuộc đổi mới vai trò của TCCSD tiếp tục được khẳng định: “Chất lượng TCCSD và đảng viên cũng từng bước được nâng lên, trên cơ sở thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, đặc biệt là Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về vấn đề này” [175, tr.132].

Là nền tảng của Đảng, TCCSD là nơi trực tiếp gắn bó với Nhân dân, công nhân, người lao động. Cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, chiến sĩ, thường xuyên tiếp xúc, tìm hiểu, nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, lợi

ích chính đáng, hợp pháp của họ; giáo dục, hướng dẫn và tổ chức họ thực hiện thắng lợi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nơi lựa chọn, bồi dưỡng những quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng, bổ sung cho Đảng nguồn lực và tổ chức mới, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. TCCSĐ là gốc rễ của Đảng trong Nhân dân.

Là hạt nhân chính trị ở cơ sở: TCCSĐ là thành viên, lãnh đạo mọi hoạt động của các tổ chức trong HTCT ở cơ sở; lãnh đạo các tổ chức CT-XH ở cơ sở. TCCSĐ thể hiện ở vai trò đoàn kết và lãnh đạo toàn diện chính quyền và các tổ chức CT-XH, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định các nguyên tắc tập xây dựng đảng. TCCSĐ còn là nơi giáo dục, tổ chức, động viên quần chúng thực hiện có hiệu quả Cương lĩnh chính trị, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. TCCSĐ là trung tâm quy tụ, tập hợp mọi lực lượng ở cơ sở thành một khối thống nhất ý chí và hành động, tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của mình.

2.1.2. Công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc

2.1.2.1. Khái niệm người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới

** Dân tộc thiểu số*

Khái niệm dân tộc thiểu số là khái niệm dùng để chỉ một nhóm người cùng chung sống trong một quốc gia, nhưng có số lượng dân số ít hơn đáng kể so với dân tộc chiếm đa số. Nhóm này thường có những đặc trưng riêng biệt về văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, phong tục tập quán, lối sống. Ở Việt Nam, DTTS là các dân tộc không phải dân tộc Kinh (dân tộc chiếm đa số), bao gồm 53 dân tộc khác, mỗi dân tộc đều được công nhận chính thức.

Khái niệm dân tộc thiểu số đã được sử dụng phổ biến trên thế giới, nhiều học giả coi đây là thuật ngữ để chỉ những dân tộc với nghĩa là dân tộc, tộc người có số dân ít. Trong một số trường hợp, họ đánh đồng khái niệm DTTS

với “dân tộc lạc hậu”, “dân tộc chậm phát triển”, “dân tộc kém phát triển”. Những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng khái niệm DTTS biểu thị sự tương quan về dân số trong các dân tộc của một quốc gia. Khái niệm không phân biệt địa vị, trình độ phát triển của các dân tộc, tộc người bởi địa vị, trình độ phát triển của mỗi dân tộc không phụ thuộc vào số dân nhiều hay ít, nó bị chi phối bởi những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, lịch sử của từng dân tộc. Đảng ta cho rằng DTTS được hiểu là những dân tộc có số dân chiếm tỷ lệ thấp trong tương quan dân số. Hiện nay, dân số Việt Nam đạt 101,1 triệu người, trong đó dân tộc Kinh có 86,3 triệu người, chiếm 85,4% tổng dân số cả nước; 53 DTTS còn lại có 14,8 triệu người, chiếm 14,6% tổng dân số cả nước. Sau 10 năm, từ năm 2014 đến năm 2024, quy mô dân số của 53 DTTS đã tăng khoảng 1,87 triệu người. Tỷ lệ tăng dân số bình quân từ 2014 đến năm 2024 của các DTTS là 1,35%, cao hơn tỷ lệ tăng bình quân năm của dân tộc Kinh (chiếm 1,07%) và tỷ lệ tăng bình quân năm của dân số cả nước (chiếm 1,11%), 53 dân tộc còn lại được gọi là DTTS trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam [149].

** Người dân tộc thiểu số*

Người dân tộc thiểu số được định nghĩa tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc như sau: DTTS là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Dân tộc đa số là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia. Vùng DTTS là địa bàn có đông các DTTS cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Việt Nam. DTTS rất ít người là dân tộc có số dân dưới 10.000 người. DTTS có khó khăn đặc biệt là những dân tộc có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn theo ba tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo trong đơn vị thôn, bản chiếm trên 50% so với tỷ lệ hộ nghèo của cả nước; các chỉ số phát triển về giáo dục đào tạo, sức khỏe cộng đồng và chất lượng dân số đạt dưới 30% so với mức

trung bình của cả nước; cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu chất lượng thấp, mới đáp ứng mức tối thiểu phục vụ đời sống dân cư.

** Người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc*

Người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới được hiểu là cộng đồng người thuộc các dân tộc không phải dân tộc Kinh (dân tộc đa số), sinh sống chủ yếu tại các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam, nơi có đường biên giới giáp với Trung Quốc và Lào. Họ có đặc điểm riêng biệt về ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán và thường sinh sống ở các vùng sâu, vùng xa, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. Gồm nhiều DTTS khác nhau như: Mông, Dao, Tày, Nùng, Thái, Giáy, Lô Lô, Pà Thẻn, Hà Nhì,... Hầu hết các dân tộc có ngôn ngữ, phong tục tập quán và hệ thống tín ngưỡng riêng, tạo thành các nền văn hóa khác nhau.

** Vai trò của người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc*

Các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam là địa bàn có vị trí quan trọng về KT-XH, QP-AN, là vị trí chiến lược quốc gia. Mỗi dân có nguồn gốc, lịch sử khác nhau, có bản sắc văn hóa, các đặc điểm tâm lý riêng. Sự đa dạng này của các dân tộc đã tạo nên một khu vực các tỉnh biên giới phía Bắc với những sắc thái văn hóa độc đáo, đa dạng. Vai trò của người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ vững chắc bờ cõi Tổ quốc, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Việt Nam.

Về chính trị, chủ thể xây dựng HTCT ở cơ sở, đồng bào DTTS là lực lượng chủ yếu, chiếm đa số trong xã hội vì vậy vai trò của họ rất quan trọng trong việc xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam và đoàn thể ở cơ sở vùng biên. Họ trực tiếp tham gia vào quá trình ra quyết định, triển khai chủ trương, chính sách, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân cấp ủy, tổ chức đảng và cả HTCT. Là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân qua đội ngũ đảng viên, già làng, trưởng bản, người có uy tín,..., đồng bào DTTS truyền tải chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước tới người dân, đồng thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng của người dân với cấp ủy,

chính quyền. Tham gia tích cực vào công tác xây dựng đảng và HTCT, việc kết nạp đảng viên là người DTTS nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, góp phần tăng cường sức mạnh của Đảng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Về kinh tế, đồng bào DTTS là lực lượng chủ yếu và trực tiếp sản xuất nông - lâm nghiệp, phát triển kinh tế hộ gia đình, hợp tác xã, tham gia thương mại, du lịch và giao thương biên giới. Thực hiện các chương trình phát triển bền vững, họ là người trực tiếp hưởng lợi và cũng là người thực thi hiệu quả các Chương trình 135, 30a, chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới. Góp phần giữ gìn và khai thác hợp lý tài nguyên. Từ những giá trị truyền thống mang bản sắc dân tộc đặc trưng sẽ thúc đẩy phát triển du lịch gắn với bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc. Cùng với bản chất cần cù chịu khó, việc phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp bằng những sản phẩm OCOP sẽ giúp cho kinh tế nông nghiệp nơi đây phát triển. Thông qua tri thức bản địa, đồng bào dân tộc thiểu số góp phần bảo vệ rừng, nguồn nước, đa dạng sinh học đó chính là những yếu tố gắn liền với an ninh sinh thái vùng biên.

Về văn hóa - xã hội, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, văn hóa của các DTTS là một bộ phận không thể tách rời của nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Việc gìn giữ tiếng nói, chữ viết, phong tục, lễ hội, trang phục, tri thức dân gian,..., góp phần làm phong phú đời sống tinh thần và tăng cường gắn kết cộng đồng. Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, thông qua các hoạt động văn hóa - xã hội, đồng bào DTTS là nhân tố tích cực trong việc gắn bó các tộc người, củng cố niềm tin, tinh thần “đồng bào” và ý thức về chủ quyền quốc gia, biên giới, lãnh thổ.

Về quốc phòng - an ninh, ở các tỉnh biên giới phía Bắc, người DTTS chiếm đa số vì vậy họ là lực lượng nòng cốt trong bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, họ chính là “tai mắt” của HTCT ở cơ sở trong việc phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động xâm nhập, vi phạm chủ quyền, tuyên truyền

xuyên tạc, kích động ly khai. Tham gia xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vùng biên giới, là lực lượng trực tiếp phối hợp với bộ đội biên phòng, dân quân tự vệ, công an để giữ vững an ninh trật tự, ổn định địa bàn. Thông qua đội ngũ cán bộ, hội viên, già làng, người có uy tín trong cộng đồng các DTTS sẽ chính là những người nắm tâm lý, tâm tư của người dân ở cơ sở, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2.1.2.2. Khái niệm, nội dung, nguyên tắc công tác kết nạp đảng là người dân tộc thiểu số

**** Khái niệm***

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, được quy định tại điều 1 chương I Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và Nhân dân lao động trên lợi ích cá nhân; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lao động, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với Nhân dân; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng; giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng [54, tr.7].

Kết nạp đảng viên là khâu của của công tác kết nạp đảng viên, là hoạt động mà tổ chức đảng xem xét, lựa chọn và quyết định đưa những quần chúng ưu tú, đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo Điều lệ Đảng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm bổ sung lực lượng, tăng cường sức chiến đấu và tính kế thừa cho tổ chức đảng.

Thực hiện kết nạp đảng viên là một khâu quan trọng trong công tác phát triển đảng viên, là quá trình thực hiện kết nạp một quần chúng ưu tú vào Đảng theo đúng các bước, quy định của Đảng về kết nạp đảng viên.

Đối tượng hướng tới của kết nạp đảng viên là những đoàn viên, hội viên ưu tú, trưởng thành trong lao động, học tập, trong lực lượng vũ trang, trong lực

lượng công nhân, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp, khu vực ngoài nhà nước, nông dân, trí thức, thanh niên, sinh viên, người có tôn giáo, ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng DTTS. Song quần chúng ưu tú phải là những quần chúng đã được cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện việc giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện về lập trường tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và ý thức tổ chức kỷ luật vào tổ chức đảng, đã đủ các điều kiện, tiêu chuẩn trở thành đảng viên của Đảng.

Mục đích hướng tới của kết nạp đảng viên vào tổ chức đảng là nhằm tạo nguồn cán bộ cho HTCT các cấp trước mắt và lâu dài, xây dựng đội ngũ đảng viên của Đảng luôn vững mạnh là lực lượng nòng cốt, hạt nhân chính trị để xây dựng tổ chức đảng luôn trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực lãnh đạo, xây dựng đất nước phát triển theo định hướng XHCN.

Kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số là một khâu trong công tác kết nạp đảng viên, là hoạt động mà tổ chức đảng xem xét, lựa chọn và quyết định đưa những quần chúng ưu tú người DTTS, đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo Điều lệ Đảng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm bổ sung lực lượng, tăng cường sức chiến đấu và tính kế thừa cho tổ chức đảng.

Kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số, chính là cụ thể hóa nguyên lý Đảng của GCCN, đồng thời là Đảng của dân tộc bảo đảm sự đại diện và lãnh đạo toàn diện của Đảng. Kế thừa học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vấn đề đoàn kết dân tộc và xem đó động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam. Theo Người, việc kết nạp đảng viên là người DTTS phải bảo đảm: Đúng tiêu chuẩn, quy trình, không hạ thấp yêu cầu nhưng cũng phải linh hoạt, phù hợp điều kiện cụ thể, giúp đỡ quần chúng DTTS trưởng thành về chính trị, nhận thức, năng lực. Đảng Cộng sản Việt Nam nhất quán chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, coi công tác dân tộc là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) xác

định các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX về công tác dân tộc chỉ rõ: “Phát triển đảng viên, xây dựng TCCSD vững mạnh ở vùng DTTS là nhiệm vụ then chốt để phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng”, “tăng cường công tác xây dựng đảng và HTCT ở vùng đồng bào DTTS, nâng cao chất lượng đảng viên, đặc biệt là đảng viên người DTTS” [58].

Theo tư tưởng của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, kết nạp đảng viên là người DTTS vào Đảng là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng đảng, được tiến hành theo đúng nguyên tắc, thủ tục, thẩm quyền và quy định của Điều lệ Đảng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc kết nạp đảng viên là người DTTS phải bảo đảm: Đúng tiêu chuẩn, quy trình, không hạ thấp yêu cầu nhưng cũng phải linh hoạt, phù hợp điều kiện cụ thể, giúp đỡ quần chúng DTTS trưởng thành về chính trị, nhận thức, năng lực.

Đối tượng của kết nạp đảng viên người DTTS vào Đảng là những quần chúng ưu tú là người DTTS đã được cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện việc giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện về lập trường tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và ý thức tổ chức kỷ luật vào tổ chức đảng, đã đủ các điều kiện, tiêu chuẩn trở thành đảng viên của Đảng.

Công tác kết nạp đảng viên là một khái niệm phổ biến trong lý luận về Đảng và xây dựng đảng nói chung, lý luận về đảng cộng sản nói riêng, là một nội dung quan trọng của công tác phát triển đảng viên. Trong tác phẩm *Điều lệ của Liên đoàn Những người cộng sản* của C.Mác và Ph.Ăngghen nêu rõ điều kiện làm hội viên: *Điều.2 a)* lối sống và hoạt động phù hợp với mục đích ấy; b) nghị lực cách mạng và lòng nhiệt thành trong công tác tuyên truyền; c) thừa nhận chủ nghĩa cộng sản; d) không tham gia vào mọi tổ chức tổ chức chính trị hoặc tổ chức dân tộc, chống cộng sản và có nghĩa vụ báo cáo với cơ quan lãnh đạo hữu quan về việc mình tham gia vào một tổ chức nào đó; e) phục tùng các nghị quyết của Liên đoàn; f) giữ bí mật mọi công việc của Liên đoàn; g) được một chi bộ nhất trí kết nạp [125, tr.732].

Công tác kết nạp đảng viên, là toàn bộ hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng nhằm thực hiện tạo nguồn, giáo dục, bồi dưỡng, giúp đỡ quần chúng ưu tú xác định rõ động cơ, mục tiêu, lý tưởng vào Đảng, lựa chọn và kết nạp những quần chúng ưu tú vào Đảng đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn, thực hiện theo đúng quy trình và thủ tục đáp ứng yêu cầu về số lượng, cơ cấu và chất lượng cho Đảng, đảm bảo phương châm coi trọng chất lượng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng.

Từ các cơ sở khái niệm trên có thể chỉ rõ khái niệm:

Công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc là toàn bộ các hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên mà trước hết là tổ chức đảng có thẩm quyền, từ khâu tuyên truyền, giáo dục, vận động, tạo nguồn, bồi dưỡng, thử thách, lựa chọn và để phát hiện những quần chúng ưu tú là người DTTS bồi dưỡng kết nạp vào Đảng theo đúng quy trình và thủ tục nhằm tăng cường số lượng và chất lượng, góp phần củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Chủ thể thực hiện công tác kết nạp đảng viên người DTTS: Là các cấp ủy, tổ chức đảng mà trước hết là tổ chức đảng có thẩm quyền kết nạp đảng viên ở các tỉnh biên giới miền núi phía Bắc; là các đảng viên của chi bộ được giao nhiệm vụ cụ thể trong công tác kết nạp đảng viên; các tổ chức CT-XH và Nhân dân ở các tỉnh biên giới phía Bắc là lực lượng tham gia tại các khâu, các bước trong thực hiện giới thiệu, tạo nguồn, bồi dưỡng quần chúng người DTTS.

Đối tượng của công tác kết nạp đảng viên người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc: Là toàn bộ các hoạt động trong các khâu tuyên truyền, giáo dục, vận động, tạo nguồn để phát hiện những quần chúng ưu tú là người DTTS để bồi dưỡng kết nạp họ vào Đảng theo đúng quy trình và thủ tục đã quy định đến việc giáo dục, rèn luyện đảng viên người DTTS. Công tác này là quá trình tiến hành các bước công tác đảm bảo theo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của

Trung ương nhằm xây dựng đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của Đảng giao cho.

Mục tiêu của công tác kết nạp đảng viên người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc nhằm tăng cường số lượng và chất lượng cho các tổ chức đảng ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS, từ đó góp phần củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn phát triển mới của đất nước hiện nay.

Nội dung công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số

Công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc là một bộ phận đặc thù của công tác xây dựng đảng, gắn liền với nhiệm vụ củng cố HTCT ở cơ sở, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trên địa bàn chiến lược, nơi có vị trí đặc biệt về QP-AN và đối ngoại. Về mặt lý luận, công tác kết nạp đảng viên được tổ chức trên nền tảng các nguyên tắc cơ bản của Điều lệ Đảng, song phải vận dụng linh hoạt theo đặc thù dân tộc, địa hình và điều kiện KT-XH ở các tỉnh biên giới. Nội dung công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc gồm:

Thứ nhất, xác định chủ trương, quan điểm, phương châm và biện pháp lãnh đạo công tác kết nạp đảng viên trong đó chú trọng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Trên cơ sở các chủ trương, quy định của Đảng về công tác kết nạp đảng viên từ những quy định về điều kiện tuổi đời, sức khỏe, trình độ học vấn chung, Ban Thường vụ tỉnh ủy các tỉnh sẽ căn cứ và điều kiện dân số, trình độ thực tế của quần chúng người DTTS trong tỉnh để đưa ra các chủ trương, biện pháp, chỉ tiêu, kế hoạch về công tác kết nạp quần chúng người DTTS một cách cụ thể, phù hợp đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của tổ chức đảng, sự phát triển, chất lượng của đảng viên người DTTS trong tỉnh, các quy định cụ thể của tỉnh không được trái, không được thấp hơn tiêu chuẩn, tiêu chí chung theo quy định cụ thể của hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng hiện hành (ví dụ cho phép kết vào đảng các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong

đồng bào DTTS nhưng phải có độ tuổi dưới 60 và được sự đồng ý của cấp ủy cấp tỉnh) [4].

Thứ hai, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Công tác kết nạp đảng viên nói chung và công tác kết nạp đảng viên là người DTTS nói riêng đều là quá trình triển khai nhiều hoạt động cụ thể ở nhiều khâu, nhiều chủ thể tham gia khác nhau, do vậy để thực hiện được có chất lượng thì nội dung đặt ra cho công tác này phải làm thành các bước khoa học, cụ thể và logic với nhau, từ việc quán triệt làm rõ và nâng cao nhận thức cho chủ thể, đối tượng tham gia đến việc triển khai các bước, các quy trình đều phải có thành các chương trình, kế hoạch, và thực hiện tuân tự, đúng quy định của Đảng. Khi thực hiện được đúng các nội dung, các bước cụ thể thì công tác kết nạp đảng viên mới có thể đáp ứng tốt được chất lượng công tác kết nạp đảng viên.

Thứ ba, thực hiện nghiêm túc, đúng quy định về quy trình, thủ tục trong công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Đảng là tổ chức chính trị cao nhất trong HTCT, Đảng mong muốn và luôn đặt ra yêu cầu cụ thể, cao trong công tác kết nạp, để đảng duy trì và giữ vững vị trí, vai trò tiên phong trong lãnh đạo, chỉ đạo HTCT, giữ vững vị thế vai trò là đảng cầm quyền, do vậy Đảng thường xuyên, nghiên cứu và xây dựng nên hệ thống các quy định, thủ tục rất khoa học, bài bản về kết nạp đảng viên, đây là cơ sở cụ thể để các tổ chức đảng căn cứ vào rà soát đối chiếu từ các quy định, các tiêu chuẩn, tiêu chí và thực hiện các bước trong kết nạp đảng viên các quan chúng ưu tú vào Đảng. Thực hiện nghiêm túc các quy định về quy trình, thủ tục trong công tác kết nạp đảng viên chính là một bước rèn luyện, lựa chọn quan chúng ưu tú là người DTTS vào Đảng.

Thứ tư, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện công tác kết nạp đảng viên

Công tác kết nạp đảng viên là một nội dung lớn trong công tác xây dựng đảng. Để bảo đảm thực hiện tốt, duy trì và phát huy tối đa các hoạt động của công tác kết nạp đảng viên, có cơ sở để rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định, hướng dẫn cụ thể của Đảng trong công tác kết nạp đảng viên nhằm đáp ứng đúng với chủ trương, thực tiễn đổi mới và phát triển của Đảng. Trong từng giai đoạn cách mạng cụ thể thì việc thực hiện các hoạt động về công tác kiểm tra, giám sát công tác kết nạp đảng viên là người DTTS thường xuyên được các tổ chức đảng, cấp ủy cấp trên yêu cầu phải tiến hành. Hằng năm, định kỳ theo nhiệm kỳ hoặc theo yêu cầu của Trung ương trong việc tổng kết nghị quyết về tổ chức đảng và đảng viên, các tổ chức đảng thực hiện các hoạt động sơ kết, tổng kết đánh giá về công tác kết nạp đảng viên, chỉ ra các ưu điểm, hạn chế trong công tác này, đồng thời làm rõ các nguyên nhân và đưa ra các dự báo làm căn cứ cho Đảng có sự sửa đổi, bổ sung hoặc rà soát, thay thế các quy định, hướng dẫn về công tác kết nạp đảng viên vào Đảng.

** Nguyên tắc, quy trình, thủ tục và yêu cầu công tác kết nạp đảng viên người dân tộc thiểu số*

- Nguyên tắc

Công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy, bảo đảm tuân thủ nghiêm các nguyên tắc cơ bản của Đảng: Tự nguyện, tự giác; chặt chẽ, đúng tiêu chuẩn, đúng quy trình; kết hợp hài hòa giữa phát triển số lượng và nâng cao chất lượng; gắn với củng cố chi bộ và xây dựng TCCSĐ vững mạnh. Đây là những nguyên tắc có tính nền tảng, bảo đảm cho công tác kết nạp vừa mở rộng được đội ngũ, vừa giữ vững bản chất giai cấp và tính tiên phong của Đảng.

Với đặc thù biên giới, nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào DTTS, công tác kết nạp đảng viên phải đặt trong mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển tổ chức đảng và củng cố HTCT và QP-AN. Mỗi đảng viên được kết nạp không chỉ là kết quả của quá trình phấn đấu cá nhân mà còn là “hạt nhân chính trị” góp phần

lan tỏa đường lối, chủ trương của Đảng trong cộng đồng, tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSD ở vùng biên cương. Kết nạp đảng viên vì vậy không chỉ nhằm tăng về số lượng mà phải hướng tới mục tiêu chiến lược: Xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, giữ vững biên giới quốc gia.

- *Quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại)* [65]. Toàn bộ quá trình từ khi chi bộ có thẩm quyền xem xét từ việc bồi dưỡng nhận thức, hoàn thiện hồ sơ, thẩm tra lý lịch, xét kết nạp đảng và tổ chức buổi lễ kết nạp.

Quy trình kết nạp đảng viên được thực hiện như sau:

Một là, xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên, thông qua nghị quyết nhiệm kỳ đại hội và hằng năm của tổ chức đảng.

Hai là, tạo nguồn bồi dưỡng, rèn luyện nguồn thông qua hoạt động thực tiễn ở cơ sở, phân công đảng viên chính thức giúp đỡ quần chúng ưu tú, cử tham gia lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng (căn cứ kế hoạch của tổ chức đảng).

Ba là, thực hiện nghiêm túc các thủ tục, lập, hoàn thiện hồ sơ xét kết nạp, chi bộ có trách nhiệm hướng dẫn, xem xét và làm hồ sơ, giới thiệu lên cấp uỷ có thẩm quyền xem xét, kết nạp.

Bốn là, tổ chức đảng trình cấp uỷ có thẩm quyền chuẩn y kết nạp quần chúng ưu tú vào Đảng. Cấp uỷ có thẩm quyền rà soát lại hồ sơ, quy trình, thủ tục xem quần chúng có đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hoàn thiện thủ tục thì cấp uỷ cấp trên cơ sở (hoặc cấp cơ sở được giao một số quyền cấp trên cơ sở) ra quyết định kết nạp quần chúng vào Đảng.

Năm là, sau khi tổ chức đảng có thẩm quyền ký quyết định vào đảng, tổ chức đảng tiến hành lễ kết nạp đảng viên theo quy định và phân công, giao nhiệm vụ cho đảng viên, đồng thời cử đảng viên chính thức theo dõi, giúp đỡ nhằm tiếp tục rèn luyện đảng viên dự bị.

Sáu là, xét công nhận đảng viên chính thức, theo quy định hiện hành đảng viên dự bị phải trải qua thời gian 12 tháng, nếu đủ điều kiện thì chi bộ tổ

chức lấy ý kiến và đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền ra quyết định công nhận đảng viên chính thức.

Thủ tục kết nạp đảng viên được thực hiện theo tại Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 19/5/2026 của Ban Bí thư, về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng, gồm: *Một là*, bồi dưỡng nhận thức về Đảng; *hai là*, đơn xin vào Đảng; *ba là*, lý lịch của người vào Đảng; *bốn là*, thẩm tra lý lịch của người vào Đảng; *năm là*, lấy ý kiến nhận xét của đoàn thể CT-XH nơi người vào Đảng sinh hoạt và chi ủy nơi người vào Đảng cư trú; *sáu là*, nghị quyết của chi bộ và cấp ủy cơ sở xét kết nạp người vào Đảng; *bảy là*, quyết định của cấp ủy có thẩm quyền kết nạp đảng viên; *tám là*, tổ chức lễ kết nạp đảng viên; *chín là*, việc xem xét, kết nạp đảng viên đối với người vào Đảng khi thay đổi đơn vị công tác, học tập hoặc nơi cư trú; *mười là*, phân công đảng viên theo dõi, giúp đỡ đảng viên dự bị [4]. Toàn bộ quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên và đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc cũng phải được thực hiện một cách đầy đủ, khoa học, chính xác.

- Yêu cầu

Thứ nhất, yêu cầu hàng đầu là nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy và tổ chức đảng về ý nghĩa chính trị, tư tưởng và chiến lược của công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Việc kết nạp phải được xem là nhiệm vụ lâu dài, thường xuyên, liên tục, gắn với quy hoạch cán bộ cơ sở và mục tiêu xây dựng HTCT vững mạnh từ cơ sở. Kết nạp đảng viên cần xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng và yêu cầu củng cố tổ chức đảng ở những nơi còn yếu, không chạy theo chỉ tiêu hay thành tích. Mỗi quyết định kết nạp phải được cân nhắc kỹ lưỡng, bảo đảm đảng viên mới thật sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và uy tín trong cộng đồng.

Thứ hai, cấp ủy các cấp phải chủ động xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên là người DTTS phù hợp với điều kiện KT-XH, đặc điểm dân cư và cơ cấu nghề nghiệp của địa phương. Cần ưu tiên phát triển ở các lĩnh vực, địa bàn còn

ít đảng viên hoặc chưa có tổ chức đảng như thôn, bản vùng sâu, vùng xa, trường học, đồn biên phòng, doanh nghiệp nhà nước và đơn vị kinh tế - quốc phòng. Công tác này phải gắn chặt với củng cố chi bộ, kiện toàn cấp ủy, phát triển nguồn cán bộ cơ sở là người DTTS để bảo đảm tính kế thừa và tự chủ của HTCT vùng biên giới.

Thứ ba, phải giữ vững tính khoa học, dân chủ, khách quan trong toàn bộ quy trình kết nạp. Mọi khâu từ phát hiện, bồi dưỡng, thẩm tra đến tổ chức lễ kết nạp và công nhận chính thức đều phải tuân thủ đúng quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, nhằm bảo đảm tính chặt chẽ, minh bạch, giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh của đội ngũ đảng viên mới. Đồng thời, cần tuyệt đối tránh tình trạng đơn giản hóa, bỏ bớt quy trình hoặc áp đặt các tiêu chuẩn một cách máy móc, quá khắt khe, vì điều đó sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng cũng như uy tín của công tác kết nạp đảng viên. Đảng viên phụ trách theo dõi, giúp đỡ quần chúng phải là những người có kinh nghiệm, phẩm chất chính trị vững vàng và kỹ năng công tác đảng tốt. Bởi lẽ, chính họ là những người trực tiếp đồng hành, hướng dẫn, rèn luyện để quần chúng ưu tú trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc tổ chức lễ kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức và phát thẻ đảng viên cần được tiến hành một cách trang trọng, mang đậm giá trị giáo dục, góp phần khơi dậy lòng tự hào, ý thức trách nhiệm của mỗi đảng viên mới. Đồng thời, trong công tác kết nạp đảng viên vùng đồng bào DTTS cần nghiên cứu kỹ các điều kiện khách quan, cần vận dụng linh hoạt với đặc thù ngôn ngữ, phong tục, tín ngưỡng và điều kiện sinh hoạt của đồng bào các dân tộc. Cần tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân, phát huy trách nhiệm của các đoàn thể trong giới thiệu, bồi dưỡng và đánh giá quần chúng ưu tú, bảo đảm nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân giám sát” trong quá trình kết nạp đảng viên.

2.2. KHÁI NIỆM, YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC

2.2.1. Khái niệm chất lượng công tác kết nạp đảng viên

Theo từ điển tiếng Việt, “chất lượng là cái tạo nên phẩm chất, giá trị của một con người, một sự vật hoặc sự việc” [195, tr.331]. Chất lượng là “cái làm nên giá trị của một con người, sự vật; cái tạo nên phẩm chất sự vật, làm cho sự vật này khác với sự vật khác, phân biệt với số lượng” [195, tr.248]. Để đánh giá chất lượng phải đưa ra bộ tiêu chí đánh giá mang tính định lượng cụ thể, căn cứ vào bộ tiêu chí mới có thể kết luận tốt, xấu, đạt hay không đạt, đạt ở mức độ nào. Trong cuốn Từ điển bách khoa Việt Nam định nghĩa: “Chất lượng là phạm trù triết học biểu thị những thuộc tính ổn định tương đối của sự vật phản ánh bản chất của sự vật, phân biệt nó với cái khác”. Chất lượng là đặc tính khách quan của sự vật, biểu thị ra bên ngoài các thuộc tính về vật lý hóa học. Sự vật trong khi còn là bản thân nó thì không thể mất đi chất lượng của nó, sự thay đổi chất lượng kéo theo sự thay đổi của sự vật về căn bản” [102].

Chất lượng là phạm trù chỉ tính quy định vốn có của sự vật, hiện tượng, trong đó chất là sự thống nhất hữu cơ các thuộc tính làm cho nó là nó mà không phải là cái khác, lượng là biểu thị số lượng, quy mô, tốc độ, nhịp điệu. Sự vận động phát triển của sự vật, hiện tượng đều là sự thống nhất hữu cơ giữa chất và lượng, chất nào thì lượng ấy và ngược lại [102].

Chất lượng công tác kết nạp đảng viên là yếu tố then chốt để xây dựng đội ngũ đảng viên đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu phát triển và đổi mới đất nước. Chú trọng chất lượng thay vì chạy theo số lượng sẽ đảm bảo sự phát triển bền vững và nâng cao uy tín của Đảng trong Nhân dân.

Chất lượng công tác kết nạp đảng viên là các tiêu chí đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức, năng lực, và uy tín xã hội của những quần chúng được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đồng thời, nó còn phản ánh tính đúng đắn, hiệu quả của quy trình, phương pháp và sự lãnh đạo trong công tác phát triển đảng viên mới.

Từ quá trình nghiên cứu cho thấy: *Chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc là tổng hòa các yếu tố tạo nên giá trị của công tác kết nạp đảng viên; phản ánh sự chủ động, sáng tạo của các chủ thể, lực lượng trong thực hiện nội dung, quy trình công tác kết nạp đảng viên; biểu hiện ở số lượng, cơ cấu, phẩm chất, năng lực, phương pháp tác phong công tác của đội ngũ đảng viên là người DTTS và năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng thuộc các đảng bộ tỉnh biên giới phía Bắc.*

Chủ thể: các cấp ủy, tổ chức đảng thuộc đảng bộ tỉnh biên giới phía Bắc; trực tiếp là cấp ủy cơ sở, chi bộ; đồng thời có sự tham gia phối hợp của MTTQ và các tổ chức CT-XH.

Mục đích: bổ sung lực lượng đảng viên là người DTTS có đủ phẩm chất, năng lực; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng; củng cố HTCT ở cơ sở, bảo đảm ổn định CT-XH vùng biên giới.

Nội dung: phát hiện, tạo nguồn; bồi dưỡng, giáo dục, thử thách quần chúng ưu tú là người DTTS; thực hiện quy trình, thủ tục kết nạp; quản lý, rèn luyện đảng viên sau kết nạp, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Đảng.

Hình thức: thông qua sinh hoạt chi bộ; các phong trào thi đua, hoạt động thực tiễn ở cơ sở; các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng; môi trường công tác, lao động, học tập của quần chúng DTTS.

Lực lượng tham gia: cấp ủy, chi bộ; cán bộ, đảng viên nòng cốt; tổ chức CT-XH; già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng DTTS.

Phương pháp: kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục, thuyết phục với rèn luyện qua thực tiễn; giữa tiêu chuẩn chính trị với phát triển nguồn tại chỗ; phát huy tính chủ động, sáng tạo của cấp ủy cơ sở; bảo đảm đúng nguyên tắc, quy trình, đồng thời linh hoạt phù hợp với đặc thù vùng DTTS, biên giới.

Chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS của các tỉnh biên giới phía Bắc có ý nghĩa củng cố tổ chức đảng tại khu vực biên giới, đáp ứng yêu cầu, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tại vùng đặc biệt khó khăn về KT-XH, QP-AN. Góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, đảng viên người DTTS đóng vai trò quan trọng trong vận động quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và phối hợp bảo vệ biên giới. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, người DTTS trong Đảng, vừa là cầu nối vừa là lực lượng nòng cốt trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS. Giảm bất bình đẳng và nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển đội ngũ đảng viên người DTTS góp phần thúc đẩy các chính sách phát triển KT-XH và xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh biên giới. Tăng cường nguồn cán bộ lãnh đạo người DTTS, kết nạp đảng viên người DTTS là tiền đề để phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo địa phương, nhất là ở các cấp cơ sở.

Chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc không chỉ phản ánh năng lực xây dựng đội ngũ đảng viên của tổ chức đảng mà còn là thước đo hiệu quả trong thực hiện các chính sách dân tộc và phát triển vùng biên giới. Đây là nhiệm vụ cấp thiết nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định CT-XH tại khu vực chiến lược này.

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc

Công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các vùng DTTS nội địa hoặc đô thị hóa thường thuận lợi hơn về trình độ học vấn, điều kiện tiếp cận đào tạo và môi trường rèn luyện. So sánh công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc với Tây Nguyên và Tây Nam Bộ có những khác biệt rõ nét về điều kiện địa chính trị, KT-XH và đặc điểm dân tộc, tôn giáo. Ở Tây Nguyên, công tác này chịu ảnh hưởng sâu sắc của yếu tố tôn giáo, di cư tự do và quan hệ cộng đồng dòng tộc, đòi hỏi phương thức vận động quần chúng mềm dẻo, gắn với giải quyết sinh kế và ổn định dân cư. Ở Tây Nam Bộ,

việc kết nạp đảng viên là người DTTS diễn ra trong bối cảnh kinh tế hàng hóa, giao thoa văn hóa, tôn giáo và quá trình đô thị hóa nhanh yêu cầu đặt ra là nâng cao chất lượng nguồn, chú trọng trí thức trẻ DTTS và tăng cường năng lực lãnh đạo trong môi trường đa dân tộc, đa tôn giáo. Các tỉnh biên giới phía Bắc, khó khăn về địa bàn, rào cản ngôn ngữ, phong tục tập quán và nguồn phát triển đảng còn hạn chế, đòi hỏi phương thức lãnh đạo linh hoạt, chính sách hỗ trợ đặc thù và sự vào cuộc đồng bộ của cả HTCT. Công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc chịu tác động của nhiều yếu tố, cả khách quan và chủ quan. Trong đó, có năm yếu tố cơ bản có ảnh hưởng trực tiếp và mang tính quyết định đến hiệu quả, chất lượng và tính bền vững của công tác kết nạp đảng viên:

Thứ nhất, năng lực của đội ngũ cấp ủy, tổ chức đảng các cấp là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả của công tác kết nạp đảng viên. Sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy thể hiện tầm nhìn, năng lực lãnh đạo, trách nhiệm chính trị đối với nhiệm vụ kết nạp Đảng. Khi cấp ủy nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công tác kết nạp đảng viên là người DTTS thì chất lượng công tác kết nạp đảng viên người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc là yêu cầu chiến lược trong củng cố HTCT ở cơ sở. Ngược lại, nếu coi là nhiệm vụ hình thức, chỉ để hoàn thành chỉ tiêu, công tác này sẽ rơi vào tình trạng chạy theo số lượng, hạ thấp tiêu chuẩn, thực hiện cầm chừng. Thực tế, những địa phương có sự lãnh đạo chặt chẽ, sâu sát của cấp ủy thường đạt kết quả cao hơn trong kết nạp đảng viên là người DTTS. Nhận thức đúng đắn giúp cấp ủy định hướng rõ đối tượng, xác lập lộ trình phù hợp, lựa chọn quần chúng thật sự ưu tú và tạo môi trường phấn đấu tích cực. Trách nhiệm của tổ chức đảng còn thể hiện ở việc gương mẫu của đảng viên, nhất là vai trò của người đứng đầu. Nơi nào cấp ủy, tổ chức đảng đoàn kết, có uy tín, thì nơi đó công tác tạo nguồn, kết nạp diễn ra thuận lợi, lan tỏa được niềm tin của quần chúng.

Thứ hai, tính đúng đắn và khoa học của các chương trình, kế hoạch do cấp uỷ xây dựng là yếu tố mang tính quy định, quyết định trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của công tác kết nạp. Quán triệt đầy đủ Điều lệ Đảng, các nghị quyết, quy định của Trung ương, đồng thời vận dụng phù hợp vào điều kiện đặc thù của vùng biên giới, nơi có cơ cấu dân tộc đa dạng, trình độ dân trí không đồng đều và yêu cầu cao về giữ vững QP-AN. Chương trình, kế hoạch phải xác định rõ mục tiêu lấy chất lượng chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực thực tiễn của quần chúng ưu tú làm trung tâm, khắc phục tư tưởng chạy theo số lượng, hình thức, bảo đảm mỗi đảng viên được kết nạp thực sự tiêu biểu, có uy tín và khả năng dẫn dắt cộng đồng dân tộc tại cơ sở. Tính khoa học thể hiện ở việc xây dựng nội dung, lộ trình và giải pháp trên cơ sở khảo sát thực tiễn, đánh giá đúng nguồn kết nạp đảng viên, gắn chặt giữa bồi dưỡng lý luận chính trị với rèn luyện trong thực tiễn lao động, sản xuất và tham gia xây dựng HTCT ở cơ sở. Quy trình kết nạp phải được chuẩn hoá, công khai, minh bạch, có tiêu chí đánh giá cụ thể, phân định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong từng khâu. Nội dung và phương pháp bồi dưỡng cần phù hợp với đặc điểm văn hoá, ngôn ngữ, phong tục của đồng bào DTTS, nhằm nâng cao nhận thức chính trị và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Thứ ba, đặc điểm tâm lý của đồng bào DTTS là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến chất lượng công tác kết nạp đảng viên ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Đặc điểm này được hình thành và bồi đắp trong quá trình lịch sử, điều kiện cư trú, phương thức sản xuất, môi trường văn hóa cũng như quan hệ xã hội của từng cộng đồng dân tộc. Nhận thức đầy đủ tính đa dạng, đặc thù về tâm lý, phong tục, tập quán của từng dân tộc. Các dân tộc thiểu số có truyền thống đoàn kết cộng đồng, gắn bó với quê hương, có ý thức bảo vệ biên cương, tin tưởng vào những người có uy tín và chịu ảnh hưởng sâu sắc của các thiết chế truyền thống như dòng họ, gia đình, trưởng bản, già làng. Tuy nhiên, mỗi dân tộc lại có những đặc điểm tâm lý riêng, được chi phối bởi

điều kiện tự nhiên, văn hóa và tín ngưỡng khác nhau. Chẳng hạn, người Mông đề cao tính độc lập, tự chủ và gắn kết theo dòng họ; người Dao coi trọng các giá trị tâm linh, lễ nghi và vai trò của người có uy tín; người Tày, Nùng có tính cộng đồng cao, dễ tiếp thu chủ trương thông qua các tổ chức CT-XH ở cơ sở; trong khi một số dân tộc rất ít người lại có tâm lý khép kín, e dè trước những thay đổi. Điều này vừa tạo thuận lợi, vừa đặt ra yêu cầu phải lựa chọn nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục, tạo nguồn và bồi dưỡng quần chúng ưu tú phù hợp với đặc điểm của từng dân tộc, tránh áp dụng máy móc, đồng loạt. Chỉ khi tôn trọng sự khác biệt về tâm lý và văn hóa của từng cộng đồng dân tộc mới có thể nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên, bảo đảm cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu và tính bền vững trong điều kiện đặc thù của các tỉnh biên giới phía Bắc.

Thứ tư, vai trò nêu gương, gương mẫu của đội ngũ đảng viên, nhất là đảng viên người DTTS là yếu tố có ý nghĩa đối với chất lượng công tác kết nạp đảng viên. Trong điều kiện vùng biên giới có đặc điểm KT-XH còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, đời sống cộng đồng gắn chặt với quan hệ dòng họ, dân tộc và uy tín cá nhân thì tấm gương tích cực, điển hình của cán bộ, đảng viên có sức lan tỏa sâu rộng, trực tiếp tác động đến nhận thức, niềm tin và động cơ phấn đấu của quần chúng. Sự gương mẫu của đảng viên được thể hiện ở bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, kiên định đường lối, chủ trương, chính sách, nhất là trong xử lý các vấn đề phức tạp liên quan đến dân tộc, tôn giáo, biên giới và an ninh quốc gia. Sự gương mẫu về đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, tác phong công tác gần dân, trọng dân, hiếu dân, nói đi đôi với làm, tạo dựng uy tín thực chất. Đối với đảng viên là người DTTS, sự gương mẫu có ý nghĩa đặc biệt bởi họ vừa là đảng viên, vừa là người đại diện, vừa là cầu nối giữa Đảng với đồng bào dân tộc, có khả năng thuyết phục, vận động quần chúng bằng chính hành động, kết quả công việc cụ thể.

Thứ năm, tính tự nguyện, tự giác của quần chúng ưu tú là người DTTS có tác động trực tiếp, mang tính quyết định đến chất lượng công tác kết nạp đảng viên. Trong điều kiện đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, quan hệ cộng đồng mang tính truyền thống, nếu việc phấn đấu vào Đảng không dựa trên ý thức tự giác mà chịu tác động của tâm lý nể nang, phong trào hoặc sự tác động hành chính, thì rất dễ dẫn đến kết nạp hình thức, làm giảm chất lượng đảng viên. Tính tự nguyện, tự giác thể hiện trước hết ở thái độ tích cực của quần chúng ưu tú trong học tập lý luận chính trị, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước ở cơ sở. Đối với quần chúng là người DTTS, sự tự giác còn thể hiện ở việc vượt qua khó khăn về trình độ, ngôn ngữ, điều kiện sinh hoạt để rèn luyện, thử thách bản thân trong thực tiễn, gắn phấn đấu cá nhân với lợi ích chung của cộng đồng dân tộc và địa phương. Khi quần chúng ưu tú có động cơ phấn đấu đúng đắn, bền bỉ và liên tục, tổ chức đảng có điều kiện thuận lợi để theo dõi, đánh giá toàn diện về phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực thực tiễn trước khi xem xét kết nạp. Nếu xem nhẹ yếu tố này, công tác kết nạp dễ rơi vào hình thức, thành tích ảnh hưởng lâu dài đến năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng ở vùng biên giới phía Bắc.

Thứ sáu, điều kiện KT-XH của người dân ở các tỉnh biên giới phía Bắc là yếu tố khách quan có tính quy định trực tiếp đến chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở nơi đây. Trình độ phát triển kinh tế, mức sống, điều kiện học tập, tiếp cận thông tin và mức độ ổn định xã hội không chỉ chi phối nhận thức chính trị mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến động cơ, thái độ và khả năng phấn đấu vào Đảng của quần chúng ưu tú là người DTTS. Trong bối cảnh nhiều địa bàn biên giới còn gặp khó khăn, kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, đời sống Nhân dân chưa ổn định, quần chúng ưu tú thường phải tập trung giải quyết nhu cầu mưu sinh, dẫn đến hạn chế về thời gian và điều kiện tham gia

học tập lý luận chính trị, rèn luyện trong các phong trào ở cơ sở, từ đó tác động không nhỏ đến chất lượng nguồn kết nạp Đảng.

Thứ bảy, những chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước được ban hành đã tác động trực tiếp, tích cực tới quần chúng người DTTS như nâng cao dân trí, nâng cao nhận thức chính trị, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS và củng cố HTCT ở cơ sở. Nghị quyết số 24-NQ/TW, Hội nghị Trung ương 7 khóa IX ngày 12/3/2003 “*Về công tác dân tộc*” là nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng ta về công tác dân tộc trong thời kỳ đổi mới, chương trình 143 về xoá đói, giảm nghèo, chương trình 135 về phát triển KT-XH ở các xã đặc biệt khó khăn, trong giai đoạn 2011 - 2018 đã có 205 chính sách hỗ trợ phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi được ban hành, điều này đã tác động tích cực trong quá trình thực hiện công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc trong thời gian qua.

2.2.3. Tiêu chí đánh giá chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc

2.2.3.1. Mức độ nhận thức, tinh thần trách nhiệm và sự tham gia của cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên và quần chúng Nhân dân đối với công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số

Mức độ nhận thức, tinh thần trách nhiệm và sự tham gia của cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên và quần chúng ưu tú người DTTS là một tiêu chí có ý nghĩa then chốt, mang tính quyết định. Thực tiễn cho thấy, nơi nào cấp uỷ, tổ chức đảng nhận thức đầy đủ, sâu sắc vai trò chiến lược của công tác kết nạp đảng viên là người DTTS thì ở đó công tác lãnh đạo, chỉ đạo được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, bảo đảm cả về số lượng, cơ cấu và chất lượng, gắn kết hài hoà giữa yêu cầu chính trị với đặc thù dân tộc, địa bàn biên giới. Trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên có tác động trực tiếp đến hiệu quả tạo nguồn, bồi dưỡng và rèn luyện quần chúng ưu tú là người DTTS; sự gương mẫu, tận tụy và gần dân của đảng viên chính là yếu tố củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng. Đồng thời, khi quần chúng ưu tú là người DTTS có

nhận thức đúng đắn về mục tiêu, lý tưởng của Đảng và ý thức rõ trách nhiệm CT-XH của bản thân, động cơ vào Đảng sẽ trong sáng, tự giác và bền vững. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể liên quan chính là một tiêu chí trọng yếu để đánh giá và nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Từ việc nhận thức rõ trách nhiệm của mình, cấp uỷ các cấp phải quán triệt đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về công tác kết nạp đảng viên vùng DTTS, nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của việc kết nạp đảng viên người DTTS trong xây dựng tổ chức đảng và HTCT ở cơ sở. Thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quy định của Đảng. Trách nhiệm gương mẫu của cấp uỷ viên, bí thư cấp uỷ, các cấp uỷ viên phải là người tiên phong trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác kết nạp đảng viên vùng DTTS. Đánh giá tiêu chí này cần dựa vào các dấu hiệu cụ thể sau:

Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác kết nạp đảng viên: Trong công tác xây dựng đảng ở vùng biên giới phía Bắc, tiêu chí về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp uỷ giữ vai trò then chốt, trực tiếp quyết định chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Cấp uỷ các cấp phải quán triệt sâu sắc quan điểm coi kết nạp đảng viên là người DTTS là nhiệm vụ chính trị chiến lược, lâu dài, gắn chặt với yêu cầu củng cố HTCT ở cơ sở, giữ vững ổn định CT-XH và chủ quyền biên giới quốc gia. Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cần được cụ thể hoá bằng nghị quyết, chương trình, kế hoạch phù hợp đặc thù từng địa bàn, từng dân tộc; đề cao trách nhiệm của tập thể cấp uỷ và người đứng đầu. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát kịp thời uốn nắn lệch lạc, khắc phục tư tưởng coi nhẹ chất lượng, chạy theo chỉ tiêu số lượng; bảo đảm công tác kết nạp đảng viên DTTS thực sự nghiêm túc, bền vững và hiệu quả. Cấp uỷ phải xây dựng kế hoạch hằng năm về kết nạp đảng viên là người DTTS, bao gồm: chỉ tiêu số lượng, chất lượng, cơ cấu đảng viên. Địa bàn trọng điểm cần ưu tiên (vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới khó khăn). Kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện phải

phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, được thảo luận và thông qua trong các kỳ họp cấp ủy.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy các cấp đối với công tác kết nạp đảng viên: tăng cường chỉ đạo các tổ chức đảng trong việc phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu quần chúng ưu tú là người DTTS để kết nạp Đảng. Phân công cán bộ phụ trách từng địa bàn cụ thể để theo dõi, hỗ trợ công tác kết nạp đảng viên. Ưu tiên các vùng khó khăn nhằm đảm bảo tất cả các thôn ở vùng biên giới, vùng khó khăn đều có đảng viên, chi bộ hoạt động hiệu quả. Tăng cường chỉ đạo kết nạp đảng viên tại các vùng đặc biệt khó khăn, nơi chưa có chi bộ độc lập.

Đánh giá nhận thức, trách nhiệm của quần chúng là người dân tộc thiểu số: Nhận thức và trách nhiệm của quần chúng người DTTS giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Trước hết, được thể hiện ở mức độ hiểu biết đúng đắn của quần chúng về mục tiêu, lý tưởng của Đảng, về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp phát triển KT-XH, giữ vững QP-AN và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia. Nhận thức đúng chính là cơ sở hình thành động cơ vào Đảng trong sáng, tự nguyện, không vụ lợi. Bên cạnh đó, trách nhiệm của quần chúng người DTTS còn được đánh giá qua ý thức chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tinh thần tiên phong, gương mẫu trong lao động sản xuất, tham gia phong trào ở cơ sở và ý thức rèn luyện đạo đức, lối sống. Việc quần chúng chủ động phấn đấu, tự giác tu dưỡng và sẵn sàng đảm nhận nhiệm vụ được giao là thước đo quan trọng phản ánh chất lượng nguồn kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

2.2.3.2. Thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, đúng quy trình và hiệu quả các nội dung công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số

Thứ nhất, tập trung đánh giá việc xác định chủ trương, quan điểm, phương châm và biện pháp lãnh đạo đối với công tác kết nạp đảng viên. Năm vững tiêu chuẩn và điều kiện, các cấp ủy và chi bộ xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên. Xác định, lựa chọn những quần chúng ưu tú có đủ điều kiện, bảo

đảm về tiêu chuẩn và có chiều hướng phát triển để tiến hành bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện, thử thách. Việc xác định đối tượng quần chúng ưu tú cần dựa vào các tổ chức CT-XH ở cơ sở, tham khảo ý kiến Nhân dân, sự tín nhiệm của dân. Đánh giá việc lựa chọn những quần chúng người DTTS thực sự ưu tú để cử đi học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam tại trung tâm chính trị cấp xã. Đánh giá việc tiến hành thẩm tra, xác minh làm rõ lý lịch của người xin vào Đảng, chỉ đạo cho quần chúng góp ý kiến, xem xét, đánh giá quá trình rèn luyện phấn đấu được tổ chức giới thiệu vào Đảng. Đây là một bước rất quan trọng, bởi nếu cấp ủy cơ sở cử người đi thẩm tra không có kinh nghiệm thì hiệu quả của công tác thẩm tra không cao, thậm chí có thể không chính xác, thiếu khách quan. Có một số trường hợp người vào Đảng không trung thực tự khai trong lý lịch của do có mối quan hệ với người nước ngoài (có người thân di cư, định cư ở Trung Quốc, Lào; có trường hợp người thân trong gia đình đã bị xử lý vì làm tay sai, thám báo cho địch). Đánh giá quá trình phấn đấu của quần chúng, đồng thời hoàn thiện những thủ tục cần thiết đề nghị cấp ủy có thẩm quyền xem xét và ra quyết định kết nạp. Việc đánh giá phải được thực hiện một cách nghiêm túc, người được phân công giúp đỡ phải chịu trách nhiệm trước chi bộ, tổ chức đảng về những nội dung đánh giá, nhận xét. Chi bộ họp xét đề nghị kết nạp đảng viên và gửi báo cáo kết quả cùng với văn bản đề nghị cấp ủy cơ sở xem xét.

Thứ hai, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện công tác kết nạp đảng viên là người DTTS.

Nội dung đánh giá trọng tâm là việc xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch cụ thể về công tác kết nạp Đảng, trong đó có chỉ tiêu, lộ trình, giải pháp rõ ràng; chỉ đạo các chi bộ trực thuộc phát hiện, bồi dưỡng, tạo nguồn và kết nạp đảng viên một cách bài bản, đúng quy trình.

Thứ ba, thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ đúng quy định về quy trình, thủ tục trong công tác kết nạp đảng viên là người DTTS.

- 1) Điều kiện của người xin vào Đảng.
- 2) Thủ tục kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại).
- 3) Công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện công tác kết nạp đảng viên.
- 4) Việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện công tác kết nạp đảng viên.

2.2.3.3. Kết quả công tác kết nạp đảng viên gắn với năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương

Kết quả công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc cần được đánh giá toàn diện trên cả phương diện số lượng, chất lượng và cơ cấu, trong đó chất lượng là yếu tố quyết định. Việc lựa chọn, bồi dưỡng, kết nạp những quần chúng ưu tú, nhất là người DTTS, cán bộ cơ sở, lực lượng vũ trang và đảng viên trẻ có uy tín trong cộng đồng sẽ tạo nguồn nhân lực chính trị quan trọng, bảo đảm tính kế thừa, ổn định và phát triển của cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở vùng biên. Về số lượng, cơ cấu, chất lượng và phân bố có mối quan hệ chặt chẽ, tác động trực tiếp đến chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Việc bảo đảm số lượng không thuần túy nhằm tăng quy mô đảng viên mà phải gắn với yêu cầu xóa các thôn, bản “trắng đảng viên”, củng cố tổ chức đảng ở cơ sở. Cơ cấu đảng viên cần hợp lý về độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, chú trọng phát triển nguồn cán bộ trẻ, người có uy tín trong cộng đồng. Chất lượng là tiêu chí trung tâm, thể hiện ở bản lĩnh chính trị, trình độ nhận thức và năng lực vận động quần chúng. Trên cơ sở đó, phân bố đảng viên hợp lý theo địa bàn chiến lược sẽ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng ở vùng biên giới.

Đồng thời kết quả công tác kết nạp đảng viên là người DTTS có mối quan hệ hữu cơ với việc củng cố năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Đảng viên là người DTTS mới nếu được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn lao động sản xuất, xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, giữ gìn an ninh

biên giới sẽ góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và hiệu quả tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng. Ngược lại, nếu coi nhẹ tiêu chuẩn chính trị, đạo đức, chạy theo chỉ tiêu số lượng, sẽ làm suy giảm vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức đảng, nhất là ở các địa bàn khó khăn, nhạy cảm. Nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS thì tiêu chí về vai trò của cấp ủy cơ sở lãnh đạo các chi, đảng bộ trực thuộc là vô cùng cần thiết. Vì vậy, tiêu chí về vai trò của cấp ủy cơ sở trong lãnh đạo các chi bộ trong công tác kết nạp đảng viên phải được thể hiện:

Bên cạnh đó kết quả công tác kết nạp đảng viên là người DTTS gắn chặt với hiệu quả lãnh đạo phát triển KT-XH ở các tỉnh biên giới phía Bắc là tiêu chí khách quan, là thước đo trên thực tế chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Vì vậy, đánh giá chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc cần đánh giá việc triển khai hiệu quả các chủ trương về phát triển kinh tế cửa khẩu, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới gắn với bảo đảm QP-AN ở từng địa phương; niềm tin của Nhân dân đối với Đảng được củng cố, tạo nền tảng CT-XH vững chắc cho sự phát triển bền vững vùng biên giới phía Bắc. Trong điều kiện đặc thù của các tỉnh biên giới phía Bắc, chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS có ý nghĩa quyết định không chỉ đối với xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở mà còn trực tiếp tác động đến kết quả phát triển KT-XH, giữ vững QP-AN trên địa bàn.

Chất lượng đầu ra sau khi kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc phải được đánh giá thông qua quá trình rèn luyện, phấn đấu liên tục và thực chất. Chất lượng đảng viên không dừng lại ở việc hoàn thiện hồ sơ kết nạp mà thể hiện ở sự chuyển biến về bản lĩnh chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần gương mẫu trong đời sống cộng đồng. Đảng viên người DTTS cần khẳng định vai trò hạt nhân chính trị ở thôn, bản, tích cực tuyên truyền, vận động đồng bào chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời chủ động đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc, chia rẽ khối đại

đoàn kết. Việc gắn rèn luyện sau kết nạp với phân công nhiệm vụ cụ thể và kiểm tra, giám sát thường xuyên là yếu tố quyết định nâng cao chất lượng đầu ra.

Chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS còn tác động đến hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy và tổ chức đảng trong giải quyết các vấn đề xã hội phức tạp ở vùng biên giới. Đảng viên là người DTTS có bản lĩnh chính trị vững vàng sẽ góp phần giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh làm thất bại các luận điệu xuyên tạc, kích động chia rẽ, đồng thời củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc còn thể hiện ở tính bền vững và nguồn cơ hội phát triển đối với người DTTS. Đó chính là thước đo quan trọng phản ánh chiều sâu và chất lượng thực chất của công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Tính bền vững không chỉ thể hiện ở việc duy trì số lượng đảng viên sau kết nạp mà cốt lõi là xây dựng được nguồn phát triển đảng ổn định, liên tục, gắn với nâng cao dân trí, phát triển sinh kế và củng cố HTCT ở cơ sở. Công tác kết nạp phải đồng thời mở ra cơ hội đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng cán bộ là người DTTS, tạo điều kiện để đảng viên trưởng thành, cống hiến lâu dài. Thông qua đó, đội ngũ đảng viên người dân tộc thiểu số thực sự trở thành lực lượng kế cận tin cậy, góp phần củng cố niềm tin chính trị và bảo đảm sự lãnh đạo bền vững của Đảng ở khu vực biên giới.

Trên đây là những tiêu chí cụ thể, dựa chắc vào đó có thể xem xét, đánh giá toàn diện chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Tiểu kết chương 2

Chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc xuất phát từ những yêu cầu khách quan, toàn diện cả về lý luận và thực tiễn trong tiến trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Việc xác lập các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS, chính là sự cụ thể hóa nguyên lý xây dựng Đảng trong điều kiện cụ thể của một quốc gia đa dân tộc. Đồng thời, đây cũng là biểu hiện sinh động của đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm tính đại diện, tính tiên phong và năng lực lãnh đạo toàn diện của Đảng ở những địa bàn đặc thù, nơi đòi hỏi phải có các hạt nhân chính trị đủ phẩm chất, năng lực và uy tín để tổ chức thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng trong đời sống xã hội.

Nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS không chỉ là yêu cầu của công tác xây dựng Đảng mà còn là điều kiện có ý nghĩa quyết định đối với việc củng cố HTCT ở cơ sở, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, khu vực biên giới phía Bắc, nơi tập trung đông đồng bào DTTS, giữ vị trí đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Việc kết nạp quần chúng ưu tú là người DTTS, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, năng lực thực tiễn và uy tín xã hội cao, không chỉ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng mà còn bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn HTCT, nhất là ở các địa bàn chiến lược, trọng yếu, “phên dậu” của Tổ quốc.

Chất lượng đội ngũ đảng viên là người DTTS chính là thước đo phản ánh năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ ở địa bàn miền núi, biên giới. Do đó, nâng cao chất lượng công tác này phải được xem là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, có tính hệ thống, gắn liền với chiến lược phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS, nhằm xây dựng đảng thực sự trong sạch, vững mạnh từ cơ sở, đáp ứng yêu cầu để Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới.

Chương 3

CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

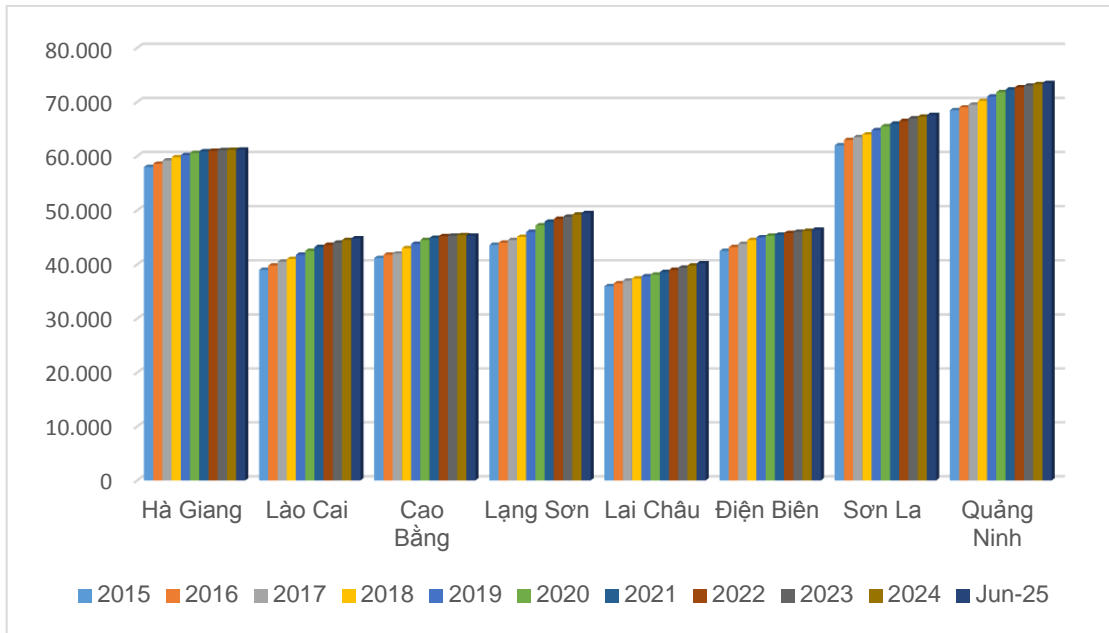
3.1. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC HIỆN NAY

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Mức độ nhận thức, tinh thần trách nhiệm và sự tham gia của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên và quần chúng ưu tú trong công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số từng bước được nâng lên

Từ năm 2015 đến tháng 6/2025, việc quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng về kết nạp đảng viên, kết nạp đảng viên người DTTS tại các tỉnh biên giới phía Bắc đã có chuyển biến tích cực. Cấp ủy các cấp ngày càng nhận thức sâu sắc nhiệm vụ chính trị quan trọng, có ý nghĩa chiến lược đối với củng cố HTCT ở cơ sở và giữ vững ổn định vùng biên. Tổ chức đảng chủ động xây dựng kế hoạch, chú trọng bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên bền vững.

Căn cứ quan trọng cho việc xây dựng chương trình, kế hoạch kết nạp đảng viên là Nghị quyết đại hội Đảng các cấp, cũng như các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy các cấp về công tác dân tộc, miền núi và xây dựng TCCSD. Các kế hoạch cụ thể được xây dựng dựa trên khảo sát thực tế về cơ cấu dân cư, tỷ lệ dân số DTTS, tình hình nguồn kết nạp đảng viên tại từng thôn, bản, xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Nhờ đó, cơ cấu, số lượng và chất lượng đảng viên người DTTS được tính toán một cách khoa học, bảo đảm sự hài hòa giữa nhu cầu phát triển tổ chức đảng với thực tiễn nguồn nhân lực tại chỗ. Một số cấp ủy đã phân tích kỹ hiện trạng “trắng đảng viên” hoặc “trắng chi bộ” tại các thôn, bản để đặt chỉ tiêu cụ thể, từ đó định hướng công tác tạo nguồn, bồi dưỡng và kết nạp một cách thiết thực, tránh hình thức và chạy theo số lượng.

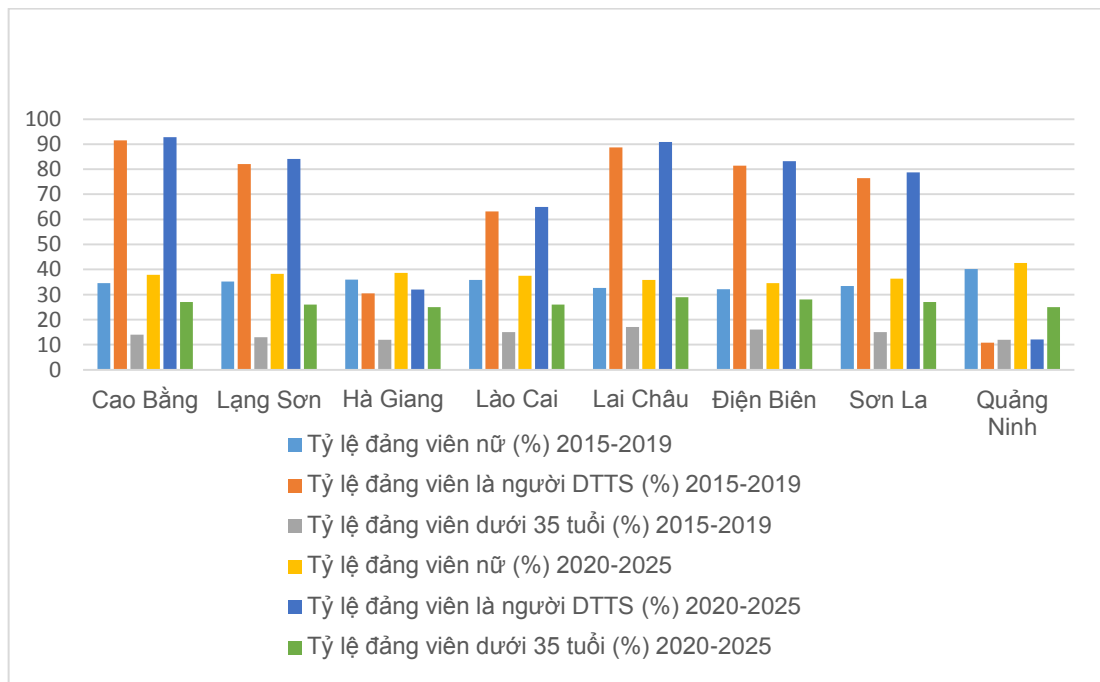


Biểu đồ 3.1. Số lượng đảng viên của 8 tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025

Nguồn: Tổng hợp từ Ban Tổ chức tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Bắc

Qua khảo sát thực tế (Biểu đồ 3.1) cho thấy sự phân hóa rõ rệt về số lượng đảng viên được kết nạp giữa các tỉnh biên giới phía Bắc. Nổi bật là Quảng Ninh và Sơn La với quy mô cao nhất và tốc độ tăng trưởng ổn định, phản ánh lợi thế về dân số và điều kiện phát triển. Nhóm trung bình gồm Hà Giang, Lạng Sơn, Điện Biên và Cao Bằng có mức tăng đều nhưng thấp hơn. Trong khi đó, Lào Cai và Lai Châu có số lượng thấp nhất do điều kiện địa lý khó khăn và nguồn phát triển hạn chế. Tuy nhiên, tất cả các địa phương đều duy trì xu hướng tăng, cho thấy công tác phát triển Đảng được triển khai tương đối đồng bộ và hiệu quả. Sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển KT-XH với củng cố tổ chức đảng. Những địa phương còn nhiều khó khăn như Lai Châu, Điện Biên, Cao Bằng tuy xuất phát điểm thấp hơn nhưng vẫn đạt tốc độ tăng trưởng tương đối vững chắc, thể hiện nỗ lực mở rộng nguồn, chú trọng chất lượng kết nạp, nhất là ở vùng đồng bào DTTS. Xu hướng tăng liên tục của đội ngũ đảng viên toàn vùng góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng ở cơ sở, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, qua đó tạo

nền tảng chính trị vững chắc cho phát triển bền vững, giữ vững QP-AN và chủ quyền biên giới quốc gia. Một trong những ưu điểm nổi bật là việc quán triệt chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương được các tỉnh biên giới phía Bắc thực hiện một cách nghiêm túc, bài bản, thường xuyên. Sau khi có các văn bản chỉ đạo của Trung ương như Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng, Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030, các cấp ủy tại địa phương đã chủ động tổ chức hội nghị quán triệt, học tập nghị quyết tới cán bộ, đảng viên với tinh thần trách nhiệm cao.



Biểu đồ 3.2. Cơ cấu đội ngũ đảng viên các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025

Nguồn: Tổng hợp từ Ban Tổ chức tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Bắc

Qua điều tra xã hội học (Biểu đồ 3.2) cho thấy, cơ cấu đội ngũ đảng viên tỷ lệ đảng viên nữ tăng đồng đều ở tất cả các tỉnh và toàn vùng (từ 34,9% lên 37,6%), điều này phản ánh sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành

động của các cấp ủy các cấp đối với công tác cán bộ nữ, góp phần nâng cao tính đại diện giới và phát huy vai trò của phụ nữ trong HTCT ở cơ sở. Cơ cấu đội ngũ đảng viên giữa các tỉnh biên giới phía Bắc có sự khác biệt nhất định. Tỷ lệ đảng viên là người DTTS cao nhất ở Cao Bằng, Lai Châu và Điện Biên, phản ánh đặc trưng dân cư vùng sâu, vùng xa. Trong khi đó, Quảng Ninh có tỷ lệ này thấp hơn nhưng lại nổi bật về tỷ lệ đảng viên nữ và xu hướng trẻ hóa đội ngũ. Các tỉnh như Lạng Sơn và Sơn La duy trì cơ cấu tương đối cân đối giữa các nhóm. Nhìn chung, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy xu hướng tăng tỷ lệ đảng viên nữ và đảng viên trẻ, góp phần nâng cao chất lượng và tính kế thừa trong xây dựng Đảng ở khu vực biên giới. Một số tỉnh có tỷ lệ DTTS cao như Cao Bằng, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai tiếp tục giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở, gắn với củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Tỷ lệ đảng viên dưới 35 tuổi tăng mạnh, tăng gần gấp đôi (từ 14,4% lên 27,0%), cho thấy bước tiến rõ rệt trong công tác trẻ hóa đội ngũ đảng viên. Đây là yếu tố quan trọng bảo đảm tính kế thừa, sức sống và năng lực thích ứng của Đảng trong bối cảnh mới, đặc biệt ở các tỉnh biên giới còn nhiều khó khăn nhưng có yêu cầu cao về ổn định chính trị và phát triển bền vững.

Các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Điện Biên đã tổ chức các hội nghị học tập không chỉ ở cấp tỉnh mà đến tận cấp xã, thôn, bảo đảm mọi đảng viên, cán bộ người DTTS ở cơ sở đều được tiếp cận, nắm vững tinh thần nghị quyết. Ở tỉnh Cao Bằng, từ năm 2020 đến năm 2024, đã tổ chức 425 lớp học tập, quán triệt nghị quyết cho hơn 27.000 lượt cán bộ, đảng viên DTTS; riêng cấp xã và chi bộ thôn, bản chiếm 82,5% tổng số lớp [9]. Tại tỉnh Lạng Sơn, chỉ riêng năm 2023 đã tổ chức 118 hội nghị học tập nghị quyết với 14.560 lượt cán bộ, đảng viên tham gia, trong đó gần 65% là đảng viên người DTTS [40].

Một số tỉnh đã áp dụng phương thức quán triệt linh hoạt như sử dụng tiếng dân tộc trong thuyết trình, tổ chức hội nghị luân phiên theo cụm bản, thôn hoặc phát tài liệu học tập bằng song ngữ (Kinh, Mông, Dao, Nùng, Tày, ...) để

bảo đảm hiệu quả tiếp nhận, việc học tập nghị quyết, chỉ thị của Đảng không còn hình thức mà trở thành sinh hoạt chính trị định kỳ tại cơ sở. Quá trình quán triệt không dừng lại ở việc học tập nghị quyết mà được cụ thể hóa bằng chương trình hành động, kế hoạch công tác. Điểm sáng trong thực tiễn là nhiều địa phương đã ban hành các nghị quyết chuyên đề, kế hoạch kết nạp đảng viên người DTTS gắn với phát triển KT-XH, xây dựng HTCT ở cơ sở. Tỉnh Hà Giang từ năm 2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành riêng Đề án số 01-ĐA/TU về phát triển đảng viên người DTTS giai đoạn 2016 - 2020, trong đó quy định rõ chỉ tiêu phát triển đảng viên theo từng địa phương và thôn, bản. Tỉnh ủy Điện Biên xây dựng kế hoạch giao trách nhiệm cụ thể cho cấp ủy các cấp, coi việc phát triển đảng viên người DTTS là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, được kiểm điểm, đánh giá hằng năm. Tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch số 73-KH/TU ngày 25/6/2021 về tăng cường công tác phát triển đảng viên ở vùng đồng bào DTTS, đề ra chỉ tiêu kết nạp mới 2.000 đảng viên người DTTS mỗi năm; đến hết năm 2024, toàn tỉnh đã kết nạp 8.420 đảng viên DTTS, chiếm 68% tổng số đảng viên mới [40].

Sự thống nhất cao giữa chủ trương của cấp ủy với hành động cụ thể của từng cấp, từng cá nhân trong HTCT. Tại một số địa phương, cấp ủy các cấp đã xác định rõ việc cụ thể hóa kế hoạch phát triển đảng viên người DTTS không chỉ là trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng mà là nhiệm vụ chung của cả HTCT. Việc triển khai nhiệm vụ được phân cấp rõ ràng: Cấp tỉnh chịu trách nhiệm định hướng chung và ban hành kế hoạch tổng thể; cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai theo từng xã, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; cấp xã và chi bộ cơ sở chủ động xác định nguồn, tạo nguồn, bồi dưỡng và kết nạp đảng viên. Trong đó, tỉnh Cao Bằng có 10/13 huyện, thành phố đã ban hành nghị quyết chuyên đề riêng về phát triển đảng viên DTTS, trong đó giao chỉ tiêu cụ thể đến từng xã, phường, thị trấn; kết quả đến năm 2024, toàn tỉnh có 9.812 đảng viên mới được kết nạp, trong đó 72% là người DTTS [9].

Căn cứ vào cơ sở để xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên được xác lập dựa trên phân tích thực tiễn dân số, cơ cấu dân tộc, trình độ học vấn, chất lượng nguồn cán bộ trẻ tại địa phương. Việc điều tra, rà soát nguồn kết nạp đảng viên được tiến hành thường niên, gắn với cập nhật thông tin dân cư, dữ liệu thống kê dân số vùng đồng bào DTTS. Tại các tỉnh như Điện Biên, Lạng Sơn, Lai Châu, các địa phương vùng sâu, vùng xa đều có danh sách cụ thể về số lượng thanh niên DTTS trong độ tuổi, số đã tốt nghiệp trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng và đại học, từ đó làm cơ sở để xác định đối tượng tiềm năng kết nạp Đảng. Năm 2024, toàn vùng biên giới phía Bắc có hơn 18.500 thanh niên DTTS trong độ tuổi kết nạp Đảng, trong đó 7.800 người đã được đào tạo nghề hoặc có trình độ trung cấp trở lên [63].

Về quy trình bồi dưỡng, kết nạp và chuyển đảng chính thức, các địa phương đã tuân thủ chặt chẽ hướng dẫn của Trung ương, đồng thời có sự điều chỉnh linh hoạt cho phù hợp với điều kiện đặc thù biên giới. Các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng được tổ chức theo cụm xã hoặc cụm thôn, bản, có hỗ trợ dịch thuật hoặc cán bộ giảng dạy là người DTTS để bảo đảm người học tiếp thu đầy đủ. Từ năm 2020 đến năm 2024, ở Cao Bằng đã mở 198 lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, với 11.200 học viên, trong đó 95% là người DTTS; tỷ lệ đạt yêu cầu kết nạp chiếm 92,7% [9]. Ở tỉnh Lạng Sơn, 86 lớp bồi dưỡng tương tự được tổ chức với gần 5.000 học viên, tỷ lệ hoàn thành xuất sắc chiếm 88,5% [40].

Theo kết quả khảo sát, đa số ý kiến được hỏi đều đánh giá việc quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng về thực hiện xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa công tác kết nạp đảng viên là người DTTS, với tỉ lệ 62% ý kiến đánh giá *rất quan trọng* và 38% đánh giá *quan trọng* cho thấy sự thống nhất cao trong nhận thức xã hội về vai trò của chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Đây là minh chứng rõ nét khẳng định công tác này không chỉ mang ý nghĩa tổ chức, mà còn có giá trị chiến lược về chính

trị, xã hội và QP-AN. Đảng viên là người DTTS giữ vai trò hạt nhân chính trị tại cơ sở, góp phần củng cố niềm tin của đồng bào dân DTTS với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sự đồng thuận tuyệt đối trong đánh giá cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục nâng cao chất lượng, bảo đảm tính bền vững và hiệu quả lâu dài của công tác kết nạp trong giai đoạn mới [Phụ lục 11].

Sự nghiêm túc trong rèn luyện, thử thách, chuyển đảng chính thức cũng là một trong những điểm mạnh. Sau khi kết nạp, đảng viên dự bị là người DTTS đều được phân công người giúp đỡ, theo dõi, hướng dẫn sinh hoạt chi bộ và thực hiện nhiệm vụ. Ở nhiều chi bộ vùng sâu, công tác kiểm tra, giám sát đảng viên dự bị được thực hiện định kỳ, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Tỷ lệ đảng viên DTTS được chuyển đảng chính thức sau 12 tháng chiếm trên 95%, cho thấy tính nghiêm túc trong đánh giá và chuẩn bị, đồng thời phản ánh sự đồng thuận và quyết tâm chính trị cao của cả tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên.

Hiệu quả công tác quán triệt và triển khai là kết quả kết nạp đảng viên DTTS tại các tỉnh biên giới phía Bắc, theo số liệu tổng hợp từ Ban Tổ chức Trung ương, từ năm 2015 đến năm 2023, toàn vùng đã kết nạp được hơn 48.000 đảng viên là người DTTS, chiếm gần 30% tổng số đảng viên mới kết nạp. Riêng năm 2022, tỉnh Hà Giang kết nạp 2.187 đảng viên mới, trong đó người DTTS chiếm 47,8%; tỉnh Lào Cai kết nạp 1.096 đảng viên, tỷ lệ người DTTS 43,2%; tỉnh Điện Biên kết nạp 984 đảng viên, trong đó người DTTS 48,5%; tỉnh Cao Bằng kết nạp 1.012 đảng viên, tỷ lệ người DTTS 45,7%; tỉnh Lạng Sơn kết nạp 902 đảng viên, trong đó người DTTS 41,3% [Phụ lục 4].

Việc quán triệt, cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng về kết nạp đảng viên người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6/2025 đã phát huy nhiều ưu điểm vượt trội. Từ việc nâng cao nhận thức chính trị trong toàn HTCT, xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên có căn cứ và tầm nhìn dài hạn đến việc tổ chức thực hiện khoa học, chủ động, linh hoạt và hiệu quả, tất cả đã tạo nên nền tảng vững chắc để nâng cao chất lượng đội ngũ

đảng viên người DTTS, những nhân tố quan trọng góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng, bảo vệ vững chắc vùng biên cương của Tổ quốc.

3.1.1.2. Thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, đúng quy trình và hiệu quả các nội dung công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc từng bước được nâng lên

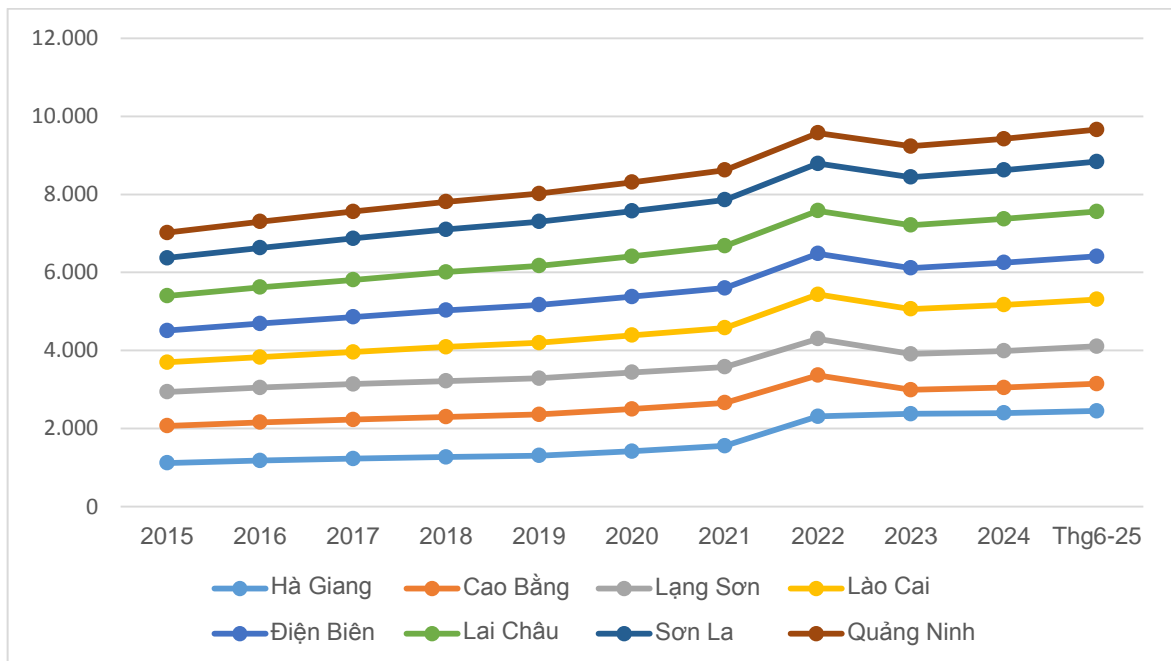
Chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc được thể hiện thông qua việc tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung công tác kết nạp đảng viên như: Tạo nguồn, bồi dưỡng nguồn; điều kiện, quy trình, thủ tục kết nạp và tổ chức thực hiện kết nạp; kiểm tra, giám sát công tác kết nạp đảng viên; sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm. Thực tiễn cho thấy, các địa phương đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nội dung này một cách nghiêm túc, bài bản, đúng quy định của Điều lệ Đảng, đồng thời có sự linh hoạt, sáng tạo phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào DTTS.

Một là, tạo nguồn, bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện đối tượng kết nạp đảng là quần chúng ưu tú người dân tộc thiểu số được coi trọng.

Tạo nguồn và bồi dưỡng quần chúng ưu tú là khâu đầu tiên, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng kết nạp đảng viên, ở các tỉnh biên giới phía Bắc, nơi đồng bào DTTS sinh sống đông, địa bàn rộng, giao thông khó khăn. Nhận thức rõ vai trò của khâu này, cấp ủy các tỉnh đã xác định nhiệm vụ phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp đảng viên là người DTTS là tiêu chí then chốt trong xây dựng TCCSD vững mạnh, góp phần củng cố HTCT ở cơ sở và tăng cường niềm tin của Nhân dân với Đảng. Hằng năm, cấp ủy các cấp đều xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác kết nạp đảng viên, gắn chỉ tiêu kết nạp đảng viên là người DTTS vào nghị quyết, chương trình công tác. Nhiều địa phương đã ban hành nghị quyết, đề án chuyên đề về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, trong đó chú trọng các khu vực đồng bào DTTS. Theo số liệu tổng hợp của Ban Tổ chức Trung ương, toàn vùng đã xóa hoàn toàn tình trạng “trắng tổ chức đảng” ở các thôn, bản; kết nạp được trên 9.660 đảng viên là người DTTS, chiếm

khoảng 22% tổng số đảng viên kết nạp trong giai đoạn. Bình quân mỗi năm, các tỉnh biên giới phía Bắc kết nạp từ 4.000 đến 5.000 đảng viên là người DTTS, tăng từ 15 đến 20% so với giai đoạn 2010 - 2015 [Phụ lục 04].

Công tác tạo nguồn được tiến hành thường xuyên, có hệ thống, dựa vào các tổ chức CT-XH và đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng. Ở các địa bàn như huyện Mèo Vạc (tỉnh Hà Giang), huyện Trùng Khánh (tỉnh Cao Bằng), huyện Bát Xát (tỉnh Lào Cai) hay huyện Sốp Cộp (tỉnh Sơn La), ở chi bộ đã phát huy vai trò của đảng viên nòng cốt trong việc giới thiệu quần chúng ưu tú, đảm bảo công tác phát hiện và lựa chọn nguồn được tiến hành thận trọng, chú trọng phẩm chất, uy tín, năng lực và khả năng vận động quần chúng. Nhiều nơi xây dựng “sổ theo dõi nguồn phát triển đảng viên” để cập nhật thường xuyên, qua đó chủ động hơn trong việc bồi dưỡng, kèm cặp quần chúng có triển vọng.



Biểu đồ 3.3. Số liệu kết nạp đảng viên người dân tộc thiểu số tại các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025

Nguồn: Tổng hợp từ Ban Tổ chức tỉnh uỷ các tỉnh biên giới phía Bắc

Khảo sát thực tế cho thấy (Biểu đồ 3.3), xu hướng tăng trưởng tương đối ổn định về số lượng đảng viên mới kết nạp tại các tỉnh biên giới phía Bắc.

Toàn vùng có quy mô kết nạp lớn, tăng dần theo thời gian, từ khoảng 7.020 đảng viên năm 2015 lên gần 9.660 đảng viên vào giữa năm 2025, với tổng số ước đạt 89.600 đảng viên. So sánh hai mốc 2015 và tháng 6/2025, hầu hết các tỉnh đều tăng từ 3.000-5.000 đảng viên, song mức tăng có xu hướng chậm lại sau năm 2020. Điều này cho thấy, sự chuyển biến rõ rệt về tư duy lãnh đạo: từ chú trọng mở rộng số lượng sang coi trọng chất lượng, tính bền vững và hiệu quả CT-XH của đội ngũ đảng viên. Thực tiễn đó khẳng định công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ngày càng được thực hiện chặt chẽ, gắn với nâng cao tiêu chuẩn, uy tín và vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu củng cố HTCT vùng biên giới trong tình hình mới. Điều đó cũng phản ánh nỗ lực duy trì nguồn bổ sung cho Đảng, đáp ứng yêu cầu củng cố TCCSĐ, tăng cường sức chiến đấu của HTCT ở khu vực biên giới. Tỉnh Hà Giang là địa phương có số lượng kết nạp cao nhất và tăng mạnh từ sau năm 2020, đặc biệt từ năm 2022 đến tháng 6/2025, đột phá trong công tác tạo nguồn, bồi dưỡng quần chúng ưu tú, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS, tỉnh Cao Bằng có biến động giảm trong một vài năm gần đây, phản ánh yêu cầu ngày càng chặt chẽ hơn về tiêu chuẩn, điều kiện kết nạp, gắn số lượng với chất lượng.

Công tác bồi dưỡng nhận thức về Đảng được tổ chức nghiêm túc, ngày càng đổi mới về nội dung, phương pháp. Các trung tâm chính trị định kỳ mở lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng luân phiên theo cụm xã, cụm thôn, bản, tạo điều kiện thuận lợi cho người học là người DTTS ở vùng sâu, vùng xa. Đảng viên là cán bộ Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức hoặc cán bộ cấp tỉnh có kinh nghiệm, am hiểu phong tục, tiếng nói dân tộc. Ở nhiều địa phương như Mường Khương (tỉnh Lào Cai), Đồng Văn (tỉnh Hà Giang), đảng viên còn sử dụng song ngữ Việt - Mông hoặc Việt - Dao giúp học viên dễ tiếp thu. Nội dung giảng dạy không chỉ bám sát chương trình lý luận cơ bản mà còn được lồng ghép nhiều chuyên đề thực tiễn như vai trò của đảng viên trong xây dựng nông

thôn mới, bảo vệ chủ quyền biên giới, phát triển kinh tế hộ gia đình, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phòng, chống tội phạm xuyên biên giới.

Thực tiễn ở các tỉnh biên giới phía Bắc cho thấy công tác bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho quần chúng ưu tú, nhất là người DTTS, ngày càng được các cấp ủy quan tâm và tổ chức bài bản, năm 2022 tại tỉnh Điện Biên đã tổ chức 86 lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho hơn 4.200 học viên, trong đó người DTTS chiếm 78%; tỷ lệ học viên hoàn thành và được cấp giấy chứng nhận đạt từ 92 đến 95% [18]. Thông qua việc mở rộng quy mô, đa dạng hóa hình thức và nâng cao chất lượng các lớp bồi dưỡng, tỷ lệ học viên là người DTTS luôn chiếm ưu thế và tỷ lệ hoàn thành chương trình ở mức cao. Điều này phản ánh sự chuyên biến tích cực trong công tác tạo nguồn, đồng thời khẳng định hiệu quả của việc gắn bồi dưỡng lý luận với thực tiễn địa bàn cơ sở. Ở tỉnh Hà Giang, 102 lớp được tổ chức cho gần 5.000 học viên, người DTTS chiếm khoảng 82%, tỷ lệ đạt yêu cầu đạt 94% [24]. Tỉnh Cao Bằng từ năm 2020 đến năm 2024, toàn tỉnh mở 197 lớp với 11.200 học viên, 95% là người DTTS, tỷ lệ đạt yêu cầu 92,7% [9]. Tỉnh Lạng Sơn đến hết năm 2024 đã tổ chức 86 lớp bồi dưỡng với 4.850 học viên, trong đó người DTTS chiếm hơn 70%, tỷ lệ hoàn thành chương trình đạt 88,5% [39]. Đáng chú ý, một số địa phương đã mạnh dạn đổi mới phương thức tổ chức theo hướng linh hoạt, sát dân, đưa lớp học đến tận thôn, bản, kết hợp truyền thụ lý luận với giáo dục truyền thống, nêu gương cán bộ, người có uy tín và giới thiệu các mô hình phát triển KT-XH. Tỉnh Lào Cai triển khai mô hình “lớp cảm tình Đảng lưu động”, do Ban Tuyên giáo tỉnh phối hợp với các đơn vị trong lực lượng vũ trang, biên phòng tổ chức, mời cán bộ, đảng viên lão thành và người có uy tín trực tiếp chia sẻ kinh nghiệm. Các lớp học thường được tổ chức tại các xã trung tâm như Nậm Chảy, A Mú Sung, Y Tý, vừa học lý luận, vừa tham quan mô hình sản xuất nông thôn mới, qua đó củng cố động cơ, lý tưởng phấn đấu vào Đảng [25]. Cách làm

này không chỉ nâng cao nhận thức chính trị mà còn góp phần củng cố động cơ phấn đấu, bảo đảm tính tự giác, bền vững trong quá trình kết nạp đảng viên là người DTTS.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin được coi là bước tiến quan trọng trong công tác bồi dưỡng. Từ năm 2021, tỉnh Lào Cai triển khai mô hình “Lớp học chính trị trực tuyến” kết nối giữa trung tâm chính trị với các điểm cầu xã, giúp giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, đồng thời mở rộng cơ hội học tập cho người dân vùng sâu, vùng xa. Đến năm 2024, toàn tỉnh đã tổ chức hơn 150 lớp bồi dưỡng, trong đó 35% lớp học kết hợp trực tuyến, trực tiếp, đạt hiệu quả cao. Kết quả đạt được từ công tác bồi dưỡng thể hiện rõ sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy. Theo tổng hợp của Ban Tổ chức Trung ương, trong tổng số hơn 48.000 đảng viên là người DTTS được kết nạp từ năm 2020 đến tháng 6/2025, có 97,5% là đoàn viên ưu tú, 88% có trình độ trung học phổ thông trở lên, 16% có trình độ cao đẳng, đại học; trên 60% đang công tác tại các tổ chức đoàn thể, thôn [70].

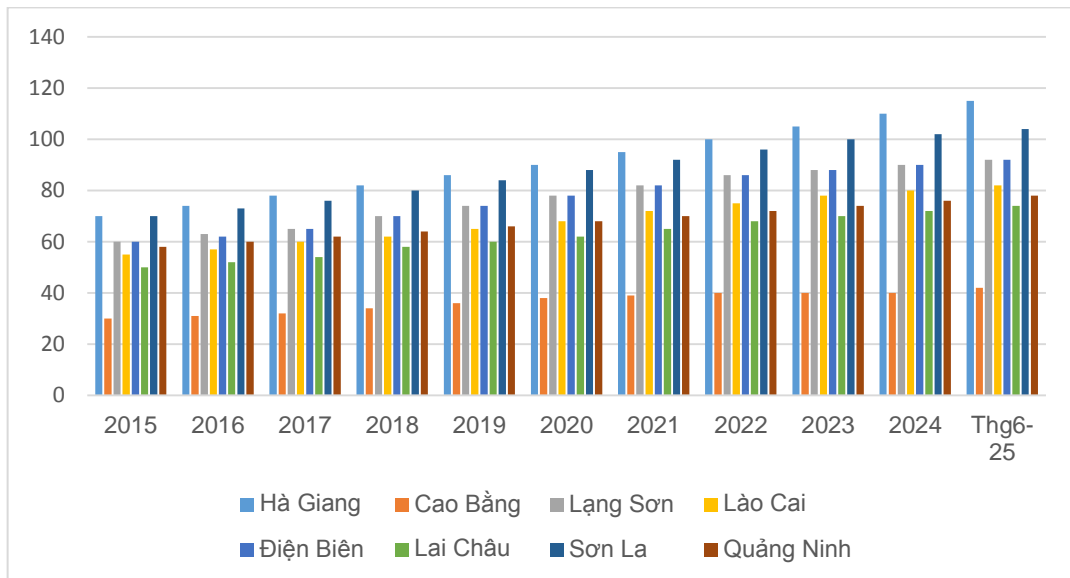
Công tác tạo nguồn, bồi dưỡng quần chúng ưu tú ở các tỉnh biên giới phía Bắc đã được triển khai đồng bộ, bài bản, đi vào thực chất. Quy trình được chuẩn hóa, HTCT vào cuộc mạnh mẽ, nội dung giảng dạy sát với đặc điểm vùng miền, phương pháp linh hoạt, dễ tiếp thu. Nhờ đó, chất lượng đội ngũ quần chúng được bồi dưỡng ngày càng nâng cao, đáp ứng yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực công tác, góp phần trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên là người DTTS và củng cố tổ chức đảng ở cơ sở.

Hai là, việc triển khai điều kiện, quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên được thực hiện nghiêm túc

Công tác kết nạp đảng viên là khâu trung tâm trong xây dựng đảng, nhằm bảo đảm tính kế thừa, phát triển và sức chiến đấu của TCCSĐ. Ở các tỉnh biên giới phía Bắc, kết nạp đảng viên là người DTTS luôn được xác định là nhiệm vụ chiến lược, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu

của HTCT ở cơ sở. Thực tiễn cho thấy, địa phương đã thực hiện nghiêm túc quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên theo quy định của Trung ương, đồng thời có sự linh hoạt phù hợp với điều kiện đặc thù vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS.

Về điều kiện của người được xem xét kết nạp, cấp ủy các cấp đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc quy định tại Điều lệ Đảng, bảo đảm người xin vào Đảng phải có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, có uy tín trong cộng đồng, gắn bó mật thiết với Nhân dân, có năng lực công tác và tinh thần phục vụ tập thể. Các tỉnh đã cụ thể hóa tiêu chuẩn này bằng nhiều văn bản chỉ đạo và hướng dẫn chi tiết. Tỉnh ủy Lào Cai ban hành quy định về tiêu chí lựa chọn nguồn kết nạp, trong đó yêu cầu đảng viên mới phải “có ý chí phấn đấu, tinh thần tự lực, gương mẫu trong lao động sản xuất và chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước” [32]. Tỉnh Cao Bằng cụ thể hóa tiêu chuẩn bằng việc yêu cầu người được xem xét kết nạp phải có thời gian sinh sống, làm việc ổn định tại địa bàn ít nhất 12 tháng và có hai năm liền hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [9].



Biểu đồ 3.4. Số lượng các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng ở các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025

Nguồn: Tổng hợp từ Ban Tổ chức tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Bắc

Biểu đồ về số lượng các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6/2025 cho thấy xu hướng tăng ổn định ở tất cả các tỉnh biên giới phía Bắc, phản ánh sự quan tâm ngày càng sâu sắc của cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác tạo nguồn phát triển đảng viên, nhất là nguồn đảng viên là người dân tộc thiểu số. Quy mô các lớp bồi dưỡng được mở rộng qua từng năm, trong đó Hà Giang, Sơn La và Điện Biên là những địa phương duy trì số lượng lớp ở mức cao, trong khi một số tỉnh như Cao Bằng và Lạng Sơn có tốc độ tăng chậm hơn. Sự gia tăng này cho thấy các địa phương đã chú trọng hơn đến việc chuẩn bị nguồn kết nạp đảng viên ngay từ khâu giáo dục, bồi dưỡng nhận thức chính trị cho quần chúng ưu tú.

Đối với các tỉnh biên giới phía Bắc, nơi đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ lớn, các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng không chỉ là điều kiện bắt buộc trong quy trình kết nạp mà còn là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin vào Đảng và phát hiện những nhân tố tích cực ở cơ sở. Tuy nhiên, sự khác biệt về số lượng lớp giữa các địa phương cũng phản ánh sự không đồng đều về nguồn phát triển đảng viên, điều kiện tổ chức và năng lực lãnh đạo của cấp ủy. Vì vậy, cùng với việc mở rộng quy mô, cần chú trọng nâng cao chất lượng chương trình, phương pháp bồi dưỡng và hiệu quả sau đào tạo, bảo đảm nguồn quần chúng là người dân tộc thiểu số có đủ phẩm chất, động cơ phấn đấu và năng lực để trở thành đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên ở các tỉnh biên giới phía Bắc trong giai đoạn mới.

Về quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên, các tỉnh biên giới phía Bắc đã triển khai chặt chẽ, khoa học và linh hoạt theo đặc thù từng địa bàn. Toàn bộ quy trình kết nạp gồm các bước: Xác định đối tượng, phân công đảng viên giúp đỡ; thẩm tra lý lịch; lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể và Nhân dân nơi cư trú; họp chi bộ xem xét, biểu quyết; cấp ủy cơ sở ra nghị quyết đề nghị kết nạp; cấp có thẩm quyền ra quyết định và tổ chức lễ kết nạp. Mỗi bước được

kiểm soát nghiêm ngặt, có biên bản, danh sách theo dõi, chữ ký xác nhận của các bên liên quan.

Trong công tác xác minh, thẩm tra lý lịch, các tỉnh biên giới phía Bắc đã chú trọng tính khách quan, toàn diện. Vùng biên giới, nhiều trường hợp người xin vào Đảng có thân nhân sinh sống ở nước ngoài hoặc từng di cư qua biên giới. Để khắc phục những khó khăn, các tỉnh ủy Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu đều ban hành quy định riêng về quy trình thẩm tra, yêu cầu các tổ chức đảng phối hợp với cơ quan công an, mặt trận và lực lượng biên phòng trong việc xác minh nhân thân [70]. Độ chính xác trong thẩm tra hồ sơ đạt trên 98%, giảm rõ rệt tình trạng hồ sơ bị trả lại hoặc kéo dài thời gian xử lý.

Các tỉnh đã mạnh dạn áp dụng công nghệ số trong quản lý, theo dõi và xử lý hồ sơ kết nạp đảng viên. Tỉnh Lào Cai từ năm 2019 đã đưa vào vận hành phần mềm quản lý đảng viên đồng bộ từ cấp xã đến cấp tỉnh, giúp giảm thời gian thẩm định lý lịch từ 15 ngày xuống còn 7-10 ngày [32]. Còn ở tỉnh Cao Bằng triển khai hệ thống số hóa hồ sơ đảng viên từ năm 2021, giúp giảm hơn 40% thời gian thẩm định, đồng thời loại bỏ hoàn toàn sai sót trong khâu nhập dữ liệu [9]. Hệ thống này hiện đã được kết nối với Ban Tổ chức Trung ương, cho phép giám sát tiến độ và kết quả kết nạp theo thời gian thực. Đây là điểm mới thể hiện sự chuyển đổi mạnh mẽ trong phương thức quản lý công tác đảng viên, phù hợp xu thế chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng.

Các bước lấy ý kiến, biểu quyết, xét duyệt được thực hiện dân chủ, công khai, đúng quy định. Việc biểu quyết phải bảo đảm tối thiểu hai phần ba số đảng viên chính thức tán thành. Toàn vùng hiện duy trì tỷ lệ 100% chi bộ có biên bản ghi âm, ghi hình tại cuộc họp xét kết nạp để lưu trữ, minh bạch hóa quá trình [70]. Sau khi chi bộ ra nghị quyết, cấp ủy cơ sở xem xét lần cuối, nếu đủ điều kiện thì trình cấp có thẩm quyền ra quyết định. Việc ứng dụng biểu mẫu điện tử giúp giảm trung bình 30% thời gian so với quy trình trước.

Việc phân công đảng viên giúp đỡ, kèm cặp người được xem xét kết nạp ngày càng đi vào nền nếp. Đảng viên được phân công thường là cán bộ xã, giáo viên, công an viên, trưởng bản có kinh nghiệm, uy tín và tinh thần trách nhiệm cao. Họ không chỉ giúp người được giới thiệu nắm vững tiêu chuẩn đảng viên mà còn trực tiếp hướng dẫn về phương pháp rèn luyện, tham gia hoạt động cộng đồng, viết bản tự nhận xét, báo cáo quá trình phấn đấu. Theo thống kê, trung bình mỗi năm, toàn vùng có khoảng 18.000 lượt đảng viên được phân công giúp đỡ quần chúng ưu tú, trong đó 92% hoàn thành nhiệm vụ và được đánh giá “tốt” trở lên [70].

Công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình kết nạp được tăng cường. Ban Tổ chức cấp tỉnh định kỳ kiểm tra hồ sơ, nắm tình hình thực hiện ở cơ sở, phát hiện và kịp thời chấn chỉnh những nơi còn hình thức, chạy theo chỉ tiêu. Từ năm 2020 đến tháng 6/2025, toàn vùng đã tổ chức 4.865 cuộc kiểm tra chuyên đề về phát triển đảng viên, xử lý 27 trường hợp vi phạm quy trình, chiếm tỷ lệ 0,05%, thấp hơn 0,4% so với giai đoạn trước [70]. Việc giám sát thường xuyên giúp công tác kết nạp bảo đảm tính chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy định.

Nhiều tỉnh đã phát huy phương thức “đi cơ sở ba cùng” của cán bộ xây dựng đảng, nhằm phát hiện và bồi dưỡng quần chúng ưu tú tại chỗ. Nhờ phương thức này, ở nhiều xã biên giới, số lượng đảng viên mới là người DTTS tăng nhanh, đặc biệt trong đội ngũ đoàn viên, giáo viên, dân quân tự vệ, công an viên. Tỷ lệ đảng viên là người DTTS trong tổng số đảng viên toàn vùng tăng từ 21% năm 2020 lên 27,8% năm 2025 [70].

Thực tế cho thấy, quy trình kết nạp đảng viên ở các tỉnh biên giới phía Bắc không chỉ được chuẩn hóa mà còn được cải tiến linh hoạt để phù hợp với đặc điểm vùng miền. Việc kết hợp chặt chẽ giữa quy định của Trung ương và sáng kiến địa phương giúp công tác kết nạp đảng viên ngày càng hiệu quả. Ở tỉnh Lào Cai, việc xét duyệt hồ sơ kết nạp được thực hiện song song giữa ban tổ chức tỉnh và hệ thống đảng ủy cơ sở qua phần mềm “quản lý đảng viên”, bảo

đảm minh bạch, rút ngắn thời gian và giảm tải thủ tục hành chính. Ở hai tỉnh Sơn La và Điện Biên, các chi bộ ở khu vực biên giới còn tổ chức “Hội nghị đối thoại trước khi kết nạp”, mời đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam và đoàn thể tham gia nhận xét để bảo đảm tính dân chủ và đồng thuận xã hội [46,20].

Việc tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc đã đạt được những kết quả nổi bật. Toàn vùng không để xảy ra tình trạng kết nạp sai quy trình, sai thẩm quyền; chất lượng hồ sơ bảo đảm, quy trình minh bạch, công khai, được số hóa và lưu trữ đầy đủ. Tỷ lệ hồ sơ hoàn thành đúng hạn đạt 98%, tỷ lệ đảng viên dự bị được công nhận chính thức sau 12 tháng thử thách đạt từ 93-96% [70]. Theo kết quả khảo sát về tầm quan trọng trong công tác xem xét, thẩm tra và kết nạp đảng viên, đây chính là việc thực hiện quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên với tỉ lệ ý kiến được hỏi đều đánh giá ở mức rất quan trọng 98,7% và ý kiến đánh giá ở mức quan trọng là 0,8% và có 0,5% ý kiến đánh giá ở trung bình [Phụ lục 11].

Những kết quả trên phản ánh rõ sự chuyển biến tích cực trong tư duy và phương thức lãnh đạo của cấp ủy ở vùng đồng bào DTTS. Từ chỗ nặng về hình thức, chạy theo số lượng, công tác kết nạp đảng viên hiện nay đã chuyển sang chú trọng chất lượng, lấy phẩm chất, năng lực, uy tín và tinh thần trách nhiệm làm thước đo. Quy trình, thủ tục được chuẩn hóa, gắn kết chặt chẽ giữa công tác tuyên truyền, bồi dưỡng và kiểm tra, giám sát kiểm tra, giám sát kiểm tra, giám sát. Đây là minh chứng cho tinh thần “kết nạp phải đi đôi với rèn luyện, quản lý”, thể hiện tính nghiêm túc, bài bản và hiệu quả trong công tác xây dựng TCCSD ở vùng biên giới phía Bắc.

Ba là, tổ chức kết nạp đảng viên được tiến hành nghiêm túc

Tổ chức kết nạp đảng viên là khâu thể hiện tính trang trọng, thiêng liêng của quá trình xây dựng Đảng, đồng thời là bước đánh dấu sự trưởng thành về nhận thức chính trị, tư tưởng và bản lĩnh của người vào Đảng. Ở các tỉnh biên giới phía Bắc, việc tổ chức kết nạp đảng viên là người DTTS luôn được tiến

hành nghiêm túc, đúng quy định, gắn với giáo dục truyền thống, củng cố niềm tin của quần chúng vào Đảng.

Cấp ủy đã quán triệt sâu sắc quy định của Ban Chấp hành Trung ương về trình tự, thủ tục kết nạp, đây là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng TCCSD. Lễ kết nạp đảng viên được tổ chức trang nghiêm, đúng nghi thức, bảo đảm tính giáo dục, tính nêu gương và tính cộng đồng. Theo hướng dẫn của Trung ương, trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được quyết định kết nạp của cấp có thẩm quyền, chi bộ phải tổ chức lễ kết nạp cho đảng viên mới; nếu để quá thời gian, phải có báo cáo và được cấp ủy cấp trên đồng ý. Nhờ tuân thủ nghiêm quy định này, từ năm 2020 đến tháng 6/2025, toàn vùng không có trường hợp nào tổ chức lễ kết nạp sai thời hạn hoặc sai nghi thức [70].

Từ năm 2020 đến tháng 6/2025 tỉnh Lào Cai đã tổ chức 1.350 buổi lễ kết nạp đảng viên, trong đó trên 62% số lễ được tổ chức tại thôn, bản, trường học, trạm y tế hoặc đồn biên phòng, thu hút hơn 120.000 lượt quần chúng tham dự [32]. Tỉnh Cao Bằng, từ năm 2020 đến năm 2024, có 986 buổi lễ được tổ chức, trung bình mỗi năm có trên 4.500 quần chúng ưu tú tham gia, tạo hiệu ứng tuyên truyền tích cực, góp phần mở rộng ảnh hưởng của tổ chức đảng trong cộng đồng [9]. Các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lạng Sơn cũng có tỷ lệ lễ kết nạp gắn với các sự kiện chính trị lớn đạt trên 70% tổng số, phản ánh tính chủ động và sáng tạo trong công tác tổ chức. Quy trình tổ chức lễ kết nạp được thực hiện đúng quy định, các chi bộ đều thực hiện nguyên tắc “kết nạp từng người một”, tuyệt đối không tổ chức kết nạp tập thể. Đảng viên mới sau khi tuyên thệ được phân công đảng viên chính thức giúp đỡ trong thời gian dự bị. Nhiều địa phương, để tăng tính giáo dục, sau lễ kết nạp, chi bộ còn tổ chức tọa đàm, nói chuyện truyền thống hoặc gặp gỡ đảng viên cao tuổi tiêu biểu. Mô hình này được áp dụng thành công ở các tỉnh Lạng Sơn, Hà Giang, Lào Cai, tạo dấu ấn tích cực trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng.

Một số tỉnh đã đổi mới hình thức tuyên thệ của đảng viên mới bằng việc sử dụng song ngữ, phù hợp với đặc điểm địa bàn. Ở các xã vùng cao như Mường Nhé (tỉnh Điện Biên), Đồng Văn (tỉnh Hà Giang), Nậm Cháy (tỉnh Lào Cai), phần tuyên thệ được đọc bằng cả tiếng Việt và tiếng dân tộc để tăng tính lan tỏa, giúp người dân hiểu sâu sắc hơn về lý tưởng và lời thề của người đảng viên. Một số nơi còn quay phim, ghi hình lễ kết nạp để lưu trữ và phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục thế hệ trẻ.

Sau lễ kết nạp, đảng viên dự bị phải trải qua 12 tháng rèn luyện, thử thách để được xét công nhận chính thức. Cấp ủy cơ sở phân công đảng viên chính thức hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của đảng viên dự bị. Việc rèn luyện tập trung vào ba nội dung: tham gia sinh hoạt đảng, học tập chính trị và hoàn thành nhiệm vụ được giao tại địa bàn. Theo thống kê của Ban Tổ chức Trung ương, tỷ lệ đảng viên dự bị được công nhận chính thức sau 12 tháng đạt 94,5%, tăng 6,2% so với giai đoạn 2010 - 2015; trong đó, 98% được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, chỉ 0,2% bị xóa tên do vi phạm kỷ luật hoặc không sinh hoạt định kỳ [70]. Việc theo dõi, đánh giá đảng viên dự bị được thực hiện công khai, minh bạch, có sự tham gia của tập thể chi bộ và các tổ chức đoàn thể. Mỗi quý, đảng viên dự bị phải viết bản tự nhận xét, báo cáo quá trình rèn luyện, có xác nhận của đảng viên hướng dẫn và ý kiến của chi bộ. Các chi bộ tổ chức họp định kỳ xem xét, nhận xét và xếp loại từng đảng viên dự bị. Một số nơi áp dụng mô hình “sổ rèn luyện điện tử”, cho phép đảng viên dự bị cập nhật nội dung học tập, công tác, tham gia phong trào trực tuyến, giúp việc theo dõi thuận tiện, khách quan. Mô hình này được triển khai đầu tiên tại tỉnh Lào Cai, sau đó nhân rộng ở các tỉnh Sơn La, Cao Bằng từ năm 2023, được đánh giá là một bước tiến trong chuyển đổi số công tác đảng viên.

Công tác biểu dương, khen thưởng đảng viên mới được các cấp ủy quan tâm, hằng năm vào dịp sơ kết công tác xây dựng đảng, các tỉnh đều tổ chức

tuyên dương đảng viên mới tiêu biểu, nhất là đảng viên trẻ người dân tộc thiểu số có thành tích trong lao động sản xuất, học tập hoặc công tác xã hội. Từ năm 2015 đến tháng 6/2025, toàn vùng có hơn 6.500 đảng viên mới được biểu dương, chiếm 12,8% tổng số đảng viên mới kết nạp [70]. Việc khen thưởng kịp thời không chỉ tạo động lực rèn luyện cho đảng viên mới mà còn góp phần lan tỏa tinh thần phấn đấu vào Đảng trong quần chúng. Thực tiễn cho thấy, công tác tổ chức kết nạp đảng viên ở các tỉnh biên giới phía Bắc có nhiều đổi mới, thể hiện sự linh hoạt và sáng tạo của cấp ủy cơ sở. Quy trình, nghi thức được thực hiện chặt chẽ nhưng không cứng nhắc; kết hợp hài hòa giữa tính nghi lễ, tính giáo dục, tính dân vận. Nhận thức đúng đắn về ý nghĩa chính trị của công tác kết nạp đảng viên, ở nhiều địa phương, lễ kết nạp Đảng không còn được tổ chức một cách hình thức, khép kín mà đã được nâng tầm trở thành một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng. Thông qua việc tổ chức trang trọng, nghiêm túc, gắn với tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng, các buổi lễ này đã thu hút sự tham gia của đông đảo Nhân dân, đoàn viên, thanh niên, qua đó lan tỏa niềm tự hào, củng cố niềm tin vào Đảng và tạo động lực phấn đấu, rèn luyện cho quần chúng ưu tú. Qua đó, ý nghĩa của việc đứng trong hàng ngũ của Đảng được lan tỏa, nâng cao niềm tự hào, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng.

Công tác tổ chức kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025 được triển khai đồng bộ, đúng quy định, phát huy hiệu quả về chính trị, tư tưởng và xã hội. Quy trình được chuẩn hóa, nghi thức được duy trì trang trọng, công tác rèn luyện sau kết nạp được tổ chức bài bản. Chất lượng đảng viên mới bảo đảm, tỉ lệ hoàn thành nhiệm vụ cao, thể hiện rõ bước chuyển từ “chạy theo số lượng” sang “chú trọng chất lượng”, góp phần củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng TCCSD ngày càng trong sạch, vững mạnh.

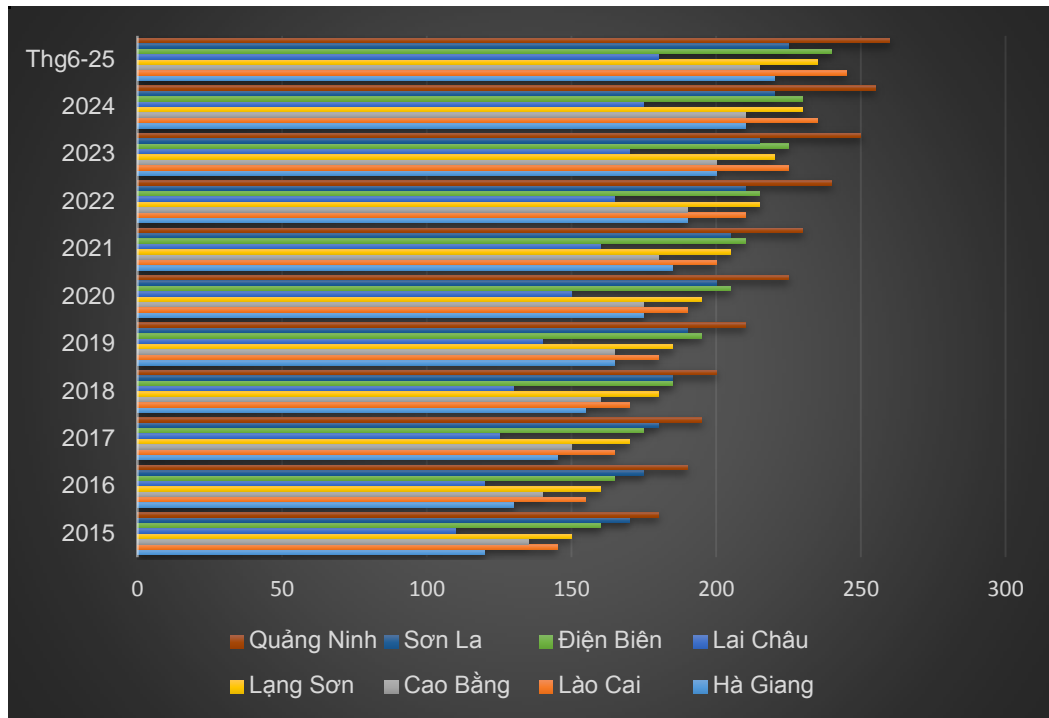
Tổ chức thực hiện các bước trong quy trình bồi dưỡng, kết nạp và rèn luyện đảng viên mới người DTTS tại các tỉnh biên giới phía Bắc đã có sự đổi mới mạnh mẽ, mang tính hệ thống và ngày càng hiệu quả. Đây không chỉ là kết quả của việc vận dụng linh hoạt các hướng dẫn của Trung ương vào thực tiễn các tỉnh biên giới mà còn là minh chứng cho sự quyết tâm chính trị của cấp ủy các cấp trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ở những địa bàn khó khăn, chiến lược. Những ưu điểm trong tổ chức thực hiện các khâu then chốt này góp phần quan trọng xây dựng tổ chức đảng vững mạnh từ cơ sở, củng cố lòng tin của đồng bào DTTS đối với Đảng, đồng thời tạo tiền đề để phát triển nguồn cán bộ kế cận có chất lượng cho vùng biên cương của Tổ quốc.

Bốn là, kiểm tra, giám sát, thực hiện sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác kết nạp đảng viên được tiến hành thường xuyên

Công tác kiểm tra, giám sát trong kết nạp đảng viên người DTTS đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt được những kết quả quan trọng, phản ánh sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của cấp ủy các cấp, đồng thời khẳng định vai trò thiết yếu của công tác kiểm tra, giám sát trong bảo đảm chất lượng và tính nghiêm túc của quy trình phát triển Đảng ở khu vực đặc thù này.

Một là, về kiểm tra việc quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, hoạt động kiểm tra, giám sát đã thể hiện rõ vai trò hướng dẫn, nhắc nhở, đôn đốc các cấp ủy địa phương trong việc cụ thể hóa các chủ trương về phát triển đảng viên người DTTS thành các chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế từng địa bàn. Từ năm 2015 đến tháng 6/2025, 100% cấp ủy các cấp tại các tỉnh biên giới phía Bắc đều ban hành các kế hoạch triển khai Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) về xây dựng, chỉnh đốn đảng và HTCT gắn với công tác kết nạp đảng viên DTTS. Tỉnh Hà Giang, qua kiểm tra từ năm 2016 đến năm 2020 cho thấy, có 11/11 huyện, thành phố đều xây dựng

kế hoạch riêng về kết nạp đảng viên DTTS với chỉ tiêu cụ thể từng năm, từng xã, từng thôn bản. Ở tỉnh Sơn La, kết quả giám sát năm 2020 của UBKT Tỉnh ủy cho thấy có 87,6% chi bộ thôn bản có kế hoạch kết nạp đảng viên là người DTTS được xây dựng bám sát định hướng của huyện ủy, đảng ủy xã. Tỉnh Lạng Sơn, từ năm 2016 đến năm 2023, 100% các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên người DTTS gắn với chương trình củng cố TCCSD vùng biên; riêng năm 2022, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã tiến hành 62 cuộc kiểm tra, giám sát chuyên đề về công tác kết nạp đảng viên, qua đó nhắc nhở 15 TCCSD còn chậm cụ thể hóa chỉ tiêu và bổ sung 07 kế hoạch phát triển đảng viên vùng đồng bào dân tộc [37].



Biểu đồ 3.5. Số lượng các đợt kiểm tra, giám sát đảng viên tại các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025

Nguồn: Tổng hợp từ Ban Tổ chức tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Bắc

Từ thực tế điều tra xã hội học cho thấy (Biểu đồ 3.5), xu hướng tăng liên tục và khá đồng đều qua các năm cho thấy công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ngày càng được coi trọng và triển khai quyết liệt ở các tỉnh biên giới phía

Bắc. Tổng số đợt kiểm tra toàn vùng tăng từ 1.170 đợt năm 2015 lên 1.765 đợt năm 2024 và 1.820 đợt vào 6/2025, phản ánh sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cấp ủy các cấp trong việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Sự gia tăng số lượng kiểm tra, giám sát gắn liền với yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, nhất là trong bối cảnh các tỉnh biên giới phía Bắc có điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn, địa bàn rộng, dân cư phân tán, đa dạng về dân tộc. Việc duy trì tần suất kiểm tra thường xuyên giúp kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên; đồng thời phòng ngừa vi phạm ngay từ cơ sở, không để phát sinh điểm nóng. Các tỉnh Quảng Ninh, Sơn La, Điện Biên và Lào Cai là những địa phương có số đợt kiểm tra, giám sát ở mức cao và tăng nhanh, phản ánh sự chủ động của cấp ủy trong việc gắn công tác kiểm tra, giám sát với yêu cầu phát triển KT-XH, quản lý đất đai, tài nguyên, đầu tư công, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm QP-AN khu vực biên giới. Đây cũng là những lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm nếu thiếu sự lãnh đạo, kiểm soát chặt chẽ của Đảng.

Hai là, về tổ chức thực hiện công tác kết nạp đảng viên người DTTS, các đoàn kiểm tra các cấp tập trung vào việc đánh giá chất lượng thực hiện các bước trong quy trình như: Phát hiện, giới thiệu nguồn, kiểm tra lý lịch, tham gia lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, thử thách thực tiễn và ra quyết định kết nạp. Từ năm 2015 đến năm 2023, riêng tỉnh Lào Cai đã tổ chức hơn 350 cuộc kiểm tra, giám sát ở các xã vùng cao về công tác kết nạp đảng viên. Tỷ lệ hồ sơ đảng viên bị trả lại hoặc yêu cầu bổ sung chi tiết đã giảm mạnh, từ mức 18,2% năm 2016 xuống chỉ còn 4,7% năm 2022. Tỉnh Điện Biên, qua giám sát chuyên đề năm 2021, phát hiện 93% hồ sơ đảng viên mới được hoàn thiện đúng tiến độ, đúng quy trình, đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của Trung ương. Tại tỉnh Cao Bằng, từ năm 2018 đến năm 2023, các đoàn kiểm tra của UBKT Tỉnh ủy đã tiến hành 214 cuộc kiểm tra về công tác kết nạp đảng viên người DTTS, qua đó phát hiện

và chấn chỉnh 9 trường hợp sai sót về hồ sơ, hướng dẫn bổ sung đúng quy định, giúp tỷ lệ hồ sơ đạt chuẩn tăng từ 91% năm 2018 lên 98,6% năm 2023 [8].

Ba là, về kiểm tra vai trò lãnh đạo của cấp ủy cơ sở đối với các chi bộ, tổ chức CT-XH trong công tác kết nạp đảng viên người DTTS, các cuộc kiểm tra đã giúp phát hiện kịp thời những nơi buông lỏng chỉ đạo hoặc khoán trắng cho chi bộ. Điển hình như tại huyện Mường Tè (tỉnh Lai Châu), năm 2018, đoàn kiểm tra của tỉnh ủy phát hiện 03 xã chưa phân công cấp ủy viên phụ trách công tác kết nạp đảng viên ở các thôn bản trọng điểm. Ban Thường vụ huyện ủy đã chỉ đạo bổ sung quy chế phân công, đồng thời xây dựng bảng theo dõi hàng tháng cho từng chi bộ. Nhờ đó, từ năm 2020 đến năm 2022, tỷ lệ chi bộ có đảng viên được kết nạp hằng năm đã tăng từ 68% lên 84%. Tỉnh Cao Bằng năm 2021, kiểm tra 26 xã trọng điểm kết nạp đảng cho thấy 100% cấp ủy đều có phân công cụ thể từng đồng chí phụ trách nhóm thôn bản, đồng hành với các chi bộ trong cả quy trình từ giới thiệu nguồn đến bồi dưỡng và xét kết nạp. Tại tỉnh Lạng Sơn (năm 2022), đoàn kiểm tra của UBKT tỉnh ủy đã tiến hành rà soát 41 chi bộ ở các huyện biên giới; kết quả cho thấy 95% chi bộ có phân công cấp ủy viên phụ trách công tác kết nạp đảng viên, trong đó nhiều mô hình được đánh giá là sáng tạo như “cấp ủy viên đồng hành với thôn khó khăn” tại huyện Lộc Bình và “đảng viên hướng dẫn thanh niên vào Đảng” tại huyện Đình Lập [38].

Công tác kiểm tra, giám sát đã chú trọng đến từng chủ thể cụ thể trong quy trình, từ TCCSD, các tổ chức đoàn thể, bản thân người được giới thiệu kết nạp. Tỉnh Lạng Sơn, từ năm 2015 đến năm 2022 đã tổ chức gần 150 cuộc giám sát nội dung việc phát hiện, giới thiệu nguồn trong các tổ chức CT-XH. Qua đó phát hiện 12 đơn vị chưa thực hiện đúng quy trình giới thiệu, thiếu tiêu chí đánh giá ban đầu, yêu cầu khắc phục. Nhờ sự sâu sát của công tác kiểm tra, từ năm 2020 trở đi, tỷ lệ đảng viên người DTTS kết nạp có nguồn giới thiệu từ tổ

chức đoàn thể chiếm hơn 70%, cho thấy vai trò rõ nét của tổ chức CT-XH trong việc tạo nguồn đảng viên.

Công tác kiểm tra, giám sát ngày càng chú trọng khâu “hậu kết nạp”, tức là theo dõi, đánh giá sự tiến bộ của đảng viên sau khi vào Đảng. Các tỉnh Sơn La, Hà Giang đều có báo cáo chuyên đề riêng về tình hình rèn luyện của đảng viên DTTS sau kết nạp. Theo báo cáo năm 2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hà Giang, trong số 3.482 đảng viên DTTS kết nạp từ năm 2015, có 96,3% được chuyển đảng chính thức đúng thời hạn, 2,4% được xem xét kéo dài do điều kiện thực tế vùng sâu, chỉ 1,3% bị xem xét chưa đủ điều kiện chuyển chính thức hoặc đề nghị xóa tên. Con số này phản ánh hiệu quả của hoạt động kiểm tra, giám sát kết hợp giữa chi bộ, cấp ủy và tổ chức đoàn thể đối với đảng viên mới. UBKT các cấp ở vùng cao còn thực hiện giám sát trực tiếp những trường hợp “mẫn cảm” như người DTTS sống rải rác, người thuộc hộ nghèo, người có trình độ học vấn thấp, để kịp thời hỗ trợ, chấn chỉnh trong rèn luyện chính trị, tư tưởng và đạo đức. Tại huyện Trùng Khánh (sau sáp nhập là 7 xã: Quang Hán, Trà Lĩnh, Quang Trung, Đoài Dương, Trung Khánh, Đàm Thủy, Đình Phong, tỉnh Cao Bằng) năm 2021, phát hiện 5 trường hợp đảng viên là người DTTS chưa đạt yêu cầu sinh hoạt chi bộ đầy đủ do đi làm ăn xa, được chi bộ phối hợp tổ chức sinh hoạt linh hoạt và tổ chức kèm cặp, kết quả, đến cuối năm, cả 5 người đều được chuyển đảng chính thức đúng thời hạn.

Tính chủ động, liên tục cập nhật hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, các địa phương đã thực hiện nghiêm túc hướng dẫn về công tác kết nạp đảng viên, chuyển đảng chính thức, đồng thời lồng ghép nội dung kiểm tra vào các đợt sinh hoạt định kỳ, chuyên đề. Cấp ủy các cấp ở tỉnh Hà Giang cho biết, năm 2022 toàn tỉnh tổ chức 124 cuộc kiểm tra đột xuất tại các chi bộ có tình trạng “trắng đảng viên”, trong đó 76% chi bộ đã thay đổi được kế hoạch và tăng chỉ tiêu kết nạp đảng viên người DTTS ngay sau kiểm tra.

Theo kết quả khảo sát về tiêu chí đánh giá chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc cho thấy, hoạt động kiểm tra, giám sát công tác kết nạp đảng viên người DTTS được đánh giá ở mức rất quan trọng và quan trọng chiếm tỉ lệ rất cao, rất quan trọng chiếm 58% và quan trọng chiếm 35% [Phụ lục 11]. Tỉ lệ này cho thấy, đây là tiêu chí quan trọng, góp phần tích cực nâng cao chất lượng, đảm bảo sự công bằng, khách quan, nghiêm túc trong quy trình phát triển Đảng. Những ưu điểm nổi bật như kiểm tra đồng bộ các tiêu chí, kiểm tra nhiều chủ thể, gắn kiểm tra trước - trong - sau kết nạp và đặc biệt là sự linh hoạt, sáng tạo trong giám sát các địa bàn đặc thù, đã và đang khẳng định đây là khâu then chốt giúp công tác kết nạp đảng viên ở khu vực này đạt hiệu quả bền vững, toàn diện hơn.

Công tác sơ kết, tổng kết được tổ chức ngày càng nền nếp, khoa học, gắn liền với các mốc thời gian định kỳ theo chỉ đạo của Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Tỉnh ủy, huyện ủy trong khu vực đã thực hiện nghiêm túc sơ kết 3 năm/lần và tổng kết 5 năm/lần công tác kết nạp đảng viên người DTTS, phù hợp với các chỉ thị, nghị quyết và kế hoạch của Đảng. Các tỉnh như Hà Giang, Sơn La, Lào Cai, Cao Bằng, Điện Biên, v.v, đã có lịch trình sơ kết rõ ràng, đảm bảo đúng quy trình từ cơ sở đến cấp tỉnh, đồng thời có sự tham gia đầy đủ của các phòng ban chức năng, tổ chức CT-XH và các chi bộ thôn bản. Từ năm 2015 đến năm 2023, ở tỉnh Cao Bằng toàn tỉnh đã tổ chức 02 hội nghị tổng kết cấp tỉnh và 18 hội nghị sơ kết cấp huyện về công tác kết nạp đảng viên là người DTTS, trong đó 100% các huyện biên giới như Trùng Khánh, Hạ Lang, Bảo Lạc đều có báo cáo riêng, phản ánh đầy đủ số liệu, kết quả và đề xuất giải pháp cụ thể cho từng địa bàn. Riêng năm 2022, Ban Tổ chức Tỉnh ủy Cao Bằng đã phối hợp với UBKT Tỉnh ủy tổ chức 12 đoàn khảo sát tại cơ sở, góp phần nâng cao chất lượng đánh giá thực tiễn [8]. Việc tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ giúp các địa phương có điều kiện đánh giá toàn diện cả quá trình, kịp thời phát hiện những cách làm hiệu quả và nhân rộng mô hình tích cực

Nhiều địa phương đã linh hoạt tổ chức tổng kết theo chuyên đề hoặc khi có yêu cầu đột xuất từ Trung ương hoặc từ thực tiễn đặt ra. Đây là nét mới thể hiện tinh thần chủ động, tích cực của cấp ủy các cấp trong công tác xây dựng Đảng vùng DTTS. Xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng, tính thực chất của công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số, Ban Tổ chức Trung ương đã chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện nhiệm vụ này như một khâu then chốt nhằm đánh giá đúng thực trạng và định hướng giải pháp phù hợp. Trên cơ sở đó, nhiều tỉnh biên giới phía Bắc như các tỉnh Lào Cai, Lạng Sơn, Lai Châu, Sơn La đã chủ động tổ chức tổng kết chuyên đề từ cấp xã, huyện đến cấp tỉnh, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, phản ánh sát thực tiễn, phục vụ báo cáo tổng thể nhưng không dừng lại ở yêu cầu hình thức.

Thực tiễn tại tỉnh Lạng Sơn năm 2021 cho thấy, việc chỉ đạo 11/11 huyện, thành phố tổ chức tổng kết chuyên đề giai đoạn 2016 - 2020 đã giúp phát hiện và biểu dương 26 mô hình hiệu quả như “chi bộ không còn thôn trắng đảng viên”, “đảng viên phụ trách vùng DTTS”, qua đó nâng cao rõ rệt tính chủ động của cơ sở trong thực hiện chỉ tiêu kết nạp. Tại tỉnh Lào Cai, năm 2020, tổng kết chuyên đề tại 4 huyện biên giới đã đúc rút được 6 mô hình điển hình và nhiều giải pháp thiết thực. Những kết quả này được củng cố bằng kết quả từ năm 2015 đến năm 2023, các tỉnh biên giới phía Bắc kết nạp hơn 45.000 đảng viên, trong đó khoảng 70% là người DTTS; riêng tỉnh Cao Bằng năm 2023 kết nạp 612 đảng viên, có 452 người DTTS (chiếm 73,9%), phần lớn đạt trình độ học vấn trung học phổ thông; tại Lạng Sơn, từ năm 2015 đến năm 2022, tỷ lệ đảng viên DTTS trong số kết nạp mới đạt trung bình 68,5%, trong đó 28% là đảng viên nữ [8,40]. Điều quan trọng là các báo cáo đã gắn số liệu với phân tích bối cảnh, điều kiện tạo nguồn và các mô hình hiệu quả từ thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng, tính bền vững của công tác kết nạp đảng viên người DTTS.

Việc kết hợp công tác sơ kết, tổng kết với công tác khảo sát thực tế và hội thảo chuyên đề cũng được đẩy mạnh. Nhiều địa phương đã tổ chức các đoàn

công tác xuống trực tiếp các xã vùng cao, bản xa để thu thập ý kiến cán bộ cơ sở, đảng viên và Nhân dân, từ đó làm phong phú nội dung báo cáo và tăng tính khả thi của giải pháp đề xuất. Các hội nghị tổng kết không còn khô cứng theo lối báo cáo đơn thuần mà trở thành diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm, lắng nghe tiếng nói từ cơ sở. Tỉnh Sơn La, trong đợt tổng kết 5 năm (năm 2021), tỉnh đã tổ chức hội nghị theo hình thức tọa đàm với sự tham gia của gần 100 bí thư chi bộ thôn bản, người có uy tín trong cộng đồng và cán bộ đoàn thể cấp xã, qua đó tổng hợp được 52 đề xuất giải pháp cải thiện chất lượng tạo nguồn và bồi dưỡng đảng viên DTTS. Tại tỉnh Lạng Sơn năm 2023, hội nghị tổng kết chuyên đề về công tác kết nạp đảng viên người DTTS được tổ chức với 140 đại biểu tham dự, trong đó có 72 bí thư chi bộ và 48 đại diện tổ chức CT-XH cấp xã, góp phần tạo diễn đàn thực chất để chia sẻ kinh nghiệm giữa cơ sở và cấp ủy [38].

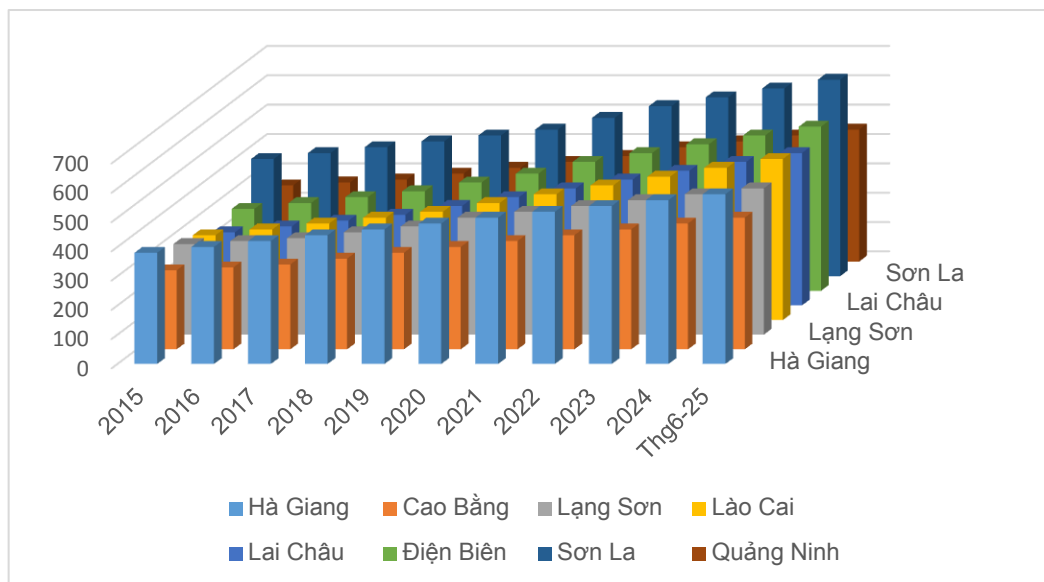
Công tác sơ kết, tổng kết là sự phối hợp hiệu quả giữa các ban đảng, chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH. Trong quá trình tổ chức hội nghị tổng kết, nhiều nơi đã mời đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH cùng tham gia, đóng góp ý kiến và đề xuất các mô hình phối hợp tạo nguồn kết nạp đảng viên. Đây là một cách làm tốt thể hiện sự gắn kết giữa công tác xây dựng đảng với phong trào quần chúng. Tại hai tỉnh Hà Giang và Cao Bằng, mô hình phối hợp giữa chi bộ thôn với chi hội phụ nữ và đoàn thanh niên trong phát hiện, bồi dưỡng và giới thiệu quần chúng ưu tú vào Đảng đã được đánh giá là nhân tố tích cực, được phản ánh rõ nét trong các hội nghị tổng kết cấp tỉnh. Tỉnh Lào Cai là ví dụ nổi bật với mô hình “Chi hội phụ nữ làm nòng cốt tạo nguồn đảng viên nữ người DTTS”, được tổng kết và nhân rộng ra 7 huyện biên giới, nhờ đó nâng tỷ lệ đảng viên nữ DTTS từ 23% (năm 2015) lên 31% (năm 2023). Theo kết quả khảo đối với 371 phiếu, đối với tiêu chí triển khai các hoạt động sơ kết, tổng kết công tác kết nạp đảng viên là người DTTS cho thấy, tỉ lệ đánh giá ở mức rất quan trọng chiếm 58%, tỉ lệ đánh giá ở mức quan trọng chiếm 33,7% và 0,26% tỉ lệ đánh giá mức ít quan trọng [Phụ lục 11].

Công tác sơ kết, tổng kết ở các địa phương còn thể hiện rõ sự đổi mới trong tư duy lãnh đạo và phong cách chỉ đạo của cấp ủy các cấp. Việc các tỉnh tổ chức tổng kết chuyên đề, sơ kết theo từng địa bàn, từng dân tộc cụ thể cho thấy cấp ủy đã có cái nhìn sâu sắc hơn, không còn áp dụng một khuôn mẫu chung cho mọi địa phương. Một số tỉnh như Lai Châu, Điện Biên đã có báo cáo tổng kết riêng cho từng nhóm dân tộc như Mông, Thái, Khơ Mú, thể hiện tính đặc thù và sự am hiểu sâu sắc về điều kiện thực tiễn của từng vùng. Đây là bước tiến quan trọng trong việc cá thể hóa chính sách kết nạp đảng viên theo đặc thù văn hóa, xã hội đối với từng dân tộc. Công tác sơ kết, tổng kết ngày càng đóng vai trò tích cực trong việc định hướng tư tưởng, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ cơ sở và Nhân dân các DTTS về vai trò của Đảng và ý nghĩa của việc đứng trong hàng ngũ của Đảng. Qua các hội nghị tổng kết, nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng ưu tú được tiếp cận thêm kiến thức về quy trình, tiêu chuẩn, mục tiêu kết nạp đảng viên.

3.1.1.3. Công tác kết nạp đảng viên gắn với năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương không ngừng được nâng cao, chuyển biến cả về chất lượng

Công tác kết nạp đảng viên tại các tỉnh biên giới phía Bắc, cấp ủy cơ sở giữ vai trò then chốt, trong việc tổ chức, hướng dẫn và chỉ đạo các chi bộ trực thuộc và các tổ chức CT-XH trong quá trình phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp đảng viên là người DTTS. Từ sau năm 2015, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cơ sở, công tác kết nạp đảng viên DTTS có những chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả, thể hiện rõ vai trò của cấp ủy các cấp, nhất là cấp ủy ở cơ sở. Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy cơ sở đã được cụ thể hóa thông qua việc ban hành các nghị quyết chuyên đề, kế hoạch cụ thể về công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Các nghị quyết này thường xuyên được thảo luận dân chủ, sát với tình hình thực tế từng thôn bản, từng nhóm dân tộc, từ đó xác định rõ chỉ tiêu phát triển đảng viên mới, tiêu chuẩn lựa chọn nguồn kết nạp,

cũng như phân công nhiệm vụ cho từng cấp ủy viên, từng chi bộ cụ thể. Theo thống kê của Ban Tổ chức tỉnh ủy Cao Bằng, giai đoạn 2015 - 2020, 100% các đảng bộ xã biên giới đã xây dựng và triển khai các kế hoạch chuyên đề hằng năm về phát triển đảng viên DTTS [9]. Năm 2022 tại tỉnh Hà Giang, các cấp ủy cơ sở đã đề ra chỉ tiêu kết nạp 1.200 đảng viên mới, trong đó có tới 70% là người DTTS, đảm bảo tiêu chí trẻ hóa, có trình độ học vấn từ THPT trở lên và giữ vai trò hạt nhân trong các tổ chức đoàn thể. Cùng với đó, ở tỉnh Lạng Sơn, Ban Tổ chức Tỉnh ủy cho biết từ năm 2015 đến năm 2023, toàn tỉnh đã ban hành 124 nghị quyết chuyên đề và 172 kế hoạch về kết nạp đảng viên là người DTTS tại 100% cấp xã ở biên giới; đã kết nạp được 3.286 đảng viên là người DTTS, chiếm 67,8% tổng số đảng viên kết nạp mới của tỉnh, trong đó có 58% là đoàn viên, hội viên ưu tú được giới thiệu từ các tổ chức CT-XH. Các địa phương biên giới như Lộc Bình, Tràng Định, Đình Lập duy trì hiệu quả mô hình “chi bộ giúp thôn chưa có đảng viên”, đến năm 2024 cơ bản đã xóa được các thôn “trắng” đảng viên, góp phần củng cố HTCT cơ sở vùng biên [39].



Biểu đồ 3.6. Số lượng đảng viên trẻ người DTTS (dưới 35 tuổi) được kết nạp tại các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025

Nguồn: Tổng hợp từ Ban Tổ chức tỉnh ủy các tỉnh biên giới phía Bắc

Qua khảo sát cho thấy (Biểu đồ 3.6), số đảng viên trẻ được kết nạp ở các tỉnh biên giới phía Bắc tăng đều, từ 2.440 người/năm lên 4.280 người/năm, phản ánh rõ hiệu quả công tác tạo nguồn và trẻ hóa đội ngũ đảng viên. Các tỉnh Sơn La, Hà Giang, Lào Cai luôn là địa phương có số lượng cao, trong khi các tỉnh khó khăn như tỉnh Cao Bằng, Lai Châu, Điện Biên vẫn duy trì mức tăng ổn định. Kết quả này góp phần củng cố lực lượng kế cận, nâng cao sức sống, tính kế thừa và năng lực lãnh đạo của Đảng ở vùng biên giới trong giai đoạn mới.

Đi đôi với lãnh đạo bằng nghị quyết, cấp ủy cơ sở còn trực tiếp chỉ đạo tổ chức các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, phân công đảng viên chính thức giúp đỡ quần chúng ưu tú và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở từng chi bộ. Nhiều cấp ủy đã giao trách nhiệm cụ thể cho từng cấp ủy viên phụ trách địa bàn, đảm bảo việc theo dõi, phát hiện và tạo nguồn kết nạp không bị gián đoạn, như tại huyện Bát Xát (tỉnh Lào Cai), mô hình “cấp ủy viên phụ trách thôn” đã giúp phát hiện và bồi dưỡng 412 quần chúng ưu tú là người DTTS từ năm 2017 đến năm 2022, trong đó có 278 người đã được kết nạp vào Đảng. Ở tỉnh Cao Bằng, cấp ủy các cấp đã gắn công tác kết nạp đảng viên người DTTS với thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và nhiệm vụ phát triển KT-XH vùng biên giới; từ năm 2015 đến năm 2023, toàn tỉnh đã mở 486 lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho hơn 33.000 quần chúng ưu tú, trong đó trên 71% là người DTTS. Riêng năm 2023, các TCCSĐ đã kết nạp mới 428 đảng viên DTTS, nâng tỷ lệ đảng viên DTTS toàn tỉnh lên 54,5%, tăng hơn 8% so với năm 2015. Các mô hình “Cấp ủy viên phụ trách thôn bản” và “Giới thiệu đảng viên trẻ về sinh hoạt tại thôn vùng sâu” được triển khai hiệu quả, giúp bảo đảm tính liên tục trong tạo nguồn và bồi dưỡng kết nạp [8].

Vai trò đồng hành tích cực và toàn diện của các tổ chức CT-XH, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân và Hội Cựu chiến binh. Dưới sự chỉ đạo của cấp ủy cơ sở, các tổ chức không chỉ làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng cho hội viên, đoàn viên mà còn trở thành

“vườn ươm” quan trọng để phát hiện, giới thiệu nguồn kết nạp đảng viên. Tại tỉnh Lai Châu, trong năm 2021 các tổ chức CT-XH đã giới thiệu 1.182 đoàn viên, hội viên tiêu biểu là người DTTS cho cấp ủy, trong đó có 853 người đủ điều kiện bồi dưỡng kết nạp. Sự phối hợp giữa cấp ủy và tổ chức CT-XH được cụ thể hóa thông qua việc giao nhiệm vụ trực tiếp cho các tổ chức trong công tác tạo nguồn, bồi dưỡng và đồng hành cùng quần chúng ưu tú. Hội Phụ nữ xã Mường Tè (tỉnh Lai Châu) đã xây dựng mô hình “Phụ nữ DTTS phấn đấu vào Đảng”, từ năm 2017 đến năm 2022 đã giới thiệu được 145 hội viên tham gia lớp nhận thức về Đảng, trong đó có 102 người đã được kết nạp. Tại huyện Mường Nhé (tỉnh Điện Biên), Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã trực tiếp xây dựng các câu lạc bộ “Thanh niên DTTS rèn luyện vào Đảng”, mỗi năm tổ chức từ 2-3 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho đoàn viên ưu tú tại các xã biên giới.

Trong quá trình kết nạp, các tổ chức CT-XH đã phối hợp chặt chẽ với chi bộ để tổ chức sinh hoạt lồng ghép, góp phần giáo dục tư tưởng, đạo đức, nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của đảng viên tương lai. Quá trình này không chỉ giúp quần chúng hiểu rõ về Đảng, mà còn giúp tổ chức đảng nâng cao được vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Sự đồng hành của các tổ chức CT-XH sau khi quần chúng được kết nạp chính là yếu tố giữ vững “lửa” lý tưởng và xây dựng phong cách đảng viên gương mẫu từ những hành động nhỏ nhất trong đời sống thường ngày.

Năm 2023 tại tỉnh Lào Cai, tỉ lệ đảng viên DTTS mới kết nạp có xuất thân từ cán bộ đoàn, hội là 61,5%, tỉnh Hà Giang con số này lên tới 68% từ năm 2020 đến năm 2022. Trong số 1.740 đảng viên người DTTS được kết nạp tại tỉnh Điện Biên từ năm 2015 đến năm 2023, có hơn 1.200 người là cán bộ đoàn, hội hoặc từng tham gia tích cực các phong trào của tổ chức CT-XH. Việc phân công đảm nhiệm các vai trò như tổ trưởng dân phố, thành viên tổ an ninh tự quản, trưởng nhóm phụ nữ tiết kiệm, đoàn viên tình nguyện,..., là một bước sàng lọc hiệu quả để đánh giá khả năng tổ chức công việc, tinh thần trách

nhệm và uy tín trong cộng đồng, những tiêu chí then chốt trong xem xét kết nạp đảng viên. Nhờ phương thức tổ chức bài bản và sát thực tiễn, chất lượng đảng viên người DTTS được kết nạp từ năm 2015 đến tháng 6/2025 không ngừng nâng cao, thể hiện rõ nét qua hiệu quả công tác tại địa phương.

Theo kết quả khảo sát về tiêu chí cấp ủy cơ sở lãnh đạo các chi bộ, tổ chức CT-XH trong công tác kết nạp đảng viên người DTTS, ở mức rất quan trọng, tỉ lệ người được hỏi đánh giá cao với 62%, mức quan trọng chiếm 35%, còn lại 1,62% đánh giá ít quan trọng [Phụ lục 11]. Điều này cho thấy, cấp ủy cơ sở ở các tỉnh biên giới phía Bắc đã và đang phát huy vai trò chủ đạo trong công tác lãnh đạo kết nạp đảng viên là người DTTS. Từ việc ban hành kế hoạch, chỉ tiêu cụ thể đến việc chỉ đạo các chi bộ, tổ chức CT-XH tham gia đồng bộ các khâu trong quy trình kết nạp, đã hình thành nên một hệ thống vận hành đồng bộ, hiệu quả, tạo ra nguồn đảng viên có phẩm chất, năng lực và bản lĩnh chính trị vững vàng. Từ năm 2015 tháng 6/2025, chất lượng công tác kết nạp đảng viên ở vùng biên giới đã được nâng tầm, góp phần củng cố trận địa chính trị, tư tưởng, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, chủ quyền lãnh thổ và xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh toàn diện ngay từ cơ sở.

3.1.2. Hạn chế

3.1.2.1. Mức độ nhận thức, tinh thần trách nhiệm và sự tham gia của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên và quần chúng trong công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số còn chưa thực sự đầy đủ, lúng túng, máy móc

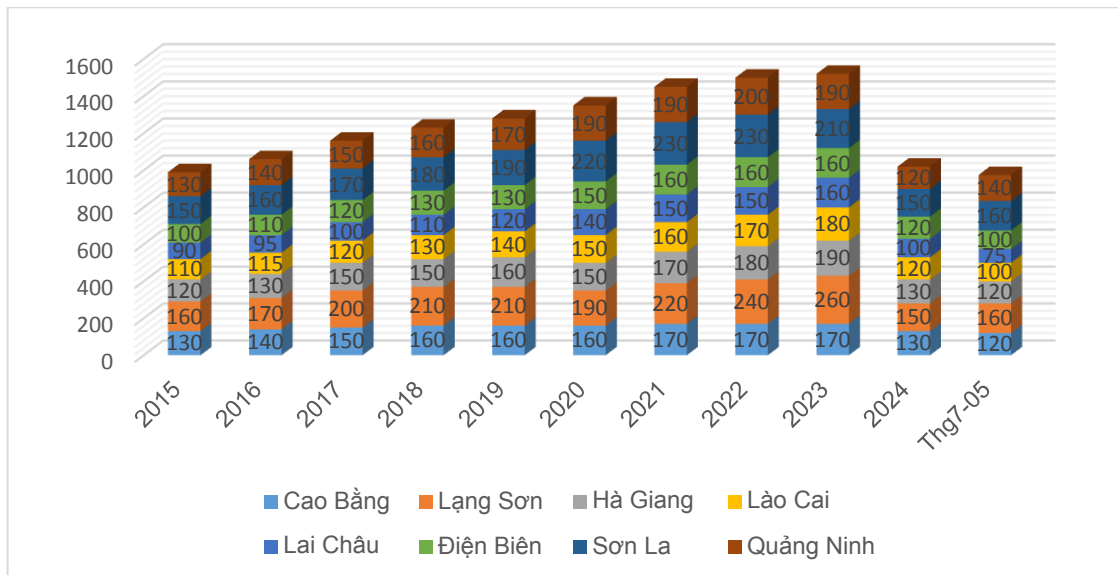
Việc nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên còn lúng túng, dập khuôn, máy móc trong việc cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo. Việc học tập nghị quyết, chỉ thị về công tác xây dựng đảng ở một số nơi vẫn còn nặng về hình thức, triển khai qua loa, không gắn với tình hình thực tiễn địa phương. Tại tỉnh Lạng Sơn (năm 2022) 21/171 chi bộ thôn, bản tổ chức học nghị quyết theo kiểu đọc tài liệu, không có phần thảo luận, dẫn tới hơn 30% đảng viên dân tộc Tày, Nùng đánh giá là “khó tiếp thu, khó vận dụng” [37].

Phương pháp tổ chức học tập, quán triệt còn đơn điệu, thiếu đổi mới, chưa quan tâm đến nhu cầu và đặc điểm của người nghe, những cán bộ, đảng viên là người DTTS. Tại một số địa phương như các tỉnh Hà Giang, Lai Châu, Cao Bằng việc tổ chức học tập nghị quyết, chỉ thị còn tập trung vào giờ hành chính, địa điểm xa, gây khó khăn cho người dân vùng sâu, vùng xa tham gia. Bên cạnh đó, tài liệu học tập vẫn chủ yếu bằng tiếng phổ thông, không có bản song ngữ hoặc bản lược giản, trong khi nhiều đảng viên và quần chúng DTTS không thành thạo tiếng Việt hoặc chỉ sử dụng ở mức giao tiếp cơ bản. Theo khảo sát của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lào Cai năm 2020, chỉ có 26% đảng viên ở chi bộ thôn người Mông đánh giá là “hiểu rõ và vận dụng được” nội dung nghị quyết liên quan đến công tác kết nạp đảng viên, trong khi 41% cho rằng “hiểu ít” và 33% cho rằng “không hiểu rõ”. Tỉnh Cao Bằng ở 5 huyện biên giới (Bảo Lâm, Bảo Lạc, Hà Quảng, Trùng Khánh, Hạ Lang) cho thấy chỉ khoảng 24% đảng viên người DTTS được hỏi có thể trình bày lại đầy đủ các bước kết nạp theo hướng dẫn mới, còn lại hoặc nhớ không đầy đủ, hoặc chỉ nắm một phần [8].

Không ít cấp ủy các cấp chưa có chương trình hành động, lồng ghép nội dung về kết nạp đảng viên DTTS vào kế hoạch tổng thể hoặc phát triển KT-XH. Việc không tách bạch, thiếu cụ thể, thiếu phân công nhiệm vụ, lộ trình, thời gian, nguồn lực rõ ràng làm cho nhiều kế hoạch chỉ dừng ở mức hình thức, không đi vào thực tiễn. Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 29 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La (giai đoạn 2015 - 2020), có tới 38/204 xã không có kế hoạch riêng về kết nạp đảng viên DTTS trong khi trên 70% dân số các xã là người DTTS. Ở tỉnh Lạng Sơn, báo cáo năm 2021 cũng nêu 19 xã biên giới mới chỉ dừng ở mức chép lại chỉ tiêu chung của huyện, chưa xây dựng được kế hoạch nguồn cụ thể cho từng thôn, bản [41].

Năng lực tổ chức thực hiện của một bộ phận cấp uỷ còn yếu, cán bộ phụ trách công tác tổ chức hoặc tuyên giáo ở xã nhiều khi kiêm nhiệm, thiếu thời gian, thiếu kinh nghiệm, chưa được bồi dưỡng chuyên sâu về công tác dân tộc,

dẫn đến lúng túng trong quá trình triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Tỷ lệ cán bộ là người DTTS ở các phòng ban chuyên môn các cấp còn thấp, ảnh hưởng đến việc xây dựng nội dung tuyên truyền sát hợp với đặc thù từng dân tộc. Tại tỉnh Điện Biên năm 2022, trong tổng số 135 cán bộ làm công tác tổ chức cấp xã, chỉ có 22 người là người DTTS, chiếm 16,3%, trong khi dân số DTTS chiếm trên 80% [18]. Tại tỉnh Cao Bằng cho thấy tại 9/13 huyện, tỉ lệ công chức là người DTTS trực tiếp làm công tác tổ chức, xây dựng đảng cấp huyện dưới 25%, dẫn tới việc nắm phong tục, ngôn ngữ và tâm lý từng nhóm dân tộc chưa sâu, làm giảm tính thuyết phục trong tuyên truyền [7].



Biểu đồ 3.7. Số lượng đảng viên người DTTS được đào tạo trung cấp LLCT tại các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025

Nguồn: Ban Tổ chức ở các tỉnh biên giới phía Bắc

Thực hiện điều tra xã hội học (Biểu đồ 3.7) đã phản ánh khá rõ chiều sâu và tính định hướng của công tác đào tạo trung cấp lý luận chính trị cho đảng viên người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Từ năm 2015 đến năm 2023, quy mô đào tạo tăng liên tục, đặc biệt tại các tỉnh Lạng Sơn, Sơn La, Quảng Ninh, Hà Giang, cho thấy sự chuyển biến từ “mở rộng số lượng” sang chú trọng “chuẩn hóa trình độ” đội ngũ đảng viên DTTS ở cơ sở. Đây là giai đoạn các cấp ủy tập trung xây dựng nguồn cán bộ kế cận, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo

trong điều kiện phát triển KT-XH và bảo đảm QP-AN vùng biên giới. Việc sụt giảm từ năm 2024 không mang tính suy giảm vai trò mà phản ánh quá trình cơ cấu lại đối tượng đào tạo sau khi đã cơ bản hoàn thành chuẩn hóa, đồng thời đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo gắn với sử dụng cán bộ, tránh chạy theo số lượng. Nhiều nghị quyết quan trọng, đặc biệt là nghị quyết mới liên quan đến công tác kết nạp đảng viên vùng DTTS như Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng, lại chưa được triển khai sâu rộng đến TCCCD. Điều này khiến các chi bộ và các đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kết nạp đảng viên không nắm bắt đầy đủ, khó tổ chức thực hiện hiệu quả. Công tác kiểm tra của UBKT Tỉnh ủy Lạng Sơn năm 2022 tại 6 huyện biên giới cho thấy còn 14 chi bộ chưa tổ chức học tập Chỉ thị 28-CT/TW, 9 chi bộ tổ chức nhưng không có biên bản thảo luận [37].

Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng DTTS hiểu rõ ý nghĩa của việc vào Đảng cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu phương tiện hỗ trợ truyền thông. Ở thành phố có thể tận dụng mạng xã hội, hệ thống phát thanh - truyền hình, website,..., thì ở vùng sâu, vùng xa, người dân vẫn chủ yếu tiếp nhận thông tin qua truyền miệng, loa truyền thanh xã. Việc thiếu tài liệu trực quan, phim ngắn, phóng sự, sách báo phổ thông phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa bản địa khiến việc chuyển tải nội dung các nghị quyết, kế hoạch trở nên mờ nhạt. Tại tỉnh Hà Giang (năm 2023), chỉ có 12% chi bộ có tài liệu trực quan để giới thiệu về nội dung kế hoạch kết nạp đảng viên, chủ yếu là tài liệu in đen trắng, sơ sài. Tỉnh Cao Bằng chỉ 37/177 xã, thị trấn có bộ tài liệu tuyên truyền riêng về kết nạp đảng viên ở vùng DTTS, chủ yếu do Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tự biên soạn, chưa thống nhất về nội dung [8].

Công tác kiểm tra, giám sát quá trình quán triệt, xây dựng kế hoạch cụ thể hóa chủ trương của Đảng về công tác kết nạp đảng viên là người DTTS còn nhiều hạn chế. Phần lớn các cuộc kiểm tra chỉ tập trung vào hình thức như số

cuộc họp đã tổ chức, số lượt cán bộ, đảng viên tham gia học nghị quyết, chưa đi sâu vào đánh giá mức độ thấm nhuần nội dung và hiệu quả chuyển hóa thành hành động cụ thể ở từng đơn vị, địa phương. Báo cáo sơ kết, tổng kết còn mang tính “báo cáo đẹp”, chưa phản ánh đúng thực trạng, dẫn đến việc tiếp tục ban hành kế hoạch mang tính “sao chép” từ các năm trước, thiếu tính sáng tạo và hiệu quả. Khảo sát độc lập của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại tỉnh Lạng Sơn năm 2021 cho thấy, chỉ có 27% báo cáo sơ kết về công tác kết nạp đảng viên có phân tích riêng tình hình quán triệt chủ trương và kế hoạch hóa ở vùng đồng bào DTTS; còn lại chủ yếu chỉ nêu chung và đánh giá chung. Năm 2022 UBKT Tỉnh ủy cũng kết luận còn 11/92 báo cáo của cấp xã mang tính sao chép số liệu, không kèm theo nhận xét, kiến nghị [7]

3.1.2.2. Quá trình triển khai thực hiện nội dung công tác kết nạp đảng viên còn thiếu đồng bộ, có những thiếu sót

Chất lượng của công tác quán triệt và cụ thể hóa chủ trương chính sách còn bị ảnh hưởng bởi việc chậm đổi mới cách thức đánh giá, phân loại tổ chức đảng. Trong nhiều năm, các tiêu chí đánh giá chi bộ, đảng bộ vẫn chủ yếu dựa vào số lượng đảng viên kết nạp mới hoặc tỷ lệ kết nạp, mà chưa chú trọng đến chất lượng nhận thức chính trị của quần chúng được vận động, mức độ chủ động của các cấp ủy trong kế hoạch cụ thể hóa công tác kết nạp đảng. Điều này vô hình chung khiến một số địa phương chạy theo thành tích, bỏ qua khâu nền tảng là quán triệt và tuyên truyền chính sách một cách bài bản, dẫn đến tình trạng kế hoạch thì có nhưng không thực thi hiệu quả, hoặc thực hiện đối phó.

Sự thiếu đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong việc tổ chức học tập, phổ biến và kế hoạch hóa công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Nhiều chương trình, đề án cấp tỉnh chưa được cụ thể hóa kịp thời tại cấp huyện và xã do vướng mắc về cơ chế chỉ đạo, phân bổ nguồn lực, hoặc do chậm ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết. Đề án kết nạp đảng viên trong vùng đồng bào DTTS từ năm 2020 đến tháng 6/2025 được phê duyệt tại tỉnh Quảng Ninh từ năm 2020, nhưng

đến đầu năm 2022, mới có 80/177 xã ban hành kế hoạch cụ thể hóa. Trong các báo cáo của hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng cũng đều nêu tình trạng tương tự: Văn bản hướng dẫn của tỉnh ban hành đầu năm nhưng đến cuối quý II một số huyện mới triển khai họp quán triệt xuống xã, làm chậm tiến độ cả năm. Tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” này dẫn đến độ trễ trong thực hiện nhiệm vụ, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác kết nạp đảng viên ở cơ sở.

Một là, công tác tạo nguồn, bồi dưỡng quần chúng ưu tú có lúc, có nơi chưa thực sự được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Mặc dù công tác phát hiện, bồi dưỡng nguồn kết nạp đảng viên là người DTTS đã có nhiều cố gắng, song ở nhiều địa phương vẫn bộc lộ những hạn chế cả về phương pháp, nội dung và tính bền vững của nguồn phát triển. Một số cấp ủy cơ sở chưa thực sự chủ động trong việc triển khai nghị quyết và kế hoạch kết nạp đảng viên chưa phù hợp với điều kiện thực tế; công tác lãnh đạo, chỉ đạo thiếu tính đồng bộ, biểu hiện hành chính hóa, làm theo chỉ tiêu, chạy theo số lượng chưa coi trọng chất lượng. Tại tỉnh Cao Bằng năm 2022, tại 12 xã biên giới của tỉnh có tới 8 xã không kết nạp được đảng viên trong ba năm liên tiếp (từ năm 2019 đến năm 2021) [9]. Tỉnh Lạng Sơn, năm 2023 vẫn còn 14/200 chi bộ thôn, bản chưa kết nạp được đảng viên từ năm 2020 đến năm 2023, chủ yếu do thiếu nguồn, đảng viên lớn tuổi xin miễn sinh hoạt [38]. Tình trạng này phản ánh rõ việc chưa gắn kế hoạch kết nạp đảng viên với đặc thù nhân lực tại chỗ, dẫn tới nhiều nơi “khát nguồn” kéo dài, đặc biệt ở các xã biên giới vùng sâu.

Quá trình phát hiện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú còn thiếu quy trình thống nhất. Việc phối hợp giữa chi bộ với các tổ chức CT-XH như Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân còn lỏng lẻo, chưa hình thành cơ chế đánh giá và giới thiệu nguồn hiệu quả. Nhiều nơi chưa tổ chức được phong trào hành động thực tiễn để rèn luyện quần chúng, khiến công tác lựa chọn người ưu tú mang tính hình thức. Theo khảo sát của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hà Giang

năm 2020, trong số hơn 1.500 quần chúng là người DTTS được theo dõi bồi dưỡng, chỉ có 28% được đánh giá đạt yêu cầu về chính trị, đạo đức và năng lực công tác [21]. Tại tỉnh Lạng Sơn, trong tổng số 2.136 quần chúng thuộc diện tạo nguồn năm 2022, chỉ có 617 người (chiếm 28,9%) được đưa vào diện bồi dưỡng nhận thức về Đảng, trong đó có tới 174 trường hợp chưa đạt yêu cầu về trình độ văn hóa và nhận thức chính trị [37].

Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kết nạp đảng viên còn bất cập. Nhiều cán bộ cơ sở chưa qua đào tạo bài bản về công tác dân tộc và kỹ năng vận động quần chúng, thiếu khả năng phát hiện và bồi dưỡng nguồn. Ở nhiều chi bộ vùng sâu, việc đánh giá quần chúng còn mang tính cảm tính, không theo tiêu chí cụ thể. Theo thống kê, trong tổng số 247 cán bộ làm công tác tổ chức cấp cơ sở của tỉnh Lạng Sơn, chỉ có 52 người (chiếm 21%) là người DTTS; ở tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ này chỉ đạt 19,6% (49/250 người) [81]. Điều này cho thấy, ở các tỉnh biên giới phía Bắc có tỷ lệ người DTTS chiếm đa số mà tỉ lệ cán bộ làm công tác tổ chức ở cấp cơ sở là người DTTS thấp sẽ ảnh hưởng ít nhiều trong quá trình giao tiếp và khả năng thuyết phục quần chúng, giảm hiệu quả tuyên truyền, bồi dưỡng và động viên người dân tham gia tổ chức đảng.

Một số nơi chưa có cơ chế theo dõi, quản lý nguồn lâu dài. Việc cập nhật danh sách quần chúng ưu tú thiếu thường xuyên, dẫn đến nhiều trường hợp bị bỏ sót hoặc không được tiếp tục bồi dưỡng. Cấp ủy cấp trên chưa quan tâm kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên hằng năm, khiến công tác tạo nguồn thiếu tính liên tục, bền vững. Đây là nguyên nhân căn bản khiến nhiều địa bàn vùng biên giới vẫn tồn tại tình trạng “*trắng đảng viên trẻ*”, gây khó khăn cho việc kế thừa và phát triển TCCSD.

Hai là, tổ chức triển khai thực hiện điều kiện, quy trình và thủ tục kết nạp đảng vẫn còn không ít vướng mắc

Công tác thực hiện quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên là người DTTS nhìn chung đã được chuẩn hóa, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế cả về phương

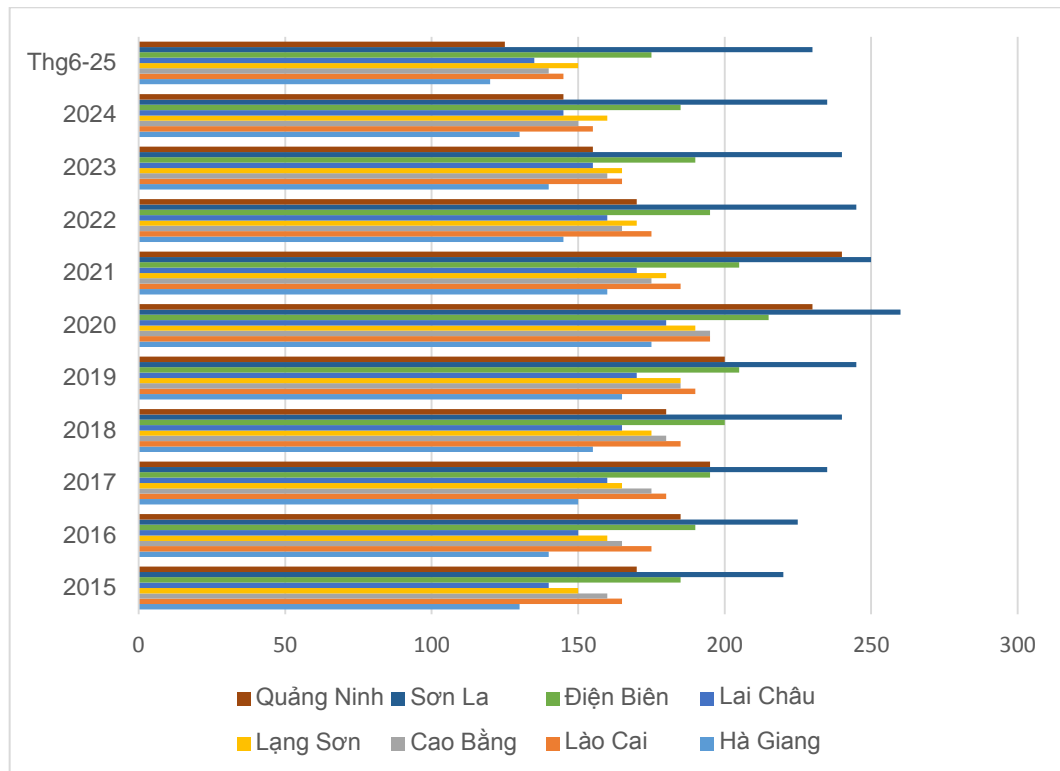
pháp lẫn tổ chức thực hiện. Ở một số nơi, việc hướng dẫn, kiểm tra quy trình chưa kịp thời; hồ sơ còn sai sót, chậm tiến độ; một số trường hợp bị hạ thấp tiêu chuẩn để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch. Theo thống kê của Tỉnh ủy Sơn La năm 2022, trong tổng số 968 hồ sơ được đề nghị kết nạp, có 334 trường hợp (chiếm 34,5%) bị chậm tiến độ từ 3 tháng đến 01 năm do khó khăn trong khâu xác minh lý lịch hoặc sai sót trong kê khai [46]. Ở tỉnh Lạng Sơn, từ năm 2020 đến năm 2023 có 179 hồ sơ phải trả lại để chỉnh sửa, bổ sung, chiếm 12,8% tổng số hồ sơ; trong đó 60% sai sót liên quan đến xác nhận của cơ quan công an và phân khai thông tin thân nhân [38]. Điều này cho thấy, việc hướng dẫn thực hiện hồ sơ, lý lịch ở cơ sở còn thiếu chặt chẽ, gây phiền hà, kéo dài thời gian kết nạp.

Ở vùng sâu, vùng xa, rào cản về ngôn ngữ và nhận thức khiến việc kê khai hồ sơ lý lịch, xác minh lý lịch, ghi chép thông tin trở thành thách thức lớn đối với quần chúng người DTTS. Nhiều người lớn tuổi, trình độ thấp hoặc viết chữ không được nên phải nhờ người khác viết hộ, dẫn đến sai, làm giảm tính xác thực của hồ sơ. Không ít trường hợp do khó khăn trong hoàn thiện thủ tục nên đã tự rút khỏi diện xem xét kết nạp. Việc số hóa quy trình quản lý hồ sơ tuy đã được một số địa phương triển khai, nhưng chưa đồng bộ, thiếu hạ tầng mạng, đặc biệt ở các xã biên giới vùng cao.

Một số ít cấp uỷ, tổ chức đảng ở cơ sở còn hiện tượng áp dụng máy móc các tiêu chí về trình độ học vấn, độ tuổi, nghề nghiệp khi xét kết nạp, chưa linh hoạt phù hợp với đặc thù người DTTS. Việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ chủ yếu dựa vào hình thức hành chính, thiếu đánh giá năng lực thực tiễn và phẩm chất chính trị của người xin vào Đảng. Một số chi bộ do áp lực chỉ tiêu nên kết nạp vội, chưa kịp kiểm tra đầy đủ điều kiện, dẫn đến vi phạm quy trình. Theo báo cáo của UBKT Tỉnh ủy Cao Bằng năm 2022, có 12 trường hợp kết nạp sai quy định, trong đó 4 trường hợp không đủ hồ sơ xác minh nguồn gốc, 3 trường hợp bị phát hiện kê khai sai lý lịch [7]. Tỉnh Lai Châu năm 2021, có 47 trường hợp vi

phạm quy trình kết nạp, trong đó 8 người bị đình chỉ sinh hoạt Đảng sau chưa đầy một năm [35].

Công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy trình kết nạp còn hạn chế. Một số nơi chưa thực hiện chế độ kiểm tra định kỳ hoặc giám sát đột xuất, dẫn tới tình trạng “đóng dấu hoàn thành” mà không có thẩm tra thực chất. Một số cấp ủy cơ sở chưa lưu trữ hồ sơ điện tử, dẫn đến thất lạc, sai lệch dữ liệu. Đáng chú ý, từ năm 2019 đến năm 2024, các tỉnh biên giới phía Bắc đã phát hiện 86 trường hợp sai phạm trong quy trình, chủ yếu ở các khâu thẩm tra lý lịch và lấy ý kiến nhận xét quần chúng [63; 70].



Biểu đồ 3.8. Số lượng đảng viên người DTTS vi phạm kỷ luật tại các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025

Nguồn: Ban Tổ chức ở các tỉnh biên giới phía Bắc

Qua điều tra xã hội học cho thấy (Biểu đồ 3.8), về đảng viên người DTTS vi phạm kỷ luật tại các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến năm 2023 phản ánh khá rõ những vấn đề đặt ra trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở địa bàn chiến lược này. Giai đoạn 2015 - 2020, số vi phạm tăng liên

tục, cho thấy tác động của mặt trái cơ chế thị trường, những hạn chế trong quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên, nhất là ở cơ sở vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn. Từ năm 2021 trở đi, số trường hợp vi phạm giảm đáng kể và ổn định hơn, thể hiện hiệu quả rõ nét của việc đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng gắn với thực hiện nghiêm các nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn đảng và nêu gương của cán bộ, đảng viên. Xu hướng này khẳng định kỷ luật Đảng được siết chặt đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành, giữ vững kỷ cương, tăng cường sức chiến đấu và uy tín của tổ chức đảng ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách kết nạp còn chưa được quan tâm đúng mức. Ở nhiều địa phương, cán bộ phụ trách công tác đảng viên kiêm nhiệm nhiều việc, không được tập huấn thường xuyên, dẫn đến lúng túng khi xử lý hồ sơ. Đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ tin học, ngoại ngữ tuy có nhưng chưa am hiểu công tác dân tộc, phong tục, tín ngưỡng, khiến việc vận dụng quy định thiếu linh hoạt, thậm chí sai sót.

Những hạn chế cho thấy việc thực hiện quy trình, thủ tục kết nạp ở nhiều nơi vẫn nặng về hình thức, chưa phản ánh đúng tinh thần “*vừa chặt chẽ, vừa mềm dẻo*” mà Trung ương đã định hướng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến tiến độ kết nạp mà còn làm giảm niềm tin của quần chúng, đặc biệt là người DTTS, đối với tính minh bạch và hiệu quả của công tác xây dựng đảng.

Ba là, về tổ chức lễ kết nạp, rèn luyện và theo dõi đảng viên mới còn sơ sài, nặng về hình thức.

Công tác tổ chức lễ kết nạp và rèn luyện đảng viên mới tuy được chú trọng nhưng vẫn tồn tại nhiều sai phạm và hạn chế trong phương pháp, hình thức tổ chức và theo dõi kết quả. Ở một số chi bộ, lễ kết nạp còn mang tính hình thức, đơn giản hóa, chưa thể hiện hết ý nghĩa chính trị, giáo dục, chưa tạo được ấn tượng sâu sắc đối với quần chúng. Một số nơi vẫn còn tổ chức lễ kết nạp gộp cho nhiều người cùng lúc, không đúng quy định “*kết nạp từng người một*”. Việc chuẩn bị nội dung, nghi thức còn sơ sài, thiếu trang trọng. Có nơi tổ

chức tại phòng họp tạm, thiếu biểu tượng, cờ Đảng, tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh, khiến tính thiêng liêng bị giảm sút. Theo báo cáo kiểm tra của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Điện Biên năm 2023, có 11 buổi lễ kết nạp tại cơ sở bị nhắc nhở vì thực hiện chưa đúng nghi thức, 05 trường hợp kết nạp tập thể từ 02 - 03 người cùng một buổi [18].

Công tác rèn luyện, theo dõi đảng viên dự bị ở nhiều nơi còn hình thức. Một số chi bộ chưa tổ chức sinh hoạt định kỳ để kiểm tra, nhận xét; việc hướng dẫn viết bản tự đánh giá chưa được duy trì nghiêm túc. Tỉnh Cao Bằng năm 2023, kiểm tra 52 chi bộ cơ sở cho thấy có tới 18 chi bộ (chiếm 34,6%) không lập sổ theo dõi rèn luyện đảng viên dự bị, dẫn đến việc đánh giá, xếp loại cuối năm thiếu căn cứ [9]. Tỉnh Sơn La, tỷ lệ đảng viên dự bị được công nhận chính thức giảm còn 91,7% năm 2024, thấp hơn 3,2% so với giai đoạn trước [46].

Việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát đảng viên còn hạn chế. Hệ thống quản lý hồ sơ đảng viên trực tuyến mới chỉ được triển khai ở một số tỉnh như Lào Cai, Cao Bằng còn các địa phương khác vẫn chủ yếu sử dụng sổ giấy. Nhiều đảng viên dự bị ở vùng sâu không có điều kiện truy cập Internet để cập nhật quá trình học tập, công tác. Do vậy, việc theo dõi, đánh giá kết quả rèn luyện vẫn phụ thuộc vào báo cáo thủ công, thiếu tính kịp thời và khách quan.

Một bộ phận đảng viên mới sau khi kết nạp chưa phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, thậm chí có biểu hiện thoái lui, vi phạm kỷ luật. Theo báo cáo tổng hợp của Ban Tổ chức Trung ương, từ năm 2020 đến tháng 6/2025, các tỉnh biên giới phía Bắc có 276 đảng viên mới bị xóa tên hoặc khai trừ trong thời gian dự bị, chiếm 0,6% tổng số đảng viên mới kết nạp [70]. Nguyên nhân chủ yếu do chưa được rèn luyện thường xuyên, thiếu môi trường thử thách, hoặc do áp lực kinh tế, di cư lao động, bỏ sinh hoạt Đảng. Công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về tổ chức kết nạp và rèn luyện đảng viên chưa được thực hiện thường xuyên. Nhiều địa phương chưa có cơ

ché phản hồi, đánh giá giữa các cấp ủy, dẫn đến việc lặp lại sai sót cũ, không điều chỉnh kịp thời. Một số cấp ủy còn nặng tư duy nhiệm kỳ, chạy theo thành tích, dẫn đến kết nạp vội vàng để hoàn thành chỉ tiêu nghị quyết, thiếu kiểm soát chất lượng.

Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm còn biểu hiện xem nhẹ, chưa thực sự sâu sát

Đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát, nhất ở cấp cơ sở, nhiều UBKT đảng ủy xã chỉ có từ 01 đến 02 đồng chí kiêm nhiệm, chủ yếu là cán bộ bán chuyên trách hoặc cán bộ văn phòng đảng ủy, chưa qua đào tạo bài bản về kỹ năng kiểm tra đảng, phụ trách nhiều lĩnh vực cùng lúc nên không có thời gian đi cơ sở. Theo khảo sát của Ban Tổ chức Tỉnh Lào Cai năm 2022, có đến 47% cán bộ làm công tác kiểm tra tại đảng ủy xã chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát trong nhiệm kỳ. Tại tỉnh Cao Bằng, con số này là 44% và chủ yếu rơi vào các xã biên giới, nơi khối lượng công việc rất lớn nhưng cán bộ kiểm tra chỉ là kiêm nhiệm. Việc phát hiện sai sót, biểu hiện tiêu cực trong phát triển đảng bị bỏ lọt, thậm chí có nơi còn tiếp tay cho những vi phạm, hợp thức hóa hồ sơ kết nạp, điển hình là vụ việc kết nạp đảng viên trái quy định tại xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La năm 2020 (nay là xã Chiềng Sơ), đã bị cơ quan chức năng phát hiện và xử lý kỷ luật 3 cán bộ liên quan.

Công tác phối hợp giữa cấp ủy, UBKT, các tổ chức đoàn thể, ban ngành trong triển khai hoạt động kiểm tra, giám sát còn chưa chặt chẽ, thiếu thông tin hai chiều, phân công trách nhiệm không rõ. Tỉnh Điện Biên (năm 2023) có 11 trường hợp bị tạm dừng kết nạp sau kiểm tra hậu kiểm, do phát hiện thông tin kê khai không trung thực hoặc chưa đủ thời gian rèn luyện thực tế, mà nguyên nhân chính là sự thiếu phối hợp trong thẩm định giữa chi bộ và các đoàn thể có liên quan. Tỉnh Lạng Sơn, báo cáo tổng kết công tác kiểm tra năm 2022 nêu 29 hồ sơ phải yêu cầu bổ sung ý kiến của đoàn thể vì lúc đầu chi bộ không lấy nhận xét, khiến tiến độ kết nạp chậm từ 1 đến 3 tháng [37].

Việc xử lý sau kiểm tra còn thiếu quyết liệt, chưa tạo được sức răn đe và tính gương mẫu trong tổ chức đảng. Chính điều đó dẫn đến tâm lý buông lỏng, xem nhẹ vai trò kiểm tra trong cấp ủy, gây tổn hại lâu dài đến uy tín tổ chức đảng ở địa bàn. Trường hợp ở huyện Bảo Yên (tỉnh Lào Cai) năm 2019 là một minh chứng, khi một đồng chí bí thư chi bộ kết nạp 3 đảng viên là người DTTS theo đợt vận động, trong đó có 01 người đang bị điều tra hành vi vi phạm pháp luật, nhưng sau kiểm tra chỉ bị nhắc nhở nội bộ. Tại tỉnh Cao Bằng, năm 2022 có 6 trường hợp kết nạp sai trình tự nhưng chỉ dừng ở mức phê bình và yêu cầu rút kinh nghiệm, không kèm theo biện pháp khắc phục [7].

Cơ chế kiểm tra, giám sát chuyên biệt cho công tác kết nạp đảng viên người DTTS phù hợp với điều kiện biên giới, nơi có đặc điểm đặc thù về dân cư, trình độ nhận thức, phong tục, tập quán và hệ thống chính trị cơ sở cũng chưa được hình thành rõ. Việc áp dụng chung một khung quy trình và tiêu chí kiểm tra cho mọi địa phương dễ dẫn đến hình thức, thiếu linh hoạt. Có những địa phương không tiến hành tổng kết theo chu kỳ 5 năm hoặc 10 năm như hướng dẫn của Trung ương, mà chỉ mới dừng ở mức “báo cáo tình hình phát triển đảng viên hằng năm”, thiếu chiều sâu phân tích, tổng hợp số liệu và rút kinh nghiệm. Tình trạng này khiến cho hoạt động sơ kết, tổng kết không phát huy được vai trò là công cụ điều chỉnh chính sách, phát hiện điểm nghẽn và đề xuất giải pháp mang tính thực tiễn và chiến lược. Tại tỉnh Lạng Sơn, báo cáo công tác xây dựng đảng năm 2022 nêu rõ từ năm 2018 đến năm 2022 chỉ có 4/11 huyện, thành phố tổ chức tổng kết riêng về phát triển đảng viên người DTTS, các huyện còn lại lồng ghép vào báo cáo chung nên phần đánh giá về chất lượng kết nạp rất mờ nhạt. Năm 2023 ở tỉnh Cao Bằng, Ban Tổ chức Tỉnh ủy cũng ghi nhận 36/161 đảng ủy cơ sở chưa gửi báo cáo tổng kết đúng thời gian, một số báo cáo chỉ dài 2 - 3 trang, chủ yếu nêu số lượng mà không có phần phân tích [7].

Sơ kết, tổng kết chưa đi sâu vào đánh giá chất lượng, hiệu quả thực tế của công tác kết nạp đảng viên người DTTS. Báo cáo tại nhiều địa phương vẫn

nặng về mô tả kết quả theo số lượng, tỷ lệ tăng trưởng đảng viên mới, mà thiếu phân tích về chất lượng tư tưởng, đạo đức, năng lực công tác của những người được kết nạp. Các chỉ số về đảng viên người DTTS được kết nạp có phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu tại địa bàn không, có tiếp tục tham gia sinh hoạt đều đặn, có giữ mối liên hệ mật thiết với Nhân dân, hoặc có ai bị xóa tên, khai trừ hay vi phạm kỷ luật không những yếu tố này rất ít được phản ánh đầy đủ trong các báo cáo sơ kết, tổng kết. Do đó, nhận định rút ra từ các báo cáo thường rơi vào trạng thái “đánh giá chung chung”, “bằng phẳng” và ít giá trị sử dụng trong hoạch định chính sách thực tiễn. Báo cáo tổng kết của Tỉnh ủy Quảng Ninh năm 2022 về phát triển đảng ở vùng dân tộc và miền núi cho thấy tuy toàn tỉnh kết nạp mới 1.185 đảng viên từ năm 2020 đến năm 2022, trong đó 62% là người DTTS, nhưng báo cáo không thông kê được số đảng viên DTTS bị xóa tên hoặc bị kỷ luật sau kết nạp, nên không đánh giá được mức độ bền vững của nguồn đảng viên mới [42].

Việc tham gia đánh giá của các chủ thể liên quan, nhất là chi bộ cơ sở, tổ chức CT-XH, trong các báo cáo sơ kết, tổng kết còn hạn chế. Phần lớn các báo cáo vẫn do Ban Tổ chức cấp huyện, cấp tỉnh soạn thảo với góc nhìn hành chính, trong khi góc nhìn của cơ sở chính là nơi trực tiếp theo dõi, phát hiện, bồi dưỡng và kết nạp đảng viên song chưa được phản ánh đầy đủ. Điều này dẫn đến độ chênh giữa báo cáo tổng kết cấp trên và thực tiễn hoạt động ở cấp cơ sở, nhất là ở các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn trong nhận diện, phát triển và rèn luyện đội ngũ quần chúng ưu tú là người DTTS. Nhiều báo cáo sơ kết, tổng kết chưa phản ánh đúng, đầy đủ những khó khăn, vướng mắc mang tính hệ thống trong công tác kết nạp đảng vùng DTTS. Một số nội dung then chốt như tình trạng thiếu nguồn kết nạp do thanh niên đi làm ăn xa, hạn chế trong trình độ học vấn, ngôn ngữ, nhận thức chính trị; sự thờ ơ, tâm lý ngại vào Đảng của một bộ phận thanh niên là người DTTS; sự phân tán trong công tác vận động quần chúng đều chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng. Thậm chí, có nơi

còn né tránh nêu lên những yếu kém nội tại trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy như: Thiếu kế hoạch dài hạn, chưa gắn với quy hoạch cán bộ DTTS, hay chưa xây dựng được hệ thống tiêu chí đánh giá phù hợp, khiến việc tổng kết trở nên phiền diện, thiếu tính phản biện và xây dựng. Ở tỉnh Lạng Sơn, báo cáo tổng kết năm 2023 chỉ ghi nhận “một số xã còn khó khăn về nguồn” nhưng không chỉ rõ xã nào, nguyên nhân nào, giải pháp ra sao, nên cấp tỉnh không có đủ dữ liệu để hỗ trợ [38].

3.1.2.3. Kết quả công tác kết nạp đảng viên gắn với nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng chưa thực sự tương xứng

Chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cơ sở còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Trên thực tế, không ít cấp ủy cơ sở vẫn vận hành theo phương thức hành chính hóa, hình thức, thiếu tính chủ động, sáng tạo và chưa bám sát đặc điểm cụ thể của từng dân tộc, từng địa bàn, từ đó dẫn đến sự thiếu phù hợp trong chỉ đạo và điều hành công tác kết nạp đảng viên. Theo số liệu của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hà Giang, từ năm 2016 đến năm 2022, toàn tỉnh kết nạp được khoảng 6.200 đảng viên là người DTTS, chiếm trên 45% tổng số đảng viên mới. Tuy nhiên, số lượng này không đồng đều giữa các địa phương: Các huyện Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ luôn đạt chỉ tiêu, trong khi các huyện như Hoàng Su Phì, Xín Mần nhiều năm chỉ đạt 60-70% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do cấp ủy cơ sở chưa đánh giá sát thực tiễn về tiềm năng nguồn kết nạp, dẫn đến sự thiếu linh hoạt trong lãnh đạo, điều hành. Tình trạng này cũng xảy ra ở tỉnh Lạng Sơn, báo cáo công tác xây dựng đảng năm 2023 cho thấy tại các huyện biên giới Lộc Bình, Đình Lập vẫn còn 23 chi bộ thôn, bản chỉ đạt dưới 70% chỉ tiêu kết nạp đảng viên hằng năm do kế hoạch giao cao hơn thực tế nguồn tại chỗ [38].

Công tác tổng hợp, phân tích số liệu trong các báo cáo còn thiếu đồng bộ, thiếu độ tin cậy cao. Một số báo cáo sơ kết, tổng kết ở cấp huyện, cấp xã sử dụng phương pháp thống kê thủ công, thiếu hệ thống hóa khoa học, dẫn đến sai

sót về dữ liệu hoặc thiếu các chỉ báo so sánh liên năm, liên kỳ, liên vùng. Không ít địa phương không có bảng tổng hợp số liệu chuyên đề riêng cho đảng viên người DTTS theo từng dân tộc, từng đơn vị hành chính, từng độ tuổi, trình độ học vấn, dẫn đến tình trạng “*báo cáo khuyết thiếu cơ sở dữ liệu gốc*”. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng phân tích xu hướng phát triển đảng viên trong cộng đồng DTTS một cách khách quan và khoa học. Ở tỉnh Cao Bằng năm 2022, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phải yêu cầu 7/10 huyện miền núi gửi lại bảng thống kê vì không tách được số đảng viên DTTS theo từng dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mông; trong khi đây là yêu cầu bắt buộc để theo dõi vùng trọng điểm [7]. Đặc biệt, tại các xã vùng sâu, vùng xa, nơi chi bộ yếu về tổ chức, thiếu cán bộ có kinh nghiệm, sự hỗ trợ, định hướng từ cấp ủy cấp trên lại càng trở nên quan trọng. Tuy nhiên, một khảo sát nội bộ của Tỉnh ủy Cao Bằng năm 2021 chỉ ra rằng, có tới 43% chi bộ thôn, bản không được đảng ủy xã tổ chức họp, hướng dẫn xây dựng kế hoạch kết nạp đảng hằng năm. Điều này dẫn đến hệ quả là công tác tạo nguồn bị bỏ ngỏ, việc phát hiện, bồi dưỡng đối tượng kết nạp chủ yếu theo cảm tính, thậm chí có nơi để xảy ra tình trạng “điền tên theo phong trào”. Năm 2022 tại tỉnh Lai Châu công tác kiểm tra của UBKT tỉnh ủy cũng phát hiện 31/112 đảng ủy xã không mở sổ theo dõi, đơn đốc việc tạo nguồn kết nạp đảng viên ở các bản giáp biên, làm cho nhiều chi bộ không có đối tượng để xét trong cả năm [36].

Vai trò kiểm tra, giám sát của cấp ủy đối với các chi bộ trong thực hiện công tác kết nạp đảng viên còn rất hạn chế. Ở nhiều nơi, hoạt động kiểm tra, giám sát chủ yếu thực hiện trên hồ sơ, thiếu tính trực tiếp và chiều sâu. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều hồ sơ kết nạp không đầy đủ, vi phạm quy trình, hoặc có trường hợp người được kết nạp chưa đủ tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức. Báo cáo của Tỉnh ủy Lào Cai năm 2023 cho thấy, từ năm 2017 đến năm 2022 có 19 trường hợp đảng viên bị buộc thôi sinh hoạt trong thời gian dự bị, trong đó có 07 trường hợp là người DTTS do vi phạm quy định về lý lịch, tư

cách mà không phát hiện kịp thời trước khi kết nạp. Tỉnh Cao Bằng (năm 2022), UBKT Tỉnh ủy kiểm tra 62 TCCSD thì có 14 tổ chức chưa mở hồ sơ theo dõi đảng viên dự bị, việc nhận xét, đánh giá còn chung chung, không gắn với nhiệm vụ được giao [7].

Bên cạnh đó, năng lực cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên thành chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế địa phương của cấp ủy cơ sở còn yếu. Nhiều nơi vẫn triển khai kế hoạch kết nạp theo khuôn mẫu, máy móc, sao chép nội dung từ cấp trên mà không có sự điều chỉnh theo ngữ cảnh cụ thể. Báo cáo của Tỉnh ủy Sơn La năm 2022 ghi nhận, trong số 85 kế hoạch kết nạp đảng của các xã vùng cao được kiểm tra, có tới 31 kế hoạch không xác định rõ đối tượng trọng tâm, khu vực ưu tiên hay giải pháp cụ thể cho từng nhóm dân tộc. Ở tỉnh Lạng Sơn, kiểm tra năm 2023 tại 6 huyện biên giới cho thấy 22/74 kế hoạch phát triển đảng của cấp xã trùng nội dung đến 80% so với mẫu của huyện, không có phần đánh giá nguồn kết nạp tại chỗ, nên cuối năm phải điều chỉnh lại chỉ tiêu [38].

Việc phân công đảng viên theo dõi, giúp đỡ quần chúng ưu tú chưa được thực hiện đồng bộ. Nhiều cấp ủy chưa có cơ chế giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đảng viên trong việc giúp đỡ đối tượng dự nguồn phát triển. Việc thiếu gắn kết, theo dõi sát sao khiến nhiều quần chúng ưu tú không được hướng dẫn đúng quy trình, không đủ điều kiện khi xem xét kết nạp. Thống kê của huyện Bắc Yên (tỉnh Sơn La) cho thấy, trong 3 năm từ năm 2020 đến năm 2022, có 17 hồ sơ bị trả lại hoặc hủy kết nạp do thiếu minh chứng quá trình phấn đấu, nhận xét chưa đầy đủ từ đảng viên giúp đỡ. Tại huyện Tràng Định (tỉnh Lạng Sơn), năm 2022 cũng có 11 hồ sơ phải lùi thời điểm kết nạp từ 3 đến 6 tháng vì chi bộ không theo dõi, nhận xét hằng tháng đối với quần chúng đang phấn đấu [37]. Năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã, nhất là bí thư, phó bí thư đảng ủy xã vẫn còn nhiều bất cập. Không ít cán bộ là người DTTS nhưng chưa qua đào tạo bài bản, thiếu kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, không thông thạo cả tiếng

phổ thông, gây khó khăn trong công tác tuyên truyền, vận động, nhất là trong việc triển khai các nội dung về tiêu chuẩn đảng viên, quy trình kết nạp.

Kết quả khảo sát của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh khu vực I năm 2021 tại tỉnh Lạng Sơn đã cung cấp những cứ liệu khoa học quan trọng, phản ánh những bất cập trong chuẩn hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cơ sở. Trong số 124 bí thư đảng ủy xã được khảo sát, có 48% chưa đạt trình độ lý luận chính trị trung cấp và 37% chưa được bồi dưỡng về công tác tổ chức xây dựng Đảng trong thời gian 5 năm. Những con số này cho thấy công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa theo kịp yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng ở cơ sở. Cùng với đó, báo cáo năm 2023 của tỉnh Cao Bằng cho thấy vẫn còn 96/412 bí thư chi bộ xóm, bản chưa được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề về công tác kết nạp đảng ở vùng đồng bào DTTS, dẫn đến những sai sót trong hướng dẫn hồ sơ cho quần chúng ưu tú. Thực trạng này không chỉ ảnh hưởng đến tính chặt chẽ, đúng quy trình của công tác phát triển đảng viên mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng đảng ở cơ sở theo hướng bài bản, hệ thống và sát thực tiễn hơn [8].

Những tồn tại, hạn chế trong chất lượng lãnh đạo của cấp ủy cơ sở đối với công tác kết nạp đảng viên là người DTTS tại các tỉnh biên giới phía Bắc là những điểm nghẽn cần sớm được tháo gỡ. Việc tăng cường năng lực điều hành, củng cố cơ chế phối hợp, nâng cao chất lượng cán bộ chủ chốt, cũng như hoàn thiện quy trình kiểm tra, giám sát là những giải pháp then chốt để nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên, bảo đảm tính liên tục, bền vững trong xây dựng tổ chức đảng ở vùng đồng bào DTTS. Trước hết, có thể thấy rõ một trong những hạn chế lớn nhất là nhận thức chưa đầy đủ của một bộ phận cấp ủy và UBKT các cấp về vai trò, vị trí của công tác kiểm tra, giám sát trong kết nạp đảng viên người DTTS. Qua khảo sát thực tiễn tại các tỉnh biên giới phía Bắc, có thể nhận diện rõ một hạn chế mang tính phổ biến trong công tác kiểm tra, giám sát đối với việc kết nạp đảng viên là người DTTS. Việc vẫn còn khoảng 28% cấp ủy cơ sở và chi bộ trực thuộc chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám

sát riêng cho nội dung này cho thấy công tác kiểm tra chưa thực sự được coi là công cụ lãnh đạo trực tiếp đối với khâu phát triển đảng viên. Thực tế tại tỉnh Lạng Sơn càng làm rõ điều đó khi năm 2022, trong tổng số 235 cuộc kiểm tra ở cấp cơ sở chỉ có 73 cuộc, tương đương khoảng 31%, đề cập đến công tác kết nạp đảng viên vùng DTTS; phần lớn các cuộc kiểm tra còn dừng ở những nội dung chung như sinh hoạt chi bộ và tài chính đảng, nên chưa tác động vào các khâu then chốt như tạo nguồn, bồi dưỡng và xét kết nạp. Năm 2023 ở tỉnh Cao Bằng vẫn còn 18/96 TCCSĐ chưa ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát chuyên đề về phát triển đảng viên là người DTTS, với lý do chủ yếu là thiếu cán bộ và “chưa có mẫu hướng dẫn” [8]. Những con số này không chỉ phản ánh hạn chế về năng lực tổ chức thực hiện, mà sâu xa hơn còn cho thấy mức độ quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo của một bộ phận cấp ủy cơ sở đối với nhiệm vụ kết nạp đảng viên là người DTTS chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa dữ liệu phục vụ cho tổng hợp, sơ kết, tổng kết ở nhiều địa phương còn rất yếu. Nhiều đơn vị chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đảng viên DTTS mang tính liên thông, dẫn đến việc mỗi kỳ báo cáo lại phải thu thập thủ công, gây chậm trễ và thiếu thống nhất. Các phần mềm quản lý đảng viên hiện có chưa tích hợp đủ trường thông tin đặc thù phục vụ phân tích chuyên đề như dân tộc, nơi cư trú vùng đặc biệt khó khăn, thành phần gia đình chính sách,..., điều này ảnh hưởng đến khả năng đánh giá tổng thể công tác kết nạp đảng viên ở địa bàn trọng điểm và nhóm đối tượng đặc thù. Những hạn chế này cho thấy việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc sẽ có tác động rất lớn đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện ở cơ sở.

3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.2.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Thứ nhất, dưới góc nhìn tổng thể, đội ngũ đảng viên là người DTTS được kết nạp từ năm 2015 đến tháng 6/2025 ở các tỉnh biên giới phía Bắc đã có sự

chuyển biến rõ nét cả về cơ cấu, chất lượng và hiệu quả hoạt động, phản ánh xu thế đổi mới trong công tác xây dựng đảng phù hợp với đặc điểm của vùng đồng bào DTTS và yêu cầu hội nhập quốc tế. Trước hết, về độ tuổi so với giai đoạn trước năm 2015 cơ bản thiên về xu hướng “già hóa” đội ngũ, với nhiều đảng viên lớn tuổi được lựa chọn từ các già làng, trưởng bản có uy tín. Trong giai đoạn hiện nay, xu thế “trẻ hóa” đang ngày càng rõ nét, phần lớn đảng viên DTTS được kết nạp sau năm 2015 đều ở độ tuổi dưới 35, chiếm từ 65-70% tổng số đảng viên mới, trong đó nhiều người đã qua đào tạo đại học, cao đẳng, hoặc có thời gian phục vụ trong lực lượng vũ trang, làm công tác đoàn thể. Ở tỉnh Lạng Sơn, báo cáo công tác xây dựng đảng năm 2023 cho thấy trong tổng số đảng viên DTTS được kết nạp từ năm 2015 đến năm 2023 có 69,2% dưới 35 tuổi, 31% là nữ, phần lớn là đoàn viên thanh niên tại các xã biên giới Tràng Định, Lộc Bình, Đình Lập. Tại tỉnh Cao Bằng, tỉ lệ này đạt 67,5%, trong đó nhóm đảng viên trẻ tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng các ngành nông - lâm và an ninh, quân sự chiếm gần 40%, góp phần bổ sung lực lượng kế cận cho cơ sở [8]. Độ tuổi trẻ đi kèm với tinh thần cầu tiến, ý thức phấn đấu và năng lực thích ứng tốt với điều kiện công tác, đã góp phần làm mới không khí sinh hoạt chi bộ ở cơ sở, tạo động lực lan tỏa trong phong trào thi đua yêu nước tại các địa bàn biên giới, vùng sâu, vùng xa.

Thứ hai, về nhận thức chính trị và lý luận, đội ngũ đảng viên là người DTTS trong giai đoạn hiện nay thể hiện sự trưởng thành rõ rệt. Năm 2015, một bộ phận đảng viên là người DTTS chủ yếu tiếp cận chủ trương, đường lối của Đảng theo lối truyền miệng, bị động, thì từ sau năm 2015 trở lại đây với chính sách tăng cường đào tạo lý luận chính trị sơ cấp, trung cấp tại địa phương, tỷ lệ đảng viên DTTS có bằng lý luận chính trị đạt trên 80%. Riêng ở tỉnh Lạng Sơn năm 2022 có 1.186 đảng viên là người DTTS được bồi dưỡng cập nhật kiến thức mới, nâng tỉ lệ đảng viên là người DTTS có trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên lên 83,4%; còn tại tỉnh Cao Bằng từ năm 2019 đến năm 2023, các trung tâm chính trị cấp huyện đã mở 235 lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng và

lý luận chính trị cho 15.700 lượt học viên, trong đó trên 72% là người DTTS, bảo đảm hầu hết đảng viên mới đều được chuẩn hóa về lý luận ngay sau kết nạp [10]. Việc nâng cao năng lực nhận thức này không chỉ giúp đảng viên nắm vững vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình, mà còn giúp họ có khả năng chuyển hóa đường lối, nghị quyết thành hành động cụ thể phù hợp với tình hình đặc thù của từng thôn bản, từng nhóm cộng đồng dân tộc. Nhiều đảng viên là người DTTS trẻ đã chứng minh được tư duy chính sách sắc bén, dám nghĩ, dám làm, chủ động đề xuất mô hình phát triển kinh tế cộng đồng, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, vận động Nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

Thứ ba, khả năng thực thi nhiệm vụ của đội ngũ đảng viên là người DTTS hiện nay cũng có nhiều bước tiến vượt bậc. Theo tổng hợp từ các huyện biên giới như Mường Nhé (tỉnh Điện Biên), Bát Xát (tỉnh Lào Cai), Đồng Văn (tỉnh Hà Giang), tỷ lệ đảng viên là người DTTS giữ vai trò bí thư chi bộ, trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận hoặc đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã đã tăng từ dưới 30% (trước 2015) lên hơn 55% (tính đến cuối 2023). Ở tỉnh Lạng Sơn năm 2023 có 512 đảng viên là người DTTS giữ các chức danh ở thôn, khối phố và 74 đảng viên là người DTTS tham gia hội đồng nhân dân cấp xã, tăng gần gấp đôi so với năm 2016; tỉnh Cao Bằng theo báo cáo năm 2022 cho thấy 58% bí thư chi bộ thôn, bản vùng đồng bào DTTS là đảng viên được kết nạp sau năm 2015, nhiều người trưởng thành từ phong trào thanh niên xung kích, phụ nữ vùng biên. Đây là minh chứng sống động cho sự ghi nhận của tổ chức đảng và Nhân dân đối với năng lực thực tiễn, khả năng điều hành và tinh thần trách nhiệm của đảng viên DTTS. Họ không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao mà còn là lực lượng nòng cốt trong phòng chống thiên tai, dịch bệnh, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn an ninh biên giới, góp phần bảo vệ vững chắc địa bàn chiến lược của Tổ quốc.

Thứ tư, về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, đội ngũ đảng viên là người DTTS vẫn tiếp tục phát huy truyền thống gắn bó với Nhân dân, sống mẫu

mục, nói đi đôi với làm, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc và trở thành tấm gương sáng trong cộng đồng. Qua rà soát công tác kiểm tra, giám sát, từ năm 2015 đến tháng 6/2025, tỷ lệ đảng viên là người DTTS vi phạm kỷ luật Đảng tại các tỉnh biên giới phía Bắc luôn duy trì ở mức dưới 0,5%, cho thấy tính tự giác, kỷ luật và đạo đức cách mạng của lực lượng này. Tại tỉnh Cao Bằng, báo cáo của UBKT Tỉnh ủy năm 2023 ghi nhận trong tổng số hơn 3.400 đảng viên DTTS kết nạp từ năm 2015 đến năm 2023 chỉ có 11 trường hợp phải xem xét kỷ luật và 6 trường hợp bị nhắc nhở phê bình, chiếm 0,3%, thấp hơn mức bình quân toàn tỉnh; tỉnh Lạng Sơn cũng ghi nhận tỉ lệ vi phạm của đảng viên là người DTTS chỉ khoảng 0,4%, chủ yếu là vi phạm quy chế sinh hoạt do điều kiện đi lại khó khăn. Không chỉ có uy tín trong chi bộ, nhiều đảng viên còn có ảnh hưởng xã hội lớn, giữ vai trò “cầu nối” quan trọng giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, góp phần giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh từ cơ sở, hạn chế tình trạng đơn thư khiếu kiện, mâu thuẫn nội bộ kéo dài. Sự bền bỉ, chân thành, gần dân, hiểu dân của đảng viên là người DTTS chính là ưu điểm lớn để Đảng khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện tại những địa bàn đặc biệt khó khăn.

Thứ năm, sự chuyển biến tích cực của đội ngũ đảng viên là người DTTS không chỉ dừng lại ở hiện tượng, thực chất phản ánh chiều sâu của một quá trình “tái cấu trúc” nguồn lực chính trị cơ sở, nơi mà tổ chức đảng là trung tâm đoàn kết và hành động. Sự gia tăng tính chủ động, ý thức tự giác, tinh thần học hỏi không ngừng của đảng viên trẻ. Họ không tiếp cận Đảng chỉ như một danh hiệu, mà thực sự xem đó là môi trường rèn luyện lý tưởng, nơi hun đúc bản lĩnh, năng lực, trách nhiệm công dân trong thời đại mới. Tại các địa phương biên giới ở các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Lai Châu, có tới khoảng 70% đảng viên là người DTTS kết nạp từ năm 2015 đến năm 2023 tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, lý luận chính trị, trong đó nhiều người sau khi hoàn thành khóa học đã trở thành báo cáo viên, giảng viên kiêm nhiệm tại các trung tâm chính trị, giúp lan tỏa nhận thức chính trị ngay từ địa bàn thôn.

Thứ sáu, chất lượng đội ngũ đảng viên là người DTTS không chỉ nằm ở số lượng hay chức vụ đảm nhận mà là ở khả năng truyền cảm hứng, nâng cao dân trí chính trị cho đồng bào dân tộc mình, đó chính là một giá trị mang tính nhân văn sâu sắc. Trước kia, đảng viên là người DTTS thường bị hạn chế bởi ngôn ngữ, tập quán và trình độ học vấn thì hiện nay họ đang trở thành lực lượng “hóa giải” chính những rào cản đó. Tại nhiều địa bàn biên giới như Sín Thầu, Nậm Kè (tỉnh Điện Biên), Lũng Cú (hiện nay là tỉnh Tuyên Quang), mô hình “đảng viên tuyên truyền song ngữ” đang phát huy hiệu quả rõ nét, giúp đồng bào hiểu đúng, làm đúng theo chủ trương, chính sách, đồng thời giảm thiểu nguy cơ bị kích động, chia rẽ từ các thế lực phản động bên kia biên giới.

Xét về mặt chiến lược lâu dài, sự phát triển đội ngũ đảng viên là người DTTS chính là một phần trong thế trận chính trị toàn dân, toàn diện, đặc biệt trong bối cảnh vùng biên giới không chỉ là không gian địa lý, mà còn là “*mặt trận mềm*” của QP-AN và đối ngoại Nhân dân. Do đó, mỗi đảng viên là người DTTS không chỉ mang trên vai trách nhiệm của người cán bộ, mà còn là biểu tượng của sự hòa quyện giữa chính trị cách mạng và văn hóa bản địa, giữa tính Đảng và lòng dân. Đó chính là nền tảng để Đảng ta không ngừng mở rộng phạm vi lãnh đạo mềm, giữ vững thế trận lòng dân vững chắc từ biên giới.

3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập

Thứ nhất, do điều kiện KT-XH khó khăn, cơ sở hạ tầng thiết yếu thiếu thốn là nguyên nhân nền tảng vì nó làm cho mọi yêu cầu của công tác kết nạp đảng đều phải “hạ độ cao” so với chuẩn chung, trong tổng số 371 người được hỏi thì có 91,6% đồng ý việc các tỉnh biên giới địa bàn rộng, chia cắt mạnh, dân cư phân tán [Phụ lục 11]. Ở các xã giáp biên của 8 tỉnh, cơ bản giao thông cách trở, dịch vụ công hạn chế, cơ hội học tập và tiếp cận thông tin ít, nên mặt bằng dân trí, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng tiếng phổ thông, thậm chí cả điều kiện thời gian để tham gia học nghị quyết đều thấp hơn nhiều so với chuẩn tổ chức đảng đặt ra. Người dân phải ưu tiên mưu sinh hằng ngày, mùa

vụ, đi làm ăn xa, nên rất khó bố trí đủ thời lượng cho các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, càng khó duy trì chế độ theo dõi, rèn luyện liên tục. Cấp ủy cơ sở trong hoàn cảnh đó thường không có nhiều lựa chọn về nguồn, hoặc phải kéo dài thời gian tạo nguồn, hoặc buộc phải chấp nhận người có một vài tiêu chí chưa thật “đủ” nhưng có uy tín trong cộng đồng. Mặt khác, hạ tầng thông tin, số hóa yếu và chưa đồng bộ khiến việc tuyên truyền, cập nhật các hướng dẫn mới không kịp thời; cán bộ xã, thôn phải làm nhiều việc cùng lúc nên không theo sát từng đối tượng. Toàn bộ bối cảnh đó làm chất lượng đầu vào không ổn định, số người đáp ứng đủ yêu cầu chính trị, trình độ, sức khỏe, điều kiện sinh hoạt đảng cùng lúc không nhiều, dẫn tới tình trạng lúc thừa chỉ tiêu mà thiếu người đạt chuẩn, lúc lại “trắng nguồn” nhiều năm liền.

Thứ hai, ảnh hưởng của phong tục, tập quán lạc hậu và tâm lý e ngại chính trị làm công tác kết nạp đảng phải “đi vòng” dài hơn và tốn nhiều công sức hơn. Ở không ít nhóm dân tộc, vai trò của già làng, trưởng dòng họ, người có uy tín vẫn là kênh chính để người dân tiếp nhận thông tin, trong khi nội dung về Đảng, về nhiệm vụ chính trị lại chủ yếu truyền qua hệ thống chính quyền, đoàn thể. Nếu cán bộ đảng không tranh thủ được các chủ thể văn hóa này thì thông tin dễ bị lọc bớt, thậm chí bị hiểu lệch. Một số tập quán về hôn nhân, lễ hội, tín ngưỡng, cách phân chia việc nhà, còn duy trì quan niệm coi nhẹ phụ nữ, ít chú trọng thanh niên nên khi tổ chức đảng vận động đưa phụ nữ, đoàn viên trẻ vào diện xem xét thì gia đình hoặc cộng đồng chưa thực sự ủng hộ. Theo số liệu khảo sát khi được hỏi yếu tố tác động tới chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc có 94,6% cho rằng trình độ dân trí, mức sống, điều kiện KT-XH vẫn còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, phong tục tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan, tình trạng tảo hôn, vẫn còn tồn tại [10 lục 11]. Bên cạnh đó, ký ức về những thời kỳ biến động, hoặc ảnh hưởng từ tuyên truyền sai trái qua các kênh phi chính thống khiến một bộ phận người dân hình dung việc vào Đảng đồng nghĩa với gánh trách nhiệm nặng nề, dễ bị “soi”, phải

đi họp nhiều, có thể va chạm trong làng bản. Khi yếu tố tâm lý phòng thủ này chưa được gỡ, thì dù họ có đủ phẩm chất vẫn chần chừ, không nộp hồ sơ, hoặc tham gia bồi dưỡng rất dè dặt. Đây là kiểu cản trở mềm, khó đo đếm, nhưng lại tác động trực tiếp đến độ mở của nguồn kết nạp.

Thứ ba, sự thiếu liên kết, phối hợp giữa các lực lượng CT-XH, chính quyền và tổ chức đảng làm cho quá trình tạo nguồn vốn phải nhiều mắt xích lại trở thành chuỗi công việc “một mình chi bộ gánh”. Theo mô hình, đoàn thanh niên phát hiện đoàn viên năng nổ, hội phụ nữ nắm được hội viên uy tín, mặt trận hiểu hoàn cảnh từng hộ, chính quyền nắm rõ nhân khẩu, rồi chuyển thông tin sang chi bộ để theo dõi dài hạn. Nhưng trên thực tế, nhiều nơi mỗi tổ chức làm theo kế hoạch riêng, báo cáo riêng, không có cơ chế tổng hợp định kỳ về nguồn cảm tình Đảng. Có nơi tổ chức CT-XH giới thiệu nhưng chi bộ không kịp phân công đảng viên giúp đỡ; có nơi chi bộ cần người nhưng tổ chức đoàn, hội chưa chuẩn bị được lực lượng vì hoạt động phong trào mờ nhạt. Thêm vào đó, phân công trách nhiệm đôi khi chồng lấn, cấp uỷ cơ sở giao cho các tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhưng dân cư thưa thớt, thanh niên đi làm xa, vì vậy tổ chức đoàn không nắm được; hội phụ nữ có hội viên tốt nhưng không có sự định hướng. Sự rời rạc ấy khiến quá trình đánh giá quần chúng thiếu góc nhìn toàn diện, khó nhận ra những nhân tố âm thầm nhưng bền bỉ, trong khi lại dễ đưa lên những người chỉ nổi bật ở một hoạt động ngắn hạn. Kết quả là nguồn ít, trùng lặp, chất lượng không đồng đều, chi bộ phải chọn trong phạm vi rất hẹp.

Thứ tư, các chính sách hỗ trợ kết nạp đảng viên và xây dựng tổ chức đảng vùng DTTS thiếu đồng bộ khiến cấp cơ sở thường xuyên ở thế “tự xoay sở”. Nhiều chủ trương lớn đặt mục tiêu đúng, nhấn mạnh yêu cầu tăng tỷ lệ đảng viên người DTTS, củng cố tổ chức ở thôn bản đặc biệt khó khăn, nhưng khi xuống đến cấp xã lại thiếu những công cụ rất cụ thể như kinh phí tổ chức lớp bồi dưỡng tại chỗ, hỗ trợ phiên dịch, tài liệu song ngữ, phụ cấp thêm cho đảng viên phụ trách thôn xa, hay cơ chế khen thưởng kịp thời đối với chi bộ

làm tốt. Vì thiếu “đòn bẫy” này, cán bộ cơ sở khó thuyết phục quần chúng tham gia học tập dài ngày, càng khó duy trì động lực cho đảng viên giúp đỡ đối tượng dự nguồn. Mặt khác, việc lồng ghép kết nạp đảng vào các chương trình KT-XH chưa nhất quán, chỗ thì gắn với giảm nghèo, chỗ gắn với xây dựng nông thôn mới, chỗ lại tách riêng nên nguồn lực bị phân tán. Công tác theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chủ trương về kết nạp đảng vùng DTTS cũng chưa gắn với bộ chỉ số cụ thể, nên dù địa phương có nêu khó khăn thì cấp trên cũng khó định lượng để điều chỉnh. Tình trạng “trên khuyến khích, dưới thiếu điều kiện” kéo dài làm cho nỗ lực của cơ sở bị đứt quãng, độ bao phủ chính sách đến các nhóm dân tộc nhỏ, sống rải rác chưa đạt như mong muốn.

Thứ năm, vai trò của cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu và chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác kết nạp đảng ở cơ sở còn hạn chế nên không chuyển hóa được chủ trương thành cách làm phù hợp văn hóa bản địa. Nhiều bí thư chi bộ, phó bí thư xã lên từ phong trào, nhiệt tình nhưng chưa được rèn kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, chưa nắm sâu phong tục của từng dân tộc trong xã, nên bài nói, tài liệu, ví dụ minh họa vẫn mang tính chung chung, khó chạm tới tâm lý người nghe. Khi gặp quần chúng ít học, nói tiếng phổ thông chưa thạo, cán bộ dễ quay về lối tuyên truyền đọc, chép, trong khi muốn gây dựng động cơ vào Đảng bền vững phải gần gũi, phải “đi cùng, làm cùng” với dân. Một bộ phận cán bộ còn nặng về quy trình, sợ sai, nên tập trung kiểm tra hồ sơ hơn là bám địa bàn, dẫn đến chỗ thì thủ tục rất chặt nhưng không ai hứng thú vào Đảng, chỗ có tiềm năng về nguồn kết nạp thì chưa được khai thác. Công tác bồi dưỡng cho đội ngũ này nhiều khi thiên về lý luận, ít tình huống thực tiễn vùng núi, ít mô đun về kỹ năng dân vận, xử lý khác biệt tôn giáo, về tổ chức lớp bồi dưỡng linh hoạt tại bản. Vì thế, cán bộ khó sáng tạo mô hình phù hợp, khó hấp được sức hút chính trị trong cộng đồng và kết quả cuối cùng là số người đạt chuẩn vào Đảng không phản ánh đúng tiềm năng vốn có của địa bàn.

3.2.3. Một số vấn đề đặt ra

Thứ nhất, công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc trong những năm qua luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp, cả HTCT từ cấp tỉnh đến cơ sở đều luôn quan tâm chú trọng từ công tác tạo nguồn, giáo dục, bồi dưỡng, lựa chọn, thực hiện tốt công tác kết nạp đảng viên là người DTTS tuy nhiên những điều kiện khó khăn và thách thức đặc thù của vùng biên giới phía Bắc đang trực tiếp tác động đến chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Đây là khu vực có địa bàn rộng, hạ tầng chưa đồng bộ, trình độ dân trí không đồng đều, đời sống KT-XH còn nhiều khó khăn, phong tục tập quán đa dạng và chịu tác động mạnh của các yếu tố an ninh biên giới. Ở không ít thôn, tổ chức đảng còn mỏng, thậm chí có nơi vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng ở cơ sở chưa được phát huy đầy đủ. Trong bối cảnh đó, nếu công tác kết nạp đảng viên là người DTTS chỉ được nhìn nhận như nhiệm vụ chỉ tiêu hằng năm, thiếu tầm nhìn chiến lược, thì khó có thể tạo dựng được “cột trụ chính trị” vững chắc tại cơ sở. Vấn đề đặt ra là phải nâng công tác kết nạp đảng viên người DTTS lên tầm nhiệm vụ chiến lược gắn với củng cố HTCT ở cơ sở, ổn định an ninh biên giới và phát triển bền vững vùng DTTS.

Thứ hai, mặc dù công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc vẫn còn tình trạng biểu hiện “nhật Đoàn, khô Đảng” trong một bộ phận quần chúng người DTTS đang làm suy giảm nguồn phát triển đảng viên. Thực tiễn ở nhiều địa phương, phong trào quần chúng chưa thực sự sôi nổi, hoạt động của các tổ chức CT-XH còn hình thức, thiếu sức lan tỏa, chưa tạo được môi trường rèn luyện và thử thách. Công tác tuyên truyền, vận động kết nạp đảng viên còn nặng về hành chính, chưa phù hợp với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ và tâm lý của đồng bào DTTS, dẫn đến việc quần chúng chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, giá trị và trách nhiệm khi phấn đấu vào Đảng. Điều này đặt ra yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ phương thức phát hiện,

bồi dưỡng và kết nạp đảng viên theo hướng “cộng đồng hóa”, phát huy vai trò của người có uy tín, gắn công tác xây dựng Đảng với phong trào phát triển KT-XH, qua đó khơi dậy động lực tự thân và niềm tin chính trị của quần chúng người DTTS.

Thứ ba, cơ chế, chính sách và công tác kiểm tra, giám sát đối với việc kết nạp đảng viên là người DTTS vẫn còn những bất cập, ảnh hưởng đến chất lượng và tính bền vững của kết quả đạt được. Một số chủ trương, quy định hiện hành còn mang tính khung, thiếu tiêu chí đặc thù cho vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, dẫn đến cách hiểu và tổ chức thực hiện chưa thống nhất. Cơ chế phối hợp giữa chi bộ, chính quyền và các tổ chức CT-XH ở cơ sở chưa chặt chẽ; công tác kiểm tra, giám sát thiếu tiêu chí định lượng cụ thể, nên khó đánh giá thực chất chất lượng kết nạp. Do đó, vấn đề đặt ra là cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách theo hướng cụ thể hóa, sát thực tiễn vùng DTTS; gắn công tác kết nạp đảng viên với các chương trình phát triển KT-XH, nâng cao dân trí, giảm nghèo bền vững; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên để khắc phục tình trạng hình thức, chạy theo số lượng.

Tóm lại, để nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc đòi hỏi phải nhận diện đầy đủ những khó khăn, thách thức đặc thù; khắc phục biểu hiện “nhật Đoàn, khô Đảng” trong quần chúng; đồng thời hoàn thiện cơ chế, chính sách và phương thức tổ chức thực hiện. Chỉ khi giải quyết đồng bộ các vấn đề trên, công tác kết nạp đảng viên người DTTS mới thực sự góp phần củng cố HTCT ở cơ sở vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Tiểu kết chương 3

Công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến tháng 6/2025 đã có bước chuyển rõ rệt cả về nhận thức, chủ trương, phương thức và kết quả thực hiện. Các cấp ủy đã quan tâm chỉ đạo, xây dựng kế hoạch cụ thể, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, tạo nguồn quần chúng ưu tú, góp phần củng cố TCCSD, tăng cường sức chiến đấu của HTCT cơ sở, hình thành đội ngũ cán bộ kế cận người DTTS.

Tuy nhiên, chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc vẫn còn hạn chế. Một số cấp ủy quán triệt chưa sâu, còn hình thức, chạy theo chỉ tiêu; công tác bồi dưỡng, thử thách quần chúng đôi khi mang tính phong trào; việc kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; sơ kết, tổng kết thiếu tính liên thông và thực chất. Một bộ phận cấp ủy, cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa chiến lược của việc kết nạp đảng viên người DTTS. Bên cạnh đó, năng lực cán bộ cơ sở, điều kiện KT-XH, trình độ dân trí ở vùng khó khăn cũng ảnh hưởng đến chất lượng nguồn kết nạp.

Công tác kết nạp đảng viên là người DTTS đạt nhiều kết quả tích cực nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Đòi hỏi cấp ủy tiếp tục đổi mới nhận thức, hoàn thiện cơ chế, chính sách, phương thức tổ chức; kết hợp hài hòa giữa số lượng và chất lượng, giữa tiêu chuẩn chung của Đảng với đặc thù vùng DTTS, làm cơ sở đề xuất phương hướng, giải pháp ở chương tiếp theo.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC ĐẾN NĂM 2035 TẦM NHÌN 2045

4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC ĐẾN NĂM 2035 TẦM NHÌN 2024

4.1.1. Dự báo những yếu tố tác động

4.1.1.1. Những yếu tố thuận lợi

Trong bối cảnh toàn cầu với cơ hội rộng mở, dự báo trong thời gian tới, thuận lợi bên trong cũng như bên ngoài sẽ tiếp tục tạo lực đẩy mạnh mẽ cho công tác xây dựng đảng, công tác kết nạp đảng viên vùng DTTS nhằm góp phần củng cố HTCT ở cơ sở, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững biên cương Tổ quốc.

Bình diện quốc tế với xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng tiếp tục là dòng chảy chủ đạo, thúc đẩy các quốc gia, phải điều chỉnh chiến lược phát triển theo hướng toàn diện, bền vững. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương tiếp tục là trung tâm phát triển năng động [85, tr.18], việc hình thành các cơ chế hợp tác như ASEAN, tiểu vùng Mekong mở rộng, hay hợp tác Khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam mang lại những lợi ích thiết thực trong chia sẻ kinh nghiệm về phát triển nông thôn, giáo dục vùng sâu vùng xa và nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị tại cơ sở. Một số mô hình kết nạp đảng gắn với nâng cao đời sống cộng đồng người DTTS của Trung Quốc, Lào có thể là những kinh nghiệm tham khảo quý giá giúp Việt Nam định hình chiến lược phát triển tổ chức đảng và kết nạp đảng viên ở vùng đồng bào DTTS theo hướng sát thực, hiệu quả và bền vững.

Xu thế tự chủ chiến lược về kinh tế, đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng ngày càng được các nước quan tâm, thúc đẩy [85, tr.18]. Bên cạnh đó, thế hệ trẻ là người DTTS vốn tiếp cận nhanh với công nghệ, mạng xã hội cũng đang thay đổi về tư duy, nhận thức chính trị, sẵn sàng đóng góp cho cộng đồng thông qua con đường trở thành đảng viên ở cơ sở.

Các tỉnh biên giới phía Bắc là nơi hội tụ đông đảo các DTTS với các điều kiện địa lý, văn hóa, xã hội đang có sự thay đổi tích cực. Hạ tầng được cải thiện, điện, đường, trường, trạm được đầu tư mạnh mẽ, các thiết chế văn hóa và giáo dục được xây dựng đồng bộ đã góp phần rút ngắn khoảng cách vùng miền. Những mô hình chi bộ kiểu mới, sinh hoạt linh hoạt gắn với đặc thù dân tộc, mô hình “đảng viên hạt nhân vùng cao” hay “chi bộ bản du lịch cộng đồng” đã và đang chứng minh tính hiệu quả, tạo dấu ấn về vai trò lãnh đạo của Đảng ngay trong đời sống thường ngày của đồng bào. Sự khởi sắc về giáo dục, số lượng học sinh là người DTTS học đại học, cao đẳng ngày càng tăng, đây chính là cơ sở quan trọng để mở rộng nguồn kết nạp đảng viên trẻ, có trình độ, từ đó làm mới lực lượng kế cận cho tổ chức đảng ở địa phương.

Từ những yếu tố khách quan của môi trường quốc tế đến điều kiện thực tiễn trong nước và ở các tỉnh biên giới, công tác kết nạp đảng viên là người DTTS đang đứng trước cơ hội to lớn để chuyển mình về chất. Vấn đề then chốt là cấp ủy các cấp cần kịp thời nắm bắt xu thế mới, tận dụng triệt để thành tựu của chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, đồng thời phát huy mạnh mẽ nội lực trong Nhân dân để công tác kết nạp đảng viên thật sự là quá trình “tự nguyện, tự giác, tự tỏa sáng” trong lòng đồng bào DTTS.

4.1.1.2. Những yếu tố khó khăn

Trong quá trình phát triển của thế giới hiện đại, bên cạnh những thời cơ thuận lợi thì cũng xuất hiện không ít những khó khăn, thách thức có tính chất đa chiều, tác động trực tiếp và gián tiếp đến chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc.

Ở tầm quốc tế, sự biến động khó lường của môi trường địa chính trị, kinh tế và an ninh toàn cầu tiếp tục đặt ra nhiều thách thức đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Tình trạng phân cực quyền lực, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn khiến cho việc đầu tư và hỗ trợ phát triển có xu hướng dịch chuyển, ảnh hưởng đến nguồn lực đầu tư vào các vùng khó khăn. Bên cạnh đó, các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh phi truyền thống, dịch bệnh, xung đột khu vực,..., cũng có tác động tiêu cực đến các chương trình phát triển KT-XH ở vùng DTTS, gián tiếp ảnh hưởng đến điều kiện cần thiết cho công tác phát hiện, bồi dưỡng và kết nạp đảng viên. Quá trình phấn đấu vào Đảng của quần chúng là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc đang chịu tác động đan xen của nhiều yếu tố bất lợi. Trước hết, các thế lực thù địch không ngừng lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, đời sống khó khăn để tuyên truyền xuyên tạc, gieo rắc tâm lý hoài nghi, làm suy giảm niềm tin chính trị của một bộ phận quần chúng. Bên cạnh đó, mặt trái của kinh tế thị trường với sự phân hóa giàu nghèo, lối sống thực dụng, chạy theo lợi ích trước mắt đã tác động tiêu cực đến động cơ phấn đấu, rèn luyện của một số quần chúng ưu tú. Đặc biệt, biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, hạn hán diễn biến ngày càng phức tạp, làm đời sống, sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số bấp bênh, buộc họ ưu tiên mưu sinh hơn là tham gia các hoạt động CT-XH, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn và chất lượng tạo nguồn kết nạp Đảng.

Trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, trong đó Biển Đông tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra xung đột [85, tr.18], sự gia tăng cạnh tranh về nguồn lực, thị trường lao động khiến một bộ phận lao động trẻ người DTTS lựa chọn rời bỏ địa phương để làm ăn xa, xuất khẩu lao động không chính thức hoặc di cư tự do. Điều này dẫn đến “chảy máu chất lượng” trong nguồn nhân lực địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn tạo đảng viên kế cận tại cơ sở.

Kỷ nguyên phát triển mới, công nghệ 4.0 và quá trình chuyển đổi số toàn diện, trong khi mở ra nhiều cơ hội thì cũng lại cũng đặt ra những thách thức lớn nếu không có sự chuẩn bị đồng bộ. Khoảng cách số giữa thành thị và nông thôn, giữa dân tộc đa số và các DTTS ngày càng lớn, dẫn tới nguy cơ người DTTS bị “bỏ lại phía sau” trong quá trình tiếp cận thông tin, kỹ năng công nghệ và năng lực làm chủ công nghệ số. Nhiều vùng sâu, vùng xa vẫn chưa có hạ tầng viễn thông đủ mạnh, người dân chưa có kỹ năng sử dụng nền tảng số dẫn đến hạn chế trong việc tiếp cận các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vốn là cơ sở quan trọng để hình thành động cơ vào Đảng.

Thách thức đến từ chính các yếu tố nội tại trong vùng đồng bào DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Trình độ dân trí, mức sống, điều kiện KT-XH vẫn còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo cao; phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan, tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, vẫn tồn tại ở nhiều nơi, tạo ra lực cản mạnh đối với sự phát triển nhân tố tích cực trong cộng đồng. Theo khảo sát có 98,94% ý kiến đồng ý cho rằng phần lớn người DTTS sống dựa vào nông nghiệp truyền thống, chăn nuôi và lâm nghiệp, canh tác nương rẫy [Phụ lục 11]. Mặt khác, sự tồn tại của các loại tội phạm lợi dụng yếu tố dân tộc, tôn giáo, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng để lôi kéo, kích động đồng bào cũng đặt ra nguy cơ gây chia rẽ khối đoàn kết và làm suy giảm niềm tin của quần chúng vào Đảng. Quá trình hội nhập khu vực cũng đặt ra bài toán về sự đồng hóa văn hóa, dẫn tới sự mai một về bản sắc dân tộc, lối sống cộng đồng và tinh thần gắn bó với tổ chức CT-XH truyền thống, trong đó có tổ chức đảng. Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN dù mang lại nhiều cơ hội, nhưng cũng đồng thời làm phát sinh những mặt trái như phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng vùng miền, đặc biệt là giữa đô thị, thành thị và miền núi, biên giới. Một số TCCSD còn lúng túng trong thích ứng với bối cảnh mới, chưa đổi mới mạnh mẽ phương pháp tiếp cận quần chúng, chưa coi trọng đúng mức việc phát hiện, bồi dưỡng và kết nạp người DTTS có triển vọng cũng là lực cản không nhỏ đối

với yêu cầu nâng cao chất lượng công tác này. Thêm vào đó, một bộ phận cán bộ, đảng viên là người DTTS còn thiếu năng lực lãnh đạo, quản lý, chưa thực sự là tấm gương tiêu biểu về đạo đức, uy tín trong cộng đồng, dẫn đến hiệu ứng lan tỏa thấp. Việc xây dựng môi trường phấn đấu vào Đảng ở nhiều thôn, bản còn hình thức, thiếu sức hút, thiếu minh bạch, dẫn đến tâm lý thụ động, e ngại hoặc không tha thiết đứng vào hàng ngũ của Đảng.

Thời gian tới, công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức có tính hệ thống, đan xen. Điều này đòi hỏi các cấp ủy đảng cần nâng cao năng lực dự báo chiến lược, chủ động xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với đặc thù vùng miền, tăng cường ứng dụng công nghệ trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, nhất là phải phát huy vai trò của đội ngũ đảng viên cốt cán trong cộng đồng, để từ đó từng bước vượt qua thách thức, nâng cao hiệu quả, chất lượng và chiều sâu của công tác kết nạp đảng viên trong giai đoạn mới.

4.1.2. Phương hướng

Quán triệt và thực hiện tốt phương hướng, nội dung kết nạp đảng viên theo tinh thần Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; cấp ủy các cấp cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo “Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên”, “Quan tâm phát triển đảng viên trong công nhân, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp, khu vực ngoài nhà nước, người có tôn giáo, người ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng DTTS” [85, tr.46]; Việc kết nạp đảng viên phải coi trọng chất lượng, đặc biệt chú ý đến tiêu chuẩn giác ngộ lý tưởng của Đảng, đạo đức, lối sống, năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Phương hướng trong công tác xây dựng đảng đã được Đảng ta nhấn mạnh và khẳng định: xây dựng TCCSD trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài, liên tục, là trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, góp phần xây dựng, chỉnh đốn đảng và HTCT, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng [63].

Trong thời gian tới, để tiếp tục nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc cần thực hiện một số phương hướng cụ thể:

Một là, phát triển nguồn, tạo nguồn đảng viên gắn với chiến lược nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực trẻ dân tộc thiểu số.

Công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên phải được đặt trong tổng thể các chiến lược phát triển con người, đặc biệt là giáo dục, đào tạo thanh thiếu niên DTTS có năng lực, có chí hướng cống hiến cho cộng đồng theo tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng: “Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên, đặc biệt trong đội ngũ trí thức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp; vùng đồng bào DTTS, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa, khu dân cư” [85, tr.66]. Cần chú trọng phát hiện, bồi dưỡng học sinh, sinh viên người DTTS tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, đại học, cao đẳng, coi đây là lực lượng tiềm năng lâu dài. Các chương trình khuyến học, khuyến tài, đào tạo cán bộ người DTTS cần gắn với xây dựng lớp đảng viên kế cận có bản lĩnh, hiểu biết về thời đại và có khả năng vận dụng công nghệ số trong công tác Đảng, công tác vận động quần chúng.

Hai là, nâng cao nhận thức chính trị và động cơ vào Đảng thông qua truyền thông chính trị số và mô hình giáo dục chính trị phù hợp.

Trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng gần gũi, thiết thực, dễ tiếp cận đối với đồng bào DTTS. Tăng cường ứng dụng nền tảng số, mạng xã hội, phát thanh trực tuyến bằng ngôn ngữ dân tộc để tuyên truyền về Đảng, về lý tưởng cách mạng, những tấm gương đảng viên người DTTS tiêu biểu. Xây dựng các mô hình “chi bộ số”, “tổ đảng gắn với công nghệ” tại các vùng có điều kiện, từng bước tạo dựng hình ảnh tổ chức đảng thân thiện, hiện đại, gần dân.

Ba là, gắn kết công tác phát triển đảng viên với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Cần xác định rõ công tác kết nạp đảng viên là người DTTS không tách rời khỏi sự phát triển bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương. Việc lựa chọn, giới thiệu quân chúng ưu tú vào Đảng nên ưu tiên những cá nhân có vai trò tích cực trong phát triển kinh tế hộ gia đình, làm giàu chính đáng, giữ gìn phong tục đẹp, đấu tranh với các hủ tục và có uy tín trong cộng đồng. Tăng cường mối quan hệ giữa chi bộ với các chương trình như nông thôn mới, giảm nghèo đa chiều, chuyển đổi nghề bền vững,..., nhằm phát hiện nhân tố mới từ thực tiễn, có tính đại diện, tiêu biểu cho từng tộc người, từng vùng.

Bốn là, tăng cường vai trò của đội ngũ đảng viên cốt cán người dân tộc thiểu số trong công tác phát hiện, bồi dưỡng và giới thiệu đối tượng kết nạp.

Một trong những hướng đột phá là phát huy vai trò nòng cốt, nêu gương và “dẫn dắt chính trị” của đội ngũ đảng viên là người DTTS. Cần xây dựng cơ chế khuyến khích và giao nhiệm vụ rõ ràng cho đội ngũ này trong việc giúp cấp ủy phát hiện, theo dõi, bồi dưỡng quân chúng ưu tú, nhất là tại các thôn, bản khó khăn. Đồng thời, tổ chức các diễn đàn, tọa đàm “Đảng viên bản mình nói chuyện Đảng” nhằm lan tỏa giá trị, khơi dậy ý thức trách nhiệm, lòng tự hào dân tộc, tạo sức hút tự nhiên trong cộng đồng với Đảng.

Năm là, chủ động xây dựng mô hình tổ chức đảng linh hoạt, thích ứng với đặc thù vùng biên giới, vùng sâu vùng xa

Trong điều kiện địa hình chia cắt, dân cư phân tán, nhiều đồng bào DTTS di cư tự do hoặc sinh sống ở vùng giáp biên, tổ chức đảng cần có mô hình linh hoạt hơn, tránh cứng nhắc. Đặc biệt, trong danh mục các nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045, trong Dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đối với tăng cường củng cố, xây dựng TCCSD và nâng cao chất lượng kết nạp đội ngũ

đảng viên đã yêu cầu Ban Tổ chức Trung ương tham mưu xây dựng ban hành quy định của Ban Bí thư về kết nạp đảng viên là người DTTS và quy định về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và đảng viên là người theo tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo [85, tr.112]. Cần đẩy mạnh thí điểm các mô hình chi bộ liên xã, liên bản, chi bộ lưu động, hoặc đảng bộ số kết hợp trực tiếp và trực tuyến, giúp nâng cao khả năng duy trì sinh hoạt chi bộ và theo dõi đối tượng kết nạp Đảng thường xuyên. Cần có chính sách phân quyền, phân cấp mạnh hơn cho đảng ủy cấp xã và thôn, bản có đông đồng bào dân tộc để chủ động lựa chọn, thử thách và xem xét kết nạp quần chúng ngay từ cơ sở.

4.2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC ĐẾN NĂM 2035 TẦM NHÌN 2045

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng đối với công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số

Kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc không chỉ là một yêu cầu trong công tác xây dựng Đảng mà còn là nhiệm vụ chiến lược gắn liền với ổn định chính trị, phát triển KT-XH, tăng cường QP-AN và bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Tuy nhiên, chất lượng và hiệu quả công tác này vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu thực tiễn. Một trong những nguyên nhân căn bản chính là nhận thức chưa đầy đủ, chưa đồng bộ và thiếu chiều sâu từ các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam và quần chúng Nhân dân về ý nghĩa, vai trò và yêu cầu của việc phát triển đội ngũ đảng viên người DTTS. Vì vậy, đến năm 2035, việc nâng cao nhận thức của cả HTCT và Nhân dân về công tác này cần được xem là giải pháp nền tảng, có ý nghĩa dẫn dắt, định hướng và quyết định sự thành công của các giải pháp khác.

Thứ nhất, cấp ủy các cấp giữ vai trò trung tâm, là đầu tàu chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác kết nạp đảng viên. Nâng cao nhận thức của cấp ủy

không đơn thuần là cung cấp thêm thông tin mà là thúc đẩy chuyển biến tư duy, từ nhận thức mang tính hình thức sang nhận thức mang tính chiến lược và trách nhiệm chính trị. Cấp ủy cần nhận thức rõ việc kết nạp đảng viên là người DTTS không phải chỉ là “*chỉ tiêu số lượng*” mà là giải pháp cơ bản nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng ở vùng đồng bào DTTS. Điều đó đòi hỏi cấp ủy phải thực sự tâm huyết, chủ động rà soát, đánh giá thực trạng, xác định rõ những địa bàn, những lĩnh vực còn “*trắng đảng viên*”, “*trắng chi bộ*”, từ đó ban hành nghị quyết, nghị quyết chuyên đề, xây dựng kế hoạch chỉ đạo kết nạp đảng viên phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Nâng cao trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện, đánh giá đúng vai trò, năng lực của từng tổ chức đảng trực thuộc trong việc phát hiện, tạo nguồn, bồi dưỡng và giới thiệu kết nạp đảng viên người DTTS.

Thứ hai, tổ chức đảng các cấp, nhất là chi bộ cơ sở nơi trực tiếp thực hiện công tác kết nạp đảng viên cần được bồi dưỡng nhận thức sâu sắc về yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Nhiều chi bộ hiện nay còn lúng túng trong việc phát hiện, tạo nguồn và bồi dưỡng quần chúng ưu tú là người DTTS vì còn thiếu tính chủ động, thiếu kỹ năng tổ chức sinh hoạt phù hợp với phong tục, tập quán địa phương. Do đó, nâng cao nhận thức cho tổ chức đảng là giúp họ hiểu rõ hơn về đặc điểm tâm lý, văn hóa của đồng bào DTTS, từ đó đổi mới phương thức hoạt động chi bộ theo hướng gần dân, sát dân, hiểu dân, có khả năng dẫn dắt và thuyết phục quần chúng tích cực phấn đấu vào Đảng.

Thứ ba, chính quyền các cấp cũng cần được nâng cao nhận thức trách nhiệm trong việc phối hợp với cấp ủy trong công tác kết nạp đảng viên. Trên thực tế, nhiều địa phương còn biểu hiện “*khoán trắng*” cho tổ chức đảng trong công tác kết nạp đảng viên, chưa có sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển KT-XH, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới với việc phát hiện, bồi dưỡng nhân tố ưu tú trong quần chúng nhân dân. Tạo chuyển biến về nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nhằm tạo ra cơ chế phối hợp thực chất, hiệu quả hơn giữa các

cấp, các ngành trong đó việc chăm lo đời sống, tạo việc làm, nâng cao dân trí, xóa bỏ mặc cảm cho đồng bào DTTS cũng là điều kiện để họ vươn lên khẳng định bản thân và tự nguyện phấn đấu đứng vào hàng ngũ của Đảng.

Thứ tư, Ủy ban MTTQ Việt Nam ở cơ sở đóng vai trò cầu nối giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vai trò này chưa thực sự phát huy hiệu quả trong việc tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng DTTS hiểu đúng về vai trò của Đảng và giá trị của việc trở thành đảng viên. Do đó, việc nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận và các tổ chức CT-XH phải gắn với đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng gần dân, thiết thực, sinh động và thuyết phục. Để từ đó, họ mới có thể trở thành “cánh tay nối dài” của Đảng trong việc phát hiện, giới thiệu, đồng hành cùng quần chúng ưu tú người DTTS trong hành trình phấn đấu vào Đảng.

Thứ năm, quần chúng nhân dân nhất là đồng bào các DTTS, chính là trung tâm và chủ thể của mọi nỗ lực phát triển đảng viên. Ở nhiều địa bàn vùng biên giới, nhận thức của đồng bào về công tác xây dựng đảng và việc vào Đảng còn mơ hồ, thậm chí còn chịu tác động bởi hủ tục, tư tưởng bảo thủ, lệ thuộc vào tôn giáo hoặc bị ảnh hưởng bởi các thế lực thù địch. Do đó, nâng cao nhận thức trong Nhân dân cần đi từ cơ sở, thông qua già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, thông qua mô hình dân vận khéo, kết hợp giữa tuyên truyền, vận động, minh chứng bằng kết quả thực tiễn để đồng bào hiểu rằng để trở thành đảng viên không chỉ là vinh dự, tự hào mà còn là cơ hội để đóng góp nhiều hơn cho cộng đồng, để được học tập, rèn luyện và trở thành lực lượng tiên phong trong phát triển và xây dựng quê hương, đất nước.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của cả HTCT và Nhân dân về công tác kết nạp đảng viên là người DTTS không chỉ là giải pháp kỹ thuật mà là giải pháp có tính định hướng lâu dài, mở đường cho những giải pháp khác phát huy hiệu quả. Nhận thức đúng sẽ dẫn đến hành động đúng và khi các cấp, các ngành, tổ chức và người dân cùng chung một nhận thức và ý chí thì

công tác kết nạp là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc đến năm 2035 tầm nhìn 2045 chắc chắn sẽ chuyển biến tích cực, bền vững và thực chất hơn.

4.2.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để quần chúng người dân tộc thiểu số xác định đúng động cơ vào Đảng

Tuyên truyền, vận động là phương thức được cấp uỷ, tổ chức đảng sử dụng thường xuyên, liên tục, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để quần chúng DTTS xác định đúng động cơ vào Đảng, cần nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau, bản chất và vai trò quan trọng của công tác tuyên truyền cho đến các khó khăn, thách thức trong quá trình tổ chức thực hiện cũng như các phương pháp, hình thức tuyên truyền cần áp dụng để đảm bảo tính khoa học, tính hiệu quả trong môi trường đặc thù ở vùng đồng bào DTTS. Trước hết, cần khẳng định rằng công tác tuyên truyền trong Đảng là một yếu tố cốt lõi, có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình xây dựng đảng, nhất là trong công tác kết nạp đảng viên ở các địa bàn còn nhiều khó khăn, các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới. Tuy nhiên, không phải là ngẫu nhiên khi nói công tác tuyên truyền về Đảng trong các cộng đồng DTTS gặp rất nhiều trở ngại. Vấn đề chính là sự thiếu hụt thông tin, hiểu biết và mức độ tiếp cận của đồng bào DTTS đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong khi đó, công tác tuyên truyền lại có tầm quan trọng vô cùng lớn lao, giúp người dân hiểu rõ hơn về vai trò và mục đích của Đảng, từ đó tạo dựng được lòng tin và sự tham gia tích cực của họ vào công tác xây dựng Đảng, nhất là trong công tác kết nạp đảng viên mới.

Đối với đồng bào DTTS, nhận thức về Đảng không thể hình thành một cách bền vững nếu chỉ dừng ở việc truyền đạt các khái niệm lý luận hay tri thức chính trị mang tính trừu tượng. Trong điều kiện đặc thù về kinh tế, văn hóa và đời sống xã hội, việc tìm hiểu về Đảng trước hết phải gắn chặt với những vấn đề thực tiễn hằng ngày của cộng đồng, với những lợi ích cụ thể mà

sự lãnh đạo của Đảng mang lại cho cuộc sống của người dân. Khi mối quan hệ giữa lý tưởng, đường lối của Đảng với yêu cầu phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được làm rõ, nhận thức chính trị mới có cơ sở để chuyển hóa thành niềm tin và hành động. Thực tiễn cho thấy, mặc dù đồng bào các DTTS đã và đang tích cực tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, song một bộ phận quần chúng vẫn chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện về bản chất, vai trò và sứ mệnh lãnh đạo của Đảng trong tiến trình phát triển đất nước. Vì vậy, công tác tuyên truyền, giáo dục về Đảng ở vùng đồng bào DTTS cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển KT-XH, theo kết quả khảo sát có tới 318/371 phiếu được hỏi chiếm 86% đồng ý với đặc thù vùng biên giới, nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào DTTS, công tác kết nạp đảng viên phải đặt trong mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển tổ chức đảng và củng cố HTCT và QP-AN [Phụ lục 11], vì vậy cấp uỷ và cả HTCT phải coi đây không chỉ là nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng mà còn là giải pháp căn bản nhằm nâng cao dân trí chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân và khẳng định rõ những giá trị, lợi ích thiết thực mà Đảng mang lại cho cộng đồng.

Công tác tuyên truyền tại các vùng đồng bào DTTS đang đối mặt với những khó khăn nhất định. Sự chênh lệch về mức độ phát triển giữa các khu vực, các tỉnh biên giới, vùng sâu, vùng xa thường thiếu cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin và thiếu sự tiếp cận với các phương tiện truyền thông hiện đại như internet, truyền hình, hay báo chí. Việc sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng để tuyên truyền trở nên khó khăn và không hiệu quả. Sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục, tập quán giữa các cộng đồng dân tộc làm cho công tác tuyên truyền thêm phần phức tạp. Quần chúng DTTS giao tiếp chủ yếu bằng tiếng mẹ đẻ, với các hình thức văn hóa, tín ngưỡng riêng biệt, điều này đòi hỏi cán bộ tuyên truyền không chỉ có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ dân tộc mà còn phải hiểu và tôn trọng các giá trị văn hóa của các DTTS. Việc tiếp cận người

dân bằng các phương thức không phù hợp, không gần gũi sẽ dẫn đến sự xa lánh và thiếu tin tưởng đối với công tác tuyên truyền.

Nhiều người dân DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc còn phải đối mặt với những vấn đề sinh kế hàng ngày như đói nghèo, thiếu thốn về cơ sở vật chất và những khó khăn trong học vấn. Điều này khiến cho các vấn đề chính trị, các chủ trương về Đảng, về phát triển đất nước không phải là ưu tiên hàng đầu trong đời sống của họ. Chính vì vậy, công tác tuyên truyền cần phải được làm sao để có thể lồng ghép với nhu cầu thiết thực của người dân, khiến họ thấy được sự cần thiết phải tham gia vào Đảng không chỉ vì lý tưởng mà còn vì quyền lợi chính đáng của bản thân và cộng đồng. Thực tế, nhiều người dân DTTS đã tham gia vào Đảng nhưng chủ yếu mang tính hình thức, thiếu sự hiểu biết và cam kết lâu dài.

Để giải quyết những vấn đề trên, công tác tuyên truyền về Đảng cần phải được tổ chức một cách bài bản, có tính chiến lược và phù hợp với đặc điểm của từng cộng đồng dân tộc. Một trong những giải pháp căn bản là tăng cường tổ chức các cuộc gặp gỡ, đối thoại trực tiếp giữa cấp uỷ, chính quyền với quần chúng nhân dân. Những buổi sinh hoạt cộng đồng không chỉ là cơ hội để cán bộ, đảng viên giải thích về chủ trương, chính sách của Đảng mà còn là dịp để người dân bày tỏ tâm tư, nguyện vọng chính đáng của mình, qua đó giải quyết những vướng mắc, khó khăn, tạo ra sự đồng thuận giữa Đảng và quần chúng nhân dân. Những buổi gặp gỡ như vậy sẽ giúp cho người dân hiểu rõ hơn về Đảng, nhất là về mục tiêu phát triển đất nước và những lợi ích mà họ sẽ nhận được khi tham gia vào Đảng.

Ngoài các buổi đối thoại trực tiếp, việc phát hành tài liệu tuyên truyền cũng là một hình thức không thể thiếu. Tuy nhiên, tài liệu tuyên truyền không thể đơn giản là các ấn phẩm in bằng tiếng Việt mà cần phải được dịch sang ngôn ngữ của từng dân tộc. Các tài liệu cần phải sử dụng từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, gắn liền với các hình ảnh minh họa sinh động để giúp người dân dễ dàng

hình dung được các chủ trương của Đảng trong cuộc sống hằng ngày của họ. Hơn nữa, các tài liệu cần phải được phát hành rộng rãi qua các kênh truyền thông phù hợp như qua các đài phát thanh địa phương, các chương trình truyền hình, các buổi phát sóng trên các phương tiện truyền thông xã hội.

Để tăng cường hiệu quả của công tác tuyên truyền, việc sử dụng phương thức tuyên truyền thông qua các tổ chức CT-XH ở cơ sở cũng rất quan trọng. Các tổ chức CT-XH có vai trò cầu nối giữa Đảng và quần chúng nhân dân. Việc huy động các tổ chức này tham gia vào công tác tuyên truyền sẽ giúp nâng cao tính hiệu quả, sự lan tỏa của các thông điệp tuyên truyền trong cộng đồng. Các tổ chức CT-XH ở cơ sở không chỉ đóng vai trò truyền đạt thông tin mà còn giúp xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa Đảng và Nhân dân, tạo dựng sự tin tưởng vững chắc trong cộng đồng.

Tăng cường công tác tuyên truyền là một giải pháp rất quan trọng trong công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Điều này không chỉ góp phần nâng cao nhận thức của quần chúng về Đảng mà còn tạo ra sự đồng thuận và ủng hộ mạnh mẽ đối với công tác kết nạp đảng viên tại cơ sở. Tuy nhiên, để tuyên truyền có hiệu quả, cần phải đảm bảo các hình thức tuyên truyền phù hợp, gần gũi với quần chúng, đồng thời kết hợp các phương pháp tuyên truyền hiện đại với sự tôn trọng và hiểu biết về các giá trị văn hóa, ngôn ngữ của mỗi dân tộc. Chỉ khi công tác tuyên truyền được thực hiện một cách bài bản, hợp lý và sáng tạo, chúng ta mới có thể tạo ra một đội ngũ đảng viên mạnh mẽ, góp phần xây dựng đảng ngày càng vững mạnh.

4.2.3. Công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số phải được triển khai thực hiện hiệu quả, toàn diện và bền vững

Trong quá trình cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn xác định rõ vai trò của quần chúng nhân dân là gốc rễ của mọi thắng lợi. Đối với các tỉnh biên giới phía Bắc, công tác kết nạp đảng viên là người DTTS không chỉ là yêu cầu xây dựng TCCSD vững mạnh mà còn là nhiệm vụ chiến lược nhằm củng cố niềm

tin chính trị, bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng của Đảng ở địa bàn biên cương. Thực tế cho thấy một trong những “nút thắt” lớn nhất, có tính dai dẳng và kéo dài trong công tác kết nạp đảng viên người DTTS chính là khâu tạo nguồn kết nạp, với nhiều thực tế như thiếu đối tượng đủ tiêu chuẩn, tạo nguồn hình thức, hoặc lúng túng trong xây dựng kế hoạch bồi dưỡng. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kết nạp đảng viên người DTTS đến năm 2035 tầm nhìn 2045, làm tốt công tác tạo nguồn phải được đặt lên hàng đầu, là tiền đề căn bản, có tính chất quyết định cho toàn bộ quá trình kết nạp đảng viên. Kết quả điều tra cho thấy 94% ý kiến cho rằng công tác tạo nguồn, phát hiện và bồi dưỡng quần chúng ưu tú là rất quan trọng trong quá trình thực hiện và nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên [Phụ lục 11].

Quá trình tạo nguồn là xác định đúng, trúng đối tượng tạo nguồn, đối với vùng đồng bào DTTS, điều này càng đòi hỏi sự thận trọng, khoa học và có chiều sâu. Đối tượng tạo nguồn không chỉ đơn thuần là người trẻ, có trình độ học vấn tương đối mà cần được lựa chọn dựa trên nhiều tiêu chí kết hợp như: Có uy tín trong cộng đồng, có tinh thần trách nhiệm với tập thể, tích cực tham gia các phong trào thi đua, sống mẫu mực và có mong muốn phấn đấu vào Đảng một cách tự nguyện. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, bên cạnh đội ngũ cán bộ ở cơ sở là người DTTS, cần đặc biệt chú trọng phát hiện các nhân tố mới như thanh niên là con em đồng bào DTTS tốt nghiệp đại học về công tác tại địa phương, trí thức trẻ, giáo viên, y bác sĩ đang làm việc ở vùng sâu, vùng xa, cán bộ bán chuyên trách tại xã, thôn, những người có uy tín hoặc hoạt động tích cực trong các mô hình tự quản. Những người này không chỉ có nhận thức chính trị tương đối tốt mà còn có tầm ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng, góp phần lan tỏa giá trị, uy tín của tổ chức đảng tại địa phương.

Xác định rõ đối tượng, nhiệm vụ có tính chất hệ thống là xây dựng chương trình, kế hoạch tạo nguồn kết nạp đảng viên phù hợp với đặc thù từng địa phương. Điểm khác biệt với các khu vực đồng bằng, đô thị, điều kiện kinh

tế, trình độ dân trí, phong tục tập quán và ngôn ngữ vùng DTTS có sự đa dạng và chênh lệch lớn, nên việc lập kế hoạch tạo nguồn cần bám sát điều kiện thực tiễn, lấy chất lượng làm trọng tâm không chạy theo số lượng. Chương trình tạo nguồn cần phân loại đối tượng theo độ tuổi, trình độ, lĩnh vực công tác để có phương pháp tiếp cận, giáo dục phù hợp. Bên cạnh kế hoạch dài hạn (5 năm, 10 năm), cấp ủy các cấp cần xây dựng kế hoạch trung hạn, ngắn hạn mang tính khả thi cao cụ thể đến từng thôn, bản, từng TCCSD, kèm theo các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá tiến độ, hiệu quả tạo nguồn. Cần bố trí ngân sách, nguồn lực đào tạo, bồi dưỡng, đảm bảo việc tạo nguồn là trách nhiệm chính trị, là hoạt động có tính đầu tư chiều sâu, bài bản, bền vững.

Thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng, giáo dục quần chúng ưu tú là người DTTS là khâu chuyển hóa từ nguồn tiềm năng thành ứng cử viên đủ tiêu chuẩn kết nạp Đảng. Ở nhiều nơi, bồi dưỡng vẫn mang nặng tính hình thức, thiên về lý thuyết, ít chú trọng rèn luyện thực tiễn và giáo dục chính trị, tư tưởng sát với đời sống văn hóa của người DTTS. Để khắc phục tình trạng này, trước hết cần đổi mới nội dung, phương pháp bồi dưỡng theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp thu, có tính thực quan, sinh động, phù hợp với trình độ nhận thức và tâm lý cộng đồng. Kết hợp chặt chẽ giữa bồi dưỡng nhận thức về lý luận chính trị với việc rèn luyện trong thực tiễn như giao nhiệm vụ cụ thể, đánh giá qua kết quả thực hiện phong trào thi đua, lao động sản xuất, vận động Nhân dân, giữ gìn an ninh trật tự,... Có như vậy công tác bồi dưỡng, giáo dục mới nâng cao chất lượng thực chất của đội ngũ quần chúng ưu tú, bảo đảm khi kết nạp vào Đảng, họ thực sự hội đủ phẩm chất, năng lực và bản lĩnh chính trị.

Vai trò của Ủy ban MTTQ Việt Nam ở cơ sở trong công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên người DTTS. Đây là các tổ chức có mạng lưới rộng khắp, gần gũi với đời sống cộng đồng, dễ tiếp cận và nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có vai trò phát hiện, giáo dục lý tưởng cho lớp trẻ người DTTS đối tượng kế cận nguồn đảng viên. Hội Phụ nữ, Hội

Nông dân, Hội Cựu chiến binh,..., lại có thế mạnh trong việc gắn kết các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn an ninh trật tự tại cộng đồng, qua đó phát hiện những nhân tố tích cực, có tiềm năng phát triển. Tuy nhiên, trên thực tế vai trò này chưa được phát huy đầy đủ do thiếu cơ chế phối hợp, thiếu định hướng rõ ràng từ cấp ủy và thiếu nguồn lực hỗ trợ. Cần xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng, có phân công, phân nhiệm và lồng ghép nội dung tạo nguồn vào các chương trình hành động, phong trào thi đua, nhiệm vụ chuyên môn của từng tổ chức hội. Đồng thời, cần nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ đoàn thể cấp cơ sở về kỹ năng phát hiện, tuyên truyền, vận động quần chúng người DTTS phấn đấu vào Đảng.

Làm tốt công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên là người DTTS không chỉ là một giải pháp kỹ thuật mang tính quy trình, mà phải được hiểu là nhiệm vụ chính trị có tầm chiến lược trong xây dựng Đảng ở vùng đồng bào DTTS. Nó đòi hỏi tư duy toàn diện, cách làm bài bản, gắn kết chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn, giữa cấp ủy với HTCT và tổ chức CT-XH. Chỉ khi có nguồn tốt, phong trào tốt, lực lượng ưu tú đủ lớn và đủ bản lĩnh, thì công tác phát triển đảng viên người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc mới chuyển từ hình thức sang chất lượng, từ bị động sang chủ động, từ ngắn hạn sang bền vững, góp phần quan trọng vào mục tiêu phát triển toàn diện con người và vùng đồng bào dân tộc trong kỷ nguyên mới.

4.2.4. Cấp ủy làm tốt việc bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ bí thư chi bộ, cấp ủy về nghiệp vụ công tác đảng viên

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số toàn diện và yêu cầu phát triển bền vững đất nước cũng đặt ra đòi hỏi công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác xây dựng đảng về tổ chức nói riêng phải đáp ứng yêu cầu, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ chính trị, vì vậy trong công tác kết nạp đảng viên đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cao. Ở các tỉnh biên giới phía Bắc, nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào DTTS thì việc kết nạp đảng viên, nhất là công tác kết

nạp đảng viên là người DTTS lại càng mang ý nghĩa chiến lược đặc biệt không chỉ đối với công tác xây dựng đảng mà còn đối với sự ổn định chính trị, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Thực tiễn nhiều năm qua cho thấy, số lượng, cơ cấu và chất lượng đảng viên là người DTTS kết nạp được ở các tỉnh biên giới phía Bắc vẫn còn hạn chế. Đội ngũ bí thư chi bộ, cấp ủy viên ở cơ sở là những người trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ kết nạp đảng viên nhưng vẫn còn một số hạn chế như: thiếu hiểu biết, chưa cập nhật kịp thời về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục kết nạp, đặc biệt khi áp dụng vào thực tiễn vùng đồng bào DTTS có nhiều đặc thù. Bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ là nhiệm vụ cấp thiết, phải được đặt trong chiến lược tổng thể xây dựng đảng giai đoạn hiện nay và thời gian tới. Việc bồi dưỡng, tập huấn không nên chỉ dừng ở truyền đạt văn bản quy định một cách hành chính mà cần chuyển từ “dạy” sang “huấn luyện”; từ “phổ biến quy trình” sang “giải mã thực tiễn”; từ “chỉ dẫn” sang “gợi mở và thảo luận”. Điều này càng trở nên quan trọng khi chúng ta xem xét những rào cản mà cán bộ cơ sở thường gặp ở địa bàn vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số như sự chênh lệch về trình độ dân trí, tập quán, phong tục, thói quen sinh hoạt, khả năng sử dụng tiếng phổ thông của người DTTS và đặc biệt là sự dè dặt, e ngại về chính trị do thiếu hiểu biết về công tác đảng.

Đối với chương trình bồi dưỡng để đạt được hiệu quả cần được thiết kế theo hướng “định hướng gắn kết thực tiễn”, tức là kết hợp giữa lý luận nền tảng và các tình huống thực tiễn điển hình. Tổ chức mô phỏng quy trình kết nạp đảng viên ở một thôn bản cụ thể, với các vai diễn là quần chúng, bí thư chi bộ, đoàn thể, đảng ủy cấp trên,..., qua đó giúp học viên thực hành, trao đổi, rút kinh nghiệm. Cũng cần chú trọng đưa các nội dung về đặc điểm văn hóa, tâm lý, tín ngưỡng của các DTTS vào nội dung giảng dạy nhằm giúp cấp ủy hiểu rõ hơn về đối tượng, từ đó có phương pháp tuyên truyền, tạo nguồn, phát hiện và bồi dưỡng phù hợp.

Về điều kiện kết nạp, cần nhấn mạnh đến điều kiện kết nạp đảng viên không chỉ là vấn đề thủ tục hành chính hay số năm phấn đấu đơn thuần, mà là sự đánh giá tổng thể, khách quan và toàn diện về quá trình rèn luyện của quần chúng. Trong đó, phải bảo đảm tính “mở” nhưng không hạ thấp tiêu chuẩn. Ở vùng DTTS, điều kiện học vấn, mức độ tham gia xã hội và năng lực cá nhân có thể bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh sống, nhưng điều quan trọng là phải nhìn thấy phẩm chất đạo đức, uy tín xã hội và tinh thần công hiến của người được xem xét. Một số cán bộ ở cơ sở hiện nay vẫn còn áp dụng máy móc, cứng nhắc, đòi hỏi ứng viên phải có trình độ văn hóa như ở đô thị, phải làm việc ở cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp,..., điều đó đã vô tình triệt tiêu động lực phấn đấu và thu hẹp đối tượng tạo nguồn.

Tiêu chuẩn kết nạp theo Điều lệ Đảng gồm các tiêu chuẩn về nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, năng lực công tác, uy tín và ý thức tổ chức kỷ luật. Đây là những tiêu chuẩn mang tính phổ quát, nhưng cần cụ thể hóa cho phù hợp với vùng DTTS. Cụ thể như nhận thức chính trị không nên đánh giá chỉ qua khả năng trả lời các câu hỏi lý luận khô cứng mà cần đánh giá qua hành động cụ thể như: Có tích cực tham gia hoạt động cộng đồng không? có gương mẫu trong lao động sản xuất không? có gần gũi, uy tín với cộng đồng dân cư không? Cán bộ cấp ủy cơ sở phải được trang bị phương pháp đánh giá mềm dẻo, nhân văn, tránh cảm tính nhưng cũng không rập khuôn.

Việc thực hiện quy trình kết nạp còn hình thức, chủ yếu làm theo mẫu biểu, chưa làm rõ bản chất chính trị, tư tưởng của từng bước. Quy trình gồm các bước như giới thiệu quần chúng ưu tú; xét và đề nghị kết nạp; thẩm định hồ sơ; tổ chức lễ kết nạp; theo dõi đảng viên dự bị,... Mỗi quy trình đều là sự “làm việc chính trị” với con người, phải được tiến hành với thái độ nghiêm túc và trách nhiệm. Trong đó, đội ngũ bí thư chi bộ giữ vai trò trung tâm điều phối. Nếu họ không hiểu sâu, không nắm chắc các yêu cầu, dễ xảy ra sai sót, từ đó dẫn đến việc phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ nhiều lần, làm mất thời gian, thậm chí làm mất động lực phấn đấu của quần chúng. Vì vậy, đối với bí thư chi bộ ở các

địa bàn có cách làm hay, sáng tạo, linh hoạt trên cơ sở các quy định của Trung ương cần thường xuyên biểu dương, vinh danh, khen thưởng, tạo động lực và sức lan toả đối với công tác kết nạp đảng viên trong cộng đồng các DTTS.

Thủ tục kết nạp đảng viên, về hình thức là việc hoàn thiện hồ sơ, văn bản, nghị quyết,..., nhưng thực chất là quy trình kiểm chứng sự trưởng thành chính trị của một quần chúng. Cấp ủy nhận thức rõ, mỗi bộ hồ sơ kết nạp không đơn thuần là giấy tờ đơn thuần mà là “hồ sơ niềm tin”, niềm tin của Đảng với Nhân dân và ngược lại. Việc hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ phải gắn với tinh thần trách nhiệm cao, giúp đỡ tận tình chứ không gây phiền hà, những nhiễu. Nhiều nơi đã có sáng kiến tổ chức các “ngày tư vấn thủ tục kết nạp đảng viên”, với mô hình này nên được nhân rộng, giúp cán bộ cơ sở và quần chúng hiểu rõ, làm đúng, tránh bị động khi thực hiện.

Xây dựng hệ thống tài liệu hướng dẫn “4 trong 1” dành cho cấp ủy viên ở cơ sở bao gồm: Hướng dẫn về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục. Mỗi nội dung đều gắn với ví dụ tình huống thực tiễn và bộ tài liệu này cần được số hóa, phổ cập rộng rãi thông qua nền tảng số, thậm chí có thể xây dựng “ứng dụng hỗ trợ kết nạp đảng viên” trên điện thoại thông minh, giúp cán bộ cơ sở tra cứu nhanh, cập nhật kịp thời. Cùng với đó, cần xây dựng đội ngũ giảng viên chuyên sâu về công tác kết nạp đảng viên ở vùng DTTS, có hiểu biết về văn hóa, ngôn ngữ địa phương để trực tiếp bồi dưỡng, tập huấn tại chỗ.

Việc kết nạp đảng viên là người DTTS còn là quá trình “chuyên hóa niềm tin thành hành động”, tức là không chỉ giúp quần chúng hiểu Đảng, mà còn thấy mình được đứng trong hàng ngũ của Đảng, được ghi nhận, được tôn trọng, từ đó sẵn sàng dấn thân. Muốn vậy, người làm công tác tổ chức đảng, nhất là bí thư chi bộ phải có tâm, có tầm và có chiến lược. Tư duy phát triển đảng viên không thể là tư duy nhiệm kỳ hay “*chỉ tiêu*”, mà phải là tư duy “*trồng người*”, kiên trì, bền bỉ và luôn đổi mới sáng tạo.

Tóm lại, việc bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ bí thư chi bộ, cấp ủy viên về công tác kết nạp đảng viên người DTTS là một trong những giải pháp then

chốt, có ý nghĩa nền tảng trong công tác xây dựng Đảng ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Đổi mới cách làm, nâng cao chất lượng, áp dụng công nghệ, gắn kết thực tiễn, nhân văn trong đánh giá và linh hoạt trong triển khai đó là những định hướng cần thiết để giải pháp này thực sự đi vào cuộc sống. Chỉ khi nào công tác kết nạp đảng viên được thực hiện như một công việc chính trị thâm trầm tình người, lý tưởng và trách nhiệm, thì lúc đó, Đảng mới thực sự “ăn rễ sâu trong lòng dân” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn.

4.2.5. Đẩy mạnh các phong trào thi đua trong các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở nhằm phát hiện và tạo nguồn bồi dưỡng kết nạp Đảng

Trước hết, cần định hướng lại nội dung, mục tiêu của các phong trào thi đua theo hướng gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng đảng. Thực tiễn cho thấy, nhiều phong trào còn dàn trải, thiên về hình thức, chưa trở thành “môi trường rèn luyện chính trị” cho quần chúng. Vì vậy, các tổ chức CT-XH như Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam ở cơ sở cần cụ thể hóa phong trào thi đua bằng những tiêu chí rõ ràng, dễ đánh giá, gắn với việc chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, ý thức bảo vệ chủ quyền biên giới và tham gia phát triển KT-XH tại địa phương. Thông qua phong trào, những cá nhân tiêu biểu, có uy tín, có năng lực vận động quần chúng sẽ được “sàng lọc tự nhiên” để đưa vào diện theo dõi, bồi dưỡng kết nạp Đảng.

Thứ hai, cần tổ chức phong trào thi đua phù hợp với đặc điểm văn hóa, xã hội của đồng bào DTTS, bảo đảm “vừa sức”, “vừa tâm” và mang tính cộng đồng cao. Ở vùng biên giới, hiệu quả của phong trào không chỉ đo bằng chỉ tiêu hành chính mà quan trọng hơn là mức độ lan tỏa và sự tham gia tự nguyện của Nhân dân. Do đó, các phong trào thi đua cần được lồng ghép vào sinh hoạt cộng đồng, lễ hội truyền thống, hoạt động bảo tồn văn hóa, phát triển sinh kế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn an ninh trật tự thôn bản. Qua đó, quần chúng DTTS không chỉ “tham gia phong trào” mà từng bước

hình thành động cơ phấn đấu vào Đảng từ chính lợi ích thiết thân và sự chuyển biến tích cực của đời sống cộng đồng.

Thứ ba, tăng cường vai trò phối hợp giữa các tổ chức CT-XH với cấp uỷ và chính quyền trong quá trình phát hiện, bồi dưỡng nguồn kết nạp. Các phong trào thi đua phải được xem là “vườn ươm” quần chúng ưu tú, trong đó các tổ chức CT-XH là lực lượng phát hiện, giới thiệu; chi bộ là trung tâm định hướng, theo dõi, rèn luyện; chính quyền tạo điều kiện về cơ chế, nguồn lực. Việc sơ kết, tổng kết phong trào cần gắn với đánh giá chất lượng kết nạp đảng viên, tránh tình trạng tách rời giữa phong trào quần chúng và công tác kết nạp đảng viên.

Thứ tư, kết hợp chặt chẽ phong trào thi đua với công tác biểu dương, khen thưởng, nhân rộng điển hình tiên tiến là người DTTS. Việc tôn vinh kịp thời những cá nhân tiêu biểu góp phần củng cố niềm tin chính trị, khắc phục biểu hiện “nhật Đoàn, khô Đảng” trong quần chúng. Đồng thời, cần coi quá trình tham gia phong trào thi đua là tiêu chí quan trọng để đánh giá động cơ, bản lĩnh và mức độ trưởng thành chính trị của đối tượng kết nạp.

Tóm lại, đẩy mạnh các phong trào thi đua trong các tổ chức CT-XH ở cơ sở không chỉ là giải pháp vận động quần chúng mà còn là con đường căn bản để tạo nguồn, nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, góp phần xây dựng HTCT ở cơ sở vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ biên giới và phát triển bền vững đất nước.

4.2.6. Thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục, quy trình trong công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số

Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy tập trung vào việc sắp xếp lại HTCT theo hướng “tinh - gọn - mạnh”, giảm đầu mối chồng chéo, tăng cường phân cấp phân quyền, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số để hoạt động hiệu quả hơn, phục vụ người dân tốt hơn. Để phù hợp với thực tiễn phát triển, Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời gian qua đã ban hành nhiều văn bản để đáp ứng với yêu cầu thực tiễn. Đối với công tác xây dựng Đng, việc Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

và các cơ quan có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản liên quan tới công tác xây dựng Đảng, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thường xuyên cập nhật, bổ sung và thực hiện. Vì vậy, đối với nội dung, quy trình, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn trong công tác kết nạp đảng viên phải thực hiện theo Quy định số 20-QĐ/TW ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng và Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 19/5/2026 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng và hướng dẫn của thể của Tỉnh uỷ và các đảng uỷ cấp xã.

Cấp uỷ, tổ chức đảng phải thực hiện đầy đủ thủ tục, quy trình trong công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số, coi đây là một yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng, tính chặt chẽ và minh bạch trong công tác xây dựng Đảng ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Kết quả điều tra cho thấy có đến 366/371 phiếu (chiếm 98,7%) số người được hỏi cho rằng công tác xem xét quy trình, thủ tục, thẩm tra, xác minh là rất quan trọng, điều này càng khẳng định việc thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục trong công tác kết nạp đảng viên là một trong những yếu tố nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc [Phụ lục 11].

Đây không chỉ là yêu cầu mang tính quy định, mà còn phản ánh bản chất công tác phát triển đảng viên, là sự kết nối giữa Đảng và quần chúng, đặc biệt trong môi trường đa dạng văn hóa, tôn giáo và các yếu tố đặc thù của các vùng DTTS. Tuy nhiên, để thực hiện tốt thủ tục, quy trình kết nạp đảng viên, chúng ta cần có một cái nhìn toàn diện, từ việc xác định hình thức và phương pháp thực hiện thủ tục, đến việc đảm bảo sự đồng thuận, tâm tư và nguyện vọng của quần chúng trong việc tham gia vào Đảng.

Đầu tiên, hình thức thực hiện thủ tục kết nạp cần được xây dựng rõ ràng, phù hợp với đặc điểm của đối tượng người DTTS, đồng thời phải tạo điều kiện thuận lợi cho họ trong suốt quá trình làm thủ tục. Đối với người dân tộc thiểu số, do sự khác biệt về ngôn ngữ, phong tục tập quán và nhận thức xã hội, các

thủ tục kết nạp cần phải có sự linh hoạt trong cách thức thực hiện. Điều này không có nghĩa là nói lỏng quy trình mà là điều chỉnh sao cho thủ tục trở nên dễ hiểu, dễ tiếp cận đối với đối tượng. Việc sử dụng ngôn ngữ phổ thông, khái niệm dễ hiểu và có sự hướng dẫn chi tiết sẽ giúp ứng viên đảng viên người DTTS cảm thấy an tâm hơn, không bị áp lực hay khó khăn trong việc thực hiện các bước trong quy trình kết nạp.

Bên cạnh đó, quy trình kết nạp đảng viên phải được thực hiện một cách nghiêm túc, minh bạch và công khai, từ việc giới thiệu quần chúng ưu tú vào Đảng cho đến khi hoàn tất thủ tục kết nạp. Các bước trong quy trình cần có sự tham gia, giám sát của nhiều bên, đảm bảo tính khách quan và công bằng. Cấp ủy cần xây dựng quy trình rõ ràng, bao gồm các bước từ việc lựa chọn quần chúng ưu tú, đánh giá năng lực, phẩm chất, cho đến việc tổ chức học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, hoàn thiện hồ sơ đảng viên và tiến hành các bước kiểm tra, giám sát sau khi kết nạp. Tuy nhiên, trong quá trình này cấp ủy và các tổ chức đảng cần đảm bảo rằng không có sự phân biệt, kỳ thị dựa trên dân tộc hay vùng miền, để mọi người DTTS có thể tham gia vào Đảng một cách công bằng, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan.

Phải chú trọng đến tâm tư, nguyện vọng, mong muốn của những người muốn gia nhập Đảng. Đối với người DTTS, việc gia nhập Đảng không chỉ là một bước đi chính trị mà còn có thể mang lại cơ hội thay đổi cuộc sống, phát triển bản thân và đóng góp cho cộng đồng. Việc lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của quần chúng người DTTS trong quá trình thực hiện thủ tục kết nạp là rất quan trọng. Cấp ủy các cấp, nhất là bí thư chi bộ và cán bộ đảng viên cần có thái độ cởi mở, chân thành, sẵn sàng giải đáp thắc mắc và tạo điều kiện cho quần chúng ưu tú là người DTTS bày tỏ những mong muốn, lo lắng trong quá trình gia nhập Đảng. Đó không chỉ là việc đáp ứng yêu cầu về chính trị, mà còn là sự tôn trọng giá trị cá nhân và tâm lý của những người tham gia.

Để thủ tục kết nạp đảng viên đạt hiệu quả cao, cần có sự kết hợp giữa quy trình hành chính, phương pháp động viên, khích lệ tinh thần quần chúng

ưu tú. Các hình thức sinh hoạt đảng cần được tổ chức linh hoạt bao gồm các hoạt động giao lưu, trao đổi thông tin, đồng thời phải giải thích rõ ràng những quyền lợi, trách nhiệm của người đảng viên, trong bối cảnh những người DTTS còn chưa có đủ thông tin về vai trò và quyền lợi khi trở thành đảng viên. Việc phổ biến kiến thức, các nguyên tắc của Đảng, tuyên truyền về lý tưởng và tầm quan trọng của Đảng sẽ giúp ứng viên đảng viên người DTTS cảm thấy tự tin và quyết tâm hơn trong hành trình gia nhập Đảng.

Phương pháp thực hiện thủ tục kết nạp đảng viên cũng cần chú trọng đến việc xây dựng mối quan hệ bền chặt giữa Đảng với quần chúng người DTTS. Các tổ chức đảng ở cơ sở cần thường xuyên tiếp xúc với quần chúng, tạo ra môi trường gần gũi và tin cậy để họ có thể bày tỏ nguyện vọng gia nhập Đảng một cách tự nhiên, không có cảm giác bị áp lực. Chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam ở cơ sở cần đóng vai trò quan trọng trong việc làm cầu nối giữa Đảng và quần chúng, hướng dẫn và hỗ trợ trong quá trình thực hiện thủ tục kết nạp. Đặc biệt, các già làng, người có uy tín trong cộng đồng cần được phát huy vai trò, họ có thể là người giải thích các thủ tục, quy trình kết nạp, đồng thời làm gương mẫu, khuyến khích các quần chúng tham gia vào Đảng.

Để quy trình kết nạp đảng viên, nhất là đối với người DTTS sát thực tế, một trong những phương pháp quan trọng là tiếp cận cộng đồng và lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của quần chúng. Việc thực hiện các cuộc gặp gỡ trực tiếp, các cuộc đối thoại giữa cán bộ Đảng và Nhân dân giúp tạo ra không gian để đồng bào DTTS có thể bày tỏ nguyện vọng, suy nghĩ và những khúc mắc khi gia nhập tổ chức Đảng. Điều này không chỉ giúp Đảng hiểu rõ hơn về những khó khăn, tâm lý và nhu cầu của cộng đồng mà còn góp phần xây dựng niềm tin giữa Đảng và quần chúng Nhân dân ở cơ sở. Phương pháp này cũng giúp nhận diện các yếu tố tâm lý đặc thù của người DTTS, như sự bảo thủ, lo ngại về các thay đổi hoặc những ngại ngùng về quy trình kết nạp, từ đó có những điều chỉnh hợp lý trong quá trình truyền thông và tiếp nhận đảng viên. Thực tế, việc kết nạp đảng viên ở các vùng DTTS đòi hỏi sự tinh tế trong cách tiếp cận,

không chỉ là việc hoàn thiện thủ tục mà còn phải chú trọng đến yếu tố tâm lý và niềm tin của người dân, bởi đây là yếu tố then chốt giúp xây dựng một Đảng vững mạnh, có sức lan tỏa trong cộng đồng các DTTS.

Trong tổng thể, thủ tục kết nạp đảng viên không chỉ đơn giản là một quy trình hành chính mà là một quá trình mang tính chính trị và xã hội sâu sắc. Việc thực hiện đầy đủ và đúng quy trình, thủ tục kết nạp không chỉ giúp củng cố tổ chức Đảng mà còn góp phần quan trọng trong việc phát triển đảng viên là người DTTS, từ đó xây dựng một Đảng vững mạnh, gắn gũi với quần chúng và đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

4.2.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc

Với mô hình chính quyền địa phương hai cấp đòi hỏi cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh xuống đến cơ sở cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số, là một trong những giải pháp then chốt để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kết nạp đảng viên tại các tỉnh biên giới phía Bắc. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt kỹ thuật trong việc thực hiện công tác xây dựng đảng, mà còn là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo sự công bằng, minh bạch và phù hợp với thực tiễn của các địa phương.

Đối với tỉnh ủy, việc tăng cường kiểm tra, giám sát đối với kết nạp đảng viên là một phần không thể thiếu trong công tác lãnh đạo. Tỉnh ủy có vai trò quyết định trong việc chỉ đạo các cấp dưới thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đồng thời xây dựng các kế hoạch cụ thể để kết nạp đảng viên, đặc biệt là người DTTS. Trong bối cảnh của các tỉnh biên giới phía Bắc, nơi đồng bào DTTS sinh sống, tỉnh ủy cần có những giải pháp sát sao để đánh giá thực chất kết quả công tác kết nạp đảng viên tại các địa phương. Công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy không chỉ giới hạn trong việc đánh giá số lượng đảng viên kết nạp mà còn cần đánh giá chất lượng, sự phù hợp của đảng viên mới với yêu cầu xây dựng Đảng tại cơ sở. Tỉnh ủy phải tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất, đồng thời thường xuyên làm việc với các tổ

chức đảng ở cơ sở hoặc các tổ chức đảng cấp trên cơ sở để đôn đốc và nhắc nhở kịp thời các sai sót, thiếu sót trong công tác này. Công tác kiểm tra, giám sát còn phải bao gồm việc đánh giá quá trình bồi dưỡng, lựa chọn và giới thiệu những quần chúng ưu tú người DTTS vào Đảng, đảm bảo tính khách quan, minh bạch và công bằng trong các bước. Tỉnh ủy cần chú trọng đến việc đánh giá thực tiễn và các kết quả cụ thể để có thể đưa ra các biện pháp cải tiến kịp thời, tránh việc chạy theo thành tích số lượng mà bỏ qua yếu tố chất lượng của công tác kết nạp đảng viên.

Vai trò của cấp cơ sở càng trở nên quan trọng hơn lúc nào hết, nhất là sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, vì đây là cấp gần dân, sát dân, nắm bắt mọi tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân để đề xuất với cấp ủy có thẩm quyền ban hành chủ trương, chính sách cho phù hợp và cũng chính cấp cơ sở sẽ là nơi đưa Nghị quyết vào cuộc sống vì vậy công tác kiểm tra, giám sát là một yếu tố không thể thiếu trong việc bảo đảm hiệu quả và chất lượng công tác kết nạp đảng viên. Thực tế sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, sự thay đổi mô hình khiến một số nhiệm vụ của cấp xã bị điều chỉnh, dẫn tới giai đoạn đầu có sự lúng túng trong quản lý địa bàn, làm giảm hiệu quả nắm bắt nguồn, theo dõi quần chúng và tổ chức bồi dưỡng đối tượng kết nạp là người DTTS, 100% (371 phiếu) số người được hỏi đều đồng ý với thực tế đó [Phụ lục 11]. Cấp cơ sở, các chi bộ là nơi trực tiếp thực hiện công tác kết nạp đảng viên, vì thế công tác kiểm tra cần được thực hiện thường xuyên, cụ thể và có tính chất tổng hợp. Chi bộ phải tổ chức kiểm tra, giám sát việc phát hiện, lựa chọn và bồi dưỡng quần chúng ưu tú là người DTTS, bảo đảm công bằng, khách quan và đúng quy trình. Bí thư chi bộ phải có trách nhiệm trong việc đánh giá đúng năng lực của quần chúng, tránh tình trạng kết nạp những người không đủ tiêu chuẩn, ảnh hưởng đến chất lượng của đảng viên và sức chiến đấu của chi bộ. Mặt khác, công tác giám sát ở cơ sở cũng phải chú trọng đến việc theo dõi, đánh giá những đảng viên mới được kết nạp trong thời gian đầu tham gia sinh hoạt đảng. Điều này

giúp xác định xem họ có phù hợp với yêu cầu của Đảng, có khả năng đóng góp tích cực cho hoạt động của chi bộ hay không, từ đó có biện pháp đào tạo, bồi dưỡng tiếp theo cho phù hợp.

Việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với công tác kết nạp đảng viên người DTTS cũng cần được thực hiện theo một quy trình rõ ràng và hệ thống. Từ tỉnh ủy đến cơ sở, việc kiểm tra, giám sát không chỉ dừng lại ở việc xác định các sai phạm hay thiếu sót mà còn phải chú trọng đến việc đưa ra những biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn, khắc phục những vấn đề mà các cấp gặp phải trong công tác kết nạp đảng viên. Trong công tác kết nạp đảng viên là người DTTS, cần phải có sự linh hoạt và thích ứng với các đặc thù văn hóa, phong tục, tập quán của từng dân tộc, từ đó giúp công tác giám sát trở nên hiệu quả và sát thực tế hơn.

Giám sát công tác kết nạp đảng viên là người DTTS tại cơ sở cần phải có sự đổi mới trong phương pháp để phù hợp với đặc thù và yêu cầu thực tiễn của từng địa phương. Một trong những phương pháp giám sát mới là tích hợp công tác giám sát vào các cuộc họp sinh hoạt chi bộ định kỳ và đột xuất. Thực tế cho thấy, các cuộc họp chi bộ là nơi quan trọng để đánh giá sự tham gia, đóng góp của các đảng viên mới, nhất là những đảng viên là người DTTS. Việc giám sát trong những cuộc họp này không chỉ đơn thuần là theo dõi các chỉ tiêu định lượng mà còn bao gồm việc đánh giá thái độ tham gia, sự cam kết và ý thức trách nhiệm của đảng viên đối với tổ chức, cũng như sự thích nghi của họ trong môi trường Đảng.

Giám sát chuyên đề đối với công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc là hình thức giám sát có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào việc quán triệt và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng tại cơ sở. Nội dung giám sát không chỉ dừng ở số lượng đảng viên được kết nạp mà đi sâu đánh giá chất lượng nguồn, động cơ phấn đấu, quy trình bồi dưỡng, vai trò của chi bộ, đoàn thể và trách nhiệm người đứng đầu. Thông qua giám sát chuyên đề, cấp ủy, UBKT các cấp kịp thời phát hiện những bất cập về cơ

ché, những biểu hiện hình thức, chạy theo chỉ tiêu; đồng thời rút ra bài học kinh nghiệm, kiến nghị giải pháp hoàn thiện chính sách, góp phần nâng cao chất lượng, tính bền vững của công tác kết nạp đảng viên người DTTS và củng cố HTCT ở cơ sở vùng biên giới. Những cuộc kiểm tra không chỉ tập trung vào các chỉ tiêu số lượng mà còn chú trọng đến chất lượng công tác kết nạp, quá trình bồi dưỡng và năng lực lãnh đạo của cấp ủy cơ sở trong việc phát hiện và giới thiệu quần chúng ưu tú vào Đảng. Giám sát trong trường hợp này giúp các cấp ủy nhận diện sớm các bất cập, khó khăn trong công tác tổ chức, từ đó có những điều chỉnh, cải tiến phù hợp. Hơn nữa, các phương pháp giám sát mới cũng có thể tận dụng công nghệ thông tin như sử dụng các ứng dụng theo dõi, quản lý dữ liệu về công tác kết nạp đảng viên, từ đó làm cơ sở để phân tích, đánh giá và ra quyết định chính xác hơn. Phương pháp giám sát khác cần được thực hiện là giám sát từ phía quần chúng Nhân dân và các tổ chức hội tại cơ sở. Ủy ban MTTQ Việt Nam ở cơ sở đóng vai trò quan trọng trong việc phản ánh, đánh giá quá trình kết nạp đảng viên. Thông qua các cuộc họp dân, các buổi sinh hoạt tập thể, những đại diện của quần chúng Nhân dân có thể trực tiếp đưa ra những ý kiến, góp ý về công tác kết nạp đảng viên ở cơ sở. Điều này không chỉ giúp nâng cao tính minh bạch trong công tác kết nạp mà còn giúp các cấp ủy có cái nhìn toàn diện hơn về thực tiễn, đồng thời điều chỉnh hoạt động giám sát sao cho sát thực hơn với nhu cầu của cộng đồng.

Công tác kiểm tra, giám sát đối với công tác kết nạp đảng viên là người DTTS là một nhiệm vụ hành chính mà còn là một phương tiện quan trọng để Đảng đảm bảo chất lượng, bảo vệ uy tín và sự vững mạnh của các tổ chức cơ sở đảng. Việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát từ cấp tỉnh đến cơ sở với các phương thức và cách thức hợp lý, phù hợp với từng điều kiện thực tiễn sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên, đặc biệt là đối với đồng bào DTTS, nhằm xây dựng một Đảng vững mạnh, đoàn kết và phát triển.

Tiểu kết chương 4

Với tầm nhìn đến năm 2035, định hướng đến năm 2045, nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc cần được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên và lâu dài, gắn với yêu cầu xây dựng Đảng vững mạnh toàn diện và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong bối cảnh thời gian tới, bên cạnh những thuận lợi từ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự phát triển KT-XH, công tác này cũng chịu tác động không nhỏ từ những khó khăn về địa hình, dân trí, tập quán và các yếu tố tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường. Do đó, việc dự báo đúng tình hình có ý nghĩa quan trọng trong hoạch định phương hướng và giải pháp phù hợp.

Trên cơ sở đó, cần xác định rõ phương hướng xuyên suốt là nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đây là yếu tố then chốt quyết định chất lượng công tác kết nạp đảng viên. Cùng với đó, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhằm giúp quần chúng DTTS hiểu rõ mục tiêu, lý tưởng của Đảng, xây dựng động cơ vào Đảng đúng đắn, bền vững.

Về giải pháp, cần triển khai đồng bộ các nội dung: chủ động tạo nguồn gắn với phát triển KT-XH, nâng cao dân trí và xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở là người DTTS; tăng cường bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cấp ủy, bí thư chi bộ nhằm bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện; đổi mới các phong trào thi đua yêu nước để phát hiện, rèn luyện quần chúng ưu tú.

Đồng thời, thực hiện nghiêm túc quy trình, thủ tục kết nạp gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm tính chặt chẽ, khách quan và nâng cao chất lượng thực chất của đội ngũ đảng viên mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu một cách hệ thống cả về lý luận và thực tiễn, luận án khẳng định rằng chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với việc củng cố hệ thống chính trị cơ sở, tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, gắn chặt với nhiệm vụ phát triển KT-XH, giữ vững quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia.

Luận án đã làm rõ cơ sở lý luận về chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS, xác định các tiêu chí đánh giá chất lượng không chỉ dựa trên số lượng hay quy trình thủ tục mà là ở động cơ phấn đấu, bản lĩnh chính trị, năng lực thực tiễn và vai trò hạt nhân chính trị của đảng viên sau kết nạp. Trên cơ sở đó, luận án phân tích sâu sắc đặc điểm, bối cảnh và những nhân tố đặc thù tác động đến công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, khu vực có điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn, đa dạng về văn hóa, dân tộc, tôn giáo và chịu tác động mạnh của các yếu tố an ninh phi truyền thống.

Từ khảo sát thực tiễn, luận án chỉ ra những kết quả quan trọng đã đạt được, đồng thời thẳng thắn chỉ rõ những hạn chế, bất cập như: nhận thức chưa đồng đều của một số cấp ủy; biểu hiện coi trọng số lượng hơn chất lượng; nguồn phát triển đảng viên thiếu bền vững; phương thức vận động, bồi dưỡng chưa thật sự phù hợp với đặc điểm DTTS; cơ chế phối hợp, kiểm tra, giám sát còn thiếu chiều sâu. Những hạn chế này nếu không được khắc phục kịp thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở vùng biên giới.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất 7 giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS, nhấn mạnh yêu cầu đặt công tác phát triển đảng trong tổng thể chiến lược xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò

của các tổ chức CT-XH, hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù và tăng cường kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường và quá trình chuyển đổi số hiện nay, việc xây dựng đội ngũ đảng viên là người DTTS có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, năng lực vận động quần chúng tốt, hiểu biết phong tục, văn hóa dân tộc là nhiệm vụ mang tính chiến lược lâu dài. Đây không chỉ là yêu cầu của công tác xây dựng Đảng, mà còn là nhân tố then chốt bảo đảm ổn định chính trị, tăng cường đoàn kết dân tộc, giữ vững biên cương, củng cố lòng tin của Nhân dân vào Đảng và chế độ. Góp phần xây dựng Đảng ta thực sự “là đạo đức, là văn minh”, để Đảng mãi xứng đáng với vai trò lãnh đạo toàn diện sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam trong thời kỳ mới.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Bùi Thị Phương Mai (2023), “Đẩy mạnh công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số chuyên đề tháng 11.
2. Bùi Thị Phương Mai (2024), “Một số yếu tố tác động tới kết nạp đảng viên người dân tộc thiểu số của các đảng bộ xã biên giới huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số chuyên đề.
3. Bùi Thị Phương Mai (2025), “Phát huy vai trò của đội ngũ đảng viên trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số đặc biệt.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư (2016), *Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 20/9/2016 về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng*, Hà Nội.
2. Ban Bí thư (2019), *Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng*, Hà Nội.
3. Ban Bí thư (2021), *Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng*, Hà Nội.
4. Ban Bí thư (2025), *Hướng dẫn số 06-HD/TW ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng*, Hà Nội.
5. Ban Bí thư (2025), *Quy định số 361-QĐ/TW ngày 30/8/2025 về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở các cơ quan đảng trực thuộc đảng ủy xã, phường, đặc khu*, Hà Nội.
6. Ban Bí thư (2025), *Quy định số 362-QĐ/TW ngày 30/8/2025 về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở ủy ban nhân dân trực thuộc đảng ủy xã, phường, đặc khu*, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (2022), *Báo cáo số 812-BC/TU, ngày 05/11/2022 về tổng kết công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, Cao Bằng.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (2023), *Báo cáo số 1002-BC/TU, ngày 19/11/2023 về tổng kết công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*, Cao Bằng.
9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (2025), *Báo cáo số 705-BC/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX*, Cao Bằng.
10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, *Báo cáo tổng kết công tác đảng năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024*, Cao Bằng.

11. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2015-2020*, Điện Biên.
12. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên (2019), *Kết luận số 425-KL/TU về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 23/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của chi bộ và phát triển đảng viên, tổ chức đảng ở cơ sở trực thuộc xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị chưa có đảng viên, chưa có chi bộ, giai đoạn 2026-2020*, Điện Biên.
13. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2020-2025*, Điện Biên.
14. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên (2021), *Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 17/5/2021 của Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng góp phần củng cố hệ thống chính trị tại cơ sở giai đoạn 2021-2025*, Điện Biên.
15. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên (2022), *Kế hoạch số 66-KH/TU, ngày 9/9/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới*, Điện Biên.
16. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên (2022), *Thông báo số 424-TB/TU, ngày 20/1/2022 của Tỉnh ủy Điện Biên về việc phân bổ chỉ tiêu kết nạp đảng viên mới hằng năm*, Điện Biên.
17. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên (2023), *Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 09/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đề án phát triển tổ chức đảng, đảng viên, góp phần xây dựng, củng cố HTCT ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030*, Điện Biên.
18. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên, *Báo cáo tổng kết công tác đảng năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024*, Điện Biên.

19. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên (2023), *Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 22 tháng 11 năm 2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trong tình hình mới*, Điện Biên.
20. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên (2024), *Báo cáo số 652 - BC/BTCTU ngày 01 tháng 3 năm 2024, tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng, nhiệm kỳ 2020-2025*, Điện Biên.
21. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang (2020), *Báo cáo Chính trị số 936-BC/TU, ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI, trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025*, Hà Giang
22. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang (2024), *Dự thảo Báo cáo chính trị ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XVII tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030*, Hà Giang.
23. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang (2024), *Quy định số 33-QĐ/TU, ngày 22 tháng 7 năm 2024 về quản lý cán bộ tham gia Đề án số 21-ĐA/TU, ngày 28/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về xây dựng và tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030*, Hà Giang.
24. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang, *Báo cáo tổng kết công tác đảng năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024*, Hà Giang.
25. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2010-2015*, Lào Cai.
26. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2015), *Văn kiện Đại bộ toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật. Hà Nội.
27. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV nhiệm kỳ 2015-2020*, Lào Cai.

28. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2016), *Báo cáo số 61-BC/TU ngày 04/04/2016 về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 17/8/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, xây dựng chi bộ thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2012-2015*, Lào Cai.
29. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2018), *Báo cáo số 442-BC/TU ngày 19/6/2018 về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên”*, Lào Cai.
30. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2018), *Thống nhất bộ dữ liệu về các dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai tháng 5/2018*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học.
31. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV nhiệm kỳ 2020-2025*, Lào Cai.
32. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2025), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV nhiệm kỳ 2025-2030*, Lào Cai.
33. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai, *Báo cáo tổng kết công tác đảng năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024*, Lào Cai.
34. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Lai Châu nhiệm kỳ 2015-2020*, Lai Châu.
35. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu nhiệm kỳ 2020-2025*, Lai Châu.
36. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Báo cáo tổng kết công tác đảng năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024*, Lai Châu.
37. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (2022), *Báo cáo số 355-BC/TU, ngày 20/12/2022 về tổng kết công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, Lạng Sơn.
38. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (2023), *Báo cáo số 1021-BC/TU, ngày 10/12/2023 về tổng kết công tác kiểm tra, giám sát năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*, Lạng Sơn.

39. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (2024), *Báo cáo số 522-BC/TU, ngày 20/12/2024 về tổng kết công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Lạng Sơn.
40. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (2025), *Dự thảo Báo cáo chính trị ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh nhiệm khoá XVII trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030*, Lạng Sơn.
41. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn, *Báo cáo tổng kết công tác Đảng năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024*, Lạng Sơn.
42. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, *Báo cáo tổng kết công tác đảng năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024*, Quảng Ninh.
43. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh (2025), *Báo cáo số 7512-BC/TU, ngày 28/5/2022 về tổng kết công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng giai đoạn 2020-2025, phương hướng, nhiệm vụ năm giai đoạn 2025-2030*, Quảng Ninh.
44. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2015-2020*, Sơn La.
45. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2020-2025*, Sơn La.
46. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La, *Báo cáo tổng kết công tác đảng năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024*, Sơn La.
47. Ban Chấp hành Trung ương (2002), *Văn kiện Đảng*, toàn tập, tập 24, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Ban Chấp hành Trung ương (2006), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc*, Hà Nội.
49. Ban Chấp hành Trung ương (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
50. Ban Chấp hành Trung ương (2008), *Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 02/02/2008 về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên*, Hà Nội.

51. Ban Chấp hành Trung ương (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Quy định số 173-QĐ/TW ngày 11/3/2013 về quy định kết nạp lại đối với đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng, kết nạp quân chúng vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình vào Đảng*, Hà Nội.
53. Ban Chấp hành Trung ương (2015), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương lần thứ XI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
54. Ban Chấp hành Trung ương (2016), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Ban Chấp hành Trung ương (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Ban Chấp hành Trung ương (2016), *Quy định thi hành Điều lệ Đảng số 29-QĐ/TW ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Hà Nội.
57. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên*, Hà Nội.
58. Ban Chấp hành Trung ương (2019), *Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới*, Hà Nội.
59. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Quy định thi hành Điều lệ Đảng số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Hà Nội

62. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
63. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương - Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
64. Ban Chấp hành Trung ương (2024), *Quy định số 146-QĐ/TW ngày 14/5/2024 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh*, Hà Nội.
65. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Quy định số 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025 của Ban chấp hành trung ương về thi hành điều lệ Đảng khóa XIII*, Hà Nội.
66. Ban Tổ chức Trung ương (2009), *Vấn đề tạo nguồn cán bộ cấp xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn - Thực trạng và giải pháp, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ*, Hà Nội.
67. Ban Tổ chức Trung ương (2012), *Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 17/5/2012 về hướng dẫn một số vấn đề cụ thể về nghiệp vụ công tác đảng viên*, Hà Nội.
68. Ban Tổ chức Trung ương (2013), *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng*, Hà Nội.
69. Ban Tổ chức Trung ương (2018), *Báo cáo số 183-BC/BTCTW ngày 22 tháng 8 năm 2018, tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22 - NQ/TW, ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X)*, Hà Nội.
70. Ban Tổ chức Trung ương (2025), *Báo cáo sơ kết số 3626 -BC/BTCTW, ngày 22/6/2025 về việc sơ kết kết quả công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng giai đoạn 2020 - 2025*, Hà Nội.

71. Gia Bảo (2025), “Việt Nam - Cuba trao đổi lý luận về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong định hướng phát triển kinh tế”, https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/thai-nguyen/-/2018/1185902/view_content, [truy cập ngày 10/01/2026].
72. Bành Lập Bình (2020), *Thúc đẩy tiến bộ toàn diện, củng cố toàn diện trong xây dựng Đảng ở cơ sở*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
73. Lê Kim Bình (2022) *Văn hóa dân tộc vùng cao với chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia Việt Nam trong thế giới toàn cầu hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Thế Bình, Tuấn Sơn (2025), “Phát triển đảng viên vùng dân tộc thiểu số” <https://nhandan.vn/phat-trien-dang-vien-vung-dan-toc-thieu-so-post932769.html> [truy cập ngày 25/12/2025].
75. Trương Vệ Bình (张蔚萍) (2001), Chủ biên, *中国共产党党务工作全书 (Toàn thư: Công tác Đảng vụ của Đảng Cộng sản Trung Quốc)*, Nhà xuất bản. 研究出版社 (Research Press).
76. Bộ Chính trị (2018), *Quy định số 10-QĐ/TW ngày 12/12/2018 chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
77. Bộ Chính trị (2019), *Chỉ thị Số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng*, Hà Nội.
78. Bộ Chính trị (2025), *Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
79. Bunthoong Chitmany (2011), “Một số giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào đối với vấn đề xây dựng, phát triển nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay”, <http://www.xaydungdang.org.vn>. [truy cập ngày 30/8/2025].

80. Quỳnh Chi, Trần Tuấn (2025), “Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số” Truy cập tại: <https://nhandan.vn/xay-dung-doi-ngu-can-bo-nguoi-dan-toc-thieu-so-post895610.html> [truy cập ngày 12/01/2026].
81. Cục thống kê tỉnh Lạng Sơn (2021), *Niên giám thống kê năm 2021*.
82. Lê Văn Cường (2007), “Một số vấn đề về công tác phát triển đảng viên trong đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*.
83. Thu Dung (2020), “Tam Đường: Chú trọng phát triển đảng viên người dân tộc thiểu số” <https://laichau.gov.vn/tin-tuc-su-kien/chuyen-de/dua-nghi-quyet-cua-dang-vao-cuoc-song/tam-duong-chu-trong-phat-trien-dang-vien-nguoi-dan-toc-thieu.html> [truy cập ngày 15/4/2025].
84. Nguyễn Sĩ Dũng (2024), “Kinh nghiệm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc - Bài học cho Việt Nam” <https://chinhtrivaphattrien.vn/nang-cao-nang-luc-cam-quyen-cua-dang-cong-san-viet-nam-tu-kinh-nghiem-cua-dang-cong-san-trung-quoc-a8861.html> [truy cập ngày 27/01/2026]
85. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
86. Khoa Điềm (2020), “Phát triển đảng viên người dân tộc thiểu số ở huyện biên giới Đăk Glei”, <https://vov.vn/chinh-tri/phat-trien-dang-vien-nguoi-dan-toc-thieu-so-o-huyen-bien-gioi-dak-glei-post964359.vov> [truy cập ngày 12/4/2025].
87. Cao Anh Đô (2016), *Lý luận và thực tiễn về chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số nhằm phát triển bền vững vùng Tây Bắc*, Hội thảo khoa học cấp nhà nước (mã số TB.20X/13-18), Hà Nội.
88. Liên Tường Đồng (2010), *Cải cách xã hội Trung Quốc và những sáng tạo, đổi mới trong xây dựng đảng cơ sở*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
89. Lý Lương Đống (Chủ biên) (2020), *Nghiên cứu vấn đề cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

90. Lê Thị Hà (2025), “Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tư cách, tiêu chuẩn người đảng viên - Gợi mở xây dựng thể hệ đảng viên trong kỷ nguyên mới” <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/1117002/chu-nghia-mac---le-nin%2C-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-tu-cach%2C-tieu-chuan-nguoi-dang-vien---goi-mo-xay-dung-the-he-dang-vien-trong-ky-nguyen-moi.aspx> [truy cập ngày 10/01/2026].
91. Phan Thị Lê Hà (2024), “Bình Liêu chú trọng phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số” <https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/1022902/binh-lieu-chu-trong-phat-trien-dang-vien-la-nguoi-dan-toc-thieu-so.aspx> [truy cập ngày 22/5/2025].
92. Nguyễn Thị Thúy Hà (2023), *Đối thoại nhân dân trong bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia ở các tỉnh biên giới phía Bắc ở nước ta hiện nay*, Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị khu vực I
93. Nguyễn Thị Hạ (2023), *Quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc về phát triển kinh tế tư nhân*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
94. Thẩm Vinh Hoa, Ngô Quốc Diệu (2008), (Nguyễn Như Diễm dịch), *Tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài, kế lớn trăm năm chấn hưng đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
95. Lưu Chân Hoa (2010), *Bàn về công tác xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
96. Học viện Chính trị và Hành chính quốc gia Lào (2015), *Về chức năng, vai trò, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng các cấp*, Viêng Chăn.
97. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế 100 năm phát triển của Đảng Cộng sản Trung Quốc trao đổi kinh nghiệm về xây dựng Đảng và lãnh đạo phát triển đất nước giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
98. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022), *Giáo trình xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam (dùng cho hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

99. Trần Đình Hoan, Nguyễn Đông Sương, Dương Tự Đàm (2006), *Công tác phát triển đảng viên trong thanh niên giai đoạn hiện nay 2005 - 2010*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
100. Phạm Học (2025), “Phát huy vai trò đảng viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số”, <https://dangcongsan.org.vn/quangninh/tin-tuc-hoat-dong/phat-huy-vai-tro-dang-vien-o-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so.html> [truy cập ngày 28/12/2025].
101. Hội đồng lý luận Trung ương (2015), *Vai trò của Đảng trong cập nhật hóa mô hình kinh tế - xã hội tại Cu Ba và đổi mới tại Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
102. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 1, Nxb Trung tâm biên soạn từ điển khoa Việt Nam.
103. Hội đồng Lý luận Trung ương (2022), *Những vấn đề lý luận - thực tiễn mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam và Văn kiện Đại hội XI của Đảng NDCM Lào*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
104. Hội đồng Lý luận Trung ương (2022), *Những thành tựu to lớn và kinh nghiệm lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
105. Hội đồng Lý luận Trung ương (2024), *Kinh nghiệm về sáng tạo quản trị xã hội trong thời đại thông tin hoá - Hội thảo lý luận lần thứ 17 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
106. Hội thảo Quốc tế IIS (2024), *Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số tại Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế ICSID 2024, Hà Nội.
107. Ngô Văn Hùng (2024), “Công tác phát triển đảng viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Nho Quan, giai đoạn 2020 - 2025” <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/gop-y-du-thao-cac-van->

- kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/995002/cong-tac-phat-trien-dang-vien-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so--tren-dia-ban-huyen-nho-quan%2C-giai-doan-2020---2025.aspx [truy cập ngày 18/6/2025].
108. Nguyễn Anh Hùng (2024), “Những đổi mới và phát triển trong chính sách lãnh đạo của Đảng Cộng sản Cuba hiện nay”, <https://tcnn.vn/news/detail/64870/Nhung-doi-moi-va-phat-trien-trong-chinh-sach-lanh-dao-cua-Dang-Cong-san-Cuba-hien-nay.html>, [truy cập ngày 07/5/2025].
109. Tuấn Hùng (2020), “Phát triển đảng viên người dân tộc thiểu số”, <https://baolaichau.vn/chinh-tri/phat-trien-dang-vien-nguoi-dan-toc-thieu-so> [truy cập ngày 22/4/2025].
110. Lê Thu Hường (2023), “Đẩy mạnh phát triển đảng viên nữ dân tộc thiểu số” <https://www xaydungdang.org.vn/dang-vien/day-manh-phat-trien-dang-vien-nu-dan-toc-thieu-so-11399> [truy cập ngày 23/4/2025].
111. Nguyễn Thị Thu Hường (2021), *Thành tựu phát triển con người toàn diện của Trung Quốc trong quá trình cải cách, mở cửa và ý nghĩa tham khảo đối với Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
112. Phạm Thanh Kiều (2008), *Chất lượng các đảng bộ xã có đồng bào theo đạo thiên chúa ở miền Đông Nam Bộ hiện nay*, Luận án tiến sĩ khoa học chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
113. Khăm chăn Vôngsenbun (2011), “Rèn luyện đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên là sự cần thiết khách quan”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (122).
114. Phạm Đức Kiên (2021), *Trung Quốc với chiến lược thu hút, trọng dụng nhân tài và một số gợi mở đối với Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
115. Triệu Gia Kỳ (2004), “Tăng cường xây dựng Đảng ủy địa phương, phát huy đầy đủ vai trò hạt nhân lãnh đạo”, Hội thảo lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc, *Xây dựng đảng cầm quyền, kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

116. Đặng Xuân Kỳ, Mạch Quang Thắng, Nguyễn Văn Hòa (2005), *Một số vấn đề về xây dựng Đảng hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
117. Cầm Thị Lai (2019), “Để làm tốt hơn công tác quản lý đảng viên hiện nay”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, số 12/2019.
118. Lít Thi Đệt Xay Nhạ Chắc (2009), *Công tác phát triển đảng viên ở nông thôn đồng bằng các tỉnh miền Trung nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
119. V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
120. V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 17, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
121. V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 37, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
122. V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
123. Nguyễn Khánh Ly, Nguyễn Chí Hải (2025), Một số giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ở vùng miền núi tỉnh Nghệ An, *Tạp chí Khoa học Chính trị*, số 11(2), tr.33-40. <https://doi.org/10.20431/2454-9452.1102004>. [truy cập ngày 22/4/2025].
124. Trần Lý (2022), *Những thành tựu lịch sử và thay đổi lịch sử trong sự nghiệp của Đảng và Nhà nước từ sau đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đến nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
125. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
126. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 18, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
127. Hồ Chí Minh (1983), *Về tư cách người đảng viên cộng sản*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
128. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
129. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
130. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
131. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
132. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

133. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
134. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
135. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
136. Lý Thuận Minh (2006), *Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là mẫu chốt để phát triển năng lực chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
137. Trần Văn Minh (2014), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
138. Thái Nam (2023), “Gỡ khó trong phát triển đảng ở vùng sâu, vùng xa tỉnh Hà Giang” <https://dantocmiennui.vn/go-kho-trong-phat-trien-dang-o-vung-sau-vung-xa-tinh-ha-giang/332597.html>. [truy cập ngày 12/6/2025].
139. Đậu Tuấn Nam (2011), *Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
140. Cận Nặc (2022), *Thành tựu huy hoàng và ý nghĩa vĩ đại của quá trình Trung Quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
141. Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Cầm Thị Lai (2020), *Tài liệu bồi dưỡng cấp ủy cơ sở, Tài liệu bồi dưỡng cấp ủy cơ sở*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
142. Ngô Kim Ngân (1999), *Về nâng cao chất lượng đảng viên trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
143. Nguyễn Thị Ngọc, Hà Phương, Nguyễn Lệ Thu (2024), “Phát triển đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số vùng núi phía Bắc: nhu cầu và rào cản trong tham gia đào tạo”, *Tạp chí Giáo dục phát triển chuyên nghiệp*, số 24 <https://doi.org/10.1080/19415257.2024.2421495>. [truy cập ngày 10/4/2025].
144. Bùi Đình Phong (2017), “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*”, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
145. Giảng Seo Phử (2010), “Đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện xóa đói giảm nghèo qua chương trình 135 giai đoạn 2”, *Tạp chí Cộng sản* (816), tr.22-26.

146. Nguyễn Xuân Phương (2008), *Công tác phát triển đảng viên ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta. Thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ, (mã B08-23), Hà Nội.
147. Nguyễn Việt Phương (chủ nhiệm) (2011), *Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng cấp xã ở các tỉnh miền núi Tây Bắc nước ta - Thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ - mã số B.11-28. Học viện Chính trị - Hành Chính khu vực I thuộc Học viện Chính trị - Hành Chính quốc gia Hồ Chí Minh.
148. Lê Minh Quang (2012), “Công tác phát triển đảng viên trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo ở tỉnh Lâm Đồng”, *Tạp chí Công tác tôn giáo*.
149. “Quy mô, phân bố dân số và hôn nhân của các dân tộc thiểu số” 92025) <http://dskhhgd.thanhhoagov.vnptweb.vn/tin-khac/quy-mo-phan-bo-dan-so-va-hon-nhan-cua-cac-dan-toc-thieu-so-633512> [truy cập ngày 27/01/2026].
150. Vũ Thanh Sơn, Nguyễn Văn Tuấn (2023) (đồng chủ biên), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - Thực tiễn và một số giải pháp, kiến nghị*, Nxb Công an Nhân dân.
151. Sụ Văn Thon Mạ Ny Phấn (2022), “Nâng cao chất lượng cán bộ - công chức cấp huyện ở Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào”, *Tạp chí Xây dựng Đảng Nhân dân cách mạng Lào*.
152. Lê Tâm, Hương Giang, Nguyễn Hòa (2023), “Công tác phát triển đảng viên sau một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XIII)”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, số 9/2023.
153. Đỗ Thị Tâm (2023), “Phát triển đảng viên là người có đạo ở Ninh Bình”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, số 9/2023.
154. Mạch Quang Thắng (2004), “Một số vấn đề đặt ra đối với công tác phát triển đảng viên”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*.
155. Mạch Quang Thắng (chủ biên) (2006), *Vấn đề đảng viên và phát triển đảng viên trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

156. Nguyễn Xuân Thắng (2020), “Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đẩy mạnh xây dựng Đảng về đạo đức trong tình hình mới”, https://tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/de-cao-trach-nhiem-neu-guong-cua-can-bo-dang-vien-day-manh-xay-dung-dang-ve-dao-duc-trong-tinh-hinh-moi [truy cập ngày 25/4/2025].
157. Lê Phương Thảo, Nguyễn Cúc, Doãn Hùng (2005), *Xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ở nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa - luận cứ và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước
158. Thavisít Vănnhường (2022), “Nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên là sự cần thiết khách quan”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (148)
159. Nguyễn Ngọc Thịnh (2007), *Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên*, Đề tài khoa học cấp bộ, Ban Tổ chức Trung ương.
160. Trịnh Thị Kim Thoa (2025), *Bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay*, Luận án triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
161. Thoong-Xạ-Lít Mãng-No-Mặc (2025), “Xây dựng Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong sạch, vững mạnh”, (https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/bau-cu-dai-bieu-quoc-hoi-khoa-xv-va-dai-bieu-hoi-dongnhan-dan-cac-cap-nhiem-ky-2021-2026/-/2018/816351/view_content), [truy cập ngày 07/01/2025].
162. Lý Thị Thu (2016), *Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số từ năm 1991 đến năm 2010*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội
163. Kiêu Thu (2022), “Chú trọng phát triển đảng viên ở các xã biên giới” <https://baolaocai.vn/chu-trong-phat-trien-dang-vien-o-cac-xa-bien-gioi-post362150.html> [truy cập ngày 22/4/2025]

164. Trần Thị Thu, Trần Trung (2023), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ và vận dụng trong xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số hiện nay*”, *Tạp chí Châu Á - Thái Bình Dương về Nhân quyền và Pháp luật*, tập 23, số 3, tr.281-314.
165. Thanh Thủy, Khắc Kiên (2022), “*Thấp sáng nơi đại ngàn: Phát triển đảng viên dân tộc thiểu số nơi đặc biệt khó khăn*” <https://vov.vn/chinh-tri/thap-lua-noi-dai-ngan-phan-trien-dang-dan-toc-thieu-so-dac-biet-kho-khan-post979274.vov> [truy cập ngày 25/5/2025]
166. Lô Quốc Toàn, luận án tiến sĩ Triết học (2009), *Phát triển nguồn cán bộ dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
167. Lô Quốc Toàn (2010), *Phát triển nguồn cán bộ dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
168. Ngô Gia Toàn (2015), *Công tác phát triển xây dựng đảng trong doanh nghiệp tư nhân và sự phát triển của doanh nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
169. *Tổng tập Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIX, Đảng Cộng sản Trung Quốc* (2018), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
170. Hương Trà (2025), “*Cả nước còn hơn 1,2 triệu hộ nghèo và hộ cận nghèo*” <https://dantocphattrien.vietnamnet.vn/ca-nuoc-con-hon-12-trieu-ho-ngheo-va-ho-can-ngheo-1739263724313.htm> [truy cập ngày 27/01/2026].
171. Nguyễn Phú Trọng (2005), “*Xây dựng, chỉnh đốn Đảng một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội
172. Nguyễn Phú Trọng (2017), *Xây dựng chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia.
173. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

174. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Một số vấn đề về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
175. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Cả nước đồng lòng, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
176. Nguyễn Phú Trọng (2024), “Tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng”, Bài phát biểu nhân kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, <https://vov.vn/chinh-tri/bai-viet-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-nhan-ky-niem-94-nam-ngay-thanh-lap-dang-cong-san-viet-nam-post1074835.vov> [truy cập ngày 22/4/2025].
177. Nguyễn Văn Tuấn, Dương Quang Điện (2018) (đồng chủ biên), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
178. Nguyễn Văn Tuấn, Phan Văn Thành (2025) (đồng chủ biên), *Xây dựng Đảng trong lực lượng Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Nxb Công an Nhân dân.
179. Lâm Quốc Tuấn (2020), *Xây dựng Đảng về đạo đức - Yêu cầu sống còn của Đảng cầm quyền*, (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Xây dựng Đảng trong giai đoạn mới. Kinh nghiệm của Việt Nam và Trung Quốc, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
180. Nguyễn Đức Tuấn, Đào Thị Thùy, Mai Thị Vân, Đoàn Quang Thị Như (2024), “Nâng cao năng lực con người để hỗ trợ gia đình dân tộc thiểu số - Nghiên cứu trường hợp tỉnh Thanh Hóa”, *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc và Chính sách*, số 92, tr.183-207.
181. Nguyễn Minh Tuấn (2018), *Một số vấn đề cơ bản về Xây dựng Đảng và nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng viên*, Nxb Thông Tấn.

182. Nguyễn Minh Tuấn, Trần Khắc Việt (2018), *350 thuật ngữ Xây dựng Đảng*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
183. Quang Tuấn (2019), “Tạo nguồn phát triển đảng viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số”, <https://nhandan.com.vn/chinh-tri-hangthang/tao-nguon-phat-trien-dang-vien-o-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-372486/>, [truy cập ngày 15/6/2020].
184. Trần Tuấn (2025), “Đất nước Lào phát triển vững mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào” <https://vov.vn/the-gioi/dat-nuoc-lao-phat-trien-vung-manh-duoi-su-lanh-dao-cua-dang-nhan-dan-cach-mang-lao-post1162960.vov>. [truy cập ngày 27/01/2026].
185. Trần Ánh Tuyết (2023), “Công tác xây dựng đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc và một số gợi mở đối với Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, (9).
186. Unkeo Sipasot (2009), “Công tác tổ chức cán bộ cấp tỉnh ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay”, *Tạp chí xây dựng Đảng điện tử*, 24/8/2009.
187. Văn say Saynhavông (2016), “Quan tâm xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ở Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào”, *Tạp chí Kiểm tra*, (26).
188. Viện Nghiên cứu xây dựng Đảng - Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (2022), *Quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện - Thành tựu và kinh nghiệm trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng cộng sản Trung Quốc từ sau đại hội XVIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
189. Lê Kim Việt (2006), *Thời kỳ mới và những vấn đề đặt ra đối với công tác phát triển đảng viên*, Nxb Lao động, Hà Nội.
190. Lê Kim Việt (2013), *Phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân ở thành phố Hà Nội giai đoạn hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
191. Hách Minh Vũ (2015), *Nghiên cứu xây dựng đảng trong sinh viên một cách khoa học*, *Luận án Đại học Sư phạm Đông Bắc, Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

192. Xinh Khăm Phôm Ma Xay (2003), *Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước Lào trong giai đoạn hiện nay*. Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
193. Xôm Nức - Xôm Vi Chít (2008), *Đổi mới phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
194. Dương Trung Ý (2012), *Nâng cao chất lượng đảng bộ xã trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
195. Nguyễn Như Ý (2011), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, thành phố Hồ Chí Minh;
196. <https://sonla.gov.vn/4/469/61724/644618/tin-van-hoa-xa-hoi/tinh-son-la-phan-dau-den-nam-2025-ty-le-lao-dong-la-nguoi-dan-toc-thieu-so-qua-dao-tao-nghe-dat>- Truy cập ngày 03/4/2026;
197. <https://caobang.gov.vn/khoa-hoccong-nghe/dua-tien-bo-khoa-hoc-ky-thuat-de-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-rat-it-935092>;
198. <https://baolangson.vn/dong-bao-cac-dan-toc-thieu-so-lang-son-doan-ket-doi-moi-sang-tao-hoi-nhap-va-phat-trien-ben-vung-5028651.html>

PHỤ LỤC

Phụ lục 01 - Tổng số diện tích và dân số các tỉnh biên giới phía Bắc năm 2025

STT	Tên tỉnh	Dân số (người)	Diện tích (km ²)	Ghi chú
1	Lào Cai	1.778.785	13.257	Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, giáp Vân Nam (Trung Quốc)
2	Quảng Ninh	1.497.447	6.208	Địa bàn biên giới, ven biển; giáp Quảng Tây (Trung Quốc)
3	Sơn La	1.404.587	14.123	Tỉnh miền núi lớn, giáp Lào
4	Lạng Sơn	881.384	8.310	Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị
5	Điện Biên	673.091	9.540	Giáp Lào và Trung Quốc
6	Cao Bằng	573.119	6.690	Đường biên giới dài trên 333 km
7	Lai Châu	512.601	9.069	Giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc)
8	Tuyên Quang	1.865.270	13.795	Địa bàn trung du, thuộc vùng biên giới mở rộng, kết nối hành lang kinh tế Bắc - Nam cửa khẩu Thanh Thủy, giáp Vân Nam (Trung Quốc)
Tổng số		9.186.284	80.992	

Nguồn: Tổng cục thống kê (sau sáp nhập)

Phụ lục 02 - Cơ cấu đội ngũ đảng viên các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025

STT	Tỉnh	Tỷ lệ đảng viên nữ (%) 2015-2019	Tỷ lệ đảng viên là người DTTS (%) 2015-2019	Tỷ lệ đảng viên dưới 35 tuổi (%) 2015-2019	Tỷ lệ đảng viên nữ (%) 2020-2025	Tỷ lệ đảng viên là người DTTS (%) 2020-2025	Tỷ lệ đảng viên dưới 35 tuổi (%) 2020-2025
1	Cao Bằng	34,5	91,5	14,0	37,9	92,8	27,0
2	Lạng Sơn	35,2	82,0	13,0	38,3	84,1	26,0
3	Hà Giang	36,0	30,5	12,0	38,6	32,0	25,0
4	Lào Cai	35,8	63,2	15,0	37,5	65,0	26,0
5	Lai Châu	32,7	88,7	17,0	35,8	90,9	29,0
6	Điện Biên	32,1	81,4	16,0	34,6	83,2	28,0
7	Sơn La	33,4	76,5	15,0	36,3	78,8	27,0
8	Quảng Ninh	40,2	10,8	12,0	42,6	12,1	25,0
Toàn vùng		34,9	67,9	14,4	37,6	70,7	27,0

Nguồn: Học viên tổng hợp các báo cáo các năm của Ban Tổ chức tỉnh uỷ các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến năm 2025

Phụ lục 03 - Số lượng đảng viên của 8 tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025

STT	Tỉnh	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	6/2025
1	Hà Giang	58.000	58.600	59.200	59.800	60.200	60.600	60.900	61.000	61.100	61.150	61.200
2	Lào Cai	39.000	39.800	40.500	41.000	41.800	42.500	43.200	43.600	44.000	44.500	44.800
3	Cao Bằng	41.200	41.800	42.000	43.000	43.800	44.500	44.900	45.200	45.300	45.400	45.327
4	Lạng Sơn	43.600	44.000	44.500	45.100	46.000	47.200	47.900	48.400	48.800	49.200	49.500
5	Lai Châu	36.000	36.500	37.000	37.400	37.800	38.100	38.600	39.000	39.400	39.800	40.200
6	Điện Biên	42.500	43.200	43.800	44.500	45.000	45.327	45.500	45.800	46.000	46.200	46.400
7	Sơn La	62.000	63.030	63.500	64.000	64.800	65.500	66.000	66.500	67.000	67.300	67.600
8	Quảng Ninh	68.500	69.000	69.500	70.200	71.000	71.800	72.300	72.700	73.000	73.300	73.500

Nguồn: Học viên tổng hợp các báo cáo các năm của Ban Tổ chức tỉnh uỷ các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến năm 2025

Phụ lục 04 - Số liệu kết nạp đảng viên người dân tộc thiểu số tại các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025

Năm	Hà Giang	Cao Bằng	Lạng Sơn	Lào Cai	Điện Biên	Lai Châu	Sơn La	Quảng Ninh	Toàn vùng (ước tính)
2015	1.120	950	870	760	810	890	970	650	7.020
2016	1.180	980	890	780	860	930	1.010	670	7.300
2017	1.230	1.000	910	820	900	950	1.060	690	7.660
2018	1.270	1.030	920	870	940	980	1.090	710	7.910
2019	1.310	1.050	930	910	970	1.000	1.130	720	8.120
2020	1.420	1.080	940	950	990	1.030	1.160	740	8.310
2021	1.560	1.100	920	1.000	1.020	1.080	1.180	760	8.620
2022	2.314	1.052	935	1.137	1.043	1.100	1.210	780	9.571
2023	2.380	612	920	1.150	1.050	1.100	1.230	790	9.232
2024	2.400	650	940	1.180	1.080	1.120	1.250	800	9.420
6/2025	2.450	700	960	1.200	1.100	1.150	1.280	820	9.660
Tổng	18.624	10.204	10.070	9.757	9.843	10.430	12.570	8.140	89.600

Nguồn: Học viên tổng hợp từ các báo cáo các năm của các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến năm 2025

Phụ lục 05 - Số lượng đảng viên trẻ (dưới 35 tuổi) được kết nạp tại các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025

Năm	Hà Giang	Cao Bằng	Lạng Sơn	Lào Cai	Lai Châu	Điện Biên	Sơn La	Quảng Ninh	Toàn vùng
2015	380	270	310	290	250	280	400	260	2.440
2016	400	280	320	310	270	300	420	270	2.570
2017	420	290	330	330	290	320	440	280	2.700
2018	440	310	350	350	310	340	460	300	2.860
2019	460	330	370	370	340	370	480	320	3.040
2020	480	350	400	400	370	400	500	340	3.240
2021	500	370	420	430	400	440	540	360	3.460
2022	520	390	440	460	430	470	580	390	3.680
2023	540	410	460	490	460	500	610	410	3.880
2024	560	430	480	520	490	530	640	430	4.080
6/2025	580	450	500	550	520	560	670	450	4.280
Tổng	5.780	3.880	4.380	4.900	4.330	4.910	6.340	3.910	38.430

Nguồn: Học viên tổng hợp từ các báo cáo các năm của các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến năm 2025

Phụ lục 06 - Số lượng đảng viên vi phạm kỷ luật tại các tỉnh biên giới phía bắc giai đoạn 2015 - 2025

Năm / Tỉnh	Hà Giang	Lào Cai	Cao Bằng	Lạng Sơn	Lai Châu	Điện Biên	Sơn La	Quảng Ninh	Toàn vùng
2015	130	165	160	150	140	185	220	170	1320
2016	140	175	165	160	150	190	225	185	1410
2017	150	180	175	165	160	195	235	195	1515
2018	155	185	180	175	165	200	240	180	1580
2019	165	190	185	185	170	205	245	200	1655
2020	175	195	195	190	180	215	260	230	1740
2021	160	185	175	180	170	205	250	240	1665
2022	145	175	165	170	160	195	245	170	1525
2023	140	165	160	165	155	190	240	155	1470
2024	130	155	150	160	145	185	235	145	1395
6/2025	120	145	140	150	135	175	230	125	1250

Nguồn: Học viên tổng hợp từ các báo cáo các năm của các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến năm 2025

Phụ lục 07 - Số lượng các đợt kiểm tra, giám sát đảng viên tại các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025

Năm / Tỉnh	Hà Giang	Lào Cai	Cao Bằng	Lạng Sơn	Lai Châu	Điện Biên	Sơn La	Quảng Ninh	Toàn vùng
2015	120	145	135	150	110	160	170	180	1170
2016	130	155	140	160	120	165	175	190	1235
2017	145	165	150	170	125	175	180	195	1305
2018	155	170	160	180	130	185	185	200	1365
2019	165	180	165	185	140	195	190	210	1430
2020	175	190	175	195	150	205	200	225	1515
2021	185	200	180	205	160	210	205	230	1575
2022	190	210	190	215	165	215	210	240	1635
2023	200	225	200	220	170	225	215	250	1705
2024	210	235	210	230	175	230	220	255	1765
6/2025	220	245	215	235	180	240	225	260	1820

Nguồn: Học viên tổng hợp từ các báo cáo các năm của các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến năm 2025

**Phụ lục 08 - Số lượng đảng viên người DTTS được đào tạo trung cấp lý luận chính trị
tại các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025**

Năm	Cao Bằng	Lạng Sơn	Hà Giang	Lào Cai	Lai Châu	Điện Biên	Sơn La	Quảng Ninh	Tổng
2015	130	160	120	110	90	100	150	130	990
2016	140	170	130	115	95	110	160	140	1.060
2017	150	200	150	120	100	120	170	150	1.160
2018	160	210	150	130	110	130	180	160	1.230
2019	160	210	160	140	120	130	190	170	1.280
2020	160	190	150	150	140	150	220	190	1.350
2021	170	220	170	160	150	160	230	190	1.450
2022	170	240	180	170	150	160	230	200	1.500
2023	170	260	190	180	160	160	210	190	1.520
2024	130	150	130	120	100	120	150	120	1.020
6/2025	120	160	120	100	75	100	160	140	975
Tổng	1.660	2.170	1.650	1.530	1.290	1.470	2.090	1.810	13.670

Nguồn: Học viên tổng hợp từ các báo cáo các năm của các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến năm 2025

Phụ lục 09 - Số lượng các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng tại các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025

Năm	Hà Giang	Cao Bằng	Lạng Sơn	Lào Cai	Điện Biên	Lai Châu	Sơn La	Quảng Ninh	Toàn vùng
2015	70	30	60	55	60	50	70	58	453
2016	74	31	63	57	62	52	73	60	472
2017	78	32	65	60	65	54	76	62	492
2018	82	34	70	62	70	58	80	64	520
2019	86	36	74	65	74	60	84	66	545
2020	90	38	78	68	78	62	88	68	570
2021	95	39	82	72	82	65	92	70	597
2022	100	40	86	75	86	68	96	72	623
2023	105	40	88	78	88	70	100	74	643
2024	110	40	90	80	90	72	102	76	660
2025	115	42	92	82	92	74	104	78	679
Tổng	1.005	402	848	774	847	705	987	688	6.256

Nguồn: Học viên tổng hợp từ các báo cáo các năm của các tỉnh biên giới phía Bắc từ năm 2015 đến năm 2025

2	Vai trò kinh tế: người DTTS là lực lượng chủ yếu và trực tiếp sản xuất nông - lâm nghiệp, phát triển kinh tế hộ gia đình, hợp tác xã, tham gia thương mại, du lịch và giao thương biên giới.			
3	Vai trò văn hóa - xã hội: người DTTS góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.			
4	Vai trò QP-AN: ở các tỉnh biên giới phía Bắc, người DTTS chiếm đa số vì vậy họ là lực lượng nòng cốt trong bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.			
5	Ý kiến khác:			

Câu 2: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm của người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc? Đồng chí có thể cho ý kiến về các đặc điểm dưới đây

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Sinh sống tại khu vực địa hình hiểm trở và phân tán, người DTTS vùng biên giới phía Bắc thường cư trú ở các khu vực núi cao, địa hình chia cắt phức tạp, thung lũng hẹp hoặc các bản làng cách xa trung tâm.			
2	Tôn giáo, tín ngưỡng dân gian là yếu tố chi phối mạnh mẽ đời sống tinh thần, thể hiện qua tục thờ tổ tiên, thờ thần núi, thần nước, thần rừng, cùng các nghi lễ nông nghiệp.			
3	Người DTTS các tỉnh biên giới phía Bắc có bản sắc văn hóa đặc sắc và riêng biệt, thể hiện qua ngôn ngữ, trang phục, lễ hội, phong tục, tập quán.			
4	Phần lớn người DTTS sống dựa vào nông nghiệp truyền thống, chăn nuôi và lâm nghiệp, canh tác nương rẫy			

5	Các cộng đồng DTTS tại đây thường có tính đoàn kết cao, duy trì lối sống gắn bó và hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động sản xuất, nghỉ lễ và đời sống thường nhật			
6	Người DTTS vùng biên giới phía Bắc sinh sống tại khu vực có đường biên giới với Trung Quốc, Lào đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia			
7	Về quan hệ giao lưu biên giới, cộng đồng các dân tộc hai bên biên giới Việt - Trung có mối quan hệ họ hàng, thân tộc, giao lưu lâu đời nên tác động qua lại mạnh mẽ về nền văn hoá, kinh tế, tín ngưỡng và hôn nhân.			
8	Ý kiến khác:			

Câu 3: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về tầm quan trọng của các nội dung công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc?

TT	Nội dung	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường
1	Công tác tạo nguồn, phát hiện và bồi dưỡng quần chúng ưu tú			
2	Công tác xem xét, thẩm tra và kết nạp đảng viên			
3	Công tác giáo dục, rèn luyện và quản lý đảng viên sau kết nạp			
4	Ý kiến khác:			

Câu 4: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên tắc và yêu cầu đặt ra của công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc?

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Công tác KNĐV là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy, bảo đảm tuân thủ nghiêm các nguyên tắc cơ bản của Đảng: tự nguyện, tự giác; chặt chẽ, đúng tiêu chuẩn, đúng quy trình; kết hợp hài hòa giữa phát triển số lượng và nâng cao chất lượng; gắn với củng cố chi bộ và xây dựng TCCSD vững mạnh.			
2	Với đặc thù vùng biên giới, nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào DTTS, công tác kết nạp đảng viên phải đặt trong mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển tổ chức đảng và củng cố HTCT và QP-AN.			
3	Yêu cầu hàng đầu là nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy và chi bộ về ý nghĩa chính trị, tư tưởng và chiến lược của công tác kết nạp đảng viên là người DTTS. Việc kết nạp phải được xem là nhiệm vụ lâu dài, thường xuyên, gắn với quy hoạch CBCS và mục tiêu xây dựng HTCT vững mạnh từ thôn, bản.			
4	Kết nạp đảng viên cần xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của cách mạng và yêu cầu củng cố tổ chức đảng ở những nơi còn yếu, không chạy theo chỉ tiêu hay thành tích. Mỗi quyết định kết nạp phải được cân nhắc kỹ lưỡng, bảo đảm đảng viên mới thật sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và uy tín trong cộng đồng.			
5	Cấp ủy tiến hành kiểm tra, giám sát công tác KNĐV của tổ chức đảng và KNĐV người DTTS			

6	Cấp ủy các cấp phải chủ động xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên là người DTTS phù hợp với điều kiện KT-XH, đặc điểm dân cư và cơ cấu nghề nghiệp của địa phương. Cần ưu tiên phát triển ở các lĩnh vực, địa bàn còn ít đảng viên hoặc chưa có tổ chức đảng như thôn, bản vùng sâu, vùng xa, trường học, đồn biên phòng, doanh nghiệp nhà nước và đơn vị kinh tế - quốc phòng.			
7	Phải giữ vững tính chặt chẽ, dân chủ, khách quan trong toàn bộ quy trình kết nạp. Mọi khâu từ phát hiện, bồi dưỡng, thẩm tra đến tổ chức lễ kết nạp và công nhận chính thức đều phải tuân thủ đúng quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, đồng thời vận dụng linh hoạt với đặc thù ngôn ngữ, phong tục, tín ngưỡng và điều kiện sinh hoạt của đồng bào các dân tộc.			
8	Ý kiến khác:			

Câu 5: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay?

TT	Nội dung	Ảnh hưởng quyết định	Ảnh hưởng	Ảnh hưởng bình thường	Ảnh hưởng rất ít	Không ảnh hưởng
1	<i>Thứ nhất</i> , nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả của công tác KNĐV					

2	<p><i>Thứ hai</i>, chất lượng phong trào quần chúng và hoạt động của các đoàn thể CT-XH là môi trường thực tiễn để phát hiện, rèn luyện và thử thách nguồn kết nạp.</p>				
3	<p><i>Thứ ba</i>, môi trường chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của địa phương cũng có ảnh hưởng sâu sắc đến công tác kết nạp đảng viên.</p>				
4	<p><i>Thứ tư</i>, hệ thống chính sách, quy định, hướng dẫn của Trung ương là cơ sở pháp lý bảo đảm cho công tác kết nạp đảng viên được thực hiện thống nhất, đúng nguyên tắc, đồng thời là công cụ điều tiết để thích ứng với yêu cầu thực tiễn.</p>				
5	<p><i>Thứ năm</i>, Chính sách khuyến khích, động viên, đào tạo và sử dụng ĐV người DTTS cũng là yếu tố quan trọng tác động đến chất lượng phát triển Đảng.</p>				

Câu 6: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ quan trọng trong các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Rất quan trọng	Quan trọng	Quan trọng trung bình	Ít quan trọng	Không quan trọng
1	Tiêu chí về quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa công tác kết nạp ĐV là người DTTS					
2	Tiêu chí về tổ chức thực hiện công tác công tác kết nạp đảng viên người DTTS					
3	Tiêu chí về cấp ủy cơ sở đảng lãnh đạo các chi bộ, tổ chức CT-XH trong công tác kết nạp đảng viên người DTTS					
4	Tiêu chí về hoạt động kiểm tra, giám sát công tác kết nạp đảng viên người DTTS					
5	Tiêu chí về sơ kết, tổng kết công tác kết nạp đảng viên người DTTS					

Câu 7: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về tổ chức cơ sở đảng nơi đồng chí sinh hoạt đã thực hiện các khâu của công tác cán bộ, công tác đảng viên để nâng cao chất lượng cấp ủy, bí thư cấp ủy và đội ngũ cán bộ, đảng viên như thế nào?

TT	Nhiệm vụ	Rất thường xuyên	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện ở mức trung bình	Thực hiện nhưng rất ít	Không thực hiện
1	Cấp ủy quan tâm đến việc nâng cao chất lượng cấp ủy, bí thư cấp ủy và đội ngũ cán bộ, đảng viên người DTTS					
2	Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, đảng viên người DTTS được triển khai hiệu quả, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.					
3	Việc đánh giá, phân loại cán bộ, đảng viên người DTTS được thực hiện minh bạch, công bằng.					
4	Quy trình lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ, bí thư cấp ủy được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng tiêu chuẩn.					
5	Công tác kiểm tra, giám sát đội ngũ cán bộ, đảng viên người DTTS, cấp ủy và bí thư cấp ủy được thực hiện thường xuyên.					

6	Cán bộ, đảng viên người DTTS đáp ứng yêu cầu về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và tư cách chính trị.					
7	Công tác đào tạo, bồi dưỡng, ưu tiên nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và đạo đức cho cán bộ, đảng viên người DTTS.					

Câu 8: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ tỉnh biên giới phía Bắc đối với công tác kết nạp đảng viên người dân tộc thiểu số giai đoạn hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Rất thường xuyên	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện ở mức trung bình	Thực hiện nhưng rất ít	Không thực hiện
1	Các đảng bộ các tỉnh biên giới phía Bắc luôn nâng cao nhận thức, quán triệt quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của việc kết nạp người DTTS vào Đảng.					
2	Chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo một cách toàn diện các tổ					

	chức đảng trực thuộc trong việc kết nạp người DTTS vào đảng.					
3	Chú trọng phát triển toàn diện KT-XH nâng cao đời sống của đồng bào DTTS					
4	Chú trọng xây dựng tổ chức Đảng và HTCT, phát triển đảng viên, chú trọng kết nạp đảng viên là người DTTS, xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở vững mạnh.					
5	Chú trọng kiểm tra, giám sát định kỳ đối với đảng viên và tổ chức đảng					
6	Việc xử lý kỷ luật đối với sai phạm của đảng viên được thực hiện công bằng, đúng quy trình					
7	Công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng được triển khai hiệu quả.					

Câu 9: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về công tác phối hợp giữa các tổ chức, các lực lượng ở các tỉnh biên giới phía Bắc trong việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số?

TT	Nhiệm vụ	Rất thường xuyên	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện ở mức trung bình	Thực hiện nhưng rất ít	Không thực hiện
1	Các tổ chức CT-XH đã rất tích cực tham gia trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay.					
2	Đảng phối hợp chặt chẽ với các tổ chức CT-XH trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số vào Đảng.					
3	Các tổ chức CT-XH đóng góp quan trọng vào việc phát triển đảng ở các tỉnh biên giới phía Bắc.					
4	Tổ chức đảng các cấp và các tổ chức chính trị xã hội đã chú trọng tổ chức giao lưu, đối thoại thường xuyên với quần chúng là người DTTS trên địa bàn vận động họ vào đảng và tham gia các tổ chức CT-XH					

Câu 10: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những yếu tố thuận lợi tác động đến chất lượng công tác kết nạp đảng là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay?

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Xét ở bình diện quốc tế, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng tiếp tục là dòng chảy chủ đạo, thúc đẩy các quốc gia, trong đó có Việt Nam, phải điều chỉnh chiến lược phát triển theo hướng toàn diện, bền vững và bao trùm, từ đó tạo điều kiện để Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa chính sách dân tộc, trong đó có công tác kết nạp đảng viên tại những địa bàn chiến lược.			
2	Trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, việc hình thành các cơ chế hợp tác như ASEAN, tiểu vùng Mekong mở rộng, hay Hợp tác Khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam mang lại những lợi ích thiết thực trong chia sẻ kinh nghiệm về phát triển nông thôn, giáo dục vùng sâu vùng xa và đặc biệt là nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị tại cơ sở.			
3	Kỷ nguyên công nghệ 4.0 và quá trình chuyển đổi số quốc gia đang tạo ra bước ngoặt về phương thức tiếp cận thông tin, giáo dục chính trị và quản lý tổ chức đảng. Những nền tảng số, công cụ trực tuyến như hệ thống quản lý đảng viên, cổng thông tin đảng bộ, ứng dụng tuyên truyền trực tuyến, mạng xã hội,... đã và đang giúp cấp ủy các cấp tiếp cận nhanh chóng hơn với đảng viên tiềm năng, kể cả ở các vùng sâu, vùng xa.			
4	Đảng và Nhà nước tiếp tục xác định rõ chiến lược phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS và miền núi, đặc biệt thông qua			

	Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, sẽ là cú huých chính sách quan trọng. Sự ưu tiên về đầu tư, chính sách đặc thù và cơ chế linh hoạt đang giúp nâng cao chất lượng đời sống, tạo dựng lòng tin của đồng bào với Đảng, với chính quyền.			
5	Ở các tỉnh biên giới phía Bắc, nơi hội tụ đông đảo các DTTS như Mông, Dao, Tày, Nùng, Thái, Hà Nhì,..., các điều kiện địa lý, văn hóa, xã hội đang có sự thay đổi tích cực. Giao thông được cải thiện, điện - đường - trường - trạm được đầu tư mạnh mẽ, các thiết chế văn hóa và giáo dục được xây dựng đồng bộ đã góp phần rút ngắn khoảng cách vùng miền.			
6	Ý kiến khác:			

Câu 11: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những yếu tố khó khăn tác động đến chất lượng công tác kết nạp đảng là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay?

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Sự biến động khó lường của môi trường địa chính trị, kinh tế và an ninh toàn cầu tiếp tục đặt ra nhiều thách thức đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Tình trạng phân cực quyền lực, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn khiến cho dòng chảy đầu tư và hỗ trợ phát triển có xu hướng dịch chuyển, ảnh hưởng đến nguồn lực đầu tư vào các vùng khó khăn.			
2	Trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, sự gia tăng cạnh tranh về nguồn lực và thị trường lao động đã khiến một bộ phận lao động trẻ người DTTS lựa chọn			

	rời bỏ địa phương để làm ăn xa, xuất khẩu lao động không chính thức hoặc di cư tự do. Điều này dẫn đến hiện tượng “chảy máu chất lượng” trong nguồn nhân lực địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn tạo đảng viên kế cận tại cơ sở.			
3	Trong nước, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN dù mang lại nhiều cơ hội, nhưng cũng đồng thời làm phát sinh những mặt trái như phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng vùng miền, đặc biệt là giữa đô thị, thành thị và miền núi, biên giới. Tình trạng này nếu không được kiểm soát tốt sẽ làm xói mòn lòng tin của một bộ phận đồng bào DTTS vào các thiết chế chính trị, trong đó có tổ chức đảng.			
4	Kỷ nguyên phát triển mới kỷ nguyên của công nghệ 4.0 và quá trình chuyển đổi số toàn diện, trong khi mở ra nhiều cơ hội nhưng lại cũng đặt ra những thách thức lớn nếu không có sự chuẩn bị đồng bộ. Khoảng cách số giữa thành thị và nông thôn, giữa dân tộc đa số và các DTTS ngày càng lớn, dẫn tới nguy cơ người DTTS bị “bỏ lại phía sau” trong quá trình tiếp cận thông tin, kỹ năng công nghệ và năng lực làm chủ công nghệ số.			
5	Thách thức đến từ chính các yếu tố nội tại trong vùng đồng bào DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Trình độ dân trí, mức sống, điều kiện KT-XH vẫn còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo cao; phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan, tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống,..., vẫn tồn tại ở nhiều nơi, tạo ra lực cản mạnh đối với sự phát triển nhân tố tích cực trong cộng đồng.			
6	Ý kiến khác:			

Câu 12: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương hướng, định hướng cụ thể trong việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay?

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	<i>Một là</i> , phát triển nguồn tạo nguồn đảng viên gắn với chiến lược nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực trẻ DTTS.			
2	<i>Hai là</i> , nâng cao nhận thức chính trị và động cơ vào Đảng thông qua truyền thông chính trị số và mô hình giáo dục chính trị phù hợp.			
3	<i>Ba là</i> , gắn kết công tác KNĐV với các chương trình phát triển KT-XH, xóa đói giảm nghèo và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.			
4	<i>Bốn là</i> , tăng cường vai trò của đội ngũ đảng viên cốt cán người DTTS trong công tác phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu đối tượng kết nạp.			
5	<i>Năm là</i> , chủ động xây dựng mô hình tổ chức đảng linh hoạt, thích ứng với đặc thù vùng biên giới, vùng sâu vùng xa			
6	Ý kiến khác:			

Câu 13: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc và định hướng giải pháp đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2045?

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban MTTQ, quần chúng Nhân dân về nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS			

2	Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động quần chúng DTTS vào Đảng			
3	Làm tốt công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên là người DTTS			
4	Cấp ủy các cấp cần làm tốt việc bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ bí thư chi bộ, cấp ủy về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình thủ tục trong công tác kết nạp đảng viên nhất là kết nạp đảng viên là người DTTS			
5	Xây dựng đội ngũ cán bộ phụ trách công tác phát triển đảng viên có đủ phẩm chất và năng lực			
6	Thực hiện đầy đủ thủ tục, quy trình trong công tác kết nạp đảng viên là người DTTS			
7	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với đối với công tác kết nạp đảng viên người DTTS			
8	Ý kiến khác:			

Câu 14: Xin đồng chí hãy cho biết ý kiến của mình về những yếu tố tác động đến chất lượng công tác phát hiện, tạo nguồn, bồi dưỡng và kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, những thay đổi về phân cấp, phân quyền, tổ chức bộ máy và phương thức quản trị địa phương?

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Việc tinh gọn bộ máy và tăng phân quyền cho cấp xã giúp rút ngắn quy trình phối hợp giữa chính quyền - MTTQ - tổ chức đảng ở cơ sở, từ đó nâng cao hiệu quả phát hiện, tạo nguồn và bồi dưỡng quần chúng ưu tú là người DTTS.			
2	Sự thay đổi mô hình khiến một số nhiệm vụ của cấp xã bị điều chỉnh, dẫn tới giai đoạn đầu có sự lúng túng trong quản lý địa bàn, làm			

	giảm hiệu quả nắm bắt nguồn, theo dõi quần chúng và tổ chức bồi dưỡng đối tượng kết nạp là người DTTS.			
3	Mô hình 2 cấp tạo điều kiện mở rộng ứng dụng chuyển đổi số và cải cách hành chính, giúp cập nhật thông tin dân cư, hồ sơ đảng viên và đối tượng tạo nguồn thuận lợi hơn, góp phần nâng cao chất lượng công tác KNDV người DTTS.			
4	Việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và nhân sự sau khi sắp xếp mô hình mới gây áp lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở, thời gian dành cho công tác dân vận, bám nắm thôn bản bị thu hẹp, từ đó ảnh hưởng hạn chế đến kết quả tạo nguồn và bồi dưỡng đảng viên là người DTTS.			
5	Việc sắp xếp lại hệ thống chính trị ở cơ sở theo mô hình 2 cấp giúp tăng cường vai trò lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy cấp tỉnh đối với cấp xã từ đó tạo điều kiện thống nhất hơn trong chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác phát triển đảng; góp phần nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương và chất lượng kết nạp đảng viên là người DTTS.			

Câu 15: Xin đồng chí hãy cho biết ý kiến của mình về những điểm khác biệt cơ bản trong công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc so với công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh khu vực Tây Nguyên?

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Ở biên giới phía Bắc, địa bàn rộng, chia cắt mạnh và dân cư phân tán nên việc bám nắm cơ sở, tạo nguồn và theo dõi quần chúng khó khăn hơn so với Tây Nguyên.			
2	Tây Nguyên có yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng và vấn đề di cư tự do phức tạp hơn, làm cho công			

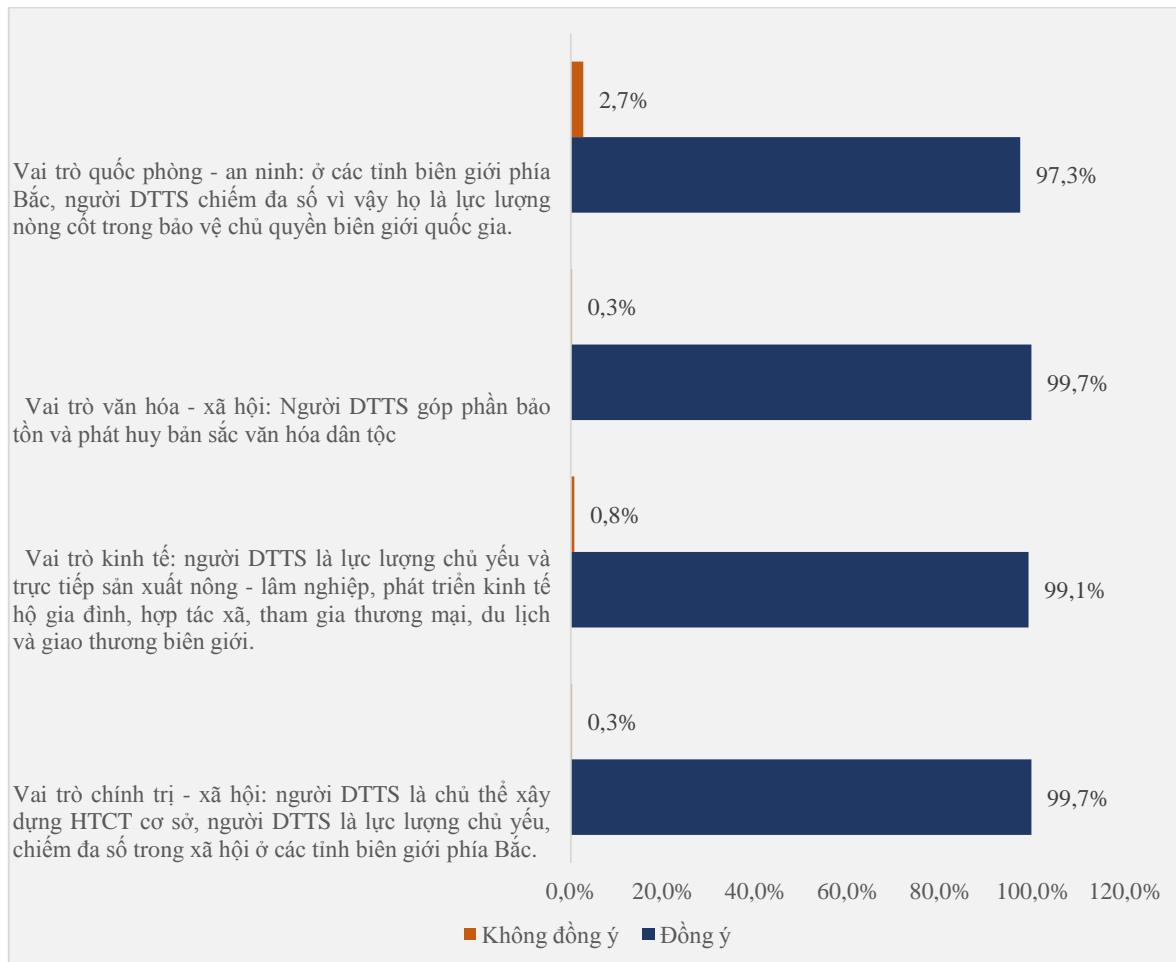
	tác tạo nguồn, quản lý đối tượng và bồi dưỡng kết nạp đảng viên chịu nhiều thách thức đặc thù mà biên giới phía Bắc ít gặp.			
3	Các tỉnh biên giới phía Bắc có HTCT thôn, bản vận hành tương đối ổn định, truyền thống gắn bó cộng đồng cao, thuận lợi hơn trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng so với một số vùng đồng bào Tây Nguyên.			
4	Tây Nguyên có tỷ lệ thanh niên DTTS trong độ tuổi lao động cao hơn và nhu cầu phát triển nguồn cán bộ cơ sở lớn, nên công tác phát hiện và tạo nguồn đảng viên mới được triển khai mạnh và có tính tập trung hơn so với biên giới phía Bắc.			
5	Công tác kết hợp giữa phát triển đảng và nhiệm vụ QP-AN được xem là đặc thù rất rõ ở biên giới phía Bắc, trong khi ở Tây Nguyên yếu tố này không mang tính quyết định bằng, dẫn đến cách tiếp cận và trọng tâm công tác có sự khác biệt.			

Trân trọng cảm ơn sự nhiệt tình tham gia ý kiến của đồng chí!

**BÁO CÁO XỬ LÝ SỐ LIỆU KHẢO SÁT Ý KIẾN
VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI
DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC TỈNH BIÊN GIỚI PHÍA BẮC
GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

- Số phiếu phát ra: 400
- Số phiếu thu về: 382
- Số phiếu hợp lệ: 371
- Số phiếu không hợp lệ: 11

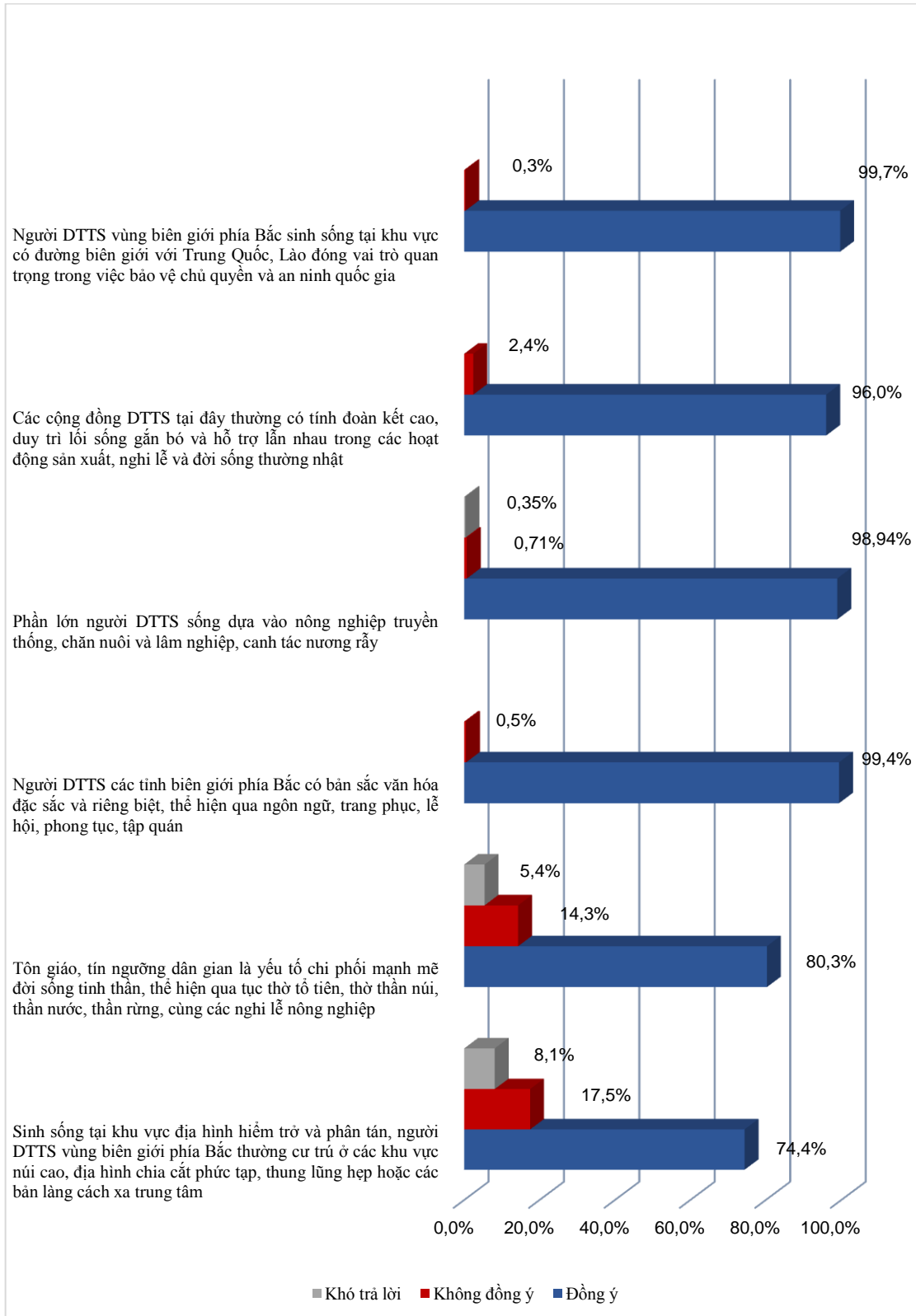
Câu 1: Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc?



Khảo sát thực tế cho thấy, sự thống nhất cao về vai trò CT-XH khẳng định vai trò của người DTTS không chỉ là đối tượng vận động mà là chủ thể

của HTCT ở cơ sở. Nhận thức đúng điều này sẽ tạo tiền đề giúp cấp ủy, tổ chức đảng chú trọng phát hiện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú là người DTTS từ thực tiễn lãnh đạo cộng đồng. Việc đánh giá cao vai trò kinh tế cho thấy nguồn kết nạp đảng viên gắn chặt với lực lượng lao động trực tiếp sản xuất qua đó giúp công tác kết nạp bám sát tiêu chí từ thực tiễn phong trào. Vai trò văn hóa, xã hội và QP-AN được khẳng định ở mức rất cao khẳng định tính chiến lược của việc xây dựng đội ngũ đảng viên là người DTTS trong việc bảo tồn bản sắc, củng cố khối đại đoàn kết và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia lãnh thổ. Điều này phản ánh nền tảng nhận thức vững chắc, góp phần nâng cao tính chủ động, đúng định hướng và bền vững của công tác kết nạp đảng viên là người DTTS.

Câu 2: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm của người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc? Đồng chí có thể cho ý kiến về các đặc điểm dưới đây?



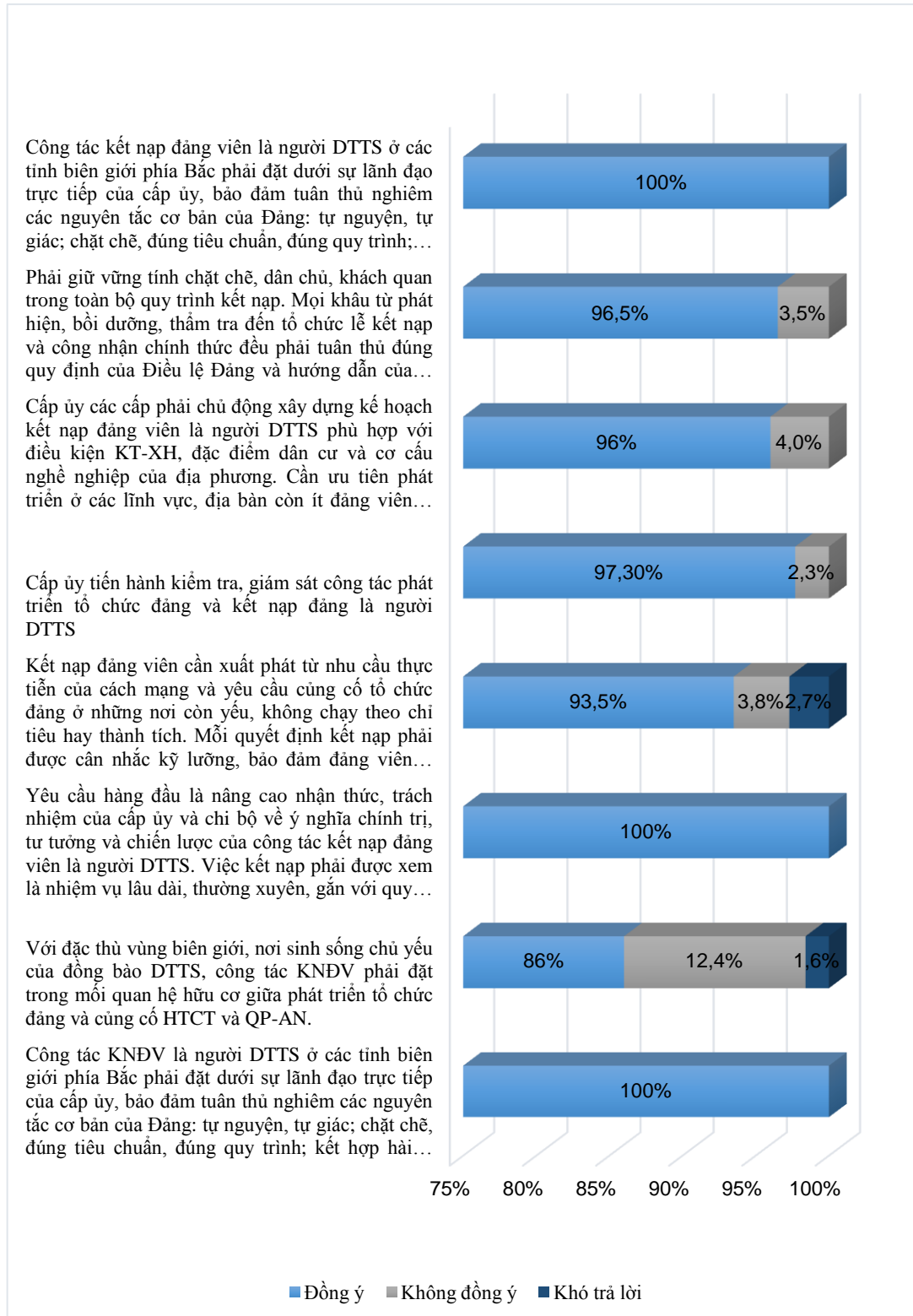
Dữ liệu khảo sát cho thấy đặc điểm cơ bản của đồng bào DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc có tác động trực tiếp đến chất lượng công tác kết nạp đảng viên. Với tỷ lệ 74,4% ý kiến *đồng ý* cho rằng người DTTS sinh sống ở địa bàn phức tạp, hiểm trở, phân tán phản ánh rõ những khó khăn khách quan trong công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo nguồn và bồi dưỡng quần chúng ưu tú, đòi hỏi tổ chức đảng phải có các phương thức tiếp cận linh hoạt, bền vững và phù hợp thực tiễn. Bên cạnh đó, việc 80,3% ý kiến *đồng ý* khẳng định tôn giáo, tín ngưỡng dân gian chi phối mạnh đời sống tinh thần cho thấy yêu cầu phải gắn công tác kết nạp đảng viên với việc tôn trọng, vận dụng khéo léo các giá trị văn hóa truyền thống, tránh áp đặt hành chính. Với tỷ lệ tương đối đồng thuận về bản sắc văn hóa riêng biệt (đạt 99,4%), sinh kế nông nghiệp truyền thống (98,94%) và tinh thần đoàn kết cộng đồng cao chiếm 96% khẳng định đây vừa là thách thức, vừa là nguồn lực quan trọng để xây dựng đội ngũ đảng viên là người DTTS có uy tín, gắn bó với Nhân dân. Việc 99,7% ý kiến nhấn mạnh vai trò của đồng bào DTTS trong bảo vệ chủ quyền biên giới và 85% thừa nhận tác động mạnh mẽ của giao lưu biên giới cho thấy nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên DTTS không chỉ mang ý nghĩa tổ chức mà còn là yêu cầu chiến lược về QP-AN và ổn định chính trị lâu dài.

Câu 3: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về tầm quan trọng của các nội dung công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc?



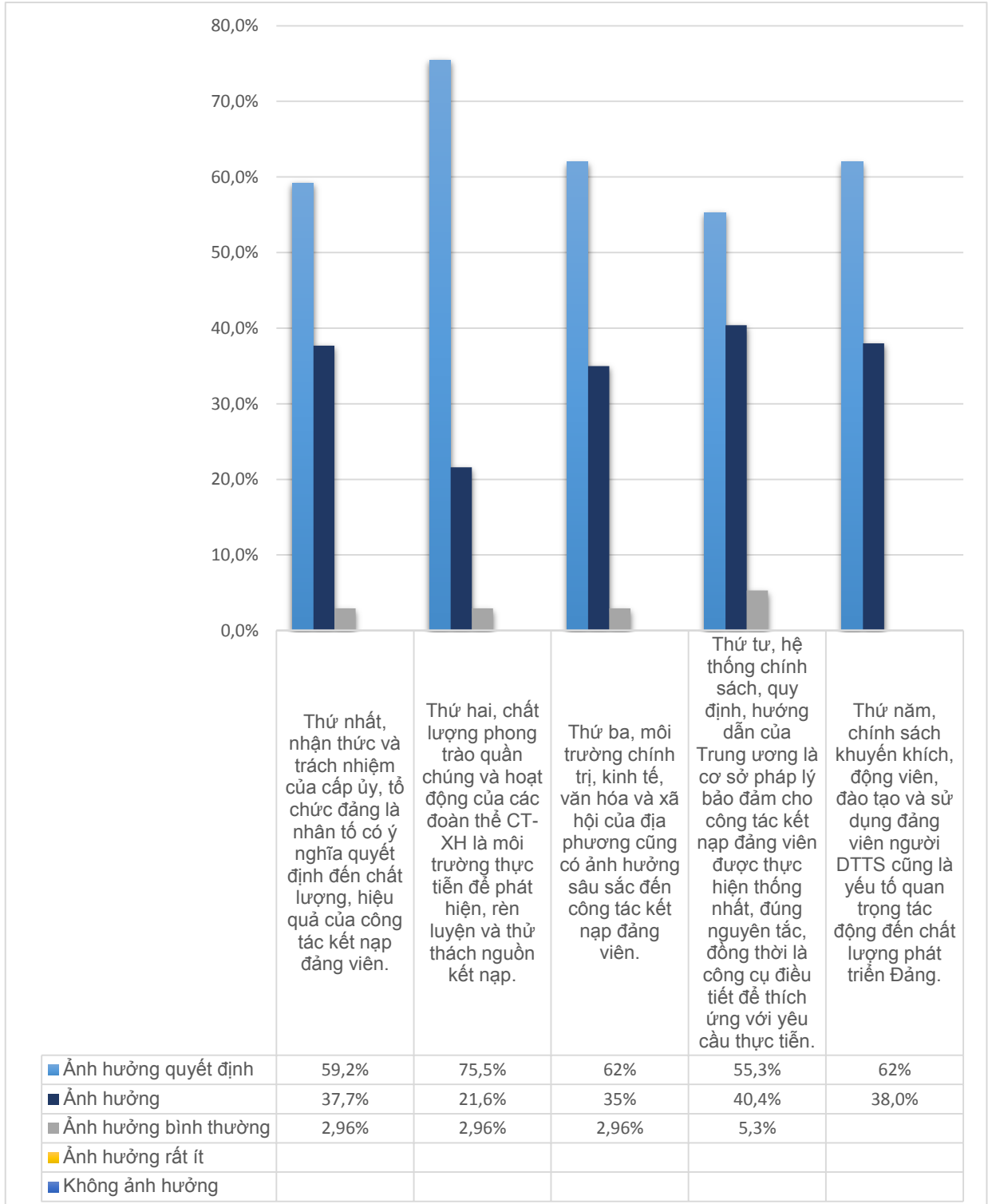
Kết quả khảo sát cho thấy, các nội dung của công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc được đánh giá ở mức *rất quan trọng*, phản ánh nhận thức ngày càng đầy đủ, toàn diện của chủ thể lãnh đạo. Trong đó, công tác tạo nguồn, phát hiện và bồi dưỡng quần chúng ưu tú được 94% ý kiến đánh giá là *rất quan trọng*, giữ vai trò nền tảng, quyết định tính chủ động và bền vững của phát triển Đảng. Công tác xem xét, thẩm tra và kết nạp đảng viên chiếm tới 98,7% ý kiến khẳng định tầm quan trọng rất cao, thể hiện yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn, chất lượng chính trị trong điều kiện địa bàn biên giới nhạy cảm. Có 96,7% ý kiến coi trọng công tác giáo dục, rèn luyện và quản lý đảng viên sau kết nạp, điều này khẳng định đây là khâu then chốt bảo đảm chất lượng, uy tín và vai trò nòng cốt của đảng viên người DTTS trong HTCT ở cơ sở.

Câu 4: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nguyên tắc và yêu cầu đặt ra của công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc?



Từ việc khảo sát thực tế cho thấy, với 371 người được hỏi đều có sự thống nhất rất cao về nguyên tắc và yêu cầu của công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Với 100% ý kiến *đồng ý*, yêu cầu công tác kết nạp đảng viên là người DTTS phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy và trên cơ sở tuân thủ nghiêm các nguyên tắc của Đảng, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, quy trình và hài hòa giữa số lượng, cơ cấu và chất lượng, 86% ý kiến nhấn mạnh yêu cầu gắn kết chặt chẽ giữa phát triển tổ chức đảng với củng cố HTCT ở cơ sở, QP-AN vùng biên giới. Việc không chạy theo chỉ tiêu chiếm 93,5%, tăng cường kiểm tra, giám sát chiếm 97,3% và chủ động xây dựng kế hoạch phù hợp đặc thù địa phương (chiếm 96%) khẳng định tính chặt chẽ, dân chủ, khách quan là yêu cầu xuyên suốt, quyết định chất lượng và tính bền vững của công tác kết nạp đảng viên người DTTS.

Câu 5: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay?

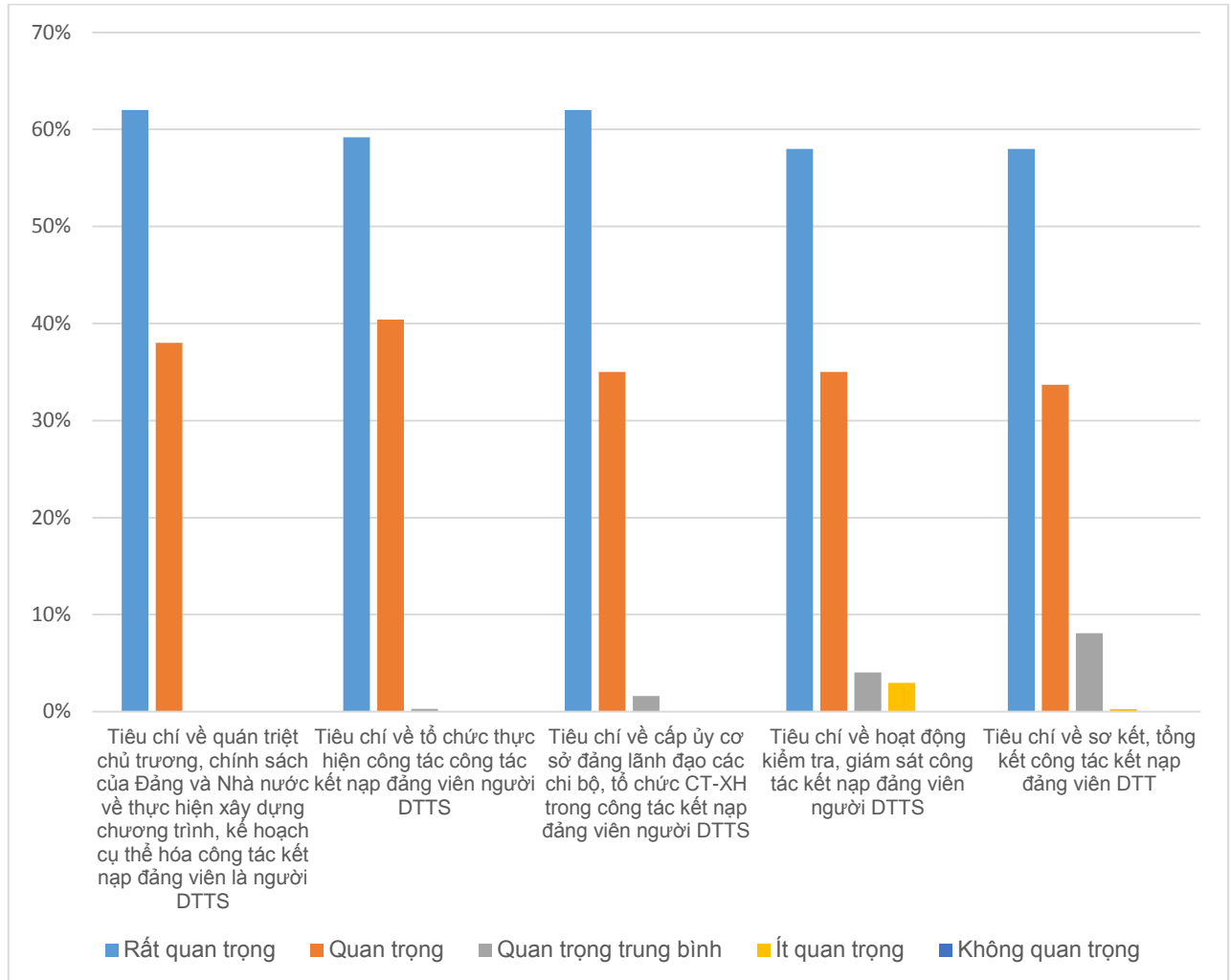


Trên kết quả khảo sát, có thể thấy mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đối với công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc là rất rõ nét và mang tính hệ thống.

Trước hết, nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng đạt 96,9% ý kiến đánh giá từ mức *ảnh hưởng* đến *ảnh hưởng quyết định*, điều này cho thấy đây là nhân tố trung tâm, giữ vai trò chi phối định hướng, phương thức, hiệu quả toàn bộ quá trình kết nạp đảng viên. Chất lượng phong trào quần chúng và hoạt động của các tổ chức CT-XH là môi trường tác động mạnh mẽ nhất, với 75,5% ý kiến xác định có *ảnh hưởng quyết định*, phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa thực tiễn vận động quần chúng và công tác tạo nguồn kết nạp.

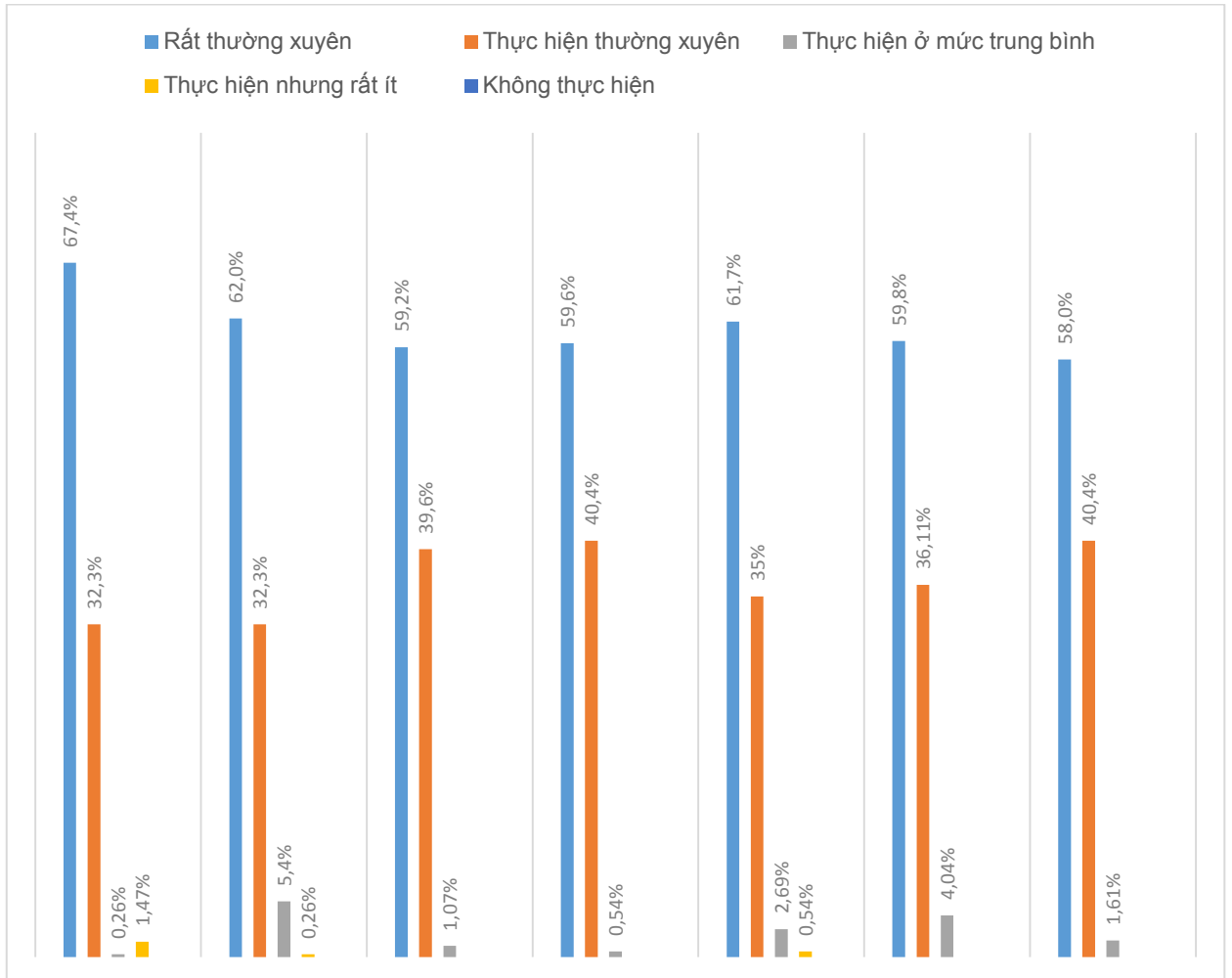
Bên cạnh đó, môi trường chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương và hệ thống chính sách, quy định của Trung ương đều được trên 95% ý kiến khẳng định có *ảnh hưởng quan trọng*, tạo nên khung điều kiện và hành lang pháp lý cho công tác kết nạp đảng viên. Đáng chú ý là chính sách khuyến khích, đào tạo và sử dụng đảng viên là người DTTS được 100% ý kiến đánh giá có tác động mạnh, cho thấy đây là yếu tố then chốt bảo đảm động lực, chất lượng và tính bền vững của kết nạp đảng viên là người DTTS ở vùng biên giới.

Câu 6: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ quan trọng trong các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay?



Bảng số liệu cho thấy các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS đều được nhìn nhận ở mức độ quan trọng cao. Tiêu chí quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa có 230 ý kiến (chiếm 62%) đánh giá *rất quan trọng* và 141 ý kiến (chiếm 38%) đánh giá *quan trọng* thể hiện vai trò định hướng xuyên suốt. Tiêu chí về tổ chức thực hiện, vai trò lãnh đạo của cấp ủy cơ sở cũng được đa số đánh giá từ *quan trọng* trở lên. Tiêu chí kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết có tỷ lệ *rất quan trọng* thấp hơn (chiếm 58%) và tỷ lệ đánh giá ở mức *trung bình*, cho thấy đây là những khâu cần tiếp tục nâng cao nhằm bảo đảm tính chặt chẽ và hiệu quả bền vững của công tác kết nạp đảng viên người DTTS.

Câu 7: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về tổ chức cơ sở đảng nơi đồng chí sinh hoạt đã thực hiện các khâu của công tác cán bộ, công tác đảng viên để nâng cao chất lượng cấp ủy, bí thư cấp ủy và đội ngũ cán bộ, đảng viên như thế nào?



Cấp ủy quan tâm đến việc nâng cao chất lượng cấp ủy, bí thư cấp ủy và đội ngũ cán bộ, đảng viên người DTTS

Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, đảng viên người DTTS được triển khai hiệu quả, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Việc đánh giá, phân loại cán bộ, đảng viên người DTTS được thực hiện minh bạch, công bằng.

Quy trình lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ, bí thư cấp ủy được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng tiêu chuẩn

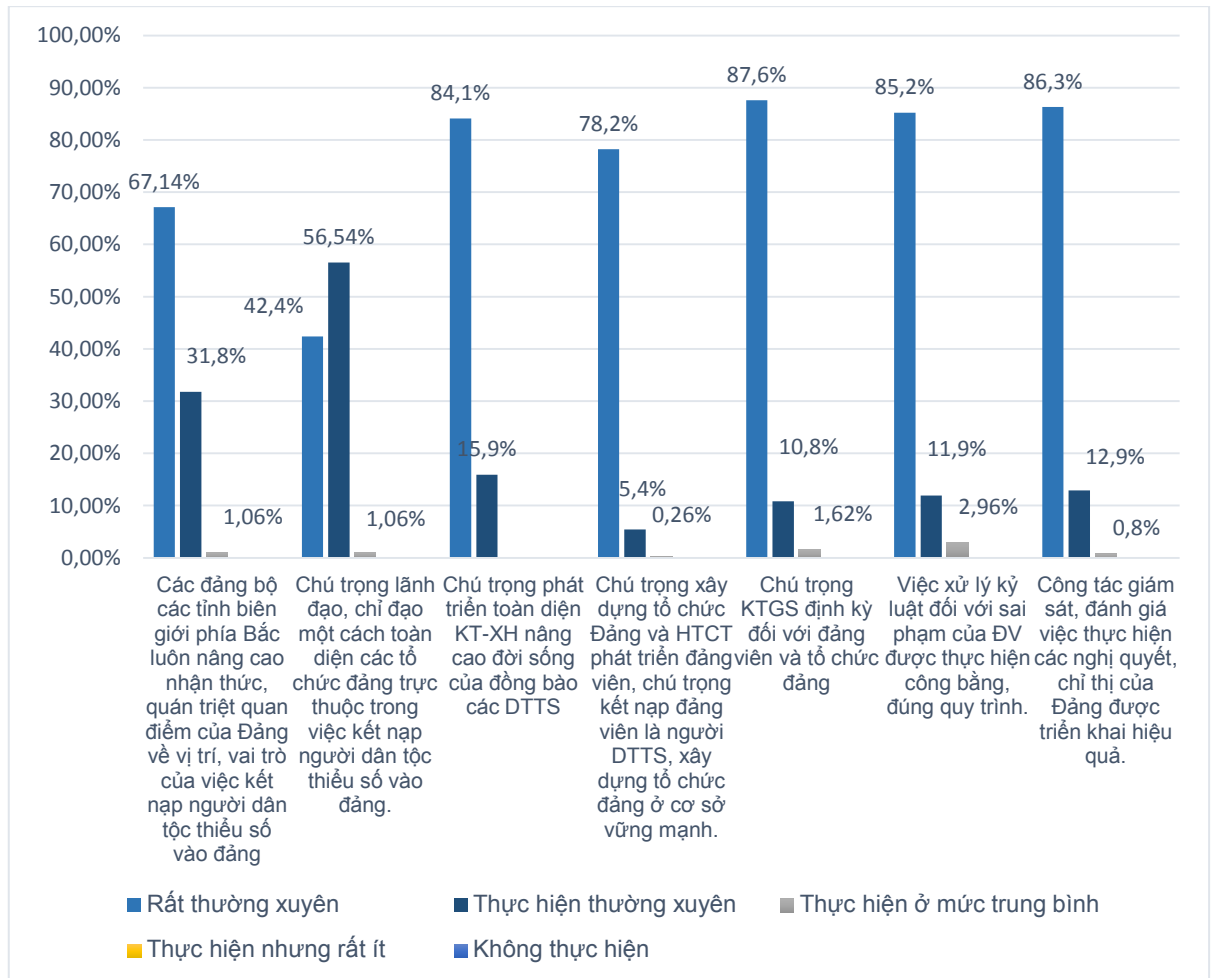
Công tác KTGS đội ngũ cán bộ, đảng viên người DTTS, cấp ủy và bí thư được thực hiện thường xuyên

Cán bộ, đảng viên người DTTS đáp ứng yêu cầu về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và tư cách chính trị

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, ưu tiên nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và đạo đức cho cán bộ, đảng viên người DTTS

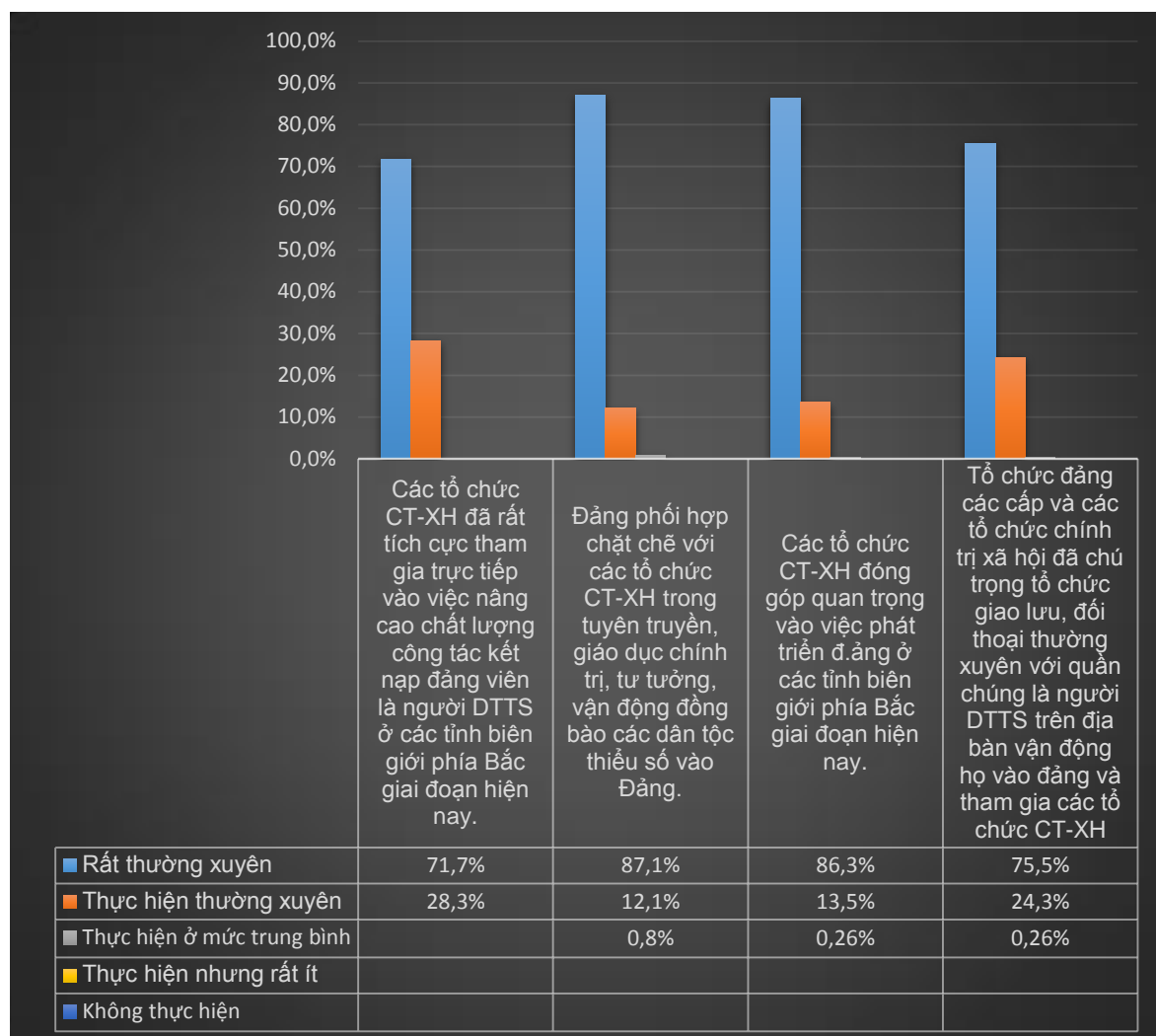
Biểu số liệu đã phản ánh khá toàn diện mức độ quan tâm và chất lượng triển khai công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc. *Trước hết*, việc cấp ủy quan tâm nâng cao chất lượng cấp ủy, bí thư cấp ủy và đội ngũ cán bộ, đảng viên người DTTS được 250 ý kiến (chiếm 67,4%) đánh giá là thực hiện rất thường xuyên và 120 ý kiến (chiếm 32,3%) đánh giá là thường xuyên, cho thấy đây là nội dung được ưu tiên hàng đầu. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên người DTTS có 230 ý kiến (chiếm 62%) đánh giá rất thường xuyên, song vẫn còn 20 ý kiến (chiếm 5,4%) cho rằng chỉ thực hiện ở mức trung bình, phản ánh sự chưa đồng đều giữa các địa phương. Các khâu then chốt như đánh giá, phân loại (59,2% rất thường xuyên; 39,6% thường xuyên) và lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ (tỷ lệ 59,6% *rất thường xuyên*; tỷ lệ 40,4% *thường xuyên*) được triển khai chặt chẽ, đúng tiêu chuẩn. Đồng thời, công tác kiểm tra, giám sát và nâng cao phẩm chất, năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên người DTTS đều đạt trên 95% ý kiến đánh giá *thực hiện thường xuyên* trở lên, khẳng định xu hướng nâng cao chất lượng, kỷ cương trong xây dựng đảng ở vùng biên giới phía Bắc.

Câu 8: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thường xuyên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ tỉnh biên giới phía Bắc đối với công tác kết nạp đảng viên người dân tộc thiểu số giai đoạn hiện nay?



So sánh các nội dung cho thấy mức độ thực hiện đều tập trung chủ yếu ở hai mức *rất thường xuyên* và *thường xuyên*, song có sự khác biệt về trọng tâm chỉ đạo. Các nội dung gắn với kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng có tỷ lệ *rất thường xuyên* cao nhất, như kiểm tra, giám sát định kỳ chiếm 87,6%, giám sát việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị chiếm 86,3% và xử lý kỷ luật đảng viên chiếm 85,2%, phản ánh yêu cầu cao về kỷ cương, kỷ luật. Trong khi đó, nội dung nâng cao nhận thức, quán triệt quan điểm của Đảng đạt 67,14% *rất thường xuyên*, thấp hơn so với các nội dung thực hành cụ thể. Đáng chú ý, phát triển KT-XH nâng cao đời sống đồng bào DTTS đạt 84,1% *rất thường xuyên*, cho thấy sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển đảng viên và phát triển bền vững vùng biên giới.

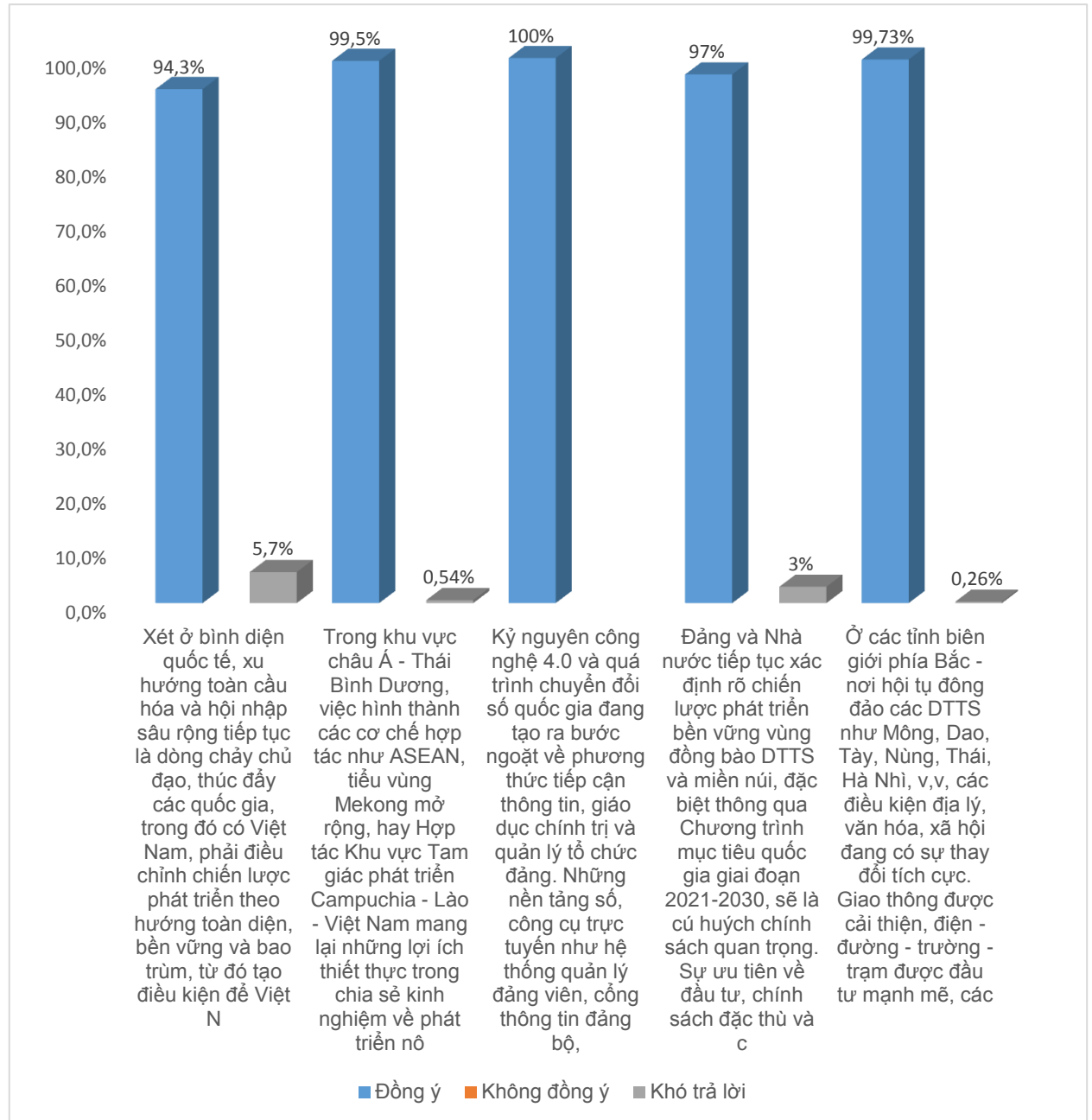
Câu 9: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về công tác phối hợp giữa các tổ chức, các lực lượng ở các tỉnh biên giới phía Bắc trong việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số?



Từ biểu số liệu cho thấy, mức độ tham gia của các tổ chức CT-XH vào nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc có khác nhau theo từng khâu, đều đạt ở mức cao. Tổ chức đảng phối hợp chặt chẽ với các tổ chức CT-XH trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng có tỷ lệ *rất thường xuyên* cao nhất (chiếm 87,1%), vượt trội so với việc các tổ chức CT-XH trực tiếp tham gia

nâng cao chất lượng kết nạp (chiếm 71,7%). Vai trò đóng góp của các tổ chức CT-XH trong kết nạp đảng viên (chiếm 86,3%) cao hơn so với hoạt động giao lưu, đối thoại trực tiếp với quần chúng DTTS (chiếm 75,5%). Việc duy trì hiệu quả các hoạt động phối hợp và tham gia ở tầm định hướng, cần tiếp tục tăng cường các hình thức tiếp cận trực tiếp, đối thoại sâu sát với quần chúng DTTS để nâng cao chất lượng, tính bền vững của công tác kết nạp đảng viên ở biên giới phía Bắc.

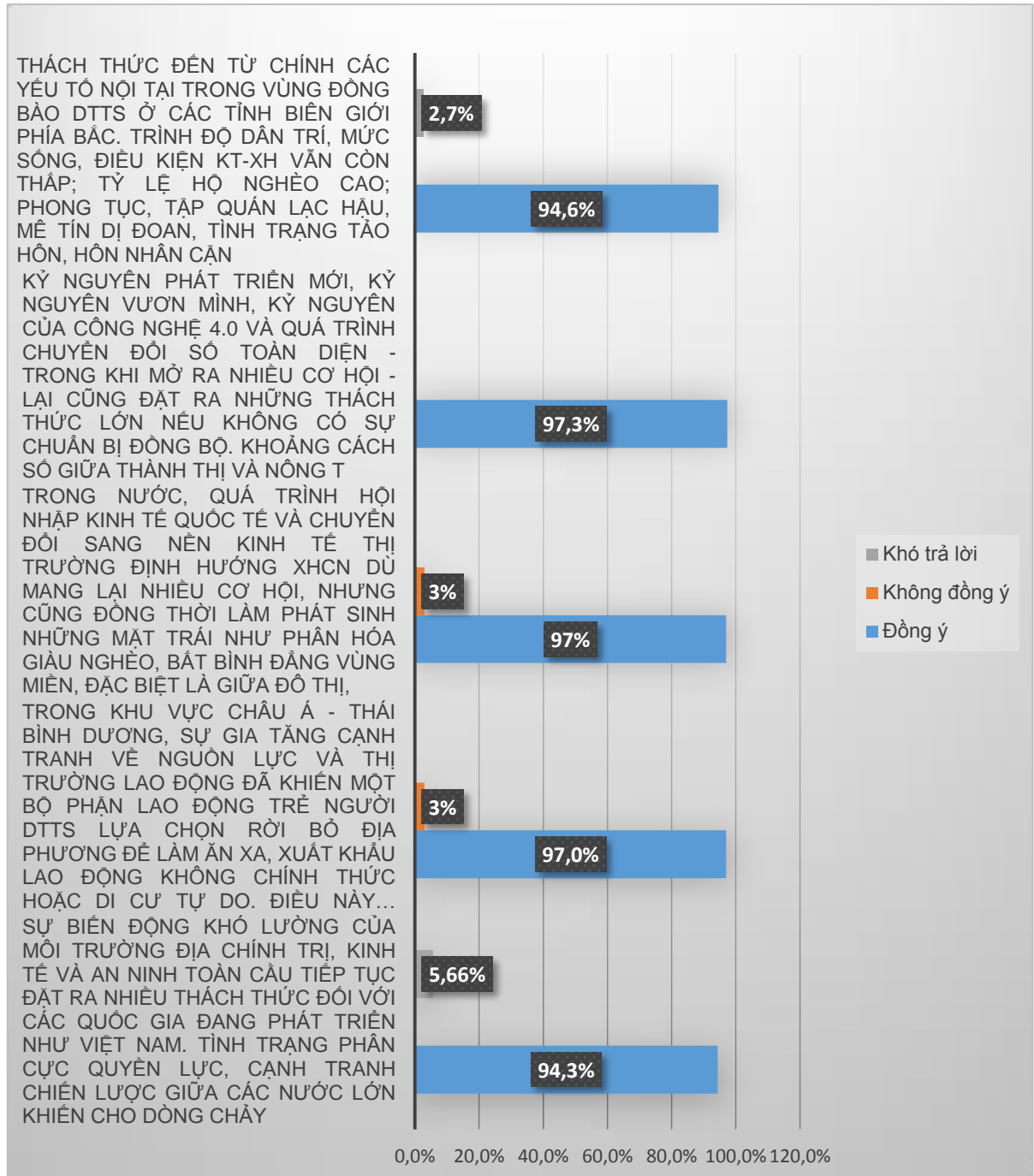
Câu 10: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những yếu tố thuận lợi tác động đến chất lượng công tác kết nạp đảng là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay?



Từ kết quả khảo sát cho thấy, sự đồng thuận rất cao về tác động của các yếu tố bồi cảnh đến chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc song mức độ ảnh hưởng có sự khác biệt tương đối giữa các nhân tố. Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số

được đánh giá cao nhất với 100% ý kiến *đồng ý*, vượt trội so với yếu tố toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế chiếm 94,3%. Điều này phản ánh xu hướng chuyển dịch từ tác động gián tiếp ở tầm chiến lược sang tác động trực tiếp về phương thức lãnh đạo, quản lý và tạo nguồn kết nạp. Tương tự, các cơ chế hợp tác khu vực châu Á - Thái Bình Dương đạt tỷ lệ đồng thuận rất cao chiếm 99,5%, song vẫn thấp hơn đôi chút so với những cải thiện cụ thể về hạ tầng, điều kiện KT-XH tại các tỉnh biên giới phía Bắc chiếm 99,73%, điều này cho thấy yếu tố thực tiễn cơ sở có sức thuyết phục mạnh hơn đối với chất lượng nguồn kết nạp. Nhất là, chính sách phát triển bền vững vùng DTTS giai đoạn 2021 - 2030, chiếm 97% được nhìn nhận như cầu nối giữa định hướng vĩ mô và tác động vi mô, góp phần củng cố niềm tin chính trị và nâng cao tính bền vững của công tác kết nạp đảng viên người DTTS.

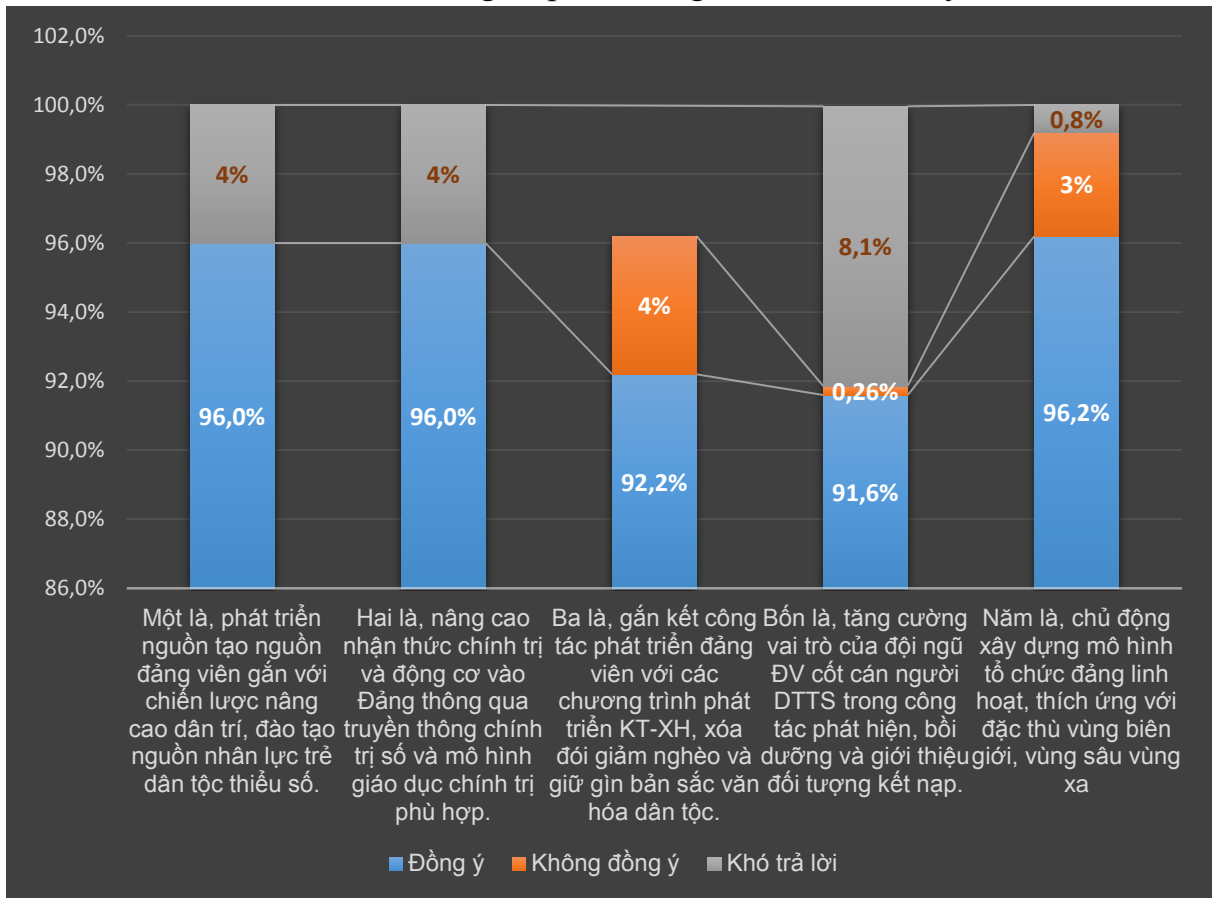
Câu 11: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những yếu tố khó khăn tác động đến chất lượng công tác kết nạp đảng là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay?



Bảng biểu số liệu khảo sát minh chứng sự đồng thuận rất cao về các nhóm thách thức tác động đến chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Các yếu tố bên ngoài như biến động địa

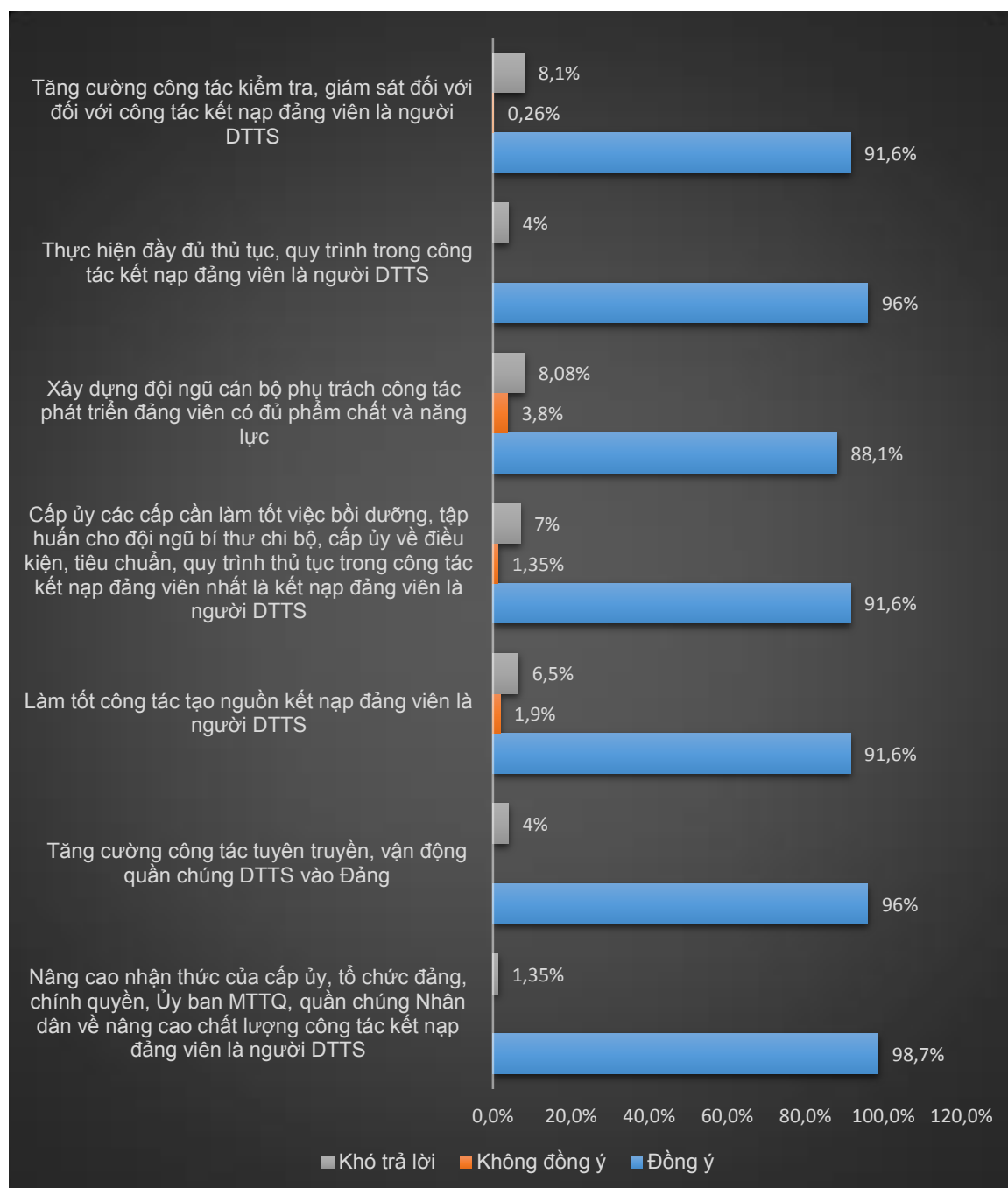
chính trị, kinh tế toàn cầu chiếm 94,3% ý kiến đồng ý, tạo sức ép gián tiếp nhưng lâu dài về nguồn lực cho vùng khó khăn. Trong khi đó, các thách thức trong nước và khu vực, đặc biệt là “chảy máu chất lượng” lao động trẻ DTTS và mặt trái của kinh tế thị trường, chiếm 97% ý kiến đồng thuận, cho thấy tác động trực tiếp, trước mắt đến nguồn tạo đảng viên và niềm tin chính trị ở cơ sở. Khoảng cách số trong bối cảnh chuyển đổi số đạt 97,3% ý kiến xác nhận là thách thức mới, mang tính cấu trúc. Cùng với đó, các hạn chế nội tại của vùng dân tộc thiểu số, chiếm 94,6% tiếp tục là lực cản lâu dài. Sự đan xen các thách thức này đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên người DTTS theo hướng đồng bộ, chủ động và bền vững.

Câu 12: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương hướng, định hướng cụ thể trong việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay?



Số liệu trên phản ánh rõ, hai nội dung có tỷ lệ *đồng ý* đạt 96%, gồm phát triển nguồn kết nạp gắn với nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực trẻ DTTS và nâng cao nhận thức chính trị, động cơ vào Đảng thông qua truyền thông chính trị số, mô hình giáo dục phù hợp. Điều này cho thấy, nhận thức chung coi yếu tố “nguồn” và “nhận thức” là nền tảng quyết định chất lượng kết nạp Đảng trong dài hạn. Nội dung gắn phát triển đảng viên với các chương trình KT-XH, xóa đói giảm nghèo và bảo tồn văn hóa có tỷ lệ *đồng ý* tuy thấp hơn (chiếm 92,2%) nhưng vẫn chiếm ưu thế, khẳng định yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng đảng với phát triển bền vững vùng DTTS. Trong khi đó, vai trò của đảng viên cốt cán là người DTTS có tỷ lệ *đồng ý* với 91,6% và tỷ lệ *khó trả lời* cao nhất chiếm 8,1%, cho thấy đây là khâu then chốt nhưng còn phụ thuộc nhiều vào chất lượng đội ngũ. Định hướng xây dựng mô hình tổ chức đảng linh hoạt nhận được sự đồng thuận rất cao chiếm 96,2%, khẳng định yêu cầu đổi mới tổ chức, phương thức lãnh đạo phù hợp với đặc thù biên giới, vùng sâu, vùng xa, qua đó tạo nền tảng nâng cao chất lượng kết nạp Đảng một cách bền vững.

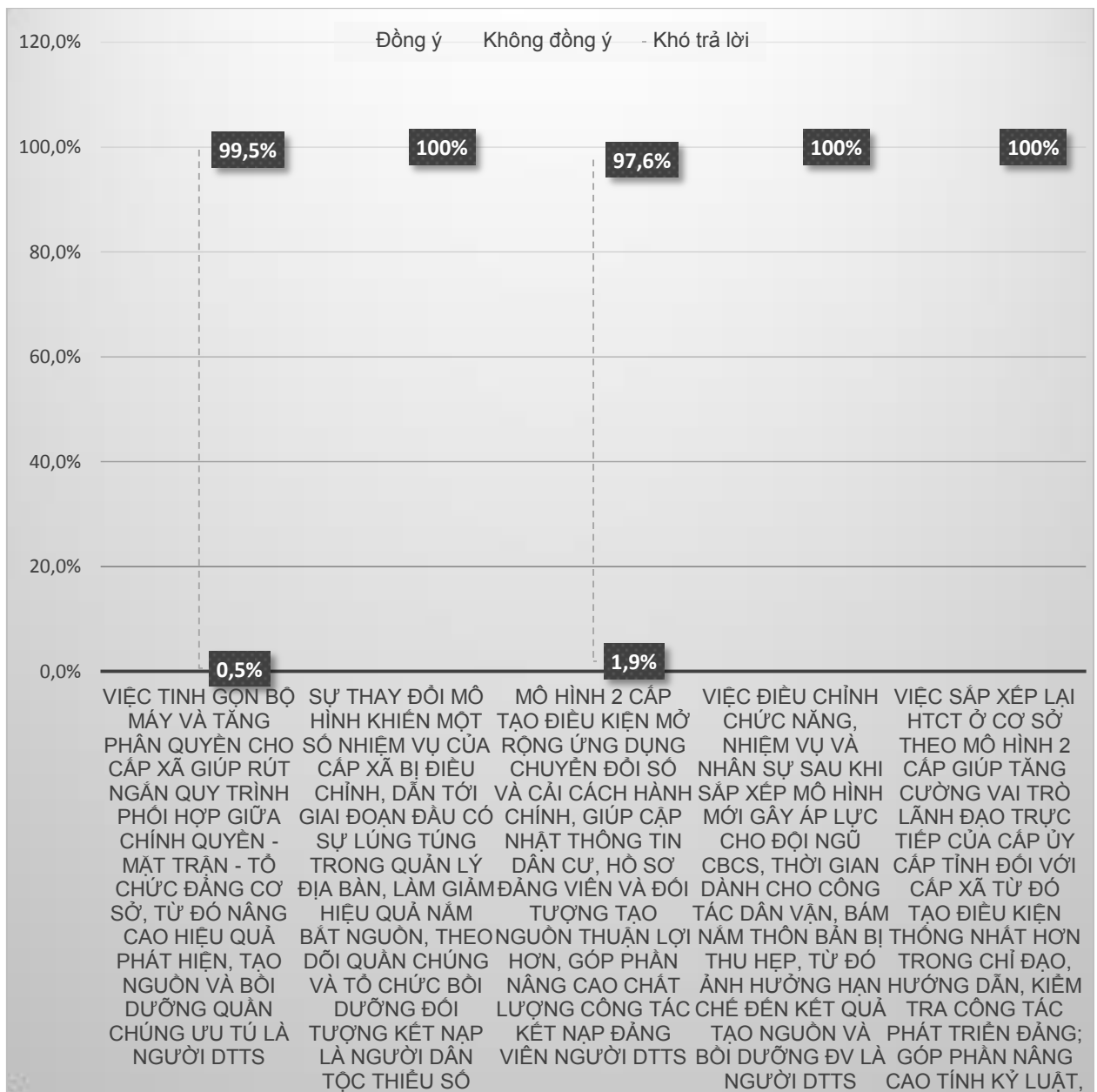
Câu 13: Xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc giai đoạn hiện nay và định hướng giải pháp đến năm 2035?



Kết quả biểu số liệu khảo sát trên cho thấy, mức độ đồng thuận đối với các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS

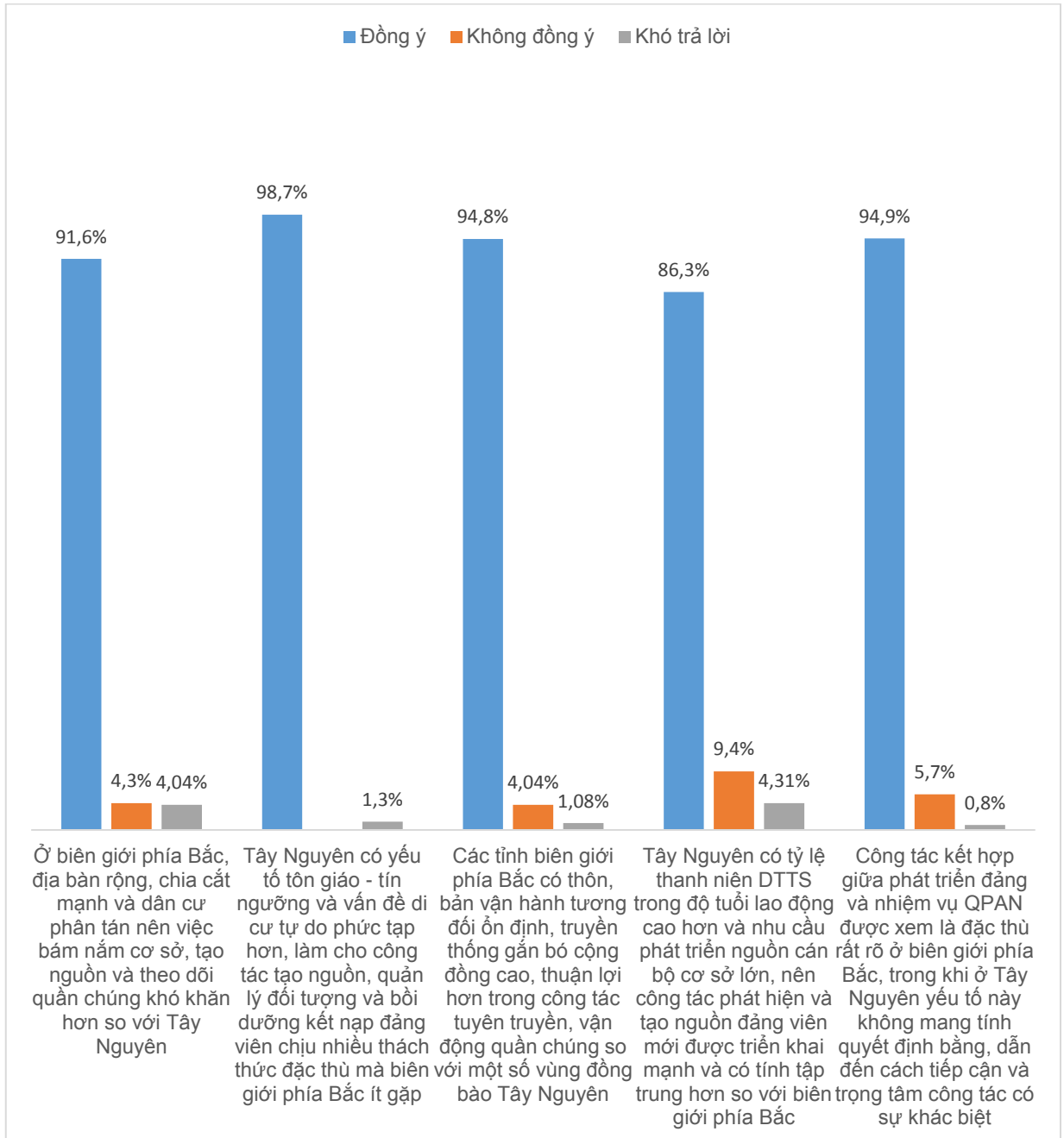
ở các tỉnh biên giới phía Bắc là rất cao, sự khác biệt về tác động giữa các nhóm giải pháp. Nhóm giải pháp về nhận thức và trách nhiệm chính trị nổi bật nhất với chiếm 98,7% ý kiến *đồng ý*, là yếu tố nền tảng, có tác động định hướng và lan tỏa đến toàn bộ quá trình tạo nguồn, bồi dưỡng và kết nạp đảng viên. Các giải pháp mang tính quy trình, nghiệp vụ như: Tuyên truyền, vận động và thực hiện đúng thủ tục chiếm 96% để cho nhưng mang tính hỗ trợ, phụ thuộc vào nhận thức của chủ thể lãnh đạo. Các giải pháp liên quan trực tiếp đến chất lượng đội ngũ thực thi (xây dựng cán bộ phụ trách, bồi dưỡng bí thư chi bộ) có tỷ lệ *đồng ý* thấp hơn (chiếm 88,1%-91,6%) và tỷ lệ phân vân cao hơn, phản ánh đây là khâu khó, tác động chậm nhưng quyết định tính bền vững của chất lượng kết nạp đảng viên người DTTS.

Câu 14: Xin đồng chí hãy cho biết ý kiến của mình về những yếu tố tác động đến chất lượng công tác phát hiện, tạo nguồn, bồi dưỡng và kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương chuyển từ mô hình 3 cấp sang 2 cấp, những thay đổi về phân cấp, phân quyền, tổ chức bộ máy và phương thức quản trị địa phương?



Qua biểu đồ khảo sát cho thấy, mức độ đồng thuận về tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, triển khai mô hình chính quyền hai cấp đối với chất lượng công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc, cả trong ngắn hạn lẫn tầm nhìn dài hạn đến năm 2045. Với 99,5% ý kiến *đồng ý* rằng tinh gọn bộ máy, tăng phân quyền cho cấp xã giúp rút ngắn quy trình phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận và tổ chức đảng ở cơ sở, qua đó nâng cao hiệu quả phát hiện, tạo nguồn và bồi dưỡng quần chúng ưu tú. Sự đồng thuận chiếm 100% đối với nhận định về giai đoạn đầu lúng túng trong quản lý địa bàn và áp lực gia tăng đối với đội ngũ cán bộ cơ sở cho thấy đây là lực cản thực tế, có thể làm suy giảm tạm thời chất lượng tạo nguồn nếu không được khắc phục kịp thời. Tỷ lệ *đồng ý* rất cao 97,6% đối với vai trò của chuyển đổi số và 100% tăng cường lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy cấp tỉnh khẳng định về lâu dài, mô hình mới tạo nền tảng quan trọng để nâng cao tính kỷ luật, thống nhất chỉ đạo và chất lượng kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc một cách bền vững.

Câu 15: Xin đồng chí hãy cho biết ý kiến của mình về những điểm khác biệt cơ bản trong công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới phía Bắc so với công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số ở các tỉnh khu vực Tây Nguyên?



Biểu số liệu khảo sát cho thấy, những khác biệt cơ bản giữa công tác kết nạp đảng viên là người DTTS ở các tỉnh biên giới phía Bắc và khu vực

Tây Nguyên, phản ánh rõ đặc điểm không gian địa lý, xã hội và yêu cầu chính trị - an ninh của từng vùng.

Ở các tỉnh biên giới phía Bắc với đặc điểm địa bàn rộng, chia cắt mạnh, dân cư phân tán với 371 phiếu hỏi có 91,6% ý kiến *đồng ý*, điều này cho thấy khó khăn nổi bật trong bám nắm cơ sở, tạo nguồn và theo dõi quần chúng, cao hơn rõ rệt so với Tây Nguyên. Yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng và di cư tự do ở Tây Nguyên có 98,7% ý kiến *đồng ý* xác nhận là thách thức đặc thù, tạo áp lực lớn đối với công tác quản lý đối tượng và bồi dưỡng kết nạp, trong khi các tỉnh biên giới phía Bắc ít gặp hơn.

Có 94,8% ý kiến cho rằng thôn, bản ở biên giới phía Bắc có tính ổn định và gắn kết cộng đồng cao hơn, qua đó thuận lợi cho tuyên truyền, vận động quần chúng, khác với một số địa bàn Tây Nguyên còn biến động dân cư. Tuy nhiên, Tây Nguyên lại có lợi thế tương đối về cơ cấu dân số trẻ DTTS, với 86,3% ý kiến *đồng ý* rằng công tác tạo nguồn được triển khai tập trung và mạnh hơn. Yếu tố kết hợp giữa kết nạp đảng viên và nhiệm vụ QP-AN chiếm 94,9% ý kiến khẳng định là nét đặc thù nổi trội của biên giới phía Bắc, tạo nên cách tiếp cận và trọng tâm công tác khác biệt căn bản so với Tây Nguyên.